

NHỮNG TÁC PHẨM KINH ĐIỂN THẾ GIỚI

A. Daudet

Truyện ngắn chọn lọc

Những vì sao



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

TÁC PHẨM KINH ĐIỂN THẾ GIỚI
A.DAUDET

NHỮNG VÌ SAO

TRẦN VIỆT và ANH VŨ
dịch

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI GIỚI THIỆU

Nói đến văn học Pháp thế kỷ XIX, bên cạnh những nhà văn kiệt xuất đã làm rạng rỡ cho lịch sử văn học nước Pháp: V.Huygô, H.Xtandan, H.D.Banzác, G.Flôber, P.Mêrimê phải kể đến những cây bút ưu tú ở nửa thế kỷ XIX, trong đó có Anphông Đôđê, người thầy đáng kính phục về sự rung cảm, duyên dáng và trào lộng như nhà thơ F.Côppê nhận xét.

Đúng như vậy, ở Anphông Đôđê, đó chính là những đặc tính nổi bật trên những bức tranh hiện thực mà nhà văn đã tạo nên, những đặc tính hình thành một cách tự nhiên khi nhà văn biết nhìn thẳng vào cuộc sống. Sẻkhốp, người viết truyện ngắn đầy tài năng của nước Nga và thế giới đã chẳng từng đánh giá thật chí lý rằng: Cuộc sống, chính cuộc sống lúc thì có tính cách anh hùng, lúc lại bình thường hằng ngày nhưng bao giờ cũng là những biểu hiện có nhiều cá tính nhất đang nhìn chúng ta từ mỗi trang truyện ngắn của Đôđê! Nói một cách khác, mỗi trang truyện ngắn của Đôđê là một cánh cửa sổ mở ra với cuộc đời nhưng không phải là cuộc đời của vàng son ngự trị mà là của lớp bình dân. Ông

đã nhìn cuộc đời ấy bằng tất cả sức mạnh của một tâm hồn giàu tính nhân văn chủ nghĩa. Phải chăng chính vì lẽ đó mà ông đã có được các biệt tài “làm rung động lòng người” như Anatôn Frăngxơ⁽¹⁾ ca ngợi và Emin Zôla⁽²⁾ khẳng định “Lòng yêu thương những con người bình thường, đó sẽ là cái giá trị vĩnh cửu xứng đáng của Đôđê”.

*

* *

Anphông Đôđê sinh ngày 13 tháng 5 năm 1840 tại Nim, thuộc miền Nam nước Pháp, trong một gia đình không lấy gì làm dư dật. Bố ông làm nghề dệt và buôn bán tơ lụa. Chẳng may bị thua lỗ, gia đình phải rời Nim, về sống ở Lyông. Tại đây, cậu bé Đôđê được cấp sách đến trường. Đó là một học sinh thông minh nhưng khá “kỳ cục” mà đi chơi thuyền trên sông Xôn* và ham đọc sách. Mười lăm tuổi, Đôđê làm thơ và viết một cuốn tiểu thuyết nhưng không in. Cậu thiếu niên mảnh dẻ thích cái nắng vàng rực rỡ của phương nam, nghe tiếng thông reo ào ào gió biển, ngắm những đàn cừu về trại và tiếp xúc với những con người bình dị. Phải chăng cảnh vật ấy đã làm nảy sinh

⁽¹⁾ Anatôn Frăngxơ (Anatote France 1844-1924) nhà văn nổi tiếng đương thời với Đôđê

⁽²⁾ Emin Zôla (Emile Zola 1840-1902), nhà văn hiện thực lớn của nước Pháp cuối thế kỷ 19

* Xôn (sông Saône), một con sông Pháp bắt nguồn từ những dãy núi Vônxiơ (Vosge) và đổ vào sông Rôn ở Lyông (thành phố đông dân thứ ba của nước Pháp)

những rung động trong tâm hồn cậu bé hay từ những rung động của một tâm hồn đa cảm bẩm sinh mà đi vào cảnh vật! Hoàn cảnh gia đình ngày càng sa sút. Trước con mắt trẻ trung yêu mến đến đắm say những con người và cảnh vật như thế lại thể hiện lên bộ mặt khắc khổ của cuộc sống. Để có thể tiếp tục học, cậu thiếu niên mười sáu tuổi đời phải nhận làm chân giám thị cho trường thị trấn Alex. Tại đây cậu đã phải chịu một năm trời cực nhọc nhất trong suốt cuộc đời của mình: Nó để lại cho Đôđê những ấn tượng mà sau này ông làm nó sống lại trong tác phẩm *Chú nhóc* (Le Petit Chose) nổi tiếng của ông.

Cuối năm 1857 vừa tròn tuổi mười bảy, được người anh lớn giúp đỡ, Đôđê thoát khỏi cái nghề đau khổ ấy và lên ở Pari, bước vào cửa ngõ của sự nghiệp văn chương. Ngay năm sau (1858), một tập thơ nhỏ *Tình nương* (Amoureuses) lần đầu tiên được xuất bản. Tập thơ ra đời, ông lập tức được mọi người biết đến. Tờ Figarô Vinmétxăng, giành cho thơ ông nhiều cột. Tiếp đến một tập thơ thứ hai ra mắt bạn đọc Pháp “tươi mát như một bó hoa lila”. Nhiều tờ báo khác nữa mời ông cộng tác. Nữ hoàng Ôgiêni giúp ông tiếp xúc với công tước chủ tịch lập nghị Đơ Mocni và làm thư ký riêng cho ông ta trong năm năm liền. Thời gian này, thỉnh thoảng ông có được những cuộc ngao du qua đảo Coócxơ, Xắcđenhơ, về quê ở Prôvăngxơ và sang Angiêri (lúc này còn là một thuộc địa của Pháp). Những cuộc du ngoạn này đem lại cho ông những truyện ngắn đầy sức sống mà ông đã viết bằng tất cả sự rung cảm của tâm hồn. Sinh hoạt vật chất khá giả hơn, ông bước sang lĩnh vực sân khấu, cho ra ba vở kịch đầu tiên: *Thần tượng cuối cùng* (1862), *Những*

người vắng mặt (1863) và Hoa cầm chướng trắng (1864). Nhưng thực ra, thời gian này ông đang tập trung vào tập truyện ngắn mà sự ra đời của nó quyết định vị trí vững vàng và làm cho tên tuổi ông nổi tiếng trên văn đàn nước Pháp. Đó là tập *Những lá thư từ cối xay gió của tôi* được đánh giá như một “đồng văn xuôi mọc cánh” trong đó có những truyện viết đẹp như thơ. Thời kỳ tập vượt trong sự nghiệp văn chương chấm dứt sau khi công tước Mocni qua đời năm 1865; Đôđê được “giải phóng” khỏi sự ràng buộc của chức vụ, chuyển hoàn toàn vào sáng tác. Tháng Giêng năm 1867, Đôđê cưới Juylia Alar (Julia Allard) làm vợ. Đây cũng là một sự kiện đáng ghi nhớ không phải chỉ trong cuộc đời riêng mà trong cuộc đời văn nghiệp của Đôđê. Đó là một người đàn bà thủy chung, vừa là vợ hiền, vừa là người cộng tác hàng ngày, cùng làm nên tác phẩm. Chính Đôđê đã ca ngợi công sức của người phụ nữ đáng mến phục này rằng: “Không một trang nào tôi viết mà nàng không xem lại, sửa chữa. Không một trang nào mà nàng không rắc vào đó chút phấn mịn màng màu xanh dịu và óng ánh của nàng”^{*}.

Tập truyện ngắn nổi tiếng nói trên là công trình đầu tiên của mối tình đẹp ấy. Nó chứa đựng những mầm mống của một bộ ba tiểu thuyết bất hủ mà nhà văn sẽ dành cho quê hương Prôvăngxơ yêu dấu của mình: *Táctaranh xứ Taraxcôg*, *Táctaranh trên núi Alơ*, *Cảng Taraxcôg*. Bộ ba tiểu thuyết ấy lồng lộng những áng văn trào phúng, chế giễu cái xã hội bon chen danh lợi qua một nhân vật trung

^{*} Nguyên văn: “Pas une page qu'elle n'a't revu, retouchée, cù elle n'ait jeté un peu de sa belle poudre azur et or”.

tâm, một anh chàng khoác lác. Bộ ba tiểu thuyết ấy cùng với tập *Những lá thư viết từ cối xay gió của tôi và Truyện kể ngày thứ hai* hợp thành một bộ phận vững bền và xuất sắc nhất trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn.

Năm 1884, Đôđê bắt đầu thấy sức khoẻ giảm sút vì một chứng bệnh sẽ tàn hại ông trong suốt mười ba năm còn lại. Lúc này, ông mới 44 tuổi. Ông vẫn viết không mệt mỏi. Cái ung nhọt nhức nhối của nền cộng hoà tư sản cũng đau đớn như cái đau đớn của nền Đế chế thứ hai, như cái đau đớn của căn bệnh đang dẫn ông tới nấm mồ. Tiểu thuyết *Xaphô* ra đời ngay trong năm đầu mắc bệnh, vạch trần cuộc sống xa hoa, đồi trụy của tầng lớp giàu sang, tiếp đến *Người bất tử* (1887) đả kích bọn bịp bợm trong giới văn học Viện hàn lâm nấp sau những lời lẽ giả tạo phục vụ cho những lý tưởng cao siêu, nó bộc lộ khá rõ cái lợm giọng của tác giả trước một thực tại xã hội thối nát đến thế nào. Cũng ở thời kỳ này, Đôđê hoàn thành những cuốn cuối cùng trong bộ ba tiểu thuyết: *"Táctaranh trên núi Alpo"* và *"Cảng Taraxông"*. Ông trở lại những đề tài dân gian như đã viết trong tập *"Những lá thư viết từ cối xay gió của tôi"* cùng với chuyện *"Người đẹp Nivécne"*, ông viết một câu chuyện thần thoại chế giễu nhà thờ *"Giác giai lọt vào Nhà Trời"* ông còn viết một số hồi ký kể lại những hồi ức của một nhà văn, cuốn *Ba mươi năm ở Pari* và *"Trụ cột gia đình"*, cuốn cuối cùng.

Trên chặng đường chót này của cuộc đời, ông đã có dịp xem xét lại những quan điểm của mình trước những hiện tượng xã hội đã diễn ra ngoài nhận thức xưa nay của ông.

Ông càng cảm thông với những lớp người cực khổ, cần cù và chất phác, ông công khai tỏ lòng mến yêu và trân trọng đối với nhà văn là chiến sĩ Công xã: Juylo Valex⁽¹⁾, người đã từng nhấn mạnh “nhiệm vụ văn học là lột trần mặt nạ của xã hội tư sản”. Anphông Đôđê, trái tim rung động và nhiệt tình ấy ngừng đập năm ông 57 tuổi tại Pari.

*

*

*

NHỮNG VÌ SAO^(*)

Tập truyện ngắn này mang cái tên chung lấy trong một truyện mà bất cứ ai đã đọc Đôđê đều không bao giờ quên được. Nó gồm những truyện rút từ các tác phẩm đã cấu thành phần di sản tốt đẹp nhất của nhà văn: *Những lá thư viết từ cối xay gió của tôi*; *Truyện kể ngày thứ hai*; *Thư gửi người vắng mặt*; *Người đẹp Nivécne*.

Tài năng của Anphông Đôđê đã được thể hiện khá đầy đủ trong tập truyện ngắn chọn lọc này. Mỗi truyện là một bức tranh sinh động về một cuộc sống thực ở những góc cạnh khác nhau, được miêu tả bằng những lời lẽ dịu dàng, lắng đọng, khi cất cánh bay bổng, khi quất những đòn chính xác, khi lại chan hoà những nụ cười hóm hỉnh. Nhiều nhà

⁽¹⁾ Juylo Valex: Nhà văn cách mạng Pháp (1832-1885), người chiến sĩ nhiệt thành, tham gia chiến đấu dưới lá cờ của Công xã Pari năm 1871.

^(*) *Những vì sao*: nguyên văn là “Les étoiles” trong tập *Lettres de mon moulin* (Thư viết từ cối xay gió của tôi)

phê bình coi ông là người kế tục sự nghiệp của Xtandan và Banzắc mặc dầu ông nói: "Tôi viết theo tự nhiên" nhưng trong thực tế sáng tác, ông không đi theo chủ nghĩa tự nhiên của nhóm Gôngcua hay sa vào chủ nghĩa hình thức của trường phái Pácnatx. Đôđê không sao chép thực tế mà phản ánh thực tế một cách sáng tạo bằng một quá trình tích lũy và quan sát. Có người hỏi Đôđê về bút pháp, ông trả lời khiêm tốn: "Tôi không có phong cách. Những người con của bên kia sông Loa chẳng biết viết văn xuôi Pháp đâu". Một lần khác, ông nói về cái gọi là "theo tự nhiên" của ông: "Tôi không có cách nào khác. Cũng giống như các họa sĩ giữ gìn cẩn thận tập lưu trữ những phác họa mà mình đã ghi lại thật nhanh hình dạng, điệu bộ, một nét vất tắt, một cử động của đối tượng, tôi đã sưu tập, ghi lại suốt ba mươi năm nay vào rất nhiều cuốn sổ tay nhận xét, những ý nghĩ cô đọng có thể giúp tôi nhớ lại để mở rộng, phát triển vì sự cân đối của một tác phẩm quan trọng sau này". Sự quan sát tinh tế ấy kết hợp với tính nhạy cảm và một bút pháp độc đáo đã đem lại cho Đôđê những tác phẩm có chiều sâu và tầm khái quát nghệ thuật rộng lớn.

Anphông Đôđê đã yên nghỉ dưới sương mù của thành phố Pari nhưng những trang sách của ông vẫn rạng rỡ ánh nắng vĩnh cửu của quê hương Prôvăngx, nơi từng là ngọn nguồn cảm hứng cho một sự nghiệp văn chương.

Nhu cầu tìm đọc hiện nay rộng lớn hơn trước. Nhằm đáp ứng nhu cầu đó của bạn đọc cả nước, và để giới thiệu tương đối đầy đủ những tác phẩm nổi tiếng nhất của A.Đôđê, trước hết là những truyện ngắn và truyện vừa,

chúng tôi đã tham khảo những truyện dịch trước và những truyện nắn chọn lọc của Đôđê xuất bản ở Liên Xô, chọn và dịch thành tập truyện này với hy vọng góp phần cùng bạn đọc tìm hiểu thêm một cây bút có biệt tài trong thể loại truyện ngắn

TRẦN VIỆT

THƯ GỬI TỪ CỐI XAY GIÓ CỦA TÔI

DỌN ĐẾN NHÀ MỚI.

Bầy thỏ quả là đã sừng sốt!... bấy lâu nay thấy cổng cối xay đóng im ỉm, cỏ mọc lấn chân tường và nền nhà, thỏ ta cứ ngỡ cái giống người xay bột thế là đã tuyệt diệt, chẳng còn ai. Và, thấy được chỗ tốt, chúng bèn biến nó thành một đại bản doanh, một trung tâm hoạt động chiến lược: Cái cối xay Jemmáp⁽¹⁾ của bầy thỏ... Đêm đầu tôi đến đây, thật chẳng dám nói ngoa, có tới hai chục chú thỏ ngồi quây tròn trên nền nhà xay đang đuổi cảnng sười ánh trăng lọt vào... Cánh cửa trên mái vừa hé mở thì frụt! đám quân đồn trú tán loạn và cả một bầy mông nhỏ trắng phơ ra cong đuôi chạy

⁽¹⁾ *Jemmáp* (Jemmapes): Trận tướng Pháp Đuymuriêz (Dumouriez) đánh thắng quân Áo tháng 12-1792 tại Jemmáp, một thành phố của nước Bỉ.

biến vào bụi rậm. Tôi rất mong chúng quay lại. Có một gã cũng hết sức sững sờ, đó là gã ở thuê trên tầng thứ nhất, một con cú già hiểm độc, đầu cúi xuống, trầm tư như một nhà tư tưởng đã thường trú tại chiếc cối xay này hơn hai chục năm nay. Tôi đã bắt gặp gã trong căn buồng trên gác; gã đứng không nhúc nhích, sừng sững trên trục cái cối xay, giữa đồng gạch ngói tả tơi rơi rụng xuống. Gã tròn mắt ngắm tôi một lát rồi hốt hoảng vì không nhận ra tôi là ai, gã cất tiếng kêu: "Hu! Hu!" và uể oải giữ đôi cánh xám bụi. Những nhà tư tưởng kỳ quái, có bao giờ họ chải chuốt!... Cũng chẳng sao! Với cái dáng điệu như vậy, với cặp mắt nhấp nháy và bộ mặt khó đăm đăm, gã ở thuê lầu lị này lại làm tôi ưa hơn ai khác và tôi vội gia hạn hợp đồng thuê nhà cho gã. Gã lại giữ nguyên như cũ cả cái tầng trên chiếc cối xay có lối thông ra mái, còn tôi thì giành cho mình tầng dưới, trong một căn buồng hẹp quét vôi trắng, thấp và xây vòng cuốn như nhà ăn tu viện.

Chính từ chỗ này đây mà tôi viết thư cho bạn, cánh cửa lớn mở toang đón ánh mặt trời ấm áp. Một khu rừng thông xinh đẹp chói chang ánh sáng chạy thoải thoải trước mặt tôi đến tận chân đồi. Phía chân trời in hình những đỉnh nhọn dãy Alpi^(*)... không một tiếng động... Xa xa văng vẳng tiếng sáo, tiếng chim mỏ nhát^(**) trong bụi oải hương, tiếng nhạc trên đường cái quan... tất cả cảnh vật nên thơ xứ Provăngxơ này chỉ sống nhờ ánh sáng.

^(*) Anpi (Alpilles) dãy núi nhỏ ở giữa hai con sông Rôn và Đuyvăng trong miền Nam nước Pháp.

^(**) Chim mỏ nhát (Courlis) thuộc loại sếu, cổ dài, lông xám nhạt điểm chấm nâu, có tiếng kêu như tiếng sáo.

Bạn tính, như vậy thì giờ đây tôi luyện tiếc được cái thành phố Pari âm ỉ và tối tăm? Tôi mới thật dễ chịu trong chiếc cối xay của tôi chứ! Thật là tuyệt, cái nôi mà tôi hằng tìm kiếm: Một góc nhỏ không gian ngào ngạt hương thơm và ấm áp, cách xa hàng ngàn dặm với báo chí, với ngựa xe, với sương mù... Và còn biết bao cái tốt đẹp ở quanh tôi! Mới đến đây chưa đầy tám ngày mà đầu óc tôi đã chan chứa cảm xúc và những điều ghi nhớ mãi. Này nhé! Vừa chiều hôm qua thôi, tôi đã chứng kiến cảnh đàn gia súc trở về một trang trại dưới chân đèo và xin thẻ với bạn rằng tôi không đòi nào chịu đem cảnh tượng này đổi lấy tất cả những buổi trình diễn lần đầu, những vở mới trong tuần ở các rạp hát Pari đâu. Bạn cứ thử ngắm mà xem.

Cần phải nói với bạn rằng, ở xứ Prôvăngxơ, thường cứ đến mùa nóng là người ta lừa súc vật lên núi Alpơ. Vật và người sống giữa trời, cỏ ngập đến tận bụng, suốt năm sáu tháng liền trên vùng cao, rồi vừa gọn heo may đầu thu là người ta xuống núi trở lại các trang trại và bầy súc vật lại quay về gặm cỏ thành thoi trên những trái đồi màu xám sục nức hương mê điệt... Thế là chiều qua đàn cừu đã trở về. Từ sáng sớm, cổng trang trại đã mở toang hai cánh đón chờ, chuồng nào chuồng nấy ấm áp thơm tươi. Chốc chốc người ta lại kháo nhau: "Lúc này họ đã tới Âyghie⁽¹⁾, lúc này họ đã ở Paradu⁽²⁾." Rồi thỉnh thoảng, vào buổi chiều, vang lên một tiếng reo to: "Họ kia rồi!" và từ xa, chúng tôi thấy đàn cừu tiến lại trong đám bụi mù rạng rỡ. Cả con đường cái quan tưởng như cũng rình rịch theo bước đi của chúng... Đi đâu

⁽¹⁾ Âyghie (Eyguières): Tên một thành phố nhỏ dưới chân dãy Anpi.

⁽²⁾ Paradu (Paradou): Tên một khu vực quen thuộc trong toàn xứ Prôvăngxơ (theo nghĩa đen Paradu có nghĩa là máy ép, đập vải da).

là những con cừu đực già, sừng giương ra phía trước, vẻ hoang dã; đằng sau chúng là đồng đảo họ nhà cừu, những cừu mẹ dáng hơi mệt nhọc, cừu con chạy quần dưới chân, những con la cái cài hoa bông đỏ đung đưa theo nhịp bước những chiếc giỏ đựng các chú cừu non mới đẻ, rồi đến những con chó đằm mồ hôi, lưỡi thè lè sát đất và sau cùng là hai ông mãnh chân cừu lực lưỡng trùm chiếc áo khoác bằng len thô màu đỏ hoe⁽¹⁾ dài chấm gót như chiếc áo thụng.

Tất cả cùng tung bùng đi qua mặt chúng tôi rồi chìm ngập vào trong cổng lớn, sầm sập như trời đổ mưa rào... Hãy xem cảnh trang trại xốn xang đến thế nào. Những con công lớn màu xanh lam và vàng óng, mào như vải lưới, đậu ngất ngêu trên cây sào cao nhận ra những kẻ mới trở về và cất lên tiếng kèn chào rầm rĩ. Nhà gà đang ngủ gật nảy mình thức giấc. Hết thấy đều bật dậy: nào chim câu, nào vịt, nào gà tây, gà Nhật bản. Cả đàn gia cầm như hoá rồ hoá dại; đám gà mái bần nhau thức thâu đêm!... Cứ như là mỗi con cừu đã mang theo về trong bộ lông của nó với hương vị hoang dã của núi Anpơ một chút khí trời lồng lộng của cao nguyên làm hết thấy đều ngây ngất và muốn nhảy múa.

Đàn cừu trở về chuồng giữa cảnh tung bùng náo nhiệt ấy. Còn gì thú vị bằng việc sắp xếp nơi ăn chốn ở này. Lũ cừu đực già xúc động thấy lại máng ăn cũ của chúng. Còn bầy cừu non, những con vật bé tí teo mới sinh ra trong cuộc hành trình, chưa bao giờ biết đến trang trại thì ngơ ngơ ngác ngác ngó quanh.

⁽¹⁾ Cadix (Cadix) - vải len thô hồi xưa quen sản xuất ở vùng cửa sông Aix - Pháp

Nhưng cảm động nhất vẫn là nhìn đàn chó, những con chó canh cừ dũng cảm đang còn bận tíu tít bên những con cừu của chúng như chả cần biết đến ai trong trang trại ngoài những con vật đó nữa. Mặc cho con chó giữ nhà lên tiếng từ trong cũi, mặc cho chiếc thùng đầy tràn nước giếng trong, mát rượi ra hiệu chào mời, đàn chó vẫn như bưng tai, bịt mắt cho đến khi bầy súc vật vào hết trong chuồng; chiếc then ngang to tướng cài vào cánh cửa nhỏ có chấn song và những chàng chăn cừu yên vị đầu dây quanh chiếc bàn ăn ở một căn phòng thấp. Chỉ đến lúc ấy chúng mới chịu về cũi và tại đây vừa tợp chầu xúp, chúng vừa kể cho lũ bạn ở nhà nghe chúng đã làm gì trên núi cao, ở một vùng âm u có chó sói và những bông hoa đèn lồng đại đoá đỏ thắm⁽¹⁾ ứ đây sương.

⁽¹⁾ Hoa đèn lồng (Digitale): Hoa có hình cây đèn lồng hoặc có dáng dấp ngón tất tay

BÍ MẬT CỦA BÁC CẢ COÓCNI BỊ KHÁM PHÁ⁽¹⁾

Một chiều nọ, Frăngxi Mamai, một ông già thổi sáo vẫn thảnh thơi lui tới nhà tôi uống rượu vang chín⁽²⁾ buổi tối, kể cho tôi nghe một câu chuyện cười ra nước mắt đã xảy ra trong làng ngay tại chiếc cối xay của tôi, cách đây khoảng hai mươi năm. Câu chuyện của ông già chất phác đã làm tôi xúc động và tôi cố kể lại với các bạn đúng như tôi đã nghe được.

Hãy tưởng tượng một lát, hồi các bạn đọc thân mến, như các bạn đang ngồi trước bình rượu vang thơm phức nghe chính ông già thổi sáo kia nói với mình:

“Xứ chúng tôi, thưa quý ông, không bao giờ lại là nơi lặng chết và buồn tẻ như thế này đâu. Trước kia ở đây có nghề xay bột thuê phát đạt lắm, dân các trang trại cách

⁽¹⁾ *Bác cả* (Maitre): tên kính trọng mà người Prôvăngxơ thường dùng để gọi nông dân và thợ thủ công có tuổi.

⁽²⁾ *Vang chín* (Vin cuít): Thứ rượu vang cất theo phương pháp đun nóng không lên men.

mười dặm quanh vùng đều mang mì đến chúng tôi xay. Quanh làng ngòm ngợp cối xay gió trên các trái đồi. Ngó trước ngó sau chỉ thấy những cánh quạt quay theo chiều gió mixtran qua các ngọn thông, những đàn lửa nhỏ thỏ nặng bao mì đi lên dốc rồi lại xuống đèo dọc theo các ngả đường; và, thật là thú vị được nghe suốt cả tuần lễ tiếng roi quạt vun vút ở trên cao, tiếng vải cánh cối xay xoàn soạt và tiếng hò dô!⁽¹⁾ của những bác phó xay. Ngày chủ nhật, chúng tôi lũ lượt kéo nhau lên chỗ những cối xay.

Trên đấy, những ông chủ xay bột mua rượu nho hương⁽²⁾ đãi khách, còn các bà, các cô thì quàng những chiếc khăn viền đăng ten, cổ đeo dây thánh giá bằng vàng, trông đẹp như những bà hoàng. Riêng tôi, tôi mang theo chiếc sáo và mọi người nắm tay nhau nhảy farandôn⁽³⁾ đến tận đêm khuya. Những cối xay đó đã đem lại niềm vui và sự giàu có cho quê hương chúng tôi đấy, các ông ạ.

Khốn thay, một số người Pháp ở Pari lại có ý xây nhà máy xay chạy bằng hơi nước trên đường Taraxcông. Có mới nới cũ⁽⁴⁾! Dân chúng nhểnh ngay thói quen mang lúa mì của mình đến nhà máy và thế là những chiếc cối xay gió hăm hui mất việc làm. Chúng cố chống chọi lại một thời gian nhưng rồi, than ôi, trước sức mạnh hơn hẳn của máy hơi

⁽¹⁾ *Hò dô!* (Dia hue!): Tiếng hò thúc giục nhau cùng gắng sức.

⁽²⁾ *Rượu nho hương* (muscat): Rượu muxe, một thứ rượu nho có hương thơm, có nơi gọi là nho sa.

⁽³⁾ *Nhảy farandôn* (farandole): Điệu nhảy dân gian xứ Prôvăngxơ, tay nắm tay cùng nhau nhảy theo nhịp trống, nhịp sáo.

⁽⁴⁾ Nguyên văn là *pêke* (pécaire!) Tiếng nói thốt lên chỉ sự dè bủ ở miền Lãnggôđéc

nước, lần lượt chiếc nọ đến chiếc kia buộc phải đóng cửa hết. Không còn thấy những đàn lừa con con đến nữa. Các cô xay bột xinh đẹp bán đi những cây thánh giá bằng vàng của mình!... Chả còn đâu nữa mà rượu nho hương! chả còn đâu nữa mà nhảy farandôn!... Gió mixtran cứ việc thổi, cánh quạt cứ im lìm. Rồi một hôm, dân làng dọn quang những cái gì còn sót lại của những chiếc cối xay đổ nát, trông nho và ô liu thay vào.

Thế nhưng, giữa cảnh sụp đổ ấy, một chiếc cối xay vẫn đứng vững, cánh quạt vẫn hiên ngang quay trên mỏm đồi, ngay trước mũi những người làm nhà máy. Đó là chiếc cối xay gió của bác cả Coócni, nó ở ngay chỗ chúng ta đang ngồi nói chuyện với nhau buổi tối này.

Bác cả Coócni là một ông lão xay bột thuê sẵn lòng tử vì nghệ, đã sáu mươi năm sống trên đồng bột. Việc lắp đặt nhà máy xay làm ông lão như muốn phát điên. Tám ngày liền, người ta thấy bác chạy cùng làng tập hợp mọi người xung quanh mình và ra sức gào lên rằng người ta muốn đầu độc xứ Prôvăngxơ bằng bột máy. “Đừng ai đèn đậy cả - bác nói với dân làng - lũ kẻ cướp đó dùng cái trò hơi nước do ma quỷ bày đặt ra để làm bánh, còn tôi, tôi làm với gió mixtran và gió biển Méditerrané là hơi thở của đức Chúa trời...”. Và cứ như thế, bác tuôn ra hàng tràng lời ca ngợi tốt đẹp những cối xay gió nhưng chẳng ai nghe.

Cực chẳng đã, bác ẩn mình vào chiếc cối xay và sống đơn độc như một con thú rừng. Ngay cả đứa cháu gái của bác, cái Vivét, một đứa trẻ 15 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ chỉ còn biết có ông nó trên đời này mà bác cũng chẳng giữ nó ở

với mình. Đứa trẻ tội nghiệp ấy buộc phải tự đi kiếm sống, làm thuê gánh mướn hầu như khắp mọi nơi trong các trang trại, lúc ngày mùa hái dâu hoặc thu hoạch ô-liu. Tuy nhiên, bác vẫn yêu thương cháu lắm. Đôi khi bác cuộc bộ suốt bốn dặm đường dưới trời nắng chang chang để đến thăm cháu đang làm thuê ở một trang trại và mỗi lần gặp cháu, bác lại nhìn cháu mà khóc hàng mấy giờ liền... Làng trên xóm dưới, người ta cho rằng ông lão xay bột đuổi Vivét đi là vì tính keo kiệt; và điều đó nào có hay ho gì cho lão đã để cháu đi lang thang hết trại ấp này sang trại ấp khác, mặc cho lũ quản gia hành hạ và chịu mọi lầm than cơ cực của thân gái tôi đòi. Người ta cũng rất bất bình thấy một người tâm tiếng, được trọng vọng xưa nay như bác cả Coócni mà bây giờ đi lại ngoài đường như một kẻ du đãng thực thụ, chân đất, mũ thùng, chiếc thắt lưng lông thú chề ra rách bợt... Nói thật chứ, cứ thấy bác đến nhà thờ ngày chủ nhật là phái già chúng tôi đều ngượng thay cho bác. Hẳn biết rõ như vậy nên bác chẳng dám ngồi vào hàng ghế dành cho các giáo chức. Bao giờ bác cũng đứng lẫn với đám người nghèo tận cuối lễ đường kê bên chỗ để nước thánh.

Trong cuộc sống của bác cả Coócni có điều gì bí ẩn. Đã từ lâu rồi, không một ai trong làng còn mang mì đến nhà bác xay nữa, vậy mà cánh quạt chiếc cối xay của bác vẫn quay đều như trước...

Chiều đến, người ta lại gặp ông lão xay bột thúc con lừa của mình thồ những bao bột nặng trên đường.

- Chào bác Coócni - Người làng cát cao tiếng chào hỏi - Chiếc cối xay bên bác vẫn chạy đều đấy ư?

- Vẫn thế, bà con ạ - Ông lão trả lời hoan hỉ - Ơn trời, chẳng thiếu việc làm đâu.

Rồi, nếu nhỡ ai hỏi phép quý nào mà làm việc thế thì bác đặt tay lên miệng và trả lời trịnh trọng: “Giữ kín đấy! Lão làm cho xuất khẩu mà”. Bác chỉ nói vắn vắn có thế, dù cây rằng cũng chẳng moi bác được một điều gì hơn nữa.

Còn cái việc thò mũi vào chiếc cối xay của bác thì đừng có mà hòng. Đến ngay con bé Vivét cũng không lọt vào được nữa là...

Đi ngang qua chiếc cối xay của bác, lúc nào cũng thấy cửa đóng then cài nhưng những cánh quạt lớn vẫn chuyển động, con lửa già vẫn bứt ngọn cỏ non trên sân và một con mèo to, gầy, sưỡi nắng trên bậu cửa sổ vẫn giương cặp mắt dữ tợn ra mà nhìn.

Hết thầy đều mang vẽ huyền bí khiến dân làng bàn tán nhiều. Mỗi người giải thích một phách, song dư luận chung thì đồn rằng trong chiếc cối xay đó có nhiều bao tiền vàng hơn là bao bột.

Nhưng lâu rồi cũng vỡ lở, sự thật như thế này:

Nhân lúc thời sáo cho bọn trẻ nhảy, một hôm tôi nhận ra thằng cả nhà tôi và con bé Vivét phải lòng nhau. Trong thâm tâm, tôi chẳng có gì đáng phạt ý bởi vì dù sao tên tuổi nhà Coócni vẫn được dân làng chúng tôi xưa nay trọng vọng và hơn nữa cũng thật là điều sung sướng cho tôi có được con bé Vivét ấy như con chim tước nhỏ nhỏ xinh xinh

* Nguyên văn *Môtyx* (motus!): Tiếng nói thân tình có nghĩa là giữ bí mật.

nhảy nhót làm vui cửa vui nhà. Duy một điều đáng ngại là hai cô cậu có nhiều dịp gặp nhau luôn, e sẽ xảy ra chuyện dạn dít không hay cho nên tôi muốn giải quyết sớm và tôi đã lên tận chiếc cối xay để ngỏ lời với ông... Cha! Một lão già quý quá! Hãy xem cái cung cách lão tiếp tôi! không làm thế nào cho lão chịu mở cửa ra được. Tôi phải nói qua lỗ khoá để giải thích câu được câu chăng lý lẽ của tôi và suốt trong lúc tôi nói, cái con mèo gây khốn kiếp cứ phì phì như một con quỷ trên đầu tôi.

Lão già chưa để tôi nói hết đã la lên rất thô bạo rằng tôi hãy đi về với cái sáo của tôi đi; rằng nếu tôi vội cưới vợ cho con trai thì chán vạn con gái ở các nhà máy xay bột đấy cứ ra đấy mà kiếm... Các ông thử tưởng tượng xem tôi đã điên tiết như thế nào khi nghe những lời tồi tệ ấy. Nhưng tôi hãy còn đôi chút tỉnh táo để nén giận và, để mặc lão điên với chiếc cối xay của lão, tôi quay về báo cho bọn trẻ nỗi thất vọng ê chề của tôi... Đôi cừ non tội nghiệp này nào có ngờ đâu nông nổi thế, chúng van xin tôi cho chúng một ân huệ được đi cùng nhau lên chiếc cối xay, thừa lại với người ông... Tôi không đủ can đảm từ chối và thế là thoát một cái cặp tình nhân của tôi đã ra đi.

Chúng lên tới nơi đúng vào lúc bác cả Coócni vừa đi khỏi. Cổng nhà hai lần khoá nhưng ông già quý hoá khi ra đi đã để quên chiếc thang ở bên ngoài, và thế là bọn trẻ nẩy ngay ra sáng kiến leo qua cửa sổ để xem xem có gì bên trong chiếc cối xay trứ danh này...

Lạ thay! Gian buồng đặt cối nghiền trống rỗng... không một chiếc bao, không một hạt mì, không một chút bột dính

lên tường hay mạng nhện... không có cả cái hương thơm nồng nồng của lúa tiểu mạch thường sục nức trong các cối xay... Chiếc trục cối phủ đầy bụi và con mèo to, gầy nằm ngủ ngay trên đó.

Gian buồng dưới cũng cùng một vẻ tiêu điều trống trải: - một chiếc giường tầng tầng, vài cái áo quần mướp, một mẩu bánh lăn lóc trên bực thang và tiếp đến trong một xó buồng là ba bốn chiếc bao rách để lòi qua lỗ thủng những cục thạch cao và đất trắng.

Thì ra đây chính là cái bí mật mà bác cả Coócni hằng giữ kín! Đích thị cái bột thạch cao này đã được ông lão chiều chiều đem đi đổ trên đường để cứu vớt thanh danh chiếc cối xay, làm cho mọi người cứ ngỡ rằng trên đó vẫn xay bột... Ôi, chiếc cối xay tội nghiệp! Ôi, ông già Coócni tội nghiệp! Đã từ lâu, người củan nhà máy xay cướp hết khách hàng của ông lão. Cánh quạt vẫn quay đều nhưng cối thì chạy không.

Đôi trẻ quay về, đầm đìa nước mắt kể lại cho tôi những điều chúng thấy. Lòng tôi quặn đau nghe chúng nói. Không để chậm một phút, tôi tức tốc chạy sang hàng xóm láng giềng kể vắn tắt vài ba câu cho họ nghe, ai nấy cùng tán thành, là có bao nhiêu lúa mì tốt nhất trong nhà thì mang đến cối xay Coócni ngay tức khắc. Miệng nói, tay làm. Cả làng kéo nhau lên trên đó cùng với một đoàn lừa thồ đầy mì, dài dằng dặc - mì này mì thật trăm phần trăm!

Cối xay mở toang cửa. Bác cả Coócni ngồi trước cổng, trên chiếc bao đựng thạch cao, úp mặt vào lòng bàn tay mà khóc. Bác vừa nhận ra khi trở về nhà, có kẻ nào đột nhập

vào chiếc cối xay nhân lúc bác đi vắng và khám phá ra điều bí mật đáng buồn của bác.

- Rõ khổ cái thân tôi! - Bác nói - bây giờ chỉ còn một nước chết mà thôi. Chiếc cối xay bị làm nhục mất rồi.

Và ông lão khóc thảm thiết, gọi chiếc cối xay bằng đủ thứ tên, nói với nó như với một con người có thật.

Đúng lúc đó, đoàn lừa thồ vừa tới sân và tất cả chúng tôi cùng đồng thanh kêu thật to như thể đang ở giữa thời oanh liệt của những người xay bột:

- Ơi này! Cối xay đâu!... Ơi này, bác cả Coócni!

Và thế là những bao mì chất thành đống trước cổng và những hạt mì óng ả màu hung tràn ra tứ phía trên mặt đất.

Bác cả Coócni giương to đôi mắt nhìn. Lão vốc ít mì vào lòng bàn tay nhăn nheo và nói nửa cười nửa khóc:

- Lúa mì đây!...Lạy chúa!... Hạt mì mẩy thế này này!... Hăng gượng cho tôi ngắm tí đã.

Rồi, quay về phía chúng tôi:

- Ha, ha! Lão đã bảo mà, thế nào rồi bà con cũng trở lại đây với lão. Tất cả bọn nhà máy xay kia đều là quân ăn cắp.

Chúng tôi muốn công kênh rước ông lão xuống làng.

- Đứng, đứng, bà con ạ, trước hết lão phải cho cái cối xay của lão ăn đã chứ. Đã lâu lắm rồi nào có được hột nào vào răng nó.

Và tất cả chúng tôi đều rung rung nước mắt nhìn theo ông già tội nghiệp chạy đi chạy lại, tắt bật, hết sang phải lại sang trái, lúc tháo bao, lúc trồng cối, trong khi đó hạt mì bị nghiền nhỏ và làn bột mì mịn màng bay như đám bụi lên tận trần nhà.

Như để chuộc lại lỗi lầm, kể từ hôm ấy, không bao giờ chúng tôi để ông lão xay bột thiếu việc. Nhưng rồi, vào một buổi sớm, bác cả Coócni qua đời và những cánh quạt chiếc cối xay cuối cùng cũng ngừng quay, lần này thì nó ngừng vĩnh viễn. Bác Coócni mất đi không còn ai tiếp tục nghề của bác.

Còn mong gì hơn nữa thừa quý ông; trên thế gian này có cái gì mà không có sự tận cùng và phải nhận rằng cái thời cối xay gió đã qua đi cũng như đã qua rồi cái thời những con tàu do ngựa kéo dọc sông Rôn, thời các pháp viện hàng tỉnh⁽¹⁾ và những chiếc áo gia kết hoa to⁽²⁾.

⁽¹⁾ Nguyên văn *Parlements* (pác-lơ-măng) ý nói những pháp viện xưa ở các tỉnh về sau bị Cách mạng tư sản xoá bỏ. Hồi này có một pháp viện ở Aix.

⁽²⁾ *Giakét* (Jaquette): áo kiểu cổ ở Pháp như kiểu án nâu dài đến đầu gối.

CON DÊ CỦA ÔNG XOGANH

Gửi ông Pie Granhgoa, nhà thơ trữ tình ở Pari⁽¹⁾

Ông Xoganh chẳng bao giờ nuôi dê gặp may cả. Nuôi con nào mất con ấy và lần nào cũng mất như lần nào: một buổi sớm tinh sương, dê giật đứt thừng bỏ lên núi rồi cuối cùng bị sói ăn thịt. Mặc cho ông chủ vuốt ve thế nào thì vuốt ve, bất chấp cả nỗi sợ con chó sói, chả có gì giữ nổi chúng lại được. Dường như đó là những con dê độc lập, ham sống bằng bất cứ giá nào dưới bầu trời phóng khoáng và tự do.

Ô.Xoganh vốn dĩ hiền lành, thật thà nào có hiểu tính nết những con vật của mình đâm ra thờ thần, ông bảo:

⁽¹⁾ *Pie Granhgoa* (Pierre Gringoire) nhà thơ Pháp (1475 - 1538) mà đại văn hào Vichto Huygô đã nhắc đến trong tiểu thuyết: “Nhà thờ đức bà” như một nhân vật tượng trưng cho nhà văn phóng đảng, vô tư và nghèo đói.

“Thôi, chẳng còn hy vọng gì nữa, dê nó chán ở nhà mình, không nuôi được một con nào sất”.

Tuy thế ông vẫn chẳng ngã lòng và sau khi mất đứt sáu con cùng một cách như nhau, ông tậu tiếp con dê thứ bảy; có khác chăng, lần này ông chú ý mua lúc dê còn rất non để nó quen dần cửa nhà ông.

Chà! Cái con dê bé bỏng này của Ô.Xơganh mới tuyệt làm sao nó quả là đẹp với đôi mắt dịu hiền, bộ râu hạ sĩ, những móng chân đen láy, cặp sừng nổi vằn và bộ lông trắng, dài như khoác lên mình nó chiếc áo choàng! Nó thật kiểu diễm chẳng thua mấy con dê của Exmêranda ⁽¹⁾, nó lại còn ngoan ngoãn, nũng nịu, để yên cho vắt sữa không cho chân vào bồn. Một con dê tiểu thơ đáng yêu biết nhường nào....

Sau nhà Ô.Xơganh có một mảnh vườn rào kín cây sơn trà. Ông thu xếp cho cô khách trọ mới vào đấy. Ông buộc nó vào chiếc cọc giữa khu đẹp nhất trong vườn, cẩn thận thả dài dây thừng cho nó được thoải mái và lúc lúc lại tới thăm xem nó ăn ở có tốt không. Dê ta cảm thấy sung sướng vô cùng và gặm cỏ thích thú đến nỗi Ô.Xơganh phải hỉ hả trong lòng.

“Cuối cùng - con người tội nghiệp ấy nghĩ - thế là được một con dê không đến nỗi chán ở với mình!”.

Ô.Xơganh lắm, con dê của ông đã chán ngấy mất rồi.

⁽¹⁾ *Exmêranda* (Esméranlda): Tên một cô gái bohêmiêng trẻ và xinh đẹp trong tiểu thuyết “Nhà thờ đức bà” của Vichto Huygô, bao giờ cũng giắt theo con dê vàng.

*

* *

Một hôm, dê ta nhìn lên núi, tự nhủ thầm: “Ở trên kia chắc là sướng lắm! Còn gì vui thú hơn được chạy nhảy giữa những bụi cây hoang dã, không còn bị cái dây thừng chết tiệt này nó cứ vào cổ! Chỉ có giống lừa, giống bò thì mới gặm cỏ trong vườn!... Còn đối với giống dê thì phải là khoảng rộng bao la”.

Từ bữa có ý nghĩ đó, cỏ trong vườn đối với dê thành nhạt nhẽo. Nỗi buồn chán ngán nầy sinh. Dê gầy đi, sữa xuống ít. Trông nó mà thương, suốt ngày kéo lê chiếc dây thừng, đầu ngoảnh về phía núi, lỗ mũi phập phồng miệng kêu Mê!... nảo nuốt.

Ô.Xoganh nhận ra dê của ông có vương mắc chi đây, nhưng ông không hiểu nổi vì sao. Một buổi sớm mai, khi ông theo cái khẩu ngữ riêng của nó:

“Thưa ông Xoganh, xin ông hãy nghe cháu, cháu buồn chán ở với ông lắm rồi, ông cho cháu lên núi”.

- Chết nỗi, trời ơi!... Cả nó cũng thế ư! Ông Xoganh thốt lên, lạng người, buông rơi cả chiếc bồn đựng sữa; rồi ông ngồi sệp xuống bãi cỏ bên danh con dê của mình:

- Thế nào, Dê bạch, con định bỏ ông ư?

Dê bạch liền trả lời:

- Vâng ạ, thưa ông Xơganh.

- Ở đây thiếu cỏ cho con ăn ư?

- Ô, không đâu ạ, thưa ông Xơganh.

- Hay vì ông buộc thừng ngắn quá, con có muốn ông
nới dài ra nữa không?

- Chả cần đâu, thưa ông Xơganh.

- Thế thì con cần gì nào? Con muốn gì nào?

- Cháu muốn lên núi, thưa ông Xơganh.

- Thật khôn khổ con ơi, con không biết rằng có chó sói
trên núi sao. Gặp nó thì con sẽ làm thế nào?...

- Cháu sẽ húc nó bằng cặp sừng của cháu, thưa ông
Xơganh.

- Chó sói có coi ra gì cái cặp sừng đó của con, nó đã
từng ăn thịt những con dê có sừng lợi hại gấp mười lần của
con. Con không biết con dê già Ronốt tội nghiệp ở đây năm
ngoi ư? đó mới thật là một con dê cái chúa trùm, khỏe và
ngỗ ngược như dê đực. Nó đã quần nhau suốt đêm với chó
sói. Rồi đến sáng, thì sói ăn thịt nó.

- Chao ôi! Chị Ronốt tội nghiệp!... Cũng chẳng can gì,
ông Xơganh ạ, ông cứ để cháu lên núi.

- Trời đất quỷ thần ơi! - ông Xơganh thốt lên - ai đã
làm cho lũ dê của tôi lú lẫn đến nỗi này? Lại thêm một con
nữa cho chó sói ăn thịt đây. Không, dứt khoát không, dù
mày không muốn, tao cũng phải cứu cái mạng mày, cái con

dê quý quái kia! Để mày khỏi giật đứt dây thừng, tao sẽ nhốt mày vào chuồng bò và mày sẽ nằm lì mãi trong đó.

Nói rồi, Ô.Xơganh mang nhốt dê vào chuồng bò tối như bung và khoá trái hai lần cửa lại. Chẳng may, ông quên khuấy mất đóng cửa sổ nên ông vừa quay lưng ra là con dê bé bỏng đã nhảy tót đi mất.

Dê Bạch vừa lên tới núi thì cả một niềm hân hoan tràn ngập khắp đó đây. Chưa bao giờ những cây tùng, cây bách cổ thụ lại được thấy một con dê đẹp đến thế. Nó được tiếp đón như một nàng công chúa. Cây giẻ cúi rạp xuống đưa đầu nhành lá vuốt ve nó, hoa kim tước vàng óng nở rộ và cố toả hương thật ngát dọc lối nó đi qua. Cả núi rừng tung bừng đón nó.

Dê ta hoan hỉ biết chừng nào! Chả còn cái thừng, cái cọc nữa, chả còn ai cản được dê đi lại tung tăng, gặm cỏ tùy thích. Mà cỏ ở đây sao mà nhiều đến thế, cứ là ngập lút sừng. Và cỏ mới tuyệt chứ! Nào ngọt này, non sốt này, có răng cưa này, đủ mùi, đủ vị của muôn loài cây cỏ. Thật khác xa với cái thứ cỏ trong vườn nhà. Lại còn cả hoa nữa!... Những bông cát cánh đại đoá xanh lơ, những đoá lông đèn có đài hoa dài đỏ thắm, bạt ngàn rừng hoa đại căng mặt nồng ngậy ngất!

Dê bạch ta ngà ngà say tỉnh, vẫy vùng trên cỏ, bốn vó chống lên trời, lăn lộn theo bờ dốc, vùi mình vào đám lá rụng lẫn lộn với hạt giẻ. Rồi, dùng một cái, dê chồm phất dậy. Hấp! Nó đã chạy biến, cắm đầu cắm cổ vượt qua các bụi gai, các khu rừng rậm xanh rì, lúc trên mỏm núi, lúc dưới khe sâu, lên cao rồi xuống thấp, ẩn hiện khắp nơi.

Người ta tưởng chừng có tới mười con dê của Ô.Xơganh lúc này ở trên núi.

Đúng là cái con Dê bạch này chẳng biết sợ gì hết.

Thoát một cái nó đã nhảy qua những thác lớn, bọt nước và bụi ẩm tóe lên mình nó. Mình mấy ướt sũng, nó cứ thế lăn kênh ra phiến đá phẳng và hong khô dưới ánh mặt trời. Một lần, dạo bước, men theo một trái đồi, miệng ngậm bông hoa kim tước thơm ngào ngạt, dê bỗng nhận ra ngay dưới chân mình, tận phía cánh đồng tí tắp kia ngôi nhà có vườn sau của Ô.Xơganh. Cảnh ấy nó cười ra nước mắt. Nó nói: “Bé tí tẹo tèo tèo thế kia kìa, thế mà sao mình đã sống ở đó được nhỉ?”.

Con vật nhỏ tội nghiệp! Thấy mình đứng chót vót trên cao, nó lại nghĩ mình chí ít cũng lớn bằng cả thiên hạ.

Tóm lại, đó là một ngày thú vị.*Vào giữa trưa, đang lúc tung tăng chạy xuôi chạy ngược, nó bỗng rơi vào một bầy sơn dương đang nhai nho rừng gau gáu. Nhà nữ du hành áo trắng của chúng ta làm ai nấy xốn xang. Người ta nhường chỗ nho ngon nhất cho cô nàng và tất cả các chàng trai đều trở hết tài hào hoa phong nhã. Hình như có một chàng sơn dương trẻ trung, thẳng bộ áo choàng đen mượt, được điểm phúc lộc vào cặp mắt xanh cô nàng Dê bạch. Đôi tình nhân tha thần trong rừng một hai giờ liền và nếu bạn muốn biết chúng đã nói gì với nhau thì hãy đến hỏi những dòng suối nõ mồm mách léo đang chảy ngầm trong đám rêu.

*

*

*

Gió bỗng thổi mạnh hơn. Núi non ngả sang màu tím sẫm. Đã sế chiều...

“Chiều đến rồi ư” - con dê bé bỏng nói và đứng sững lại, sừng sốt.

Dưới chân núi, đồng ruộng chìm trong sương mù. Mảnh vườn Ô.Xoganh lẫn trong sương, chỉ còn thấy mái ngôi nhà với làn khói thoảng bay. Dê lắng nghe tiếng nhạc đàn cừu đang được lùa về làng và lòng nó rộn lên một nỗi buồn da diết...

Một con chim ưng bay về tổ, đôi cánh chim lướt nhẹ vào mình nó. Nó rung mình. Rồi tiếp đến một tiếng hú vang lên trong lòng núi:

“Hu! Hu!”

Dê nghĩ đến chó sói. Suốt cả ngày, cái con điên dại này nào có lúc nào nghĩ đến. - Cũng lúc này, từ dưới thung lũng xa tít kia vọng lên tiếng tù và. Đó là Ô.Xoganh tốt bụng đang cố gọi lần cuối cùng.

“Hu! Hu!” Tiếng sói hú.

Trở về đi con! Trở về đi con! Tiếng tù và gào lên gọi.

Dê bạch muốn trở về nhưng nhớ đến chiếc cọc, chiếc dây thừng, chiếc hàng rào quanh vườn, có lại nghĩ không thể chịu nổi một cuộc sống như vậy, chỉ bằng ở lại đây hơn.

Tù và không thối nữa....

Nghe đằng sau có tiếng lá cây sột soạt, dê quay đầu lại và nhận ra trong bóng tối hai cái tai ngắn dựng ngược với cặp mắt sáng quắc. Đó là con chó sói.

Con sói kéch sù ngồi lù lù, im thin thít, mép nhấn nhép ngó con dê trắng xinh xẻo. Chắc mồm soi ngon dê rồi nên sói chẳng vội vàng; khi thấy dê quay đầu lại, nó mới cất tiếng cười độc ác: “Ha! Ha! Chú dê bé bỏng của Ô.Xơganh” và nó lè cái lưỡi đỏ lôm to tướng ra liếm mép.

Dê bạch cảm thấy nguy đến nơi rồi. Nó thoáng nhớ lại chuyện con dê già Ronốt đã quần nhau với sói suốt một đêm để rồi đến sáng thì bị nó ăn thịt, dê tự nhủ hay là mình cứ để sói ăn thịt quách đi còn hơn; nhưng rồi nghĩ lại, nó liền thủ thế, đầu cúi xuống, sừng giương ra phía trước, rõ đường đường một con dê dũng cảm của Ô.Xơganh. Không phải nó hy vọng giết được chó sói - có đời thuở nào dê giết sói - nhưng chỉ là để nó xem thử có cầm cự được lâu như Ronốt không...

Thế là con ác thú tiến lại và cặp sừng nhỏ bé của dê khoa lên nghênh chiến.

Chà! Con dê nhỏ dũng cảm! Nó mới quyết chiến làm sao! Có đến trên mười lần nó buộc sói phải lùi lại để lấy sức. Trong những lúc ngừng chiến ngắn ngủi ấy, con bé hấu ăn còn bứt vội một nhánh cỏ thân thiết trong đời nó, rồi

miệng vẫn nhồm nhoàm đầy cỏ, nó lại quay vào cuộc chiến. Cứ như thế mà kéo dài suốt đêm. Thịnh thoảng, con dê của Ô.Xoganh lại ngược trông những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời trong sáng và nó tự nhủ thầm:

“Ồ! Miễn là mình cầm cự được tới lúc rạng đông”...

Các vì sao lần lượt lụi tàn. Dê bạch dồn sức húc càng hăng, chó sói cũng dồn sức cắn càng dữ. Một vầng sáng xanh mờ nhạt hiện ra phía chân trời. Một tiếng gà gáy ô ô cất lên từ một trang trại.

“Thôi xong!” con vật tội nghiệp thốt lên, nó còn đợi có trời sáng để chết thôi, và nó đã ngã sóng soài ra mặt đất trong bộ áo lông trắng đẹp đẽ máu.

Lập tức con sói chồm tới và ăn thịt nó.

GIỜ PHÚT CUỐI CÙNG CỦA CON TÀU XÊMIĂNG

Trận gió Mixtran đêm nọ đã hất chúng ta lên bờ đảo Coóx; nhân đây tôi xin phép kể các bạn nghe một chuyện biển thật rùng rợn mà ngư dân ngoài đó thường nhắc đến trong lúc quây quần buổi tối. Ấu cũng là chuyện ngẫu nhiên mà tôi biết được những tình tiết rất lạ kỳ.

Cách đây khoảng hai, ba năm, tôi cùng bảy tám thủy thủ nhà đoan rong ruổi trên biển Xácdenhơ. Một cuộc du hành gian khổ cho một kẻ chưa quen sóng nước như tôi, còn biển thì chả chút nào ngời cơn thịnh nộ.

Một buổi chiều, thuyền chúng tôi tránh bão, vào ẩn ở cửa eo Bônifaxiô⁽¹⁾, giữa một vùng lô xô những đảo nhỏ. Quang cảnh chẳng có gì hấp dẫn, chỉ thấy trơ trơ những tảng đá lớn với chim chóc rợp trời, vài nhóm khổ ngải, bụi cây nhũ hương⁽²⁾ và đó đây, rải rác những mảnh gỗ mục

⁽¹⁾ *Bônifaxiô* (Bonifacio): Eo biển giữa đảo Coóx và biển Xácdenhơ.

⁽²⁾ *Cây nhũ hương* (lentisque): Loại cây con vùng biển Mèditeranê (Nam nước Pháp) có lá xanh rất lâu như “vạn niên thanh”.

dưới bùn; tuy vậy, thực tình mà nói, được qua một đêm trên những tảng đá thấm hại này cũng còn hơn là ở trong khoang thuyền cũ đã tàng tàng, bị sông nước tự do trào vào. Vì thế mà chúng tôi cũng lấy làm mãn nguyện.

Vừa chân ướt chân ráo lên bờ, trong khi anh em thủy thủ nhóm lửa nấu món súp cá om thập cẩm⁽¹⁾ thì ông thủ trưởng đã gọi tôi, chỉ cho tôi một mảnh đất nhỏ xây tường trắng khuất trong sương mù ở tận cuối hòn đảo:

- Ông có đi thăm nghĩa trang không? Ông ta hỏi tôi.

- Nghĩa trang nào, ông thủ trưởng Liônétty? Chúng ta đang ở đâu vậy?

- Ở đảo Lavedi, thưa ông. Mười năm về trước, chính tại đây đã chôn vùi sáu trăm người trên con tàu Xêmiăng, ngay ở chỗ mà chiến hạm của họ bị nạn. Rõ tội nghiệp! Họ chẳng được nhiều ai đến thăm đâu, đã tới đây thì chỉ ít ta cùng lại viếng họ một chút.

“ - Rất tán thành, thủ trưởng”.

*

* *

Nghĩa trang của con tàu Xêmiăng mới u buồn làm vậy!... Cho đến nay, tôi vẫn như còn trông thấy nó trước mắt mình với bức tường thấp nhỏ, cánh cổng sắt han rỉ rất khó mở, ngôi nhà mồ lạnh ngắt và hàng trăm cây thập ác

⁽¹⁾ Cá om thập cẩm (bouillabaisse): Món ăn địa phương nấu cá với rượu vang và nghệ...

đen lấp trong cỏ. Không một vòng hoa bất tử, không một lưu niệm! Không một gì hết. Ôi! Những người chết đáng thương bị người đời quên lãng, họ chịu lạnh lẽo biết bao dưới nấm mồ chẳng hẹn!

Chúng tôi quỳ xuống đó một lúc. Ông thủ trưởng cất cao giọng cầu kinh. Người canh gác nghĩa trang duy nhất ở đây là những con hải âu kéch sù đang bay lượn trên đầu chúng tôi và hoà tiếng kêu khàn khàn của chúng vào tiếng than vãn thống thiết của biển cả.

Cầu nguyện xong, chúng tôi buồn bã quay về phía đảo - có con thuyền của chúng tôi đang đậu. Anh em thủy thủ không bỏ phí thời gian trong khi chúng tôi vắng mặt. Về đến nơi, chúng tôi đã thấy ngọn lửa to đang cháy bùng sau phiến đá và một nồi thức ăn nghi ngút. Mọi người ngồi quây tròn, chân duỗi về phía ngọn lửa. Một lát sau ai nấy đã để lên đầu gối một bát vại bằng đất nung, trong đặt hai miếng bánh mì đen chan vũng canh. Chúng tôi ăn lặng lẽ: phần vì ướt, phần vì đói và lại đang ở gần nghĩa trang. Tuy vậy ăn xong, mọi người chầm tẩu hút thuốc và bắt đầu nói chuyện một chút. Đương nhiên là nói về con tàu Xêmiăng.

- Thế nào ông - Tôi hỏi ông thủ trưởng đang ngồi hai tay ôm đầu, đắm đắm nhìn ngọn lửa - chuyện đó xảy ra như thế nào?

- Chuyện xảy ra như thế nào à? Ông Liônétti nhân hậu, buông mạnh tiếng thở dài trả lời tôi - Chao ôi! Ai là người trên đời này có thể nói rõ được chuyện đó. Tất cả những điều mà chúng tôi biết được là: con tàu Xêmiăng chở binh lính đi Crimê đã nhổ neo từ Tulông chiều hôm trước vào

một buổi xấu trời. Đến đêm thì lại còn tệ hơn! Mưa to, gió lớn, biển động như chưa từng thấy bao giờ. Tối sáng, gió dịu đi một chút, nhưng mặt biển vẫn hoàn toàn không thay đổi, thêm vào đó lại có một lớp sương mù quái ác phủ dày đặc đến nỗi chỉ cách chiếc đèn hiệu bốn bước mà cũng không nhận ra được....Ai ngờ những đám sương mù ấy lại phản phúc đến thế ông... Nhưng tôi nghĩ chẳng phải vì như vậy đâu, theo tôi con tàu Xêmiăng hẳn đã mất bánh lái từ sáng rồi. Bởi vì cho dù sương mù đi nữa, nếu không có bộ phận nào hư hỏng thì cũng không đời nào ông thuyền trưởng lại cho con tàu đâm đầu vào đây. Ông ta vốn là một thủy thủ già dặn, anh em chúng tôi đều biết tiếng. Ông đã từng chỉ huy âu tàu đảo Coóc suốt ba năm và thông thuộc bờ biển này cũng như tôi là một anh chàng mà ngoài cái đó ra, chẳng còn biết cái quái quỷ gì nữa hết.

“- Theo người ta nói thì vào khoảng lúc nào con tàu Xêmiăng bị nạn hả ông?”

- Phải là vào buổi trưa, vâng, vào lúc giữa trưa ông ạ. Nhưng hồi ời! giữa trưa trên biển mù sương này thì có hơn gì một đêm tối, đen ngòm như hòng sói. Một nhân viên nhà đoan vùng duyên hải kể cho tôi nghe là hôm đó, vào khoảng mười một giờ rưỡi, vừa bước ra khỏi nhà để buộc lại cánh cửa chớp thì chiếc mũ cát kết đội trên đầu anh ta bị gió cuốn phăng đi và vì sợ bản thân mình cũng có nguy cơ bị sóng cuốn mất, anh ta đành bò bốn chân đuổi theo dọc bãi biển để nhặt mũ. Ông tính, các ngữ nhân viên nhà đoan thì giàu có gì mà chiếc mũ cát kết thì nào có ít tiền. Rồi, hình như vào một lúc nào đấy, ông bạn của chúng ta ngáng

dầu lên và nhìn thấy một con tàu lớn đã hạ hết buồm đang lẩn trốn dưới tâm gió về phía quần đảo Lavétti. Con tàu lao vun vút, vun vút, nhanh đến nỗi, người nhân viên nhà đoan chẳng còn thời giờ để kịp nhìn rõ là tàu nào. Song, hoàn toàn vẫn có thể tin được rằng đó là con tàu Xêmiăng vì chỉ nửa giờ sau đó, người chèo cừ trên đảo đã nghe thấy ở những tảng đá. Kìa, vừa nhắc đến người chèo cừ với ông thì đã thấy bác ta đây rồi, bác ta sẽ kể cho ông nghe tiếp. “Chào Palāmbô! lại đây sưởi một chút đi bác, đừng ngại”.

Một người đàn ông đội mũ sùm sụp mà lúc này tôi thấy lượn quanh đồng lửa và cứ ngỡ là người trong đoàn thủy thủ vì tôi không hề biết trên hòn đảo lại có một bác chèo cừ. Bác ta rụt rè lại gần chúng tôi.

Đó là một ông lão hủi, gần như ngớ ngẩn, mắc một chứng hoại huyết gì đó khiến môi sưng vù, trề xuống, trông rất ghê sợ. Phải vất vả lắm mới làm cho ông lão hiểu chuyện gì. Bây giờ lão mới đưa ngón tay lên nâng cặp môi đau của lão, kể lại rằng vào trưa hôm đó, lão nghe thấy từ trong căn lều của lão một tiếng va vào đá khủng khiếp. Nhưng đảo ngập đầy nước, lão không tài nào ra ngay được và cho tới sáng sớm hôm sau, vừa mở cửa ra, lão thấy nước biển rút đi, để lại trên bờ đầy những mảnh vụn và xác chết. Sợ quá, lão ù té chạy lại con thuyền của lão để chèo đi Bonifaxiô tìm người đến.

Thấm mệt vì nói nhiều, bác chèo cừ ngồi xuống; ông thuyền trưởng nói tiếp:

“Đúng đấy ông ạ, chính ông lão tội nghiệp này đã đến báo cho chúng tôi. Lão đã gấn phát điên lên vì sợ hãi và mất

trí từ đây. Kể thì cũng rợn thật. Ông hãy tưởng tượng sáu trăm xác chết chất đồng trên bãi cát, lẫn lộn với những mảnh ván và những miếng vải nát. Con tàu Xêmiăng tội nghiệp! Biển đã nhai vụn nó đến nỗi bác chần cừ Palămbô vất vả lắm mới tìm được một chút gì khả dĩ làm hàng rào cho căn lều của bác được. Còn những người bị nạn thì hầu hết biến dạng hẳn đi, chẳng còn ra hình thù nữa, cụt chân, cụt tay đến khùng khiếp... Thật thương tâm nhìn thấy họ bám lấy nhau từng chuỗi. Chúng tôi nhận ra ông thuyền trưởng mặc quân phục đại lễ, cha tuyên úy cổ còn quàng chiếc khăn lễ; ở một góc giữa tảng đá, là một anh lính rất trẻ hai mắt vẫn mở trừng trừng khiến người ta tưởng như anh còn sống, nhưng đầu phải! Số mệnh đã định rằng không một ai thoát chết”.

Nói đến đây, ông thủ trưởng bỗng ngừng lại.

- Nácđi, cẩn thận, lửa tắt mất kìa - ông ta kêu tướng lên.

Nácđi vút vào lửa hai ba miếng gỗ sơn hắc ín làm cho nó cháy bùng lên. Liônétти nói tiếp:

“Đây mới là đoạn buồn nhất trong chuyện này. Ba tuần lễ trước khi xảy ra thảm họa ấy, đã có một chiếc tàu chiến nhỏ khác cũng đi Crimê như con tàu Xêmiăng và bị đắm hết như vậy, hầu như ở cùng một chỗ; thế nhưng, lần đó, chúng tôi đã cứu được tất cả đoàn thủy thủ và hai mươi binh sĩ áp tải. Số anh em áp tải này thật xấu số ông ạ.

Người ta đưa họ tới Bônifaxiô và chúng tôi đã giữ họ ở lại marin⁽¹⁾ hai ngày với chúng tôi. Khi họ đã tỉnh táo và lại sức thì: chào nhé! Chúc may mắn! họ quay về Tulông để sau đó ít bữa người ta lại cho họ xuống tàu đi Crimê. - Ông đoán thử họ đi tàu nào!... Tàu Xêmiăng ông ạ. Chúng tôi đã thấy lại họ, đầy đủ hai mươi người trong những xác chết, ngay tại chỗ chúng ta đang ngồi đây. Tôi nâng xác chết cậu đội trưởng lên, một chàng trai Pari tuần tú có bộ ria thanh nhã, bộ tóc vàng óng mà tôi đã cho ở nhà tôi và mọi người đã phải luôn luôn cười rũ ra vì những câu chuyện kể của cậu ta. Bây giờ thấy cậu ta nằm đây, lòng tôi đau như cắt. Ôi lạy Đức Mẹ⁽²⁾!”

Nói tới đây, ông Lionétti xúc động quá lắc lắc chiếc tẩu cho tàn thuốc rơi ra, và, vừa cuộn tròn mình trong chiếc áo capôt thủy thủ, ông vừa chúc tôi ngủ ngon. Anh em thủy thủ còn rì rầm với nhau một lúc nữa. Rồi, những chiếc tẩu cái nọ tiếp cái kia tắt dần. Không ai nói chuyện nữa. Ông lão chần cừ đã bỏ đi. Còn lại mình tôi ngồi mơ màng giữa đám thủy thủ đang ngủ.

⁽¹⁾ *Marine* (Từ tiếng Italia *Marina*) là bãi biển có tàu đổ lên bờ.

⁽²⁾ Nguyên văn: *Santa Madre* (Xăngta Mađr) tiếng Italia có nghĩa tiếng Pháp là Sainte Mère (Đức Mẹ) Trong lúc xúc động, viên thuyền trưởng người Coóc đã nói nhầm tiếng Pháp sang tiếng Italia. Xin dịch chệch Đức Mẹ thành Đức Mẹ

*

*

*

Vẫn với niềm xúc động về câu chuyện nào nùng vừa nghe kể, tôi cố gắng đứng lại trong đầu mình con tàu xấu số trong giờ phút hấp hối của nó mà chỉ có những con hải âu được chứng kiến. Một số chi tiết đã gây ấn tượng thật sâu sắc: thuyền trưởng mặc quân phục đại lễ; chiếc khăn lễ của cha tuyên úy; hai mươi người lính áp tải. Những hình ảnh này giúp tôi hình dung diễn biến của tấm thảm kịch. Tôi như đang nhìn thấy con tàu rời bến Tulông trong đêm tối mịt mùng. Nó ra khỏi cảng. Biển động, gió thổi khủng khiếp, nhưng thuyền trưởng vốn là một thủy thủ dạn dày thử thách nên ai nấy đều yên tâm.

Sáng đến, sương mù bốc lên trên biển cả. Mọi người bắt đầu lo ngại. Thủy thủ lên hết cả trên boong. Thuyền trưởng không rời chòi chỉ huy đặt ở phía đuôi con tàu. Khoảng giữa, nơi anh em binh lính ở, tối đen, nóng hầm hập. Một vài người ốm nằm dài trên những túi xách của họ. Tàu tròn trĩnh rất dữ. Không ai đứng vững nổi. Phải ngồi tùm tùm trên mặt sàn, tay bấu chặt vào thành ghế, miệng hét lên mới nghe nổi tiếng nhau. Đã có người bắt đầu hoảng sợ. Các cậu biết không! Quãng này chúa là hay đắm tàu lắm đấy. Bọn lính áp tải đã có mặt tại đây để kể lại và những điều họ nói ra thật chẳng có gì làm người ra yên lòng được. Nhất là cái anh chàng đội trưởng người Pari cứ là luôn mồm

tán róc làm người ta sờn gai ốc lên vì những câu bông phèng của cậu ta:

“- Đắm tàu à!... đó chẳng qua là một trò chơi rất thú vị. Chúng ta chỉ tắm một châu nước đá là xong rồi người ta sẽ lại được chén thịt sáo ở nhà thủ trưởng Liônétti”

Bọn lính cười ồ cả lên.

Bỗng một tiếng kêu rắc. Cái gì thế? Có gì xảy ra thế?...

“Mất bánh lái rồi! Một thủy thủ mình ướt đầm lao vào khoảng giữa, nói:

- Thượng lộ bình an cả nhé! - Anh chàng đội trưởng điên rồ còn nói tướng lên nhưng chẳng ai cười được nữa.

Boong tàu hoảng loạn, nhốn nháo cả lên. Sương mù làm khó nhận thấy nhau. Thủy thủ lo sợ, mò mẫm đi đi lại lại. Mất bánh lái rồi! Còn điều khiển tàu làm sao được nữa. Tàu Xêmiăng bị đánh giạt đi, phóng như gió. Đó chính là lúc người nhân viên nhà đoan phát hiện ra nó; lúc ấy mười một giờ rưỡi. Đằng trước mũi tàu, người ta nghe như có tiếng đại bác gầm. Đá ngầm! Đá ngầm rồi!... Thế là hết đời, chẳng còn chút hy vọng nào thoát nữa, tàu nhằm thẳng vào cồn đá. Thuyền trưởng đi xuống buông mình. Một lát sau ông ta đã trở lại chỗ ngồi trên chòi chỉ huy với bộ quần phục đại lễ. Ông ta muốn ăn mặc chỉnh tề mà chết.

Trong khoang giữa, binh lính ngồi rầu rĩ, nhìn nhau chẳng nói năng. những người ốm cố nhồm dậy; anh chàng đội trưởng bé nhỏ không còn cười được nữa. Đúng lúc đó,

cửa bật mở toang ra và cha tuyên úy xuất hiện trên ngưỡng cửa với chiếc khăn lễ:

“Quỳ cả xuống, các con!”

Ai nấy đều nghe theo. Cha tuyên úy cất giọng sang sảng bắt đầu đọc kinh cầu nguyện siêu sinh tịnh độ.

Bỗng, một tiếng đăm sấm khủng khiếp, một tiếng kêu, chỉ một tiếng kêu độc nhất, một tiếng bao la, những cánh tay giang thẳng, những bàn tay bám chặt, những cái nhìn hốt hoảng trong đó ánh lên cái chết vụt qua như một tia chớp.

Thảm thương thay!...

Tôi đã mơ như thế thâu đêm, tưởng nhớ lại đã mười năm, linh hồn con tàu tội nghiệp mà những mảnh vụn của nó hãy còn để lại quanh tôi. Xa xa, bão đang găm thét trong eo biển; ngọn lửa bập bùng trong túp lều đã chiến uốn cong đi mỗi lần có cơn gió giạt; và tôi nghe con thuyền của chúng tôi nhấp nhô bên ghềnh đá làm bật lên tiếng cọ sát cốt kết của dây neo.

CÂY ĐÈN BIỂN XĂNGGHINE⁽¹⁾

Tôi chẳng tài nào chợp mắt được đêm nay. Gió Mixtran giận giữ, gào thét làm tôi thức đến sáng. Chiếc cối xay kêu răng rắc; cánh quạt gãy cụt, đung đưa nặng nề, rít lên trước gió như tiếng rít của những đồ vật đặt trong con tàu ngoài biển. Những viên ngói bốc lên khỏi nóc nhà đang tốc mái. Xa xa, những cây thông ken nhau mọc kín đồi, nghiêng ngả, rì rầm trong bóng tối. Tôi có cảm giác như đang ở giữa biển khơi.

Cảnh ấy gợi cho tôi nhớ lại những đêm mất ngủ mà thú vị cách đây đã ba năm, khi tôi còn ở phía trời kia, tận miền duyên hải đảo Coóc, trên cây đèn biển Xăngghine đặt tại cửa vịnh Agiácxiô⁽²⁾.

⁽¹⁾ Xăngghine (Sanguinaires) Quần đảo đá hoa cương gồm 4 hòn đảo ở cửa vịnh Agiácxiô. Hòn đảo cao nhất có cây đèn biển.

⁽²⁾ Agiácxiô: Vịnh Agiácxiô (Golffe d'Ajaccio) ở miền Nam nước Pháp thủ phủ là Agiácxiô.

Tôi đã tìm thấy ở đây thêm một nơi đẹp nữa để mơ mộng một mình.

Bạn hãy hình dung một hòn đảo màu hung, vẻ hoang dã, mồm này dựng một cây đèn biển, mồm kia là ngôi tháp Giênoa⁽¹⁾ cổ kính, trong đó - thời tôi ở đó có một con chim ưng làm tổ. Phía chân đảo, kế mép nước là ngôi nhà cách ly phòng dịch đã đổ nát, cỏ mọc kín bốn bề; rồi đến những khe lạch, những bụi rậm, những phiến đá lớn, dăm con dê rừng, vài chú ngựa non giống Coóc đang nhảy cẫng lên, bồm tung trước gió; sau cùng, ở trên cao, cao tít, giữa muôn cánh chim biển quay cuồng như cơn lốc hiện lên trạm đèn biển với nền sân xây màu trắng có những người gác đi đi lại lại, cánh cửa ra vào sơn xanh hình cung nhọn, cây tháp gang nho nhỏ, trên ngọn là chiếc đèn lớn có nhiều mặt rực rỡ ánh mặt trời và chiếu sáng cả ban ngày. Đó là đảo Xăngghine đúng như tôi đã hình dung lại nó đêm nay trong tiếng thông reo ào ào ở quanh mình. Chính trên hòn đảo thơ mộng này mà, trước ngày có chiếc cối xay, tôi vẫn thường đến nấu mình khi cảm thấy cần bầu trời quang đãng và sự yên tĩnh.

Tôi đã làm gì ở đây?

Vẫn là việc tôi đang làm ở đây thôi, thậm chí còn ít hơn. những ngày gió Mixtran hoặc gió Tranmôngtan⁽²⁾ thổi

⁽¹⁾ Tháp Giênoa (Tuor génoise): thuộc tỉnh Giên (Genes) nước Ý bán cho vua Pháp Lui XV

⁽²⁾ Tranmôngtan (Tramontane): (theo môn học ngữ nguyên thì có nghĩa là bên kia những ngọn núi) chỉ gió Bắc thổi ở vùng biển Méditerrané (miền Nam Pháp).

không mạnh lắm, tôi đến ngồi trên mặt nước, lọt vào hai phiến đá, giữa những bầy hải âu, sáo sậu, chim én và tôi ở đó gần suốt ngày, đắm mình trong trạng thái ngây ngất, say sưa từ biển trời mang lại. Bạn chẳng lạ gì, có phải thế không, cái tê mê dịu ngọt ấy của tâm hồn? Không suy tư mà cũng chẳng mơ màng gì cả, con người mình lâng lâng thoát tục, bay bổng lên, tản mát khắp đó đây. Như thể mình hoàn toàn không còn là mình nữa mà là con hải âu đang nhào lặn xuống mặt biển, là bọt nước lăn tăn bênh bồng dưới ánh mặt trời giữa hai làn sóng, là làn khói trắng con tàu kia đang xa dần, là con thuyền nhỏ nhất san hô căng cánh bướm đỏ thắm, là giọt nước lung linh tựa ngọc kia, là đám sương mù kia đang cuộn cuộn lại như bông... Ôi! Bao nhiêu giờ phút êm đẹp mà lòng ngây ngất tỉnh say, dào dạt đã qua đi trên hòn đảo thân yêu ấy!...

Những ngày gió to, không ngồi ven dìa nước được, tôi nấu mình vào sân ngôi nhà phòng dịch, một cái sân nho nhỏ, quanh hương sực nước hương mè diệp⁽¹⁾ và khổ ngải dai. Và, ngồi đó, nép mình vào một mảng tường đá rêu phong, tôi thả cho lòng mình tràn ngập êm êm cái hương vị mơ hồ của sự quên lãng và u sầu đang lướt đi với ánh nắng và những căn buồng nhỏ bằng đá, xung quanh trống hời trống hoác như những ngôi mộ cổ. Chốc chốc lại có tiếng đập va vào cửa, tiếng chân nháy nhẹ nhàng trên đám cỏ. Đó là một con dê đang tìm cỏ nơi khuất gió. Thấy tôi, nó sững lại, về

⁽¹⁾ Mè diệp: Rômaranh (Romarin), một loại cây thơm mọc ở vùng biển Méditerranée (N.D)

linh lợi, sừng giương cao, nó ngó tôi bằng cặp mắt thơ ngây....

Đến năm giờ, tiếng loa anh em gác đêm gọi tôi về ăn cơm. Tôi men theo con đường nhỏ trong cánh rừng rậm có những bụi cây leo thẳng đứng trên mặt biển và thông dong trở về trạm đèn. Chân bước đi mà mắt còn ngoảnh lại nhìn chân trời mênh mông nước và ánh sáng như trải rộng ra theo nhịp bước tôi lên cao.

Ở trên này, thật là thú vị; giờ đây, tôi vẫn như còn đang thấy cái phòng ăn xinh xắn lát gạch to với bức tường bọc gỗ sồi, món súp cá om nghi ngút khói đặt chính giữa, cánh cửa ra vào mở to thông ra sân thượng quét vôi trắng, qua đó tràn vào ánh hoàng hôn. Anh em gác đèn đều đã có mặt. Họ chờ tôi ngồi vào bàn. Họ có cả thấy ba người, một quê ở Mácxây, còn hai ở đảo Coóc. Cả ba đều bé nhỏ, râu rậm, mặt sạm nâu, nứt nẻ, cùng mặc giống nhau chiếc áo ngoài bằng da dê nhưng giăng điệu, tính tình thì lại mỗi người một vẻ.

Cứ xem cung cách sinh hoạt là có thể biết ngay họ thuộc những nguồn gốc nòi giống khác nhau. Người Mácxây tháo vát, lanh lợi, bao giờ cũng tất bật, hay lam hay làm, chạy khắp đảo từ sáng sớm đến chiều, khi làm vườn, lúc câu cá, khi thì lại đi nhặt trứng chim hải âu hoặc nấp trong bụi, thấy con dê cái đi qua là nhảy ra vắt sữa; và lúc nào cũng sẵn sàng có ngay một ít tỏi trộn dầu ô liu⁽¹⁾ hoặc một món nấu cá om.

⁽¹⁾ Món tỏi trộn dầu ô liu: Aôli (Ajoli) trộn tỏi với ôliu, món đặc sản của vùng phía Nam nước Pháp

Hai người đảo Coóx thì ngoài giờ chuyên môn ra, chẳng lo làm một việc gì hết. Họ coi mình là công chức, suốt ngày ở trong bếp, mãi mê đánh bài xcôpa⁽¹⁾ như không bao giờ dứt ra được; họ chỉ dùng chơi để châm lửa hút thuốc một cách trịnh trọng hoặc để vợ lấy cái kéo trong lòng bàn tay mà cắt những tàu thuốc lá to tướng hãy còn xanh....

Ngoài sự khác biệt đó, dù là người Mácxây hay đảo Coóx, cả ba đều tốt, giản dị, thật thà và rất niềm nở với khách, tuy rằng trong thâm tâm, họ lại cảm thấy cái ông khách này thật kỳ khôi.

Bạn thử nghĩ xem! Có ai lại thích thú đem thân đến nhốt mình vào cái trạm đèn biển này!... Trong khi bản thân họ thấy ngày lại ngày ở đây sao mà dài đến thế và thật sung sướng biết chừng nào mỗi lần đến lượt được về đất liền. Mùa khô, cái hạnh phúc lớn lao này đến với họ đều đều hàng tháng. Theo lệ thường, cứ ba mươi ngày gác đèn thì mười ngày được ở đất liền nhưng về mùa đông hoặc những khi thời tiết xấu thì chẳng còn lệ nào nữa. Gió thổi mạnh, sóng to, quần đảo Xăngghine trắng xóa bọt biển, số anh em gác đèn đang làm nhiệm vụ bị mắc kẹt lại hai ba tháng liền, đôi khi phải sống trong những cảnh huống rất căng thẳng.

- Tôi đã gặp một chuyện như thế này ông ạ - bác già Bắctôli một hôm kể cho tôi nghe trong lúc ăn bữa cơm chiều - chuyện xảy ra cách đây đã ba năm, cũng ở quanh chiếc bàn ăn này, vào một buổi tối mùa đông như hôm nay.

⁽¹⁾ Đánh bài *Xcôpa* (Scopa): Chơi đánh bài của người Ý

nào cũng sẵn sàng có ngay một ít tỏi trộn dầu ô liu⁽¹⁾ hoặc một món nấu cá om.

Hai người đảo Coóx thì ngoài giờ chuyên môn ra, chẳng lo làm một việc gì hết. Họ coi mình là công chức, suốt ngày ở trong bếp, mãi mê đánh bài xcôpa⁽¹⁾ như không bao giờ dứt ra được; họ chỉ dùng chơi để châm lửa hút thuốc một cách trình trọng hoặc để vợ lấy cái kéo trong lòng bàn tay mà cắt những tàu thuốc lá to tướng hãy còn xanh....

Ngoài sự khác biệt đó, dù là người Mácxây hay đảo Coóx, cả ba đều tốt, giản dị, thật thà và rất niềm nở với khách, tuy rằng trong thâm tâm, họ lại cảm thấy cái ông khách này thật kỳ khôi.

Bạn thử nghĩ xem! Có ai lại thích thú đem thân đến nhốt mình vào cái trạm đèn biển này!... Trong khi bản thân họ thấy ngày lại ngày ở đây sao mà dài đến thế và thật sung sướng biết chừng nào mỗi lần đến lượt được về đất liền. Mùa khô, cái hạnh phúc lớn lao này đến với họ đều đều hàng tháng. Theo lệ thường, cứ ba mươi ngày gác đèn thì mười ngày được ở đất liền nhưng về mùa đông hoặc những khi thời tiết xấu thì chẳng còn lệ nào nữa. Gió thổi mạnh, sóng to, quần đảo Xăngghine trắng xóa bọt biển, số anh em gác đèn đang làm nhiệm vụ bị mắc kẹt lại hai ba tháng liền, đôi khi phải sống trong những cảnh huống rất căng thẳng.

⁽¹⁾ Món tỏi trộn dầu ô liu: Aôli (Ajoli) trộn tỏi với ôliu, món đặc sản của vùng phía Nam nước Pháp

⁽¹⁾ Đánh bài Xcôpa (Scopa): Chơi đánh bài của người Ý

- Tôi đã gặp một chuyện như thế này ông ạ - bác già Bắctôli một hôm kể cho tôi nghe trong lúc ăn bữa cơm chiều - chuyện xảy ra cách đây đã ba năm, cũng ở quanh chiếc bàn ăn này, vào một buổi tối mùa đông như hôm nay. Tối đó, trong trạm đèn chỉ có tôi và một người bạn đồng nghiệp tên là Sêcô. Anh em khác đều đã về đất liền, cậu thì nghỉ phép, cậu thì ốm, tôi không còn nhớ nữa. Chúng tôi sắp ăn xong rất bình yên... Đột nhiên, bạn tôi ngừng ăn, nhìn tôi một lát với cặp mắt lạc hẳn đi rồi dùng một cái, cậu ấy ngã gục xuống mặt bàn, soãi hai tay ra đằng trước. Tôi chạy lại, vừa lay, vừa gọi:

“ - Ối Sê ơi! Ối Sê ơi!

“Không thấy động đậy gì nữa, cậu ấy đã chết rồi. Ông thử nghĩ xem, tôi đã xúc động đến thế nào! Tôi đứng lặng đi hơn một tiếng đồng hồ và run lên trước xác chết, rồi tôi bỗng nảy ra một ý: “Lên ngay cây đèn biển!”. Tôi tức tốc leo lên tháp đèn. Đèn đã trùm lên đây rồi... Mà là đêm thế nào chứ, thưa ông! Tiếng biển, tiếng gió nghe khác thường. Tưởng như lúc nào cũng có người gọi tôi ở cầu thang. Đã thế lại có thể bảo được tôi trở xuống bây giờ. Tôi sợ người chết quá đi rồi. Tuy vậy, đến tảng sáng thì tôi lấy lại được tinh thần một chút. Tôi vực bạn tôi vào giường, đắp chăn lên người cậu ấy, cầu nguyện dăm ba câu rồi ba chân bốn cẳng tôi đi báo hiệu cấp cứu.

“Khốn thay, biển động dữ dội, tôi gọi, gọi hoài mà chẳng có ai đến. Thế là lại có độc một mình tôi trên trạm đèn biển này với Sêcô tội nghiệp của tôi thôi. Tôi hy vọng có thể cứ để cậu ấy ở bên tôi cho tới khi có tàu ra! Nhưng

kéo dài đến ba ngày sau thì không thể được nữa. Tính sao bây giờ? Đưa xác cậu ấy ra ngoài ư? Chôn cất cậu ấy ư? Đất đá này rắn lắm và trên đảo lại có cơ man nào là quạ. Bỏ cậu ấy, một con người đạo gốc cho quạ rửa thì sao đành. Thế là tôi nảy ra ý định mang xác bạn tôi vào một gian nhỏ dưới nhà phòng dịch.

...Việc làm vô cùng khó nhọc và thương tâm này làm tôi mất một buổi chiều và thú thực với ông, nó đòi hỏi phải can đảm lắm mới được. Ông ạ! Mỗi đến bây giờ, mỗi lần đi xuống phía dưới đó vào những buổi chiều gió mạnh, tôi vẫn tưởng như hãy còn cái xác chết trên vai mình...”

Tội nghiệp cho bác Bactôli! Chỉ mới nhớ lại thế thôi mà trán bác đã toát mồ hôi hột.

*

* *

Câu chuyện giữa chúng tôi thường cứ kéo dài như vậy... bữa ăn: nào chuyện ngọn đèn, chuyện biển cả, chuyện đắm tàu, chuyện kẻ cướp người Coóx. Rồi tối đến, người gác ca đầu thấp ngọn đèn con, vợ chiếc tàu, cái bầu nước và cuốn sách dày có mép đỏ của Pluytác^(*) cuốn sách độc nhất của tủ sách Xăngghinê, rồi mất hút ra phía sau. Được một lát thì trạm đèn âm âm tiếng xích kéo, tiếng rong rọc và tiếng những quả lắc đồng hồ nặng nề được kéo lên.

^(*) *Pluytác* (Plutaque): Nhà viết sử Hy Lạp thế kỷ đầu sau Công nguyên, tác giả của cuốn sách nổi tiếng: “Cuộc đời của những vĩ nhân Hy Lạp. La mã”

Còn tôi, lúc đó, tôi ra ngoài sân thượng. Mặt trời đã sế rất thấp, lặn xuống mặt nước mỗi lúc một nhanh, cuốn theo sau cả chân trời. Gió dịu đi, hòn đảo ngả sang màu nâu xẫm. Trên không gần chỗ tôi ngồi, một con chim lớn bay qua nặng nề: đó là con chim ưng ở tháp Giênoa bay về tổ: Sương biển từ từ bốc lên. Chẳng bao lâu, chỉ còn thấy cái dải viền trắng bọt biển xung quanh đảo. Một luồng ánh sáng lớn dịu dịu bỗng loé ngay trên đầu tôi. Ngọn đèn biển đã được thắp sáng. Tia sáng dội ra tận biển khơi, để lại toàn đảo trong bóng tối, và tôi ngồi đó, chìm trong đêm dưới chùm sóng lớn ánh sáng lung linh chọt hắt lên người tôi mỗi lần nó lướt qua. Nhưng gió mỗi lúc một mạnh. Phải trở vào thôi. Tôi mò mẫm đóng cánh cổng lớn, tra giống sắt cẩn thận rồi lại dò dẫm leo lên chiếc cầu thang nhỏ bằng gang cứ rung rinh và vang lên dưới chân; cuối cùng tôi lên tới đỉnh cây đèn biển. Ở đây chẳng hạn mới gọi là có ánh sáng.

Bạn hãy hình dung một chiếc đèn Caxen^(*) khổng lồ với sáu hàng bậc, chung quanh là những mặt đèn đang quay thong thả, mặt này bịt một tấm thấu kính to bằng pha lê, mặt khác mở thông với một lớp kính lồng to cố định ở bên ngoài để ngăn gió. Tôi loá cả mắt khi mới bước vào. Những thiết bị bằng đồng, bằng thiếc, những tấm phát quang bằng kim loại trắng, những bức tường pha lê lỗi, mọi thứ đó đang quay những vòng lớn ánh sáng xanh nhạt. Cả cái đám loang

^(*) Đèn Caxen (Carcel): loại đèn máy thắp bằng dầu nhờn do người thợ đồng hồ Pháp tên là Caxen sáng chế năm 1800, có lò xo dẫn ra làm chuyển động các bánh xe đưa dầu lên bậc.

loáng lộn nhào ánh sáng này làm tôi chóng mặt mất một lúc.

Dần dần mắt nhìn cũng quen đi, tôi lại ngồi ngay dưới chân ngọn đèn, bên cạnh người gác đèn đang đọc to cuốn Pluytác cho khỏi buồn ngủ.

Bên kia là tối đen, là vực thẳm. Gió lồng lộn gào thét như điên dại trên dãy lan can nhỏ vây quanh lớp kính che ngọn đèn. Cây đèn kêu ken két; biển gầm. Phía đầu mồm hòn đảo, sóng đánh vào ghềnh đá như tiếng súng đại bác. Chốc chốc lại có một ngón tay vô hình gõ vào kính: một con chim ăn đêm nào đó bị ánh sáng đèn thu hút đã bay đến đập đầu vào mặt pha lê. Bên trong chiếc đèn sáng rực và nóng, chỉ nghe thấy tiếng lửa cháy lách tách, tiếng dầu nhỏ giọt, tiếng giây xích xỏ ra và một giọng đều đều đang đọc rì rầm về cuộc đời của Đê-mê-triuytx đơ Phalèr^(*).

Đến nửa đêm, người gác đèn đứng dậy, đưa mắt kiểm tra lần cuối cùng những bậc đèn rồi chúng tôi cùng đi xuống. Trên cầu thang, chúng tôi gặp anh bạn gác ca hai trước chuyển lại cho anh chiếc bầu chứa nước uống và cuốn sách Pluytác.

Trước khi đi ngủ, chúng tôi tạt vào căn buồng ở tít đằng cuối một lát; buồng ngổn ngang những giây xích, những quả lắc, những bình chứa bằng thiếc, những cuộn dây thừng

^(*) *Đê-mê-triuytx đơ Phalèr* (Dèmètrius de Palère), chính khách Hy Lạp cổ thế kỷ thứ tư trước công nguyên, nhân vật được viết đến trong tác phẩm của Pluytác.

và tại đây dưới ánh ngọn đèn con leo lét, người gác đèn viết vào cuốn sổ cái của trạm gác lúc nào cũng mở sẵn:

Nửa đêm. Biển động. Bão. Có tàu ngoài khơi.

CÔ NÀNG TỈNH ÁCLO⁽¹⁾

Đường từ cối xay của tôi xuống làng phải qua trước cổng một trang trại ở ngay sát vệ đường, nằm sâu trong cái sân lớn trồng cây sên. Ngôi nhà xây đúng kiểu nông dân khá giả, xứ Prôvăngx: mái lợp ngói đỏ, mặt trước rộng màu nâu, cửa giả không cân đối, tít trên tầng cao là vựa lúa, ngất ngھều chiếc chong chóng đo hướng gió, chiếc rờn rọc kéo rơm rạ và vài bó cỏ nâu chỗi ra ngoài...

Vì sao ngôi nhà này lại làm tôi xúc động? Vì sao cánh cổng đóng im ỉm kia lại làm lòng tôi thất lại. Có lẽ tôi không thể nói ra điều đó, song ngôi nhà đã làm tôi ớn lạnh.

⁽¹⁾ Nguyên văn *Aclédièn* (L'Arléienne): cô gái tỉnh Arles ở phía Nam nước Pháp trên bờ sông Rôn. Câu chuyện này được viết thành nhạc kịch ba hồi năm cảnh với lời của Đôđê và nhạc của Bizé (Bizet, nhà soạn nhạc nổi tiếng thế kỷ thứ XIX).

Xung quanh im ắng quá. Chó không buồn sủa khi có người qua lại, đàn gà tây chạy trốn không kêu một tiếng nào. Trong nhà không một tiếng ai thưa! Không có gì hết, ngay cả tiếng nhạc la... Không rèm trắng che cửa sổ, không làn khói bếp bay lên; người ta có cảm giác một ngôi nhà vô chủ.

Hôm qua, ở dưới làng về giữa buổi trưa, để tránh nắng, tôi men theo dọc tường trang trại, dưới bóng hàng cây sên. Trước cổng trại có mấy gia nhân miệng như ngậm tăm đang chất đầy một xe rơm... Cánh cổng lớn vẫn còn mở. Tôi đi qua liếc nhìn vào, thấy một ông già tóc bạc phơ, mặc chiếc áo ngắn cũn cỡn và chiếc quần cộc rách mướp, ngồi chống khuỷu tay trên một chiếc bàn rộng bằng đá ở cuối sân, hai tay ôm lấy đầu... Tôi dừng lại. Một người đầy tớ nói thì thào vào tai tôi:

- Khẽ chú! Ông chủ đấy... Ông ấy cứ như thế từ ngày con trai bất hạnh.

Vừa lúc một người đàn bà và một chú bé mặc toàn đồ đen đi cùng mấy người sang trọng trong giáo khu qua chỗ chúng tôi và bước vào trang trại. Người đầy tớ nói tiếp:

- ... Bà chủ và cậu Út đi nhà thờ về đấy. Ngày nào hai mẹ con cũng đi lễ kể từ ngày cậu Cả tự vẫn. Ôi, thật bi thảm quá ông ạ!... Ông bố vẫn mặc bộ áo quần của đứa con đã chết, bảo thế nào cũng không chịu cởi ra... Vất vất! Đi lên nào lừa ơi!

Chiếc xe lắc lư chuyển bánh. Tôi muốn biết tường tận hơn nên ngỏ ý với bác đánh xe cho lên ngồi cạnh bác.

Chính trên chiếc xe chất đầy rom rạ này mà tôi được biết đầu đuôi câu chuyện thương tâm ấy...

Anh ta tên là Jăng. Đó là một chàng trai nông thôn hai mươi tuổi, nhu mì như con gái, khoẻ mạnh và ngay thật. Anh đẹp trai lắm, cô nào cũng phải mê, nhưng anh chỉ tơ tưởng có một người - cái cô bé trên tỉnh mặc nhung lụa, áo thêu đăng ten mà anh đã gặp một lần ở Acloơ. Trong trang trại, mới đầu chả ai tán thành mối quan hệ này cả. Người ta cho rằng cô gái ấy đồng danh lắm, bố mẹ lại không phải người địa phương. Nhưng Jăng thì quyết lấy bằng được. Anh ta bảo:

- Nếu không gả cho tôi thì tôi sẽ chẳng sống làm gì nữa.

Đành phải nhượng bộ thôi. Người ta quyết định sau mùa gặt sẽ cho hai cô cậu cưới nhau.

Thế là, vào một buổi chiều chủ nhật, gia đình tổ chức một bữa ăn mừng trên sân trang trại. Bữa cỗ hầu như một tiệc cưới. Cô dâu chưa có mặt nhưng ai nấy đều nâng cốc chúc mừng suốt bữa ăn. Tiệc sắp tàn thì một người đàn ông lạ bước vào, cất giọng run run xin gặp riêng ông cả Extev, Extev liền đứng lên và đi ra ngoài.

- Thưa bác - người đàn ông nói - bác sắp sửa cưới một con lưu manh cho con trai bác, cô ta đã từng là tình nhân của cháu trong hai năm. Cháu xin chứng minh điều cháu nói: đây, bác xem thư từ đây này. Bố mẹ cô ta đều biết cả và đã từng hứa gả cho cháu, nhưng khi con trai bác tìm đến thì cả bố mẹ và bản thân cô ta đều xa lánh cháu. Cháu đã

từng định ninh rằng cô ta không bao giờ lại có thể làm vợ một kẻ khác.

- Thôi được! - Bác Extev nói sau khi đã ngó qua các bức thư - Anh hãy vào nhà uống chén rượu đã.

Người đàn ông trả lời:

- Xin cảm ơn bác! Cháu buồn phiền nhiều hơn là khát. Nói rồi anh ta bỏ đi.

Ông bố trở vào thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra; lại ngồi vào chỗ cũ và bữa ăn lại tiếp tục vui vẻ... cho đến khi tan tiệc.

Buổi tối ấy bác Extev và con trai cùng đi ra đồng và ở rất lâu ngoài đó. Lúc họ trở về, bác gái vẫn còn chờ.

- Bà nó ạ! - ông chủ trại vừa nói vừa đẩy con trai về phía bà - bà hãy hôn con đi, nó đang đau khổ đấy...

*

* *

Jăng không nhắc nhở gì đến cô nàng tỉnh Acloer nữa. Nhưng anh vẫn yêu cô ta, và càng yêu hơn bao giờ khi được xác minh rằng cô ta nằm trong tay kẻ khác. Tuy vậy, anh rất gan lì, không hé răng thổ lộ một lời nào hết; đó chính lại là điều đã giết anh chàng thiếu niên tội nghiệp!... Có lúc anh vùi đầu vào một xó, nằm một mình suốt ngày không nhúc nhích, nhưng có ngày anh lại lao ra đồng làm như điên

như đại, một mình làm hơn cả mười người làm công cộng lại... Chiều đến, anh lững thững đi theo con đường lên tỉnh Aclor và cứ đi, đi mãi cho đến khi anh nhìn thấy những gác chuông mảnh mai của thành phố vươn lên trong ánh chiều sắp tắt. Lúc bấy giờ anh mới trở về. Không bao giờ anh đi xa hơn nữa.

Thấy anh lúc nào cũng lủi thủi một mình, mọi người trong trang trại không biết làm thế nào hơn cho anh khuấy khoả. Họ e sợ một sự rủi ro. Một lần, nhân lúc ngồi ăn, mẹ anh, nước mắt lưng tròng, nhìn anh nói:

- Này Jăng, con hãy nghe mẹ, nếu con một mực muốn lấy nó thì bố mẹ sẽ cưới cho con.

Ông bố then đỏ mặt khẽ cúi đầu...

Jăng lắc đầu và đi ra ngoài.

Từ hôm đó, anh thay đổi hẳn cách sống, lúc nào cũng giả bộ vui vẻ để bố mẹ yên tâm. Người ta lại thấy anh đi khiêu vũ, vào tiệm ăn, đi dự ngày hội đóng dấu bò⁽¹⁾. Hôm bầu cử ở Fôngviây, anh lại là người dẫn đầu đám nhảy farandôn.

Ông bố bảo: “Thằng bé đã bình phục rồi”. Nhưng bà mẹ thì vẫn cứ thấy sờ sợ và càng để ý đến con hơn... Jăng ngủ với Cadê ở sát ngay chuồng nuôi tằm; bà già tội nghiệp cũng kê cho mình một chiếc giường nằm ở cạnh buồng các

⁽¹⁾ Ngày hội đóng dấu bò (ferrande) Ngày hội ở nông thôn vùng Aclor và Prôvăngxơ đóng dấu sắt nung đỏ vào bò, ngựa

con trai... Những nông tâm có thể cần đến sự chăm sóc của bà lúc đêm hôm.

Vào ngày lễ thánh Elôi, ông tổ nội trợ.

Cả trang trại tung bừng vui chơi. Có rượu nho Satônóp⁽¹⁾ cho mọi người và rượu vang chín uống như nước mưa từ trên trời đổ xuống. Rồi pháo nổ ran, pháo bông sáng rực trên sân, đèn lồng rực rỡ treo đầy cành cây sên. Hoan hô thánh Elôi! Người ta nhảy faradôn đến chết. Cadê bị cháy cả chiếc áo dài mới tinh. Bản thân Jăng cũng tỏ vẻ hài lòng; anh còn muốn cùng nhảy với mẹ làm bà mẹ tội nghiệp phát khóc lên vì sung sướng.

Nửa đêm, mọi người đi nằm. Ai cũng kể lại rằng anh mình khóc nức nở suốt đêm. Chào ôi! chắc hẳn là anh bị dày vò đau đớn lắm...

*

*

*

Sáng đến, vào lúc trời vừa rạng, bà mẹ bỗng nghe thấy có ai chạy qua buồng mình. Như có một linh tính báo cho bà:

- Jăng, có phải con đấy không?

⁽¹⁾ Rượu nho Satônóp (Châteauneuf - du -Pape): Vùng trồng nho, làm rượu vang nổi tiếng ở gần tỉnh vinhông miền Nam nước Pháp.

Jăng không trả lời; anh đã chạy tới cầu thang. Bà mẹ vội vùng dậy:

- Jăng, con đi đâu đấy?

Jăng leo lên vựa lúa, bà mẹ lên theo.

- Trời đất ơi, con trai tôi!

Anh đóng cửa và cài chốt.

- Jăng, con trai bé bỏng của mẹ, trả lời mẹ đi con. Con định làm gì vậy?

Đôi tay già nua run run lần theo cửa... Một cánh cửa sổ bật tung ra, tiếp theo là tiếng một thân người rơi huych xuống sàn gạch và chỉ có thể thôi...

Đứa con tội nghiệp hẳn đã tự nói rằng: "Tôi yêu cô ta quá... Tôi ra đi đây". Ôi! những trái tim khốn khổ của con người chúng ta! Sự khinh bỉ không có thể giết nổi tình yêu thì âu cũng là điều hơi quá!...

Buổi sáng đó dân làng hỏi nhau có tiếng ai gào khóc ở phía trang trại Extev...

Đó là tiếng khóc thảm thiết của một người mẹ hãy còn mặc áo ngủ trong sân trại đang ôm đứa con chết vào lòng trước một chiếc bàn đá ướt đầm máu và sương đêm.

NHỮNG VÌ SAO

Chuyện chàng chăn cừu xứ Prôvăngx

Hồi chăn cừu trên núi Luyborông⁽¹⁾, tôi sống thui thủi một mình giữa đồng cỏ với con chó nhỏ Labri⁽²⁾ và đàn con chiên của mình, hàng tuần lễ liền không thấy một bóng người. Dăm thì mười họa, có thầy tu ẩn ở núi Luya⁽³⁾ qua đây kiếm lá cây làm thuốc hoặc tôi gặp bộ mặt đen nhẻm của một anh thợ dệt than xứ Piemông; nhưng họ là những con người chất phác quen lâu ngày sống hiu quạnh nên dăm

⁽¹⁾ *Luyborông*, nguyên văn *Luberon*: dãy núi với vùng Prôvăngx

⁽²⁾ *Labri* nguyên văn *Labri*: Tên gọi một loại chó mục canh cừu ở vùng Prôvăngx

⁽³⁾ *Núi Luya*, "Mont - de - l'Ure": Tên một dãy núi vùng Prôvăngx, nơi trước kia thường có những cuộc hành hương.

ra lắm lì, mất hẳn khiếu nói năng và chẳng biết mô tê gì về các chuyện trong làng ngoài tỉnh mà người ta đang bàn tán dưới kia. Vì vậy, cứ mười lăm ngày một lần, hễ nghe thấy ở phía đường lên núi tiếng nhạc của con la trại nhà mang lương ăn nửa tháng đến cho tôi và trông thấy hiện lên dần dần trên đầu dốc bộ mặt lầu lỉnh của thằng bé *miarô*⁽¹⁾ (thằng nhỏ của trại) hoặc chiếc khăn chùm màu đỏ hoe của thím Norát là tôi lại thật sướng như bắt được vàng. Tôi đòi họ kể cho nghe chuyện làng trên xóm dưới, chuyện lễ rửa tội, chuyện cưới xin; nhưng điều tôi quan tâm hơn cả là tin tức về con gái ông bà chủ, tiểu thư Xtêfanét của chúng tôi, cô thiếu nữ xinh đẹp nhất vùng xung quanh mười lăm dặm này. Làm ra vẻ vô tình như vui miệng hỏi chơi, tôi hỏi thăm nàng có hay đi hội không, có năng dự những tối vui không, có còn nhiều chàng trai tới dòm ngó không; và nếu ai bảo cái thân phận chần cừ nghèo hèn trên núi như tôi thì hỏi những chuyện ấy làm gì, tôi sẽ trả lời rằng tôi đương tuổi hai mươi mà đối với tôi thì nàng Xtêfanét lại là người đẹp nhất trần đời.

Thế rồi một chủ nhật nọ, tôi chờ chuyển tiếp phẩm nửa tháng, lần này nó tới muộn quá. Sáng ra tôi nghĩ bụng: “Tại cái lễ chính misa đây”; rồi đến trưa một con đông lớn ập tới, tôi lại cho rằng đường xấu, con la chưa thể ra đi được. Cho mãi đến khoảng ba giờ, trời quang mây, sườn núi lấp lánh nước mưa và ánh nắng mặt trời, giữa tiếng nước rỏ giọt trên cành lá và tiếng suối lú dăng trào bờ, bỗng vắng đến tai

⁽¹⁾ *Miarô*, nguyên văn *Miorro*, theo nghĩa đen là con lợn lót chuông (lợn bé nhất) trong một lứa lợn đẻ, ở đây gọi theo nghĩa thằng nhỏ trong hàng những gia nhân

tôi tiếng nhạc la, sao mà nghe nó vui, nó rộn ràng đến thế, chả khác nào tiếng chuông nhà thờ reo đổ hồi trong ngày lễ Phục sinh. Nhưng không phải thằng bé *Miarô*, cũng chả phải là thím *Norát* đi la lên. Mà là... xin thử đoán ai nào? Là tiểu thư nhà ta anh em ạ! Tiểu thư đích thân đến, ngồi ngay ngắn trên mình la, giữa những chiếc giỏ mây, da dẻ ửng hồng vì gió núi và khí trời mát sau trận mưa đông.

Thằng nhỏ bị ốm, còn thím *Norát* thì nghỉ phép về thăm con. Nàng *Xtêfanet* xinh đẹp từ trên mình la tụt xuống, báo cho tôi như vậy; nàng còn nói thêm rằng vì lạc đường cho nên đã tới chậm. Nhưng cứ xem nàng ăn mặc diêm dúa như thế kia: nào băng tết hoa trên đầu, nào váy lằng lọng và những dải dăng ten thì nàng có vẻ mãi vui trong đám nhảy múa nào hơn là dò dẫm tìm đường qua bụi rậm. Ôi, người đầu mà xinh làm vậy! Tôi nhìn nàng không chán mắt. Thực tình mà nói, tôi chưa bao giờ được nhìn nàng gần như thế. Về mùa đông, khi cừu đã lùa xuống đồng bằng, tôi về trại ăn cơm chiều, thỉnh thoảng thấy nàng đi ngang qua phòng chúng tôi, chân bước thân thoát, chẳng mấy khi nói với kẻ ăn người ở, lúc nào cũng diện ngất, và hơi ra vẻ kiêu kỳ... Thế mà bây giờ nàng đứng kia, ngay trước mặt tôi, dành riêng cho mình tôi, vậy thì bảo tôi không bối rối làm sao được?

Xtêfanet trút hết lương thực để trong giỏ ra rồi tò mò đưa mắt ngó xung quanh. Nàng khẽ vén chiếc váy đẹp mặc ngày chủ nhật lên cho khỏi lấm, bước vào sân lán nhót cừu⁽¹⁾; nàng muốn xem nơi tôi ăn ở: chiếc ổ rơm với tấm áo

⁽¹⁾ *Lán nhót cừu*: nguyên văn là "pare": bãi phẳng có rào phen để nhốt cừu.

cừu, cái áo tơ rộng thùng thình treo trên vách, chiếc gậy, khẩu súng kíp. Cái gì nằng cũng thấy hay hay.

- Thế mục đồng ăn ngủ ở đây à, rõ khổ thân. Sống một thân một mình mà như thế này thì buồn lắm nhỉ. Hàng ngày mục đồng làm gì? Mục đồng⁽¹⁾ nghĩ gì?

Tôi những muốn thưa: "Nghĩ đến cô, cô chủ ạ" và nói như thế mới chẳng dối lòng mình: nhưng bối rối quá nên tôi không nghĩ ra được một lời nào. Chắc hẳn nhận thấy như vậy nên cô nằng tai ác lấy làm thú vị, chêu chọc tôi luống cuống thêm.

- Mục đồng ơi, thế cô bạn vàng của mục đồng có hay lên đây thăm không? Cô ấy hẳn phải như con nai vàng hay nằng tiên Extêrel⁽²⁾ chỉ quen nhón chân băng qua các đỉnh núi thôi nhỉ.

Nhưng trong lúc nói chuyện với tôi, chính cô mới nom hệt nằng tiên Extêrel với cái điệu cười duyên dáng, đầu ngoe ra sau và cái vẻ vội vã ra về làm cho cuộc tới thăm của cô khác nào một nằng tiên hiền hiện.

"Thôi, mục đồng nghỉ nhé".

- Xin chào cô chủ.

⁽¹⁾ *Mục đồng*, ở đây, tác giả dùng đại từ nhân xưng "tu" (mày) khi nói chuyện để gọi anh chăn cừu nhưng theo nghĩa ngôn từ Pháp, "tu" (tuy) thường dùng trong cả nghĩa gọi thân mật, gia đình; Xtéfanét vừa là cô chủ gọi người đầy tớ nhưng lại vừa có ý thân mật, nếu dịch là "mày" hay "anh" đều không ổn, vì vậy xin dịch bằng cách nhắc lại "*mục đồng*" là đại từ thay cho "tu".

⁽²⁾ *Nằng tiên Extêrel* (La fée Estérelle) theo truyện kể ở ngọn núi Extêrel trên dãy Anpi vùng Provăngx. (N.D).

Thế là nàng đi mất, mang theo những chiếc giỏ rỗng.

Khi nàng đã khuất vào con đường dốc nhỏ, tôi cảm thấy đá sỏi lăn dưới móng chân la, lại như đang từng viên một rơi vào trái tim tôi. Tôi còn nghe thấy mãi, thấy mãi tiếng sỏi rơi rơi và, cho đến chon ngày hôm ấy, tôi cứ băng khuâng không dám cất nhắc một việc gì, chỉ sợ tan mất giấc mộng vàng. Về chiều, khi lòng thung lũng đã ngả màu lam và đàn vật kêu be be chen lẫn nhau về chuồng; tôi bỗng nghe thấy ai gọi tôi ở phía dưới dốc rồi thấy tiểu thư của chúng tôi hiện ra nhưng không phải tươi cười như hồi nãy mà run lên cầm cập vì rét, vì sợ, vì ướt. Đâu như xuống hết chân đồi, nàng đã gặp con suối Xoócơơ⁽¹⁾, nước lũ dâng to sau trận mưa đông và nàng muốn qua bằng được nên đã xuyết chết đuối. Gay một nỗi đêm hôm khuya khoắt vào giờ này không hòng gì về trại được nữa vì đi đường tắt thì tiểu thư chẳng thể một mình tìm ra lối, còn tôi thì không thể bỏ đàn cừu mà đi được. Nghĩ đến chuyện phải ở lại đêm trên núi, lòng nàng rất bồn chồn, nhất là sợ bố mẹ ở nhà lo lắng. Tôi có lựa lời an ủi:

- Đêm tháng bảy ngắn thôi cô chủ ạ... Chỉ chịu khó thoáng một lúc là hết thôi.

Tôi vội nhóm một đồng lửa to để nàng hơ chân và hong bộ áo bị ướt sũng nước suối Xoócơơ. Sau đó, tôi mang sữa và một ít bánh pho mát ra đặt trước mặt nàng; nhưng cô bé tội nghiệp chẳng còn bụng dạ nào nghĩ đến sưởi, đến ăn, và

⁽¹⁾ Suối Xoócơơ (Sorgue) một nhánh của sông Rôn.

ngó đôi mắt nàng đắm lệ, bản thân tôi cũng muốn khóc theo nàng.

Trời tối hẳn. Vầng dương chỉ còn để vương lại một chút bụi vàng trên đỉnh núi, một làn ánh sáng mong manh phía mặt trời lặn. Tôi có ý để tiểu thư của chúng tôi vào nghỉ trong lán. Tôi rải một tấm da cừu đẹp, mới tinh xuống cái ổ rơm mới, tôi chúc nàng ngủ ngon rồi ra ngồi ngoài cổng... Có trời chứng giám, ngọn lửa tình rừng rực đốt cháy lòng mà tôi không hề có một ý nào mờ ám, chỉ thấy xôn xang niềm tự hào vô hạn khi nghĩ rằng ở góc lán kia, ngay sát bên đàn cừu đang ngơ ngác nhìn nàng, cô con gái của ông bà chủ tôi - như một con cừu non quý giá nhất, trắng ngần nhất trong đàn - đang nằm nghỉ, trao cho tôi canh giấc ngủ cho nàng. Chưa bao giờ trời thăm thẳm và sao sáng như đêm nay...

Bỗng cánh liếp che lán xịch mở và nàng Xtéfanét xinh đẹp hiện ra. Nàng đã không sao chợp mắt được. Cừu cựa mình làm rơm sột soạt hoặc ngủ mê kêu be be. Nàng thích ra ngồi cạnh đồng lửa hơn. Thấy vậy, tôi choàng lên vai nàng tấm da cừu của tôi, thổi lửa bốc to hơn, và hai chúng tôi cứ thế ngồi bên nhau, chẳng nói một lời. Nếu đã có lần nằm ngoài trời suốt đêm, hẳn bạn thừa biết giữa lúc chúng ta ngủ thì cả một thế giới huyền bí bừng dậy trong cảnh cô quạnh và u tịch. Lúc ấy suối reo rõ hơn, đầm ao nhen lên những đốm lửa nhỏ. Mọi hồn thiêng của núi rừng được thả sức tự do, đi mây về gió, và văng vẳng trong không gian những tiếng sột soạt, những tiếng rung khe khẽ, tưởng đâu đây cành cây đang vươn dài và cỏ non đang mọc. Ban ngày

là cuộc sống của chúng sinh còn ban đêm là cuộc sống của cỏ cây. Không quen thì dễ sợ... Cho nên tiểu thư của chúng ta cứ mỗi lần nghe thấy một tiếng động nhỏ là đã run lên và nép sát vào người tôi. Một lần, từ mặt phía đầm lấp lánh dưới kia nổi lên một tiếng kêu kéo dài, náo nức, ngân vang rền rền tới phía chúng tôi ngồi. Cũng vừa lúc một vì sao rực rỡ đổi ngôi, lướt trên đầu chúng tôi về cùng một hướng đó, dường như tiếng than vãn mà chúng tôi vừa nghe thấy kia đã mang theo một luồng ánh sáng.

- Cái gì thế? - Xtêfanét khe khẽ hỏi.

- Có một linh hồn lên thiên đàng, cô chủ ạ." - nói rồi tôi làm dấu thánh.

Nàng cũng làm theo và cứ ngồi ngửa cổ như thế một lát, vẻ rất trầm ngâm. Sau, nàng hỏi:

- Mục đồng ơi, hoá ra bọn các anh đều là phù thuỷ cả đấy à?

- Đâu phải thế ạ, thưa tiểu thư. Trả là ở đây chúng tôi sống gần trăng sao hơn là người dưới đồng bằng nên biết rõ hơn những chuyện xảy ra ở trên trời.

Nàng vẫn ngước mắt lên cao, tay đỡ lấy đầu, vai khoác tấm da cừu, nom nàng như chú mục đồng của nhà trời.

- Nhiều sao quá! Đẹp quá kia! Chưa bao giờ tôi thấy nhiều sao như thế này. Mục đồng có biết tên các ngôi sao không?

- Dạ có, thưa cô chủ. Đây này, ngay trên đầu chúng ta là *Con đường thánh Jắc* (sông ngân hà)⁽¹⁾. Nó xuyên thẳng một mạch từ Pháp sang Tây ban nha. Chính là thánh *Giắc đơ Galix*⁽¹⁾ đã vạch ra nó để chỉ đường cho Sáclomanhơ dừng cầm tiền đánh giặc Xaradanh⁽²⁾. Xa hơn một chút là chiếc linh xa (đại hùng tinh) với bốn trục xe sáng rực. Ba ngôi đi trước là ba con vật kéo xe, và ngôi nhỏ tí tẹo ở sát ngôi thứ ba là *người đánh xe*. Tiểu thư có thấy khắp xung quanh đám mưa sao đang rơi xuống kia không? đó là những linh hồn mà Đấng thượng đế anh minh đã cấm cửa... Phía dưới một chút là sao *Bừa cào* hay còn gọi là *Ba ông vua* (Oriông). Mục đồng chúng tôi coi chòm sao này như chiếc đồng hồ. Cứ nhìn vào đây là tôi biết bây giờ đã quá nửa đêm. Phía dưới một chút nữa, vẫn theo hướng nam sáng rực ngôi sao *Chàng Jăng xứ Milăng*⁽³⁾, ngọn đuốc của muôn ngàn tinh tú (Xiriuytx)⁽⁴⁾. Dân mục đồng thường kể chuyện ngôi sao ấy như thế này: Hình như có một đêm, *Chàng*

⁽¹⁾ *Con đường thánh Jắc* (Chemin de saint Jaques): Ngân hà, đường chỉ phương hướng hành hương đến thành phố Xanh Jắc đơ Cômpostel (Saint-Jacques-de-Cômptelle)

⁽¹⁾ *Galix* (Galice): tên một tỉnh ở Tây ban nha; thủ phủ của tỉnh này là Xanh Jắc đơ Cômpostel.

⁽²⁾ *Xaradanh* (Sarrasins): Tên gọi quân A rập thời trung cổ xâm lược châu Âu và châu Phi.

Các chi tiết về thiên văn học dân gian viết ở đây đều dịch từ niên giám xứ Prôvăngx xuất bản ở Avinhông (theo chú thích của tác giả).

⁽³⁾ và ⁽⁴⁾ *Chàng Jăng xứ Milăng* (Jean de Milan): chỉ ngôi sao Sirius (Xiriuytx, Langtinh). Jăng đơ Milăng vốn là nhà biên soạn những ngạn ngữ la tinh cổ. Người ta không hiểu vì sao Jăng đơ Mikăng lại được dân gian biết đến thế và lấy tên ông đặt cho sao Xiriuytx.

Jăng xứ Milăng cùng Ba ông vua và sao Rua (Pléiad)⁽¹⁾ được mời đến ăn cưới một sao bạn. Sao *Rua* ý chừng suốt ruột - người ta kể như vậy - nên vội theo con đường phía trên đi trước. Tiểu thư nhìn lên mà xem ngôi sao ấy chỗ cao tít cuối trời kia. *Ba ông vua* đi tắt đường phía trên đuổi kịp; riêng *Chàng Jăng xứ Milăng* lười biếng thì ngủ quên, bị tụt lại phía sau liền bực mình quăng ngay chiếc gậy để cản đường họ. Bởi thế nên người ta gọi chòm sao *Ba ông vua* là *Chiếc gậy của Chàng Jăng xứ Milăng*. Nhưng cô chủ ạ, ngôi sao đẹp nhất trong thế giới những vì sao lại là ngôi sao của chúng tôi, *Ngôi sao mục đồng*, nó soi đường cho chúng tôi lùa cừu ra bãi lúc rạng đông và đưa chúng về chuồng lúc chiều tà. Chúng tôi còn gọi ngôi sao ấy là *Magolon*, nàng *Magolon* xinh đẹp chạy theo chàng *Pie xứ Prôvăngx* (sao thổ) và cứ bảy năm một lần lại kết hôn với chàng⁽²⁾.

- Thế nào cơ, hã mục đồng, lại có cả chuyện các vì sao cười nhau nữa cơ à?

- Có chứ ạ, thưa cô chủ.

Và trong khi tôi cố giảng cho nàng thế nào là đám cưới sao thì tôi cảm thấy như có một cái gì mát rượi và mịn màng để nhẹ nhẹ xuống vai tôi. Thì ra đầu nàng nặng trĩu vì buồn ngủ đã ngã vào tôi với tiếng sột soạt êm ái của những dải đăng ten và làn tóc mây gợn sóng. Nàng cứ ngồi

⁽¹⁾ *Pléiad* (Pleiade còn gọi là Poussiniere): tên gọi một chòm sao nhỏ trên bắc bán cầu. Theo huyền thoại phương Tây, *Pléiad* (sao Rua) là tên gọi bảy người con gái của *Atlátx* (thần Núi) đã giết hại lẫn nhau và biến thành những ngôi sao.

⁽²⁾ Chuyện cưới sao này lấy trong truyện cổ thấy tu *Bécna* đơ *Trêviê* "*Đám cưới Magolon và Pie xứ Prôvăngx*"

yên như thế, không nhúc nhích cho đến khi ngàn sao trên trời mở dần, nhòa đi trong buổi ban mai đang rạng. Còn tôi tôi nhìn nàng ngủ, đầy lòng hơi sao xuyên nhưng vẫn giữ được mình vì đêm sao sáng kia bao giờ cũng đem lại cho tôi những ý nghĩ cao đẹp. Quanh hai chúng tôi, ngàn sao vẫn tiếp tục cuộc hành trình trầm lặng ngoan ngoãn như một đàn cừu lớn; và đôi lúc, tôi tưởng đâu một trong những ngôi sao kia, ngôi sao thanh tú nhất lạc mất đường đi đã đậu xuống vai tôi và thêm thiếp giấc nồng...

CON LA CÁI CỦA GIÁO HOÀNG

Trong tất cả những câu tục ngữ, ngạn ngữ hoặc thành ngữ mà người nông dân xứ Prôvăngx dùng để tô điểm cho đậm đà những câu chuyện của mình, tôi chưa thấy một câu nào hình ảnh hơn và độc đáo hơn câu đây. Có đến mười lăm dặm quanh chiếc cối xay của tôi, hễ nói tới một kẻ nào hay hiểm khích, hằn thù là người ta lại bảo: "Với con người đó thì phải coi chừng!... hằn như con la của Giáo hoàng đã để giành cú đá hậu của nó suốt bảy năm".

Tôi đã mất nhiều thời gian tìm hiểu xuất xứ của câu châm ngôn đó để xem con la cái của Giáo hoàng và cú đá hậu của nó được để giành suốt bảy năm là cái gì. Không một ai ở đây có thể giảng giải được cho tôi, ngay cả ông già thối sáo Frăngxi Mamai thân mến là người am hiểu ngọn nguồn pho truyện huyền thoại xứ Prôvăngx mà cũng chịu. Frăngxi đồng ý với lời rằng trong truyện này có một sự tích gì của xứ Avinhông⁽¹⁾ nhưng bản thân ông cũng chẳng biết gì hơn ngoài câu thành ngữ đó. Ông già thối sáo liền cười bảo tôi:

⁽¹⁾ Avinhông: nơi các Giáo hoàng ở, vào thế kỉ XIV (1309 - 1378).

"- Ông chỉ có thể tìm hiểu được chuyện đó trong thư viện Xigalơ⁽¹⁾ mà thôi".

Một ý kiến hay. Tôi nghĩ vậy và vì thư viện ở ngay xế cửa nhà nên tôi đã vui mình vào đấy trong tám ngày.

Đó là một thư viện tuyệt diệu, tổ chức thật tài tình, mở cửa suốt ngày đêm đón các nhà thơ và do những thủ thư rất trẻ trung chơi chũm chọe phục vụ; suốt ngày họ cử nhạc cho nghe. Tôi đã qua đây những ngày thật thú vị và sau một tuần lễ lăn lung vào và sưu tầm, cuối cùng tôi đã khám phá ra điều tôi biết, nghĩa là về câu chuyện con la cái và cú đá hậu nổi tiếng giữ gìn suốt bảy năm qua của nó. Câu chuyện hay tuyệt mặc dầu hơi ngổ nghĩnh và tôi đã cố kể lại đúng như điều tôi đã đọc được sáng hôm qua trong một bản thảo đã đượm màu thời gian, còn sục nức lá oải hương khô và có những dải tơ trắng Viecgior to dùng để đánh dấu trong sách.

Ài chưa thấy Avinhông vào thời các Giáo hoàng⁽²⁾ thì coi như chưa thấy gì hết. Về các mặt sinh hoạt vui tươi, nhộn nhịp, hội hè liên miên thì chưa có một thành phố nào sánh kịp. Suốt ngày, từ sáng sớm đến tối là những đám rước, những cuộc hành hương trên các phố xá rắc hoa, căng thảm rệt sợi dọc, là những tàu thuyền trương cờ trở các hồng y giáo chủ cập bến sông Rôn, lá cờ đuôi nheo phân phật trước gió, là tiếng hát bằng tiếng Latinh của binh lính

⁽¹⁾ Xigalơ (Cigales): Hội văn nghệ (Cigalieres) được lập ra ở vùng Prôvăngxơ.

⁽²⁾ Thời các Giáo hoàng ở Avinhông: Từ 1309 - 1378, các Giáo hoàng đều ở Avinhông (thủ đô lãnh địa Venétxanh ở Đông Nam nước Pháp), người Ý gọi đó là tình trạng bị lệ thuộc của Babylon. Từ 1378 - 1415 vẫn còn có những giáo hoàng ở Avinhông kinh địch với những Giáo hoàng ở Rô-ma.

Giáo hoàng trên các quảng trường, tiếng mõ của những thầy tu đi quyền giáo; rồi từ những ngôi nhà chen chúc nhau quanh cung điện đồ sộ của Giáo hoàng, tầng cao chí tầng thấp phát ra tiếng vo vo như những con ong bay quanh tổ, lại còn tiếng lách cách dẹt dăng ten, tiếng thoi đưa đều đều dẹt chỉ vàng cho những áo trùng hành lễ, tiếng búa xinh xẻo của thợ chạm bình rượu thánh, tiếng thử lại bản hòa thanh trong nhà người sửa đàn dây, tiếng chị em thợ dẹt tung thánh kinh; vút bỗng lên trên hết là tiếng chuông rung và ở đằng kia, bên phía cầu bao giờ cũng vang lại bập bùng tiếng trống cơm. Số là ở quê hương chúng tôi, dân chúng mà hủ hê trong làng thì họ phải nhảy, nhưng thời đó, phố phường còn quá ư trật hẹp, không thể nhảy farandôn được, nên sáo, trống phải đưa lên mặt cầu Avinhông và, đêm lại đêm, ngày lại ngày, người ta nhảy, người ta nhảy trong làn gió mát rười rượi từ sông Rôn thổi về. Chà! Thời sung sướng! Thành phố sung sướng! Gươm đao chẳng để chém đứt đầu ai; nhà tù làm nơi ướp lạnh rượu vang. Không khi nào đói khát, không khi nào loạn lạc. Xem đấy đủ biết các Giáo hoàng trong xứ giáo Côngta⁽¹⁾ đã biết cai quản dân như thế nào, đủ biết vì sao dân chúng lại luyến tiếc họ đến thế.

⁽¹⁾ Côngta (Comtat Venaissin) tồn tại dưới quyền Giáo hội từ 1274 - 1791, nằm trong vùng Vancluse, thuộc nước Pháp trước.

*

*

*

Đặc biệt các Giáo hoàng, có một lão ông phúc hậu gọi là Bônitax... Chà chà! con người ấy, biết bao nhiêu nước mắt đã giở xuống Avinhông khi ngài qua đời. Đó là một ông hoàng mới dễ thương làm sao! Nhắc thấy bạn đằng xa, từ trên mình la ngất ngểu, ngài đã nở một nụ cười thân hữu biết bao! Và khi bạn đi sát lại gần thì cho dù bạn là một anh chàng dẹt vải khố rách áo ôm hay một vị phán quan nhân danh thánh thượng đi nữa thì ngài cũng ban phúc rất lễ độ cho bạn! Quả là một Giáo hoàng thật sự Yvotô⁽¹⁾ nhưng là một Yvotô của xứ Prôvăngx với cái cười hóm hỉnh, chiếc mũ miện đội đầu cài nhành cây kinh giới và không có một cô nàng Janotông⁽²⁾ nào hầu hạ. Nàng hầu duy nhất của đức cha nhân đức là vườn nho - một vườn nho nhỏ do chính tay ngài trồng ở cách Avinhông ba dặm, trên đồi sim Satônóp⁽³⁾.

Chủ nhật nào cũng vậy cứ mãi buổi cầu kinh vẫn khóa là Đấng chí tôn lại ân cần đến ngay với vườn nho và sau khi lên tới đó, ngồi dưới nắng ấm mặt trời, con la cái đứng bên, xung quanh là những hồng y giáo chủ nằm dài kể những

⁽¹⁾ *Yvotô*: Ý nói về vua xứ Yvotô (*Le Roi d'Yvetot*) một điển hình hiện hành, nhu nhược trong văn học.

⁽²⁾ *Janotông* (Jeanneton): Con hầu theo tập quán phục dịch các Giáo hoàng.

⁽³⁾ *Satônóp* (Châteauneuf - du - Pape): Vùng trồng nho nổi tiếng cách Avinhông 12km.

gốc nho, ngài liền sai mở bình rượu cây nhà lá vườn ra, một thứ rượu ngon màu hồng ngọc được mang tên đây là vang Satônóp của các Giáo hoàng - và ngài nhấp từng hớp, mắt say sưa nhìn vườn nho của ngài. Rồi, khi bình rượu đã cạn và chiều đã sế tà, ngài phờn phơ trở lại thành phố cùng với toàn thể đám giáo hội tùy tùng. Lúc qua cầu Avinhông giữa tiếng trống và điệu nhảy farandôn, con la cái của ngài cao hứng trước tiếng nhạc, liền nhún nhảy đi một nước kiệu, còn bản thân ngài cũng đánh nhịp bằng chiếc mũ miện Giáo hoàng khiến cho các vị hồng y giáo chủ rất khó chịu nhưng dân chúng thì lại đồng thanh trầm trồ: “Chà! Ông hoàng hiền đức! Chà! Đức giáo hoàng nhân ái!”...

Sau vườn nho Satônóp, cái mà Giáo hoàng ưa thích nhất trên cõi đời này là con la của ngài; đáng bẽ trên chệt mê chệt mệt vì con vật ấy. Tối nào cũng vậy, trước khi đi ngủ, bao giờ ngài cũng tới chỗ nó ăn nằm xem cửa giả đóng cẩn thận chưa, máng ăn của nó có vơi không và chả khi nào ngài rời bàn ăn mà không coi tận mắt người ta pha chõ la một vại tương rượu vang kiểu Pháp với rất nhiều đường và chất thơm. Tự tay ngài thân chinh mang rượu đến lại cho la, chẳng kể gì đến phản ứng của các hồng y giáo chủ... Của đáng tội, con vật cũng xứng đáng được nuông chiều như thế kia. Đó là một con la thật đẹp, mình đen đóm đỏ, chân khỏe, lông bóng mượt, mông to và nở; nó kiêu hãnh với cái đầu nhỏ nhắn được thăng bộ đủ thứ: nào búp len, nào dải tết nơ, nào nhạc bạc, nào chùm tua màu; với tất cả cái mẽ ngoài hiền như bọt ấy, cộng theo cặp mắt ngây thơ, đôi tai dài luôn luôn ve vẩy, la có cái vẻ một đứa trẻ ngoan ngoãn. Cả Avinhông trọng vọng nói, và, mỗi lần nó đi ngoài phố

thì chẳng còn thiếu cách gì biểu lộ hơn nữa sự vốn vã của mọi người đối với nó bởi vì ai ai cũng biết rằng đó là cách hay nhất để được bề trên để mắt tới và, tuy bề ngoài có cái vẻ ngây thơ như vậy, con la cái của Giáo hoàng đã từng đưa không phải ít kẻ đến vinh hoa phú quý; Tixtê Vêden và câu chuyện phưu lưu ly kỳ của gã là một dẫn chứng.

Tên Tixtê Vêden này vốn là một thằng bé trăng tráo; bố nó, ông Guy Vêden làm nghề chạm vàng bạc phải buộc lòng tống cổ nó đi vì chẳng chịu làm ăn gì cả và còn làm hư hỏng bọn thợ học việc. Suốt sáu tháng liền người ta thấy nó kéo lê chiếc áo gia kết của nó khắp các phố phường thành phố Avinhông và đặc biệt là ở phía nhà Giáo hoàng bởi vì thằng ranh đã có rắp tâm gì đó từ lâu về con la của ngài. Rồi bạn sẽ thấy ở đây một cái trò xỏ lá cho mà xem... Một hôm, nhân lúc Đấng chí tôn đang dạo chơi một mình với con la của ngài trên bờ thành thì Tixtê bỗng từ đâu bước lại gần chấp tay tỏ vẻ thần phục, thưa với ngài :

“- Ái chà! Lạy chúa tôi! Trình cha bề trên, sao mà người có được con la quý hóa đến thế! Người cho phép con được chiêm ngưỡng nó một chút... Trời đất ôi! Trình đức Giáo hoàng, con la mới đẹp làm sao!... Hoàng đế nước Đức cũng không có được một con la như vậy”.

Và hần vuốt ve con la, dịu dàng nói với la như nó với một công nương:

“Lại đây nào, hỡi vật báu của tôi ời, kho vàng của tôi ời, hòn ngọc châu chuốt của tôi ời!...”

Và đức Giáo hoàng phúc hậu rất xúc động bụng bảo dạ: “Cái thằng nhỏ này mới ngoan ngoan làm sao chứ!... Nó yêu con la của ta biết chừng nào!...”

Rồi ngày hôm sau, bạn có thể biết việc gì xảy ra không: Tixtê Vêden đổi chiếc áo gia kết màu vàng cũ rách của nó lấy một chiếc áo dài trắng đẹp viền đàng ten, một chiếc áo choàng có liền mũ bằng lụa tím, một đôi giày khóa vòng sắt rồi thàng bộ cánh mới, nó vào trường dạy thánh ca của Giáo hoàng, nơi xưa nay chỉ nhận con gái quý tộc và cháu các hồng y giáo chủ... Thì ra hắn đã lập mưu như vậy!... Nhưng Tixtê chẳng dừng lại ở đó.

Một khi lọt được vào hầu hạ Giáo hoàng rồi, thằng tiểu yêu vẫn tiếp tục cái trò đã giúp hắn thành công rực rỡ. Hắn hồn láo chẳng từ ai, chỉ chăm chăm săn sóc có một mình con la và người ta luôn luôn gặp hắn đi đi lại lại, sân trước, sân sau cung điện, tay cầm một nắm lúa mạch hoặc một bó hồng đậu. Hắn rung rung những chùm quả màu hồng một cách thật đáng yêu, vừa ngược lên bao lơn đức cha bề trên như muốn bảo: “Xem này!... Cho ai đây?...” Cứ thế và cứ thế, cho đến khi đức Giáo hoàng phúc hậu cảm thấy mình đã già yếu, phải giao cho hắn trông nom chuồng la và hàng ngày mang cho la bát rượu vang pha theo kiểu Pháp; việc này chẳng làm vui lòng các hồng y giáo chủ.

*

*

*

Ngay cả con la cũng chẳng vui vẻ gì trước việc làm đó... Bây giờ, cứ tới giờ uống vang là nó lại thấy dăm sáu thằng oắt nhạc sinh nhà thờ lọt vào chuồng của nó, chúng vội vội vàng vàng, cứ để nguyên áo choàng và đăng ten mà rúc vào đồng rơm; lát sau hương nồng của caramen và chất thơm bốc lên sục nức chuồng la và Tixtê Vêden bước vào, tay bê thân trọng một bát vại vang pha theo kiểu Pháp. Thế là cuộc hành tội con vật đáng thương bắt đầu.

Thứ vang thơm phưng phức đó mà la hằng ưa thích bấy lâu nay, thứ vang đã từng làm la ám bụng như chấp cánh cho la bay lên, bây giờ người ta lại bày trò tai ác mang vang vào tận máng ăn nhưng chỉ để cho la ngửi; sau khi lỗ mũi của la đã căng phồng hơi rượu thì: thôi nhé, đủ rồi! Làn rượu đẹp óng ánh hồng trời sạch vào họng bọn ăn chặn... Nào có thể thôi đâu, giả chúng chỉ uống hết rượu thì còn đi một nhẽ, đằng này rượu vào, cả lũ nhạc sinh thánh ca đó biến thành một lũ quỷ sứ. Thằng này kéo tai la, thằng kia lôi đuôi; thằng Kikê nhảy phốc lên lưng, thằng Bêluyghê thì chụp thử chiếc mũ lên đầu nó. Không một đứa nào trong bọn không nghĩ chỉ cần một cái hất cẳng hay một cú đá hậu, con vật hiền lành kia có thể hất tất cả chúng nó lên tận ngôi sao bắc đẩu và còn xa hơn nữa. Nhưng không! Con la của đức Giáo hoàng không phải con la thường, đó là la của

những phước lành và những sự bao dung!... Mặc cho lũ trẻ chêu chọc, nó chẳng lấy thế làm tức giận; nó chỉ cảm có một mình Tixtê Vêden. Hễ mà đánh hơi thấy thằng này đứng phía sau là cái móng giò của nó cứ ngứa ngáy và điều đó quả là có lý do. Cái thằng bất lương ấy đã chơi nó những vố đau chết điếng! Nốc rượu vào là y như rằng hấn lại bày ra nhiều trò chơi độc ác.

Chẳng phải chính hấn đó sao đã có một hôm nghĩ cách đưa con la lên gác chuông giáo đường ở trên cao, rất cao, chót vót nóc cung điện!... Điều tôi kể ra đây với các bạn chẳng phải chuyện bịa đâu, hai trăm ngàn dân xứ Prôvăngx đã mục kích việc này. Các bạn thử tưởng tượng con la đã kinh hoàng đến như thế nào sau khi đã mò mẫm suốt một giờ trên cầu thang xoáy tròn ốc, leo không biết bao nhiêu là bậc, bỗng tự dưng thấy mình chơi vơi giữa cái sân thượng chói chang ánh sáng; dưới chân cách xa mặt đất hàng ngàn "pié"⁽¹⁾, nó ngó thấy cả thành phố Avinhông kỳ ảo, quán chợ chẳng còn lớn hơn những hạt giẻ mấy tí; binh lính Giáo hoàng đứng trước doanh trại khác nào những con kiến đỏ và xa xa, chiếc cầu còn tí tẹo như treo trên một sợi chỉ bạc, ở đấy người ta nhảy, người ta nhảy... Ôi! Con vật đáng thương! Còn gì khủng khiếp hơn! Cửa kính cung điện đều rung lên vì tiếng rống của nó.

"Cái gì thế? Ai làm gì nó thế?" Đức Giáo hoàng phúc hậu kêu lên và nhảy xổ ra bao lơn.

⁽¹⁾ Pié (Pied): đơn vị đo ngày xưa ở Pháp bằng 0,324 mét

Tixtê Vêden đã đứng dưới sân, giả tảng khóc khóc mếu mếu, bứt tóc, bứt tai kêu trời:

“Ôi! Trình đức Cha chí tôn! Chẳng là con la của Người... Lay chúa tôi! Biết làm sao bây giờ? Con la của Người đã leo lên tận gác chuông...

- Nó lên được một mình sao???

- Vâng ạ, trình đức Cha chí tôn, nó lên có một mình... Thừa cha! Người hãy nhìn lên kia. Người có thấy cái đầu của nó thò lò ra ngoài không?... Trông cứ như đôi chim én ấy!

- Rõ khổ chưa! Đức Giáo hoàng tội nghiệp ngược mắt lên mà nói - Nó hóa rồ hóa dại rồi sao! Nó sẽ tự sát mất. Có xuống ngay không, con khốn khiếp!...

Than ôi! Nếu xuống được thì la còn cầu mong gì hơn nữa... nhưng xuống bằng đường nào mới được chứ? Đường cầu thang ư? nó nào dám xuống tới. Leo lên nữa còn được, chứ bước xuống thì tan xương nát thịt mất... Con la tội nghiệp cảm thấy đau sót vô cùng, nó quanh quẩn trên sân thượng, mắt hoa lên vì chóng mặt, nó nghĩ đến Tixtê Vêden:

“A! thằng trời đánh thánh vật, tao mà thoát được thì... mày sẽ biết cú đá của tao ngày mai như thế nào!”.

Ý nghĩ về cú đá ấy làm lòng nó nguội được phần nào, nếu không thì nó đã chẳng chịu nổi... Cuối cùng người ta cũng kéo được nó xuống. Các bạn ngắm mà xem nó đã hổ thẹn như thế nào; đường đường một con la của Giáo hoàng

mà thân treo lủng lẳng ở trên cao, bốn vó bơi bơi trong không khí, khác nào một con bọ hung buộc vào đầu một sợi chỉ. Và, cả thành phố Avinhông cũng nhìn thấy rõ mới chết chứ!

Con vật khốn khổ suốt đêm không ngủ được. Lúc nào nó cũng tưởng tượng mình hãy còn loanh quanh trên cái sân thượng đáng nguyên rữa kia, giữa tiếng cười cả thành phố từ phía dưới vang lên, rồi nó lại nghĩ đến thằng Tixtê Vêden đều cẳng, và cú đá hậu nên thân mà nó sẽ giành cho hấn buổi sớm mai. Chà! các bạn ạ, cú đá này mới khủng khiếp chứ! Cứ là tận Pămpêrigút⁽¹⁾ rồi cũng thấy khói bốc lên cho mà xem... Nhưng trong khi người ta chuẩn bị nghênh đón Tixtê Vêden trọng thể như vậy tại chuồng la thì bạn có biết hấn đang làm gì không? Hấn đang xuôi sông Rôn trên một chiếc thuyền của Giáo hoàng miêng nghèo ngao hát; hấn cùng đám thanh niên quý tộc đi tới triều đình Nápơ, nơi mà Avinhông hàng năm vẫn gửi người sang bên nữ hoàng Gian⁽²⁾ để học khoa ngoại giao và các kiểu cách lễ tân lịch sự. Tixtê không phải quý tộc nhưng Giáo hoàng đã quyết định ban thưởng hấn về công lao săn sóc con vật của ngài và đặc biệt vì những hoạt động tích cực của hấn hôm cứu la xuống.

Thế là ngày hôm sau, la ta đành tui nghỉ!

⁽¹⁾ *Pămpêrigút*: tên gọi một xứ sở tưởng tượng để kể chuyện cho trẻ con (*Pamperigouste*).

⁽²⁾ *Nữ hoàng Gian*: (La reine Jeanne); Hoàng hậu Gian đệ nhất xứ Nápơ từ 1343 đến 1382, đã bán Avinhông cho Giáo hoàng với giá 80.000 flôranh

“Ôi thằng kẻ cướp! nó đánh hơi thấy điều gì rồi chẳng!... - la nghĩ thế và cúi tiết, rung chuỗi nhạc lên như điên... - Được rồi có giỏi thì mày cứ đi đi, thằng chó đểu! Bao giờ mày về, mày sẽ được thấy cú đá... tao để giành cho mày!”.

Và, nó để giành cú đá cho hẳn thật.

Tixtê đi khỏi, con la của Giáo hoàng trở lại cách sống bình thản và phong độ trước kia của nó. Chẳng còn Kiki, chẳng còn Bêluyghi lọt vào chuồng nó nữa. La lại hưởng những ngày thú vị được uống rượu vang pha theo kiểu Pháp và lòng lại phơn phớt, lại ngủ những giấc trưa đầy mắt, lại nhún nha nhún nhảy một nước kiểu nhịp nhàng khi qua cầu Avinnhông. Tuy vậy, kể từ ngày xảy ra cuộc phưu lưu của la, dân Avinnhông có phần nào lạnh nhạt với la. Có tiếng xì xào trên đường la đi qua, người già lắc lắc đầu, trẻ em thì cười cợt, chỉ chỉ chỗ chỗ lên gác chuồng. Ngay cả đức Giáo hoàng phúc hậu cũng không tin có bạn quý như trước, và ngày chủ nhật, dọc đường từ vườn nho trở về, mỗi lần thiêu thiêu buồn ngủ trên lưng la, thâm tâm ngài lại sực nghĩ: "Khéo mà mờ mắt bùng dậy đã thấy mình trên sân thượng mất rồi!". Con la nhận ra điều đó, nó đau khổ mà chẳng dám hé răng. Tuy nhiên hễ ai nhắc đến tên Tixtê Vêden trước mặt nó là y như rằng đôi tai nó run bật lên, nó cười gằn, mài mài móng sắt xuống nền đường lát gạch.

Bảy năm đã trôi qua đi như vậy; rồi, đến một ngày sau bảy năm xa cách đó, Tixtê Vêden từ triều đình Naplơ trở về. Thời hạn học chưa hết nhưng hẳn được tin vị đệ nhất giáo chức làm tượng mù tạc cho Giáo hoàng vừa qua đời

đột ngột ở Avinhong; hẳn nghĩ đó là một chỗ làm khá bỏ nên hẳn vội vã trở về để có dịp tiến thân, hòng vào được hàng chức sắc.

Đức cha bề trên thật khó nhận ra Vêden khi tên gian hùng đó bước vào phòng cung điện; sao mà nó lớn nhanh thế và con người nó phổng phao ra mẽ lắm. Cũng phải nói thêm về phía Giáo hoàng nhân hậu, ngài đã già đi và nếu không đeo kính vào ngài không thể nhìn tinh tường được.

Tixtê không bối rối:

- Dạ, trình đức Cha bề trên cao cả, người không nhận ra con ư? Con là Tixtê Vêden đây ạ!...

- Vêden hả?...

- Bẩm vâng, Người còn nhớ... cái thằng nhỏ vẫn mang rượu vang Pháp đến cho con la của Người.

- A! phải phải... ta nhớ ra rồi... Tixtê Vêden cái thằng bé ngoan ngoãn ấy! thế bây giờ con muốn yêu cầu Cha cái gì nào?

- Dạ, trình đức Cha cao cả, chả có gì đâu ạ... Con đem đầu đến xin Người... A mà trình Cha, con la của Người vẫn còn đấy ạ? Nó vẫn khỏe mạnh chứ ạ?... Ôi! phúc đức quá!... Con đến xin người cho con được thay thế ngài đệ nhất giáo chức tương mù tạc vừa quá cố ạ.

- Cái ngữ con mà làm đệ nhất giáo chức tương mù tạc à?... Con còn trẻ quá? Bao nhiêu tuổi rồi?

- Trình Đức Giáo hoàng hiền hách, con hai mươi năm hai tháng ạ, hơn con la của Người đúng năm tuổi ạ... Chà!

con vật quý hóa nó đã được tạo nên từ bàn tay của Chúa!... Người có hay biết con đã yêu thương con la này biết chừng nào!... Sống xa nó, ở bên Ý, con đã héo hon đi vì nhớ nó!... Trình với Người có cho phép con được thấy lại nó không ạ?

- Được chứ con, con sẽ thấy lại nó mà - đức Giáo hoàng nhân hậu rất cảm động nói - con đã yêu thương con vật quý này đến thế thì ta chẳng nỡ để con sống xa nó đâu. Ngay hôm nay, ta phong cho con làm đệ nhất giáo chức tương mù tạc để hầu hạ bên ta... Các hồng y giáo chủ của ta sẽ kêu đấy nhưng mặc kệ! ta đã quen với những phản ứng của họ rồi... Ngày mai, sau buổi chầu văn khóa, con hãy lên đây, ta sẽ phong cho con các tước hiệu giáo chức trước mặt đông đủ chức sắc và sau đó. .. ta sẽ dẫn con đến thăm la rồi con cùng đi với hai ta lên vườn nho... hê! hê! Thôi nhé, con đi về đi...

Có lẽ, chẳng phải nói, các bạn cũng thừa biết Tixtê Vêden đã hỉ hả đến thế nào khi bước ra khỏi phòng lớn cung điện, đã nóng lòng chờ đợi đến thế nào buổi lễ hôm sau. Ấy thế mà trong tòa lâu đài còn có một kẻ khác mừng rơn và sốt ruột hơn nữa kia: đó là con la. Từ lúc Vêden trở về cho đến khi mãn buổi chầu hôm sau, con vật đáng sợ đó luôn miệng ngốn lúa mạch và luyện cú đá hậu vào tường. Cả nó nữa cũng chuẩn bị cho buổi phong chức.

Thế là hôm sau, vừa tan buổi cầu kinh văn khóa, Tixtê Vêden bước ngay vào sân cung điện Giáo hoàng. Toàn thể chức sắc cao cấp trong giáo hội đều có mặt: các hồng y giáo chủ bận áo choàng màu đỏ, các phán quan mặc nhung đen, các giám mục tu viện đầu đội mũ tế nhỏ, các viên

chức quản lý giáo khu Xanh Agricô⁽¹⁾, đội đồng ca giáo đường mặc áo lụa tím; giáo chức cấp dưới thì có những binh sĩ của Giáo hoàng mặc đồng phục đại lễ, các tu sĩ thuộc ba dòng tu sám hối, các nhà tu ẩn núi Văngtu với bộ mặt đàng dăng sát khí, có tiểu đồng mang chuông đi theo; các thầy tu khổ hạnh mình để trần đến thắt lưng, các thủ kho giữ đồ thánh mặt mày hơn hớn bận áo phán quan; những người phát nước thánh, châm đèn tắt nến cũng có mặt. Thôi thì đủ tất, đủ tất, chẳng thiếu ai... Chà! buổi lễ tấn phong mới trọng thể làm sao. Nào chuông rung pháo nổ, nào ánh sáng chan hòa, nào tiếng nhạc vang vang và không bao giờ thiếu được tiếng trống đánh liên hồi kỳ trận đang dẫn nhịp cho cuộc nhảy múa trên cầu Avinhông kia.

Khi Vêden xuất hiện giữa hội trường, khi tiếng rì rầm khen ngợi lan khắp hàng cử tọa trước cái mẽ ngoài lấm liệp và bộ mặt xinh tươi của hắn. Đó là một thằng trai Prôvăngx đẹp tuyệt trần mà lại thuộc loại tóc vàng óng, có bộ tóc dày uốn cong lượn sóng và một nhúm râu tơ như vừa mới lấy từ những mảy vỏ kim loại quý văng ra dưới mũi dao chạm vàng của cha hắn. Tin đồn đại rằng bàn tay nữ hoàng Gian đã đôi lần mân mê bộ râu vàng chuốt ấy, và chàng công tử Vêden quả ra vẻ một kẻ chiến thắng với cái nhìn lơ đãng của những bậc mày râu được nữ hoàng yêu dấu... Hôm đó, để làm vẻ vang quê hương, hắn đã thay bộ y phục Naplơ và mặc vào chiếc áo dài gia kết viền hồng kiểu Prôvăngx; mũ hắn đội rung rinh một chiếc lông hạc to tướng miền Camác.

⁽¹⁾ Xanh Agricô: Giáo khu mang tên chủ giáo Xanh Agricô (Saint - Agrico)

Đệ nhất giáo chức tương mù tạc bước vào nghiêng mình chào lịch thiệp cử tọa và tiến lên thêm cao. Tại đây Giáo hoàng đã đứng đợi để trao cho hần những biểu chương chức vụ: chiếc thìa gỗ vàng tâm và chiếc áo màu nghệ. Phía chân thêm, con la cái đã yên cương tề chỉnh, sẵn sàng đưa đức Giáo hoàng tới vườn nho... Lúc đi lại gần la, Tixtê Vêden nhoén một nụ cười ưu ái; hần dừng chân bên mình la, vừa thân mật vỗ nhẹ lên lưng la, vừa đảo mắt liếc xem Giáo hoàng có thấy không. Vị trí hần đứng thật là tuyệt... Con la liền lấy đà:

“Này, thằng kẻ cướp, của mày đây, hãy nhận lấy! Đã bảy năm rồi tao vẫn giữ cho mày!”

Và nó đã giáng cho hần một cú đá hậu vô cùng khủng khiếp, khủng khiếp đến nỗi ở tận Pămpêrigúttx người ta cũng nhìn thấy khói, một đám khói vàng hoe cuộn cuộn bốc lên trời, trong đó lững lơ bay một chiếc lông hạc là thứ duy nhất còn sót lại trên thân thể Tixtê Vêden bất hạnh...

Bình thường thì la chẳng khi nào đá được những cú đá sấm sét đến như vậy, nhưng đảng này là la của Giáo hoàng và hơn nữa, các bạn nghĩ xem, cú đá này nó đã găm lại suốt bảy năm mà... Thật chả có một thí dụ nào hay hơn nữa về nỗi tị hiềm trong giáo hội.

NHÂN VIÊN NHÀ ĐOAN⁽¹⁾

Tàu Emili ở Poóctô Vécsiô⁽²⁾ mà tôi đã đáp ra đảo Levezi⁽³⁾ trong một chuyến đi buồn thảm là một chiếc tàu có nửa boong cũ kĩ của nhà đoan, tàu vền vện có một căn buồng hẹp sơn hắc ín vừa đủ kê một chiếc bàn và hai chỗ nằm để trú mưa nắng, sóng gió. Cho nên phải xem xem các thủy thủ của chúng ta đã sống như thế nào trong những ngày biển động. Anh nào anh nấy mặt mũi nhễ nhại mồ hôi, áo va rơi ướt sũng, bốc hơi ngùn ngụt như đang sấy trong lò. Giữa mùa đông giá rét, những con người khốn khổ ấy vẫn phải dãi dầu hết ngày đến thâu đêm; họ ngồi bó gối co ro trên những ghế dài ướt át, người run cầm cập trong cái nhớp nháp bắn thủy này, vì không thể đốt lửa trên tàu được mà vào bến thì lại thường gặp khó khăn... Ấy thế mà chẳng ai kêu ca. Những ngày xấu trời nhất, vẫn thấy họ thản

⁽¹⁾ Nhân viên nhà đoan, nguyên văn Đuaniê (Douanier) Dịch theo tiếng gọi bình dân hồi trước, cũng có người dịch là hương chính, hải quan.

⁽²⁾ Poóctô Vécsiô (Porto Vechio): Tên một thị trấn trên bờ đảo Cóox trong vùng biên Méditerrané ở miền Nam nước Pháp.

⁽³⁾ Lavezi (Lavezi): xem chú thích trong truyện "Giờ phút cuối cùng của con tàu Xêmiăng"

nhiên, vẫn thấy họ lạc quan. Tuy vậy, cuộc đời thủy thủ nhà đoan thật là buồn biết mấy!

Hầu hết anh em đều đã lập gia đình. Để lại vợ con trên đất liền, họ ra khơi hàng tháng rỗng, đội trời đạp sóng nay đó mai đây trên khắp dải bờ biển hiểm nghèo này. Bữa cơm của họ chỉ có bánh mỳ mốc và hành dại. Chẳng bao giờ được tý vàng, tý thịt bởi vì vàng và thịt thì đắt mà đồng lương của họ cả năm mới được năm trăm frăng. Năm trăm frăng một năm! Các bạn tính, như vậy thì tài nào mà túp nhà của họ trên bến lại chẳng tối om và con cái của họ mà chẳng đi chân đất!... Nhưng không sao! họ vẫn tỏ ra yên tâm. Có một chiếc thùng tràn đầy nước mưa cho thủy thủ uống đặt trước căn buồng phía đuôi tàu. Tôi còn nhớ mỗi lần uống cạn đến hộp cuối cùng là mỗi một con người khốn khổ ấy lại buông mạnh chiếc ca xuống với một tiếng “khà!” mãn nguyện, như thể có một cái gì khoái trá, trông thật vừa buồn cười vừa cảm động.

Vui nhộn nhất và mãn nguyện nhất là cái cậu trẻ tuổi người Bônifaxiô tròn trùng trọc, tên gọi là Palômbô, có nước da dăm nắng. Cậu ta lúc nào cũng ngêu ngao hát, ngay cả trong những ngày biển động mạnh nhất. Khi sóng lớn cuộn cuộn lên âm âm, trời tối sầm lại và xuống thấp, nặng trĩu cơn mưa đá, ai lấy đèn lên cả trên boong, mặt ngẩng lên trời, tay nứu chặt dây buồm, chờ cơn gió giật ập đến thì tiếng hát bình thản của Palômbô lại cất lên giữa cái im lặng nặng nề và lo lắng:

Không, không, thưa với đức ngài,

Rằng vinh dự quá, thiếp tôi xin dừng,

Nàng Li trung hậu đảm đảm...ang,

Xa chồng, vẫn ở xóm là...àng sớm hôm⁽¹⁾

Mặc cho gió lớn cứ thổi làm những dụng cụ trên tàu kêu ken két, con tàu chao đảo, tràn ngập nước, khúc hát của chàng thủy thủ nhà đoan vẫn nhịp nhàng, đung đưa trầm bổng như con hải âu trên đầu sóng. Đôi lúc, gió đẽm vào tiếng hát mạnh quá làm át cả lời ca nhưng sau mỗi lần sóng vỗ, nước còn đang ròng ròng giở xuống thì cái điệp khúc ngân kia lại ngân lên không dứt:

Nàng Li trung hậu đảm đảm...ang,

Xa chồng, vẫn ở xóm là...àng sớm hôm...

Ấy thế mà có một hôm, trời mưa to gió lớn, tôi lại không nghe thấy cậu ta hát. Lấy làm lạ tôi thò đầu ra hỏi:

“Palômbô ơi, không hát nữa à?”

Palômbô không trả lời, nằm im dưới gầm ghế. Tôi bước lại gần, răng cậu ta đánh vào nhau lập bập, toàn thân sốt run lên.

Giọng buồn buồn, bạn cậu nói với tôi: “*Nó đau ngực*”.

⁽¹⁾ Nguyên văn: “Non, monseigneur
C'est trop d'honneur
Lisette est sa...age
Roste au villa...age”.

“Không thưa ngài
Vinh dự quá, tôi đâu dám,
Lidét nết na trung hậu,
Vẫn ở lại xóm làng”

Cái mà họ gọi là *dau ngực* này có nghĩa là một chứng sung phổi. Chưa bao giờ tôi thấy một cảnh ngại đến thế này, bầu trời bao la một màu xám xịt! Con tàu thì nước chảy trào như suối, người bệnh đang cơn sốt, nằm cuộn tròn trong chiếc áo tơi cũ bằng cao su loang loáng nước mưa như tấm da con hải âu. Chẳng bao lâu gió, lạnh, sóng lắc lư làm bệnh thêm nặng, Palômbô bắt đầu mê sảng; nhất thiết phải cấp bến thôi.

Dồn bao nhiêu công sức và thời gian mà mãi tới chập tối, chúng tôi mới vào được một bến nhỏ trơ trụi và vắng ngắt, chỉ còn hoạt động của mấy con hải âu đang lượn vòng. Khắp quanh bãi cát, sừng sững những tảng đá lô xô, những khu rừng⁽¹⁾ chẳng chịt cây xanh sẫm suốt bốn mùa. Phía dưới, kề bên mặt nước là một ngôi nhà nhỏ quét vôi trắng, cửa sổ sơn màu xám: đó là trạm gác nhà đoan. Lọt vào giữa vào cảnh hoang vu này, ngôi nhà ấy của Nhà nước đeo biển số như chiếc mũ lưỡi chai đồng phục mang cái vẻ thật thê lương. Người ta đưa Palômbô đáng thương xuống đó. Chỗ chú cho người ốm như thế mới thật buồn làm sao! Chúng tôi thấy người nhân viên nhà đoan đang ngồi ăn bên bếp lửa với vợ con. Cả nhà ai nấy đều hốc hác mặt búng xanh xao, mắt thì chố ra, thâm quầng vì sốt rét. Người vợ hãy còn trẻ bồng trên tay một đứa con thơ, vừa nói với chúng tôi vừa run lấy bầy.

Viên thanh tra nói nhỏ vào tai tôi:

⁽¹⁾ Nguyên văn: *Maki* (maquis) khu rừng rậm chi chít thường thấy ở đảo Coóc-xơ.

“Cái đồn này kinh khủng thật. Cứ hai năm một lần, chúng tôi lại phải thay nhân viên. Bệnh sốt rét rừng giết mòn họ...”

Lúc này cần kiếm bằng được một thầy thuốc. Mà phải tới tận Xacten⁽¹⁾ mới có nghĩa là cách đây bảy tám dặm. Biết làm thế nào? Anh em thủy thủ chẳng còn sức đâu mà đi nữa. Sai một đũa nhỏ, thì đường đất lại quá xa. Người thiếu phụ liền ngoái cổ ra ngoài gọi:

“Xéccô ơi! Xéccô!”.

Và chúng tôi thấy bước vào một anh chàng cao lớn, lực lưỡng rõ ràng không đầu trộm thì cũng đuôi cướp⁽²⁾ đầu đội mũ len nâu và khoác áo choàng lông dê⁽³⁾. Lúc lên bờ, tôi đã chú ý, thấy anh ta ngồi trước cổng, mồm ngậm chiếc píp đỏ, súng kẹp vào đùi, nhưng không hiểu sao thấy chúng tôi lại gần thì anh ta cúi mặt. Có lẽ anh ta tưởng chúng tôi có mang theo cảnh sát. Khi ta anh ta bước vào, vợ người nhân viên nhà đoan hơi đỏ mặt lên vì ngượng, bảo chúng tôi:

- “Cậu em họ tôi đấy... chẳng lo cậu ấy lạc trong rừng đâu”.

Rồi chỉ chỉ người ồm, nói thầm thì với anh ta. Anh ta gật đầu, lẳng lặng đi ra, huýt gọi chó. Và thế là anh ta lên đường, súng khoác vai, đôi chân dài nghêu nhẩy thoăn thoắt từ mồm đá này sang mồm đá khác.

⁽¹⁾ Xacten (Sartène), tên một thị trấn trên đảo Coócxơ.

⁽²⁾ Đuôi cướp: Nguyên văn là *Banditto* (tiếng Ý) có nghĩa là kẻ cướp.

⁽³⁾ Áo lông dê: Nguyên văn là *pelone*, một thứ áo choàng rộng bằng lông dê.

Trong khi đó, lũ trẻ tưởng như thấy viên thanh tra thì sợ len lét, chúng ăn vội ăn vàng cho xong bữa cơm chỉ có quả lạt và pho mát trắng. Và bao giờ trên bàn ăn cũng chỉ nước lã là nước lã! Kể ra, có được một ngụm rượu nho cho lũ trẻ thì hay biết mấy. Chao ôi! Cảnh nghèo! Rồi người mẹ cho các con lên giường ngủ, người bố thắp chiếc đèn dầu, đi tuần tra ngoài bờ biển. Còn lại chúng tôi ngồi canh người ốm bên bếp lửa; cậu ta nằm vật vã trên chiếc trống như thể đang bị sóng lắc giữa biển khơi. Chúng tôi cho đốt mấy viên gạch, đá đem chườm cho cậu bớt *cơn đau ngực*⁽¹⁾. Một đôi lần, tôi lại gần chỗ cậu nằm; chàng trai tội nghiệp ấy nhận ra tôi, chìa tay ra một cách mệt nhọc cho tôi bắt để tỏ lòng cảm ơn, bàn tay cậu to bè, sù sù và nóng giãy như viên gạch vừa rút ra khỏi lò.

Thức cái đêm ấy mới thật buồn! Ngoài kia, biển lại động từ chập tối, trận giao tranh giữa đá và sóng diễn ra trong tiếng gầm thét, bọt nước bắn lên tung tóe. Chốc chốc ngọn gió từ ngoài khơi lùa vào vịnh và trườn lên ngôi nhà của chúng tôi. Có thể biết được như vậy khi thấy ngọn lửa bỗng dưng bùng lên soi tỏ những khuôn mặt buồn thiu của các thủy thủ. Họ ngồi túm tụm quanh lò sưởi nhìn ngọn lửa với cái vẻ bình thản của những tấm mắt đã quen nhìn những khoảng trống bao la và những chân trời bát ngát, Thịnh thoảng Palômbô rên lên khe khẽ. Tức thì các cặp mắt cùng đổ dồn về phía xó tối; ở đây người bạn tội nghiệp của họ đang hấp hối, xa những người thân thích, không thấy, không thuốc; ngực họ phồng lên, trút ra tiếng thở dài nào ruột. Đó là tất cả nỗi lòng về cuộc đời bất hạnh của những

⁽¹⁾ *Cơn đau ngực*: Nguyên văn là *pountoura* đã giải thích ở trên

công nhân đi biển chịu đựng và hiên lành chỉ có thể bộc lộ đến thế thôi. Không bạo động, không đình công. Một tiếng thở dài, và chỉ có thế thôi!... À, mà có chứ, tôi lắm. Một người đi qua chỗ tôi để ném củi vào lò, đã ghé vào tai tôi nói, giọng buồn thảm:

“Ông xem đấy... nghề nghiệp chúng tôi có lúc đau khổ, lắm ông ạ!...”

CHA XỨ ĐỊA PHẬN CUCUNHĂNG

Năm nào cũng vậy, cứ đến ngày lễ Thánh mẫu hiến đường mỡ hai tháng hai⁽¹⁾ là các nhà thờ xứ Prôvăngx lại xuất bản ở Avinhông một cuốn sách vui, nho nhỏ chứa đầy những áng thơ hay và những chuyện thú vị. Cuốn ra năm nay, tôi vừa mới nhận được; đọc trong đó thấy một truyện cổ rất thú vị, tôi xin dịch thử, có lược đi chút ít để các bạn xem.

Hỡi các bạn Pari, hãy đem thúng mừng ra mà hứng nhé. Toàn là thứ bột mì hảo hạng xứ Prôvăngx mời các bạn lần này đây...

Linh mục Máctanh xưa là cha xứ... địa phận Cucunhăng.

Vốn tính rất nhân đức và thật thà như đếm, cha yêu thương giáo dân xứ Cucunhăng như con. Giá mà người Cucunhăng làm cha hài lòng hơn chút nữa, thì cái đất Cucunhăng này đối với cha quả là thiên đàng trên trần thế. Nhưng, than ôi! mạng nhện chăng đầy phòng rửa tội, và,

⁽¹⁾ Lễ thánh mẫu hiến đường (chandeleur) của công giáo theo sự tích: bốn mươi ngày sau khi đẻ ra Jêxu, bà Mari đến Jêrudalem làm lễ tẩy ối.

một ngày trọng như ngày Chúa giáng sinh mà bánh thánh vẫn còn nguyên trong bình lễ. Vị linh mục nhân đức cảm thấy lòng tê tái và ông luôn luôn cầu Chúa cho ông được chịu ơn người là dùng bất ông phải chết trước khi ông dẫn dắt được bầy con chiên đang tản mạn của ông về nơi Người.

Rồi đây các bạn sẽ thấy Chúa đã nghe thấy lời cầu nguyện của ông ấy cho mà xem.

Một chủ nhật nọ, đọc kinh xong, Ô.Máctanh lên giảng đạo.

Ông nói:

- Hỡi những người anh em thân mến, tin tôi hay không là tùy anh em, đêm vừa rồi, kẻ có tội khốn khổ này đã lên tới thiên đường. Tôi gõ cửa! Người thốt lên: “- Ô kìa! ông đấy à, ông Máctanh chính trực của tôi ơi, cơn gió lành nào đã đưa ông lên tới đây?... Tôi có thể giúp ông việc gì nào?”

- Kính trình thánh Pie, Người giữ sổ cái và chìa khóa thiên đường. Xin người xá cho tôi tội tò mò và cho biết trên thiên đường có bao nhiêu người dân Cucunhăng.

“- Tôi chẳng tiếc gì ông đâu, ông Máctanh ạ; ông hãy ngồi xuống đi, ta cùng xem mà.

“- Và thánh Pie lấy ra cuốn sổ cái rồi giương đôi mục kính lên, giở từng trang.

“- Nào, xem nào: Cucunhăng phải không. Cu... Cu... Cucunhăng. Đây rồi Cucunhăng... Ôi này, ông Máctanh chính trực của tôi ơi, trang giấy trắng toát cả ra thế này này,

trả thấy tên một ai cả... Tịch không có một người Cucunhăng nào sát.

“Sao kia ạ! Không có một người Cucunhăng ở đây ạ? Không một người nào? Chẳng có lẽ! Người xem kỹ lại cho...”

“Không một ai thật mà, hay là ông tưởng tôi nói rõn hả. Ông hãy xem lấy này.

“Khổ tôi chưa! - Tôi dậm chân xuống đất, chấp hai tay và kêu trời. Thánh Pie bèn bảo:

“Hãy nghe tôi ông Máctanh, không nên buồn phiền đến như vậy kéo mà căng huyết áp đấy. Nói cho cùng, đâu có phải lỗi tại ông. Chắc hẳn là dân Cucunhăng của ông đang phải qua tuần kiểm tội ở tỉnh ngục.

“Chao ôi! Xin đức thánh Pie rủ lòng thương, làm cách nào cho tôi chí ít cũng được gặp để an ủi họ.

“- Được lắm, ông bạn thân mến ạ... Này nhé hãy đi đôi dép này vào vì đường sá không tốt đâu... Ồ, trông được rồi đấy. Bây giờ cứ chiếu thẳng trước mắt mà đi. Ông có nhìn thấy con đường rẽ đằng cuối kia không? Ông sẽ thấy về phía bên tay phải một cái cổng bạc chạm đầy cây thánh giá màu đen... Ông hãy gõ cửa, sẽ có người ra mở... Thôi, tạm biệt nhé! Chúc ông mạnh khỏe và vui tươi.

“Thế là tôi đi... đi miết! Đường ơi là đường! Bây giờ nghĩ lại vẫn cứ rờn cả tóc gáy lên^(*). Dẫn tới cái cổng bạc là

^(*)Nguyên văn: *nổi gai gai*

một con đường đẹp, đầy những gai là gai, đổ rục than hồng và có cơ man là rắn đang phun phì phì.

"Cộc! Cộc - Tôi gõ cửa.

"Ai đấy? Một giọng nói khàn khàn và buồn rười rượi cất lên hỏi.

"Bẩm, tôi là cha xứ Cucunhăng đây ạ.

"- Xứ, xứ...?

"- Bẩm, xứ Cucunhăng.

"- À!...Mời vào.

"Tôi bước vào. Một vị thiên thần cao lớn phương phi có đôi cánh đen như đêm tối, khoác chiếc áo sáng loá như ánh sáng mặt trời, giắt ở thắt lưng chiếc chìa khoá bằng kim cương đang ngồi viết, ngòi bút chạy soàn soạt trên cuốn sổ cái, lớn hơn quyển sổ cái của thánh Pie.

"Vị thần hỏi:

"- Ông cần gì thế và muốn hỏi gì nào?

"- Trình đức thần linh, có lẽ tôi quá tò mò - xin người cho hay ở đây có người xứ Cucunhăng không ạ?

"- Người xứ...?

"- Bẩm, Cucunhăng, người Cucunhăng... tôi là cha bề trên của họ.

"- À! Linh mục Máctanh, phải ông không?

"- Dạ, tôi xin đem đầu đến hầu đức thần linh.

"- Ông vừa nói xứ Cucunhăng...

"Vị thần mở quyền sở cái, nhấm nước bọt vào đầu ngón tay, lật từng trang cho khỏi dính.

- Cucunhăng - vừa nhắc lại tên Cucunhăng, vị thần vừa thở dài đến thượt một cái... - Ông Máctanh ạ, chả có ai là người Cucunhăng ở tỉnh ngục này đâu.

- Lạy chúa Giêxu! Lạy đức mẹ Maria! Lạy thánh Giôdép! Không có ai là người Cucunhăng trong tỉnh ngục ạ! Trời đất ơi! Vậy họ ở đâu bây giờ?

- Này! con người khuôn phép của Chúa, họ ở thiên đường chứ còn ở đâu nữa. Hay là ông muốn họ ở một nơi quái quỷ nào khác.

- Nhưng tôi vừa từ thiên đường đến đây mà...

- Ông vừa từ thiên đường đến đây... thế thì sao?

"- Thì sao ạ! Ôi, lạy đức mẹ các thiên thần, làm gì có họ ở trên đó!...

"- Thế ông muốn gì bây giờ hả ông cha xứ! Nếu họ không ở thiên đường, không ở tỉnh ngục thì chả có nơi nào ở giữa, họ phải ở...

"- Lạy thánh mớ lạy, lạy Chúa Giêxu con giòng vua Davít! Ầi! Ầi! Ầi! Có thể nào như thế được không?... Một sự lừa dối của thánh Pie chăng?... Nào tôi đã nghe thấy

tiếng gà gáy sáng đâu⁽¹⁾... Chao ôi! Thật khổ thân chúng tôi! Không có người dân Cucunhăng yêu quý của tôi ở thiên đường thì làm sao tôi lên đó được?

- Hãy nghe đây ông Máctanh tội nghiệp, ông đã quyết biết bằng được việc này và xem tận mắt sự thể ra sao thì ông đi theo con đường này và phải ba chân bốn cẳng lên mà chạy nếu như ông chạy được... Ông sẽ thấy một cái cổng lớn ở bên tay trái. Tại đây, ông sẽ hỏi cho ra mọi việc Thượng đế sẽ cho ông hay!...

"Nói xong, vị thiên thần đóng sập cửa lại...

"Đó là một con đường dài dằng dặc, đầy than hồng là than hồng. Tôi lao đảo như say rượu, đi một bước xảy chân một bước, mồ hôi đầm đìa, ướt sũng từng lỗ chân lông và khát khô cả cổ... Nhưng chẳng giấu gì bà con, nhờ có đôi dép mà thánh Pie nhân từ cho mượn nên tôi đã không bị bỏng...

Khập khà khập khiễng đi được một hồi thì tôi nhìn thấy ở bên tay trái một cái cửa... Không một cái cổng thì đúng hơn, một cái cổng đồ sộ hé mở như cửa vào một chiếc vạc dầu lớn. Ôi, các con ạ, cảnh tượng ấy mới rùng rợn làm sao! Ở đây, người ta không hỏi tên mà cũng chẳng ghi sổ sách gì sất. Người người ùn ùn từng đợt vào cửa, chẳng khác gì bà con ta vào hiệu ăn ngày chủ nhật.

⁽¹⁾ Theo sự tích ghi chép trong kinh thánh, thánh Pie thể một mục trung thành với Chúa nhưng Chúa đã báo trước rằng cho đến trước khi gà gáy sáng ông ta sẽ ba lần phản Chúa.

Người tôi mồ hôi chảy ròng ròng mà vẫn lạnh toát, rùng mình, tóc gáy dựng ngược. Tôi ngửi thấy mùi khen khét, mùi thịt nướng, một cái gì như mùi khét vẫn thường toả ra trong xứ Cucunhăng ta khi bác thợ đóng móng Elôi đốt móng con lửa già để đóng móng sắt cho nó. Tôi ngạt cả thở trong cái không khí hơi hám và nóng như thiêu ấy; tôi nghe thấy tiếng kêu la khủng khiếp, tiếng rên xiết, tiếng gào thét và những lời nguyện rủa.

Một tên quỷ xứ đầu có sừng, lăm lăm tay xiên đâm vào người tôi, miệng quát tháo:

"- Này, thằng kia, có vào hay không hả?

"- Tôi ấy à? Tôi không vào. Tôi là bạn của Chúa.

"Người mà là bạn của Chúa... Nay tao bảo cho mà biết... cái thằng đê tiện ạ! Người đến đây làm gì hả?...

"- Tôi đến... Ôi! nghĩ lại hãy còn rùng mình bà con ạ, tôi bủn rủn chân tay, tựa hồ đứng không vững nữa, miệng lắp bắp... Tôi đến... tôi từ xa tới... xin mạn phép hỏi thăm ông... xem... xem... nhớ có ai người... người xứ Cucunhăng ở đây không ạ...

"Ôi! Trời đất ơi lại còn làm ra bộ ngớ ngẩn hả, cứ như là không hay biết gì bọn Cucunhăng ở đây cả rồi ấy. Này, cái thằng ngu xuẩn, hãy mở mắt ra mà xem chúng tao đối xử với bọn Cucunhăng khét tiếng của người như thế nào..."

"Và tôi đã nhìn thấy giữa ngọn lửa cháy ngàn ngút:

"Thằng Cốc Galin rượt chè be bét hay hành hạ mục Clêrông tội nghiệp ấy.

"Tôi đã thấy Catarinê, cái con ranh... mũi héch... hay ngủ một mình trên đồng rơm ấy... Các con còn nhớ chứ!... Nhưng thôi, tôi đã nói hơi nhiều.

"Tôi đã nom thấy Paxcal Đoadopoa, cái gã lấy chộm ôliu của Ô.Gluyliêng về ép dầu ấy.

"Tôi đã thấy mụ Babê, cái mụ đi mót lúa, vừa mót lúa vừa bóc cả nắm lúa trên đồng của người ta để nhét cho nhanh vào đầy gánh của mình ấy.

"Tôi đã thấy ông cả Grapaxi, người tra dầu rất khéo vào bánh xe cút kít ấy.

"Và Đônphin, cái mụ bán với giá cắt cổ nước giếng của nhà mụ ấy

"Rồi Toóctia, cái gã cứ gặp tôi đeo thánh giá ở đâu là y như rằng gã đi thẳng, mũ đội sùm sụp, tẩu thuốc dẩu ra bên mép, vênh vênh váo váo chẳng khác nào Actaban⁽¹⁾, cứ như là gã gặp phải một con chó ấy.

"Tôi còn thấy Culô với ả Dét của anh ta, rồi Giắc, rồi Pie, rồi Tômi...

Cử tọa nghe nói, cảm động xanh lè cả mặt và rên rĩ lên, cứ như là cửa hoả ngục đang mở toang trước mặt họ và họ nhận ra những người thân của họ, người này nhận ra bố, ra mẹ, người kia nhận ra bà, người thì lại nhận ra chị...

⁽¹⁾ *Actaban*: nhân vật chính trong chuyện Cléopâtre (của nhà văn Pháp Calprenède) mà sự kiêu hãnh được chuyển thành ngữ: "*Kiêu hãnh như Actaban*"

"- Bà con ta đây - cha xứ Máctanh nhân hậu nói tiếp - không thể để tình trạng này kéo dài được nữa. Cha có trách nhiệm về phần hồn và cha muốn cứu các con khỏi cái vực thẳm mà các con đang lao đầu cả xuống. Ngày mai cha phải bắt tay ngay vào việc, không để quá ngày mai được. Mà công việc nào có ít. Cha sẽ làm như thế này. Phải làm tuần tự thì mọi việc mới đầu vào đấy được. Ta sẽ bắt đầu lần lượt từng hàng một, như khi đi khiêu vũ ở Giôngkie vậy.

"Sớm mai, thứ hai, cha rửa tội cho các ông già bà lão. Việc này chả có gì đáng kể.

"Thứ ba đến lượt trẻ em. Cũng chóng xong thôi.

"Thứ tư đến lượt nam nữ thanh niên: có lẽ lâu đấy.

"Thứ năm đến lượt các ông. Ta sẽ làm gòn gợn.

"Thứ sáu đến lượt các bà. Cha sẽ bảo: đừng có lắm chuyện lời thôi.

"Thứ bảy đến lượt bác xay bột mì. Làm cả một ngày cho mình bác ta cũng chưa phải đã là quá.

"Và đến chủ nhật mà đầu vào đấy đã xong xuôi cả rồi, thì ta sẽ rất mừng.

"Các con biết đấy, lúa chín thì phải gặt, rượu đã rót ra thì phải uống. Ta đã có quá nhiều quần áo bẩn, ta phải đem giặt giũ đi và giặt cho thật kỹ.

"Câu chúa ban phúc lành cho các con. Amen!" Nói sao làm vậy. Người ta giặt giũ quần áo bẩn.

Từ ngày chủ nhật đáng ghi nhớ ấy, tiếng thom xú đạo Cucunhăng thuần phong mỹ tục lòng lấy khắp mười dặm quanh vùng.

Vị linh mục nhân đức Máctanh lấy làm sung sướng và phấn khởi vô cùng. Một đêm nọ, ông nằm mơ thấy mình đang dẫn dắt đàn con chiên leo con đường sang lên thiên đàng, họ theo sau ông tung bùng như một đám rước, đi giữa những hàng nến thấp sáng chung, khói hương nghi ngút và ban đồng ca đang hát bài Tạ ơn Chúa.

Câu chuyện về cha xú đạo Cucunhăng là vậy, đúng như gã bợm già Rumani⁽¹⁾ đã bảo tôi kể lại cho các bạn nghe. Chính hẳn ta cũng đã được một người quen kể cho biết.

⁽¹⁾ *Rumani* (Joseph Roumanille): nhà thơ xú Prôvăngxơ (1818 - 1891) một trong những người chủ trương khôi phục tiếng nói xú Prôvăngxơ.

HAI ÔNG BÀ GIÀ

- Có thư đây à, bác Adan?

- Thưa ông vâng, thư Pari ông ạ.

Bác Adan chất phát rất lấy làm hãnh diện vì có thư từ Pari gửi đến. Tôi thì lại không thế. Có một cái gì đó bảo cho tôi biết cánh nhạn Pari⁽¹⁾ từ phố Giảng Giác bất thần hạ xuống mặt bàn tôi vào lúc sáng tinh mơ sẽ làm tôi mất hết cả một ngày cho mà xem. Quả là tôi đã chẳng lầm, các bạn hãy đọc thư đây này:

"Anh bạn thân mến ạ, phải hộ mình một việc đây. Hãy đóng cửa cối xay của cậu lại một ngày và đi ngay tới Ayghie... Ayghie là một thị trấn lớn cách chỗ cậu ở đó ba bốn dặm đường - coi như một cuộc dạo chơi mà. Đến đây, cậu hỏi thăm tu viện nuôi trẻ mồ côi. Kế ngay tu viện là một ngôi nhà thấp cửa sổ sơn màu xám, có một khoảnh vườn ở phía sau. Cậu cứ vào thẳng nhà, chẳng cần gõ cửa vì cổng lúc nào cũng mở. - Và vừa bước vào, cậu vừa gọi toát lên: "Xin chào các vị! Tôi là bạn thân của Môritx"... Tức thì cậu sẽ trông thấy hai cụ già, người bé nhỏ, chà! Hai cụ già.

⁽¹⁾ Nguyên văn Paridiên (Parisienne), ý nói như Pari

Già lắm, già lụ khụ ngồi lọt thỏm trong hai chiếc ghế bành rộng lớn, chìa tay ra đón cậu, và cậu sẽ thay mình ôm lấy hai cụ già hôn thật thắm thiết như thể hai cụ nhà cậu vậy. Rồi các vị nói chuyện với nhau; hai cụ sẽ nói với cậu về mình và chỉ về mình thôi, hai cụ sẽ kể cho cậu hàng nghìn chuyện vớ vẩn, cậu hãy nghe mà đừng cười. Cậu sẽ không cười, phải không?... Ông bà mình đấy; đời các cụ chỉ còn một mình mình mà đã mười năm nay, ông bà chả gặp được cháu... Mười năm lâu đấy chứ! Nhưng cậu tính mình làm thế nào được! Pari giữ riết mình, còn các cụ thì vì tuổi tác. Ông bà mình già quá rồi, nếu lên thăm mình thì sẽ gục ở dọc đường mất. May mắn lắm sao lại có ông chủ cối xay thân mến của tôi ở gần đấy. Khi ôm hôn cậu, các cụ già tội nghiệp sẽ phần nào tưởng như đang ôm hôn cháu mình vậy. Mình vẫn thường nhắc về hai chúng ta với các cụ và tình bạn thân thiết mà..."

Bạn với bè quý quá thật! Đúng sáng nay, trời lại đẹp tuyệt mới chết chứ, nhưng chẳng phải để đi chơi xa. Vì gió mixtral thổi ào ào, trời thì lại nắng chói chang, rõ là một ngày của riêng xứ Prôvăngx. Trước lúc nhận được bức thư quái ác này, tôi đã định bụng ẩn mình suốt ngày hôm nay vào một nơi đã chọn sẵn giữa hai tảng đá như một con thần lùn để uống ánh sáng mặt trời và nghe tiếng thông reo... Nhưng, biết làm sao được bây giờ? Tôi vừa cầu nhàu vừa đóng cửa cối xay giấu chìa khoá vào lỗ mèo chui trên nóc nhà. Rồi, vớ lấy chiếc gậy, cái tẩu và thế là tôi lên đường.

Vào khoảng hai giờ thì tôi đến Ayghie. Làng mạc vắng tanh vắng ngắt, ai nấy đều ở cả ngoài đồng. Ve sầu kêu ra

rả như ở giữa vùng Crô⁽¹⁾ trong đám cây du bụi phủ trắng dọc bờ sông. Đúng là có một con lừa đang tắm nắng trên quảng trường toà thị chính, một đàn bồ câu bay trên bể chứa nước nhà thờ, nhưng chẳng có ai để mách dùm tôi nhà nuôi trẻ mồ côi ở đâu cả. May mắn làm sao bỗng hiện lên một bà lão đang ngồi quay sợi trong góc cửa; tôi bèn lại hỏi thăm bà; và quả đó là một bà tiên có phép thần thông ghê gớm, chỉ cần giơ con củi lên là toà tu viện nuôi trẻ mồ côi đã mọc lên trước mặt tôi như một trò ảo thuật... Đó là ngôi nhà lớn, trông lạnh lẽo âm u, kiêu hãnh phô ra trên nóc vòm uốn cong ra vào chiếc thập ác cổ xưa bằng đá đỏ, xung quanh có một ít chữ la tinh. Kề sát toà nhà này là một ngôi nhà khác nhỏ hơn có cửa sổ màu xám và một mảnh vườn ở phía sau... Tôi nhận ra ngay nhà mình đang tìm đến và tôi bước thẳng vào, chẳng cần gõ cửa nữa. Tôi sẽ nhớ mãi suốt đời mình cái lối đi dọc hành lang mát rượi và yên tĩnh, bức tường quét vôi hồng, mảnh vườn tận phía sau rung rinh qua tấm màn màu sáng và những bông hoa, những chiếc đàn vĩ cầm vẽ trên khắp những ô tường đã phai màu. Tôi có cảm giác như mình đang vào nhà một lão pháp quan nào đó từ cái thời ông Xơden⁽²⁾. Cuối hành lang, về phía trái, một cánh cửa hé để lọt ra tiếng tích tắc chiếc đồng hồ lớn và một giọng nói trẻ nhỏ - giọng nói của đứa trẻ học ở trường - đang ê a đọc, đánh vần ngắt ngứ từng chữ một:

⁽¹⁾ Crô (Crau): Đồng sỏi mênh mông do phù sa sông Rôn và sông Duyrăngx bồi lên

⁽²⁾ Xơden (Sedaince): nhà viết kịch Pháp thế kỷ thứ 18 (1719 - 1797)

T...ức... th...ì... thánh... I...rê...nê⁽¹⁾ ...k...êu... l...ên...
 T...ôi... là... lu... a...mì... của... Chúa... T...ôi... ph...ải... bị...
 rằng... những... con... vật... này... ngh...iễn... nát...

Tôi nhẹ nhàng bước lại gần và nhìn vào...

Trong căn buồng nhỏ yên tĩnh và mờ mờ tranh tối tranh sáng, có một ổng cụ hiền từ, gò má ửng đỏ, da dẻ nhẵn nhúm như một chiếc bị cối⁽²⁾ đang nằm lọt thỏm trong chiếc ghế bành mà ngủ, miệng há ra, tay đặt trên đầu gối. Ngồi dưới chân ông cụ là một cô bé mặc bộ đồ màu xanh lam, một thứ đồng phục của trẻ mồ côi - một chiếc áo choàng rộng và chiếc mũ nho nhỏ kiểu bé - ganh⁽³⁾. Cô bé đang đọc truyện đời thánh Irênê trong một quyển sách lớn hơn cả người... Lối đọc truyện kỳ diệu đã tác động đến cả nhà. Cụ ra ngủ trong ghế bành, những con ruồi ngủ trên trần, những con kim tước ngủ trong lồng treo trên cửa sổ phía đằng kia. Chiếc đồng hồ lớn cũng ngày đều đều tíc tắc, tíc tắc. Trong buồng, chỉ còn có một giải ánh sáng lớn trắng lóa là còn thức; ánh sáng lọt qua khe cửa chớp đóng kín chiếu thẳng vào, lung linh muôn màu ánh hào quang lấp lánh... giữa cảnh vật cùng thiu thiu ngủ ấy, đứa trẻ vẫn tiếp tục đọc một cách trịnh trọng: T...ức... thì... hai... con... sư tử...nhảy... ch...ồm... t...ới... và... ăn... th...ịt. Tôi bước vào đúng ngay lúc cô bé đọc tới chỗ đó... Những con sư tử của thánh Irênê có nhảy sỏ vào buồng cũng không khiến mọi người kinh ngạc bằng. Đúng là pha đột biến phi thường. Cô

⁽¹⁾ Irênê (Saint Irénée) Cố đạo ở Lyông (Lyon) thế kỷ thứ III, tử vì đạo.

⁽²⁾ Nguyên văn dân dúm đến tận đầu ngón tay (ridé jusqu'au bout des doigts)

⁽³⁾ Béganh (Béguin) kiểu mũ mà có thể trùm cả gáy buộc dưới cằm.

bé kêu lên một tiếng, quyển sách to tướng rơi xuống, chim kim tước và ruồi thúc cả dậy, đồng hồ đánh chuông, ông cụ choàng dậy, hoảng hốt. Còn tôi, tôi cũng hơi bối rối, tôi dừng lại trên ngưỡng cửa và nói thật to:

“Xin chào các cụ ạ! cháu là bạn của Môritx!”

Chà! nếu mà các bạn được mục kích ông cụ tội nghiệp lúc bấy giờ; cụ giang tay ra đi lại đón tôi, hôn tôi, xiết chặt tay tôi, chạy lăng xăng trong buồng và kêu lên:

“Trời ơi! trời ơi!...”

Mọi nếp nhăn trên mặt cụ như cũng cười. Mặt cụ đỏ bừng bừng miệng nói lắp, lúu cả lưỡi.

“Ôi! ông đấy à... Ôi! ông đấy à...”

Rồi cụ đi vào phía cuối buồng gọi:

“Bà Mamét ơi!”

Cánh cửa mở ra, có tiếng chân lon ton như tiếng chuột chạy trên hành lang... đó là cụ bà Mamét. Ai xinh xắn được bằng bà già nho nhỏ này, đầu đội mũ thất nơ⁽¹⁾, mình bận chiếc áo màu nâu nhạt có tu nữ cácmêlít⁽²⁾, cụ cầm trong tay chiếc mùi soa thêu để đón tôi một cách trọng thể theo lối cổ, thật cảm động biết nhường nào! trông hai cụ mới giống hệt nhau chứ. Giá mà cụ ông đeo bộ tóc giả⁽³⁾ và cũng đội mũ thất nơ vàng thì người ta có thể nhầm, gọi cụ ông là cụ

⁽¹⁾ Nguyên văn *Bonnet a coque* là một thứ mũ cài dài nơ.

⁽²⁾ Áo cácmêlít (robe carmélite): áo màu nâu nhạt của các tu nữ cácmêlít thuộc dòng Mông Cácmen

⁽³⁾ Nguyên văn *tourde cheveux*: Tóc tết giả quấn quanh đầu bằng một sợi dây

bà Mamét mất. Nhưng có lẽ vì đã khóc nhiều trong đời mình nên cụ bà Mamét thật trông nhẵn nhéo hơn cụ bà Mamét giả kia.

Cũng như cụ ông, cụ bà cũng có luôn luôn ở bên mình một cô bé mặc áo choàng xanh xin ở viện mồ côi về; cô bé không bao giờ rời cụ nửa bước để săn sóc. Còn gì cảm động hơn khi thấy các cụ già đặt dưới sự che chở của các em nhỏ mồ côi.

Vừa bước vào, cụ bà Mamét vừa trịnh trọng cúi chào cung kính, nhưng một câu nói của cụ ông cắt ngang ngay các kiểu cách trịnh trọng của bà:

“Bạn của thằng Môritx đấy...”

Lập tức cụ bà òa lên khóc, tay run rẩy làm ướt mất chiếc mùi soa, mặt cụ đỏ rực lên, đỏ hơn cả cụ ông... Ôi, các cụ già này chỉ còn một giọt máu trong huyết quản mà mới hơi xúc động một chút là máu dồn ngay lên mặt rồi... Cụ bà nói với cô bé hầu:

“Mau mau đưa ghế lại đây”

Cụ ông cũng hét bảo cô bé hầu hạ mình:

“Mở cửa sổ ra đi...”

Rồi, mỗi cụ giắt một tay, ton ton đưa tôi ra sát cửa sổ đã mở toang để nhìn tôi cho rõ. Những chiếc ghế bành được nhích gần lại, tôi ngồi vào giữa hai cụ, trên một cái ghế xếp, đằng sau chúng tôi là hai cô bé áo xanh và cuộc thẩm vấn bắt đầu:

“Em nó có khỏe không? Em nó làm gì? Sao em nó không về? Em nó có được như ý không?...

Rồi con cà, con kê! chuyện nọ xọ chuyện kia, kéo dài lai dai hàng giờ.

Về phía tôi, tôi cố gắng trả lời thật trôi chảy tất cả mọi câu hỏi của các cụ, kể cả mọi điều về bạn mà tôi nắm được nhưng cũng đồng thời bịa liên ra những điều tôi không biết, tôi cố giữ ý không để lộ ra rằng tôi chưa bao giờ xem xem cửa sổ nhà bạn tôi có khép kín không hoặc giấy trang trí trong buồng bạn màu gì.

“Giấy trang trí trong buồng anh ấy ạ!... Dạ, thưa cụ, nó màu xanh, xanh lơ, có in hoa...”.

- Thật ư? bà cụ cảm động thốt lên và quay sang phía chồng, cụ nói tiếp: thằng bé cừ thiệt đấy.

- Phải, phải! - cụ ông hoan hỉ nhắc lại - thằng bé cừ thật.

Suốt thời gian nghe tôi nói, hai cụ lúc thì gật gật đầu, lúc cười tùm tùm, lúc thì lại nháy mắt với nhau, tỏ thái độ đồng tình. Có khi ông cụ còn ghé vào tai tôi mà bảo:

“Anh nói to to lên... Bà nó hơi nghễnh ngãng đấy”

Và bà cụ thì cũng bảo:

“Nói to lên một chút anh ạ!... Ông nó nghe không rõ lắm đâu...”

Thế là tôi liền cất cao giọng: và cả hai cụ cùng cảm ơn tôi bằng một nụ cười; và trong những nụ cười đã héo đang

ngả sang phía tôi để tìm tận đáy mắt tôi hình ảnh đứa cháu yêu, tôi vô cùng xúc động như mình đang thấy lại hình ảnh ấy một hình ảnh mơ hồ, mờ ảo, mung lung, tựa hồ tôi đang thấy bạn mình mỉm cười từ rất xa, trong sương mù.

Bỗng cụ ông nhồm hẫng dậy trên chiếc ghế bành.

“À này bà Mamét... tôi nghĩ có lẽ anh ấy chưa ăn sáng thì phải.

Cụ bà Mamét hoảng hốt, giơ hai tay lên trời:

“Chết rồi, chưa ăn ạ!... lạy chúa tôi!”

Tôi cứ ngỡ các cụ vẫn còn nói về Môritx nên định trả lời là anh chàng cừ khôi ấy chả bao giờ để chịu quá trưa mới ăn đâu. Nhưng không phải, chính là các cụ đang nói về tôi; đến khi tôi thú thật là đang đói thì các cụ rồi rít cả lên.

“Các con bé áo xanh đâu, nhanh nhanh dọn bàn ăn đi. Kê bàn ra giữa buồng, rải cái khăn bàn ngày chủ nhật ấy, bày những đĩa hoa lên. Tôi van các cô đấy, rúc rích cười vừa vừa chứ, nhanh tay lên nào...”.

Tôi tin là các cô nhanh tay lên thật. Chưa kịp đánh vỡ đến ba chiếc đĩa là bữa ăn đã dọn tinh tươm rồi.

Cụ bà Mamét vừa dẫn tôi lại bàn ăn, vừa nói: “Bữa ăn soàng soàng mà ngon miệng! nhưng chỉ có mình anh ăn thôi... Chúng tôi ăn từ sáng sớm cả rồi”.

Tội nghiệp các cụ! lúc nào hỏi các cụ cũng bảo ăn từ sáng cả rồi.

Bữa ăn soàng soàng mà ngon miệng của cụ bà Mamét gồm có một chút sữa, ít quả chà là và một đĩa bánh bác - két^(*) tựa tựa loại bánh chay có thể nuôi sống bà cụ và những con chim kim tước ít nhất cũng tám hôm liền... Thế mà một mình tôi đánh sạch. Bởi thế mới có chuyện xôn xao quanh chiếc bàn ăn chứ! Các cô bé áo xanh thì thảo, khích khuỷu tay vào nhau, còn ở trong lồng tận đằng xa; những con chim kim tước cũng như bảo nhau: "Ồ, cái ông khách ăn mới khiếp chứ, chén hết cả đĩa bánh bác két kia!"

Tôi đã chén nhẵn như thế thật mà hầu như không nhận ra. Tôi còn mãi ngẩn nhìn xung quanh trong căn buồng sáng sủa và yên tĩnh, ở đó phảng phất những đồ cổ. Nhất là có hai cái giường nhỏ mà không thể nào rời mắt khỏi được. Hai chiếc giường như thể hai chiếc nôi. Tôi hình dung trong tưởng tượng vào buổi sớm tinh mơ, những chiếc giường đó còn phủ kín tấm màn lớn có tua viền. Đồng hồ điểm ba tiếng. Đó là giờ các cụ già thức dậy:

- Bà Mamét còn ngủ đấy à?
- Không, ông nó ạ.
- Này, cái thằng Môritx nó là cái thằng bé khá đấy chứ nhỉ.
- Ô! đúng thế, nó là thằng bé khá mà.

^(*) *Báckét* (barquette): loại bánh bằng bột mịn nhào với trứng đem rán dòn hoặc nhúng nước, hình chiếc thuyền thoi ở nhiều vùng miền Midi nước Pháp.

- Và, chỉ cần nhìn lại hai chiếc giường của hai cụ kê sát bên nhau là đủ cho tôi tưởng tượng ra cả một câu chuyện các cụ thủ thủ với nhau thế nào rồi...

- Giữa lúc đó, một tấm bị kịch gớm ghê đang diễn ra ở đầu buồng đằng kia, ngay trước chiếc tủ đứng. Phải làm sao đây mới tới được ngăn tủ ở tít trên cùng mà lấy lọ anh đào ngâm rượu mạnh đã để giành cho Môritx suốt mười năm; nay các cụ muốn lấy ra để tiếp tôi. Mặc cho cụ bà Mamét can ngăn, cụ ông cứ nhất quyết đích thân đi lấy lọ anh đào. Rồi, trèo lên một chiếc ghế, cụ ông cố với lên cao làm cụ bà sợ hết hồn... Các bạn hãy xem cảnh tượng như thế này nhé: cụ ông thì run lẩy bẩy, cố kiễng lên, các cô bé áo xanh giữ chặt ghế, cụ bà Mamét đứng đằng sau cụ ông, hỏn hà hỏn hển giơ tay lên đỡ. Một mùi dầu chanh thơm thơm⁽¹⁾ thoảng thoảng bốc lên từ chiếc tủ để mở ra và những chồng quần áo màu hoe đỏ... Một cảnh tượng thật thú vị.

- Sau khi đã hết sức cố gắng, cuối cùng cả nhà đã lôi được chiếc lọ quý hóa cùng với một chiếc chén bạc cũ méo mó, của Môritx hồi bé. Các cụ đổ anh đào đầy tràn chiếc chén đó và đưa cho tôi; Môritx vốn thích ăn anh đào lắm! Và vừa mời tôi ăn, ông cụ vừa rĩ tai tôi, vẻ thèm thuồng:

- Này anh, anh được ăn cái món này là sướng lắm nhé! Chính bà nó nhà tôi làm ra đấy... Anh sẽ thấy thú phải biết.

Chao ôi! Cụ bà làm lấy thật đấy nhưng cụ đã quên mất không cho đường. Biết làm sao được! Tuổi già lẫn cần mà.

⁽¹⁾ Nguyên văn Bécgamôt(Bergamot): một loại cam - chanh được trích tinh dầu có mùi thơm thoang thoảng

Cụ bà Mamét tội nghiệp ơi, đào của cụ chất ghê quá... Nhưng tôi vẫn cố ăn bằng hết mà không hề nhăn mặt.

Cơm nước xong, tôi đứng dậy xin phép ra về. Các cụ vẫn muốn giữ tôi ở lại chuyện trò một lát nữa về đứa cháu kỳ khôi nhưng mặt trời đã xế, chiếc cối xay của tôi lại ở xa, đành phải lên đường thôi.

Cụ ông cùng đứng lên một lúc với tôi.

- Bà nó ơi, đưa cho tôi cái áo!... tôi muốn tiễn anh ấy tới tận quảng trường.

Chắc chắn là trong thâm tâm, cụ bà Mamét cảm thấy là vào giờ này mà đi ra quảng trường thì hơi lạnh rồi nhưng cụ không để lộ ý nghĩ của mình. Tuy nhiên tôi đã nghe thấy trong khi giúp cụ ông xỏ tay vào chiếc áo đẹp màu sợi thuốc lá Tây-ban-nha^(*) bà cụ đáng mến ấy đã nói dịu dàng với cụ ông:

- Ông nhà sẽ về sớm, phải không nào?

Cụ ông trả lời, về sớm ờ:

- Hề! Hề!... chưa biết chừng... cũng có thể...

Nói rồi, hai cụ cùng nhìn nhau mà cười; các cô bé áo xanh thấy các cụ cười thì cũng cười theo và cả những con chim kim tước trong góc lồng nữa cũng cùng cười nốt theo kiểu cười của chúng... Nói nhỏ riêng với nhau, mùi anh đào đã làm cho ai nấy trong nhà đều có hơi ngây ngất...

^(*) Thuốc lá Tây ban nha (Tabac d'Espagne) màu nâu.

Trời sắp tối khi ông cụ và tôi đi ra. Cô bé áo xanh đi theo để dìu cụ về nhưng cụ không trông thấy và còn lấy làm hãnh diện được khoác tay tôi mà đi như một chàng trai vậy. Cụ bà Mamét, nét mặt rạng rỡ đứng tựa cửa nhìn theo, đầu gật gù đến là hay, như muốn bảo: “Chừ, cái ông cụ tội nghiệp nhà tôi... gỏi hầy còn vững đấy chứ!”

CA KHÚC BẰNG VĂN XUÔI

Sớm nay, mở cửa ra nhìn, xung quanh chiếc cối xay của tôi, sương đã đọng lại thành tấm thảm lớn trắng xóa. Cỏ óng ánh và kêu lên lạo xạo dưới gót chân như tiếng kính vỡ; cả trái đồi run lên vì lạnh... Quê hương Prôvăngx yêu dấu của tôi thay hình đổi dạng trong một ngày thành một miền phương Bắc; và chính ở dưới những hàng thông viền rèm sương tuyết ấy, giữa những bụi oải hương nở những chùm hoa đá, tôi đã viết hai bài ca khúc theo cách suy tưởng hơi có tính cách Phổ. Trong khi tôi viết, hơi nước đóng thành băng hắt lên người tôi những đốm lửa trắng và tít trên cao kia, dưới vòm trời sáng lòa, từng đàn sếu bay theo hình tam giác từ xứ sở của Henri Hen⁽¹⁾ xuống vùng Camác, cất tiếng kêu lạnh lạnh: “Trời trở lạnh... lạnh...”

⁽¹⁾ *Henri Hen* (Henri Heine) Nhà thơ Đức, (1797 - 1856)

I

CÁI CHẾT CỦA THÁI TỬ⁽¹⁾

Hoàng cậu Thái tử lâm bệnh; hoàng cậu Thái tử sắp từ trần... Suốt ngày suốt đêm người ta làm lễ Châu Minh thánh tại khắp các nhà thờ của vương quốc và thắp những ngọn nến lớn cầu nguyện cho con vua được tai qua nạn khỏi. Phố xá quanh cung điện cổ âm thầm và lạnh ngắt; chuông nhà thờ không rung, xe ngựa đi bước một... Bọn thị dân tò mò ở gần cung điện ngó qua hàng rào, nhìn các thầy quyền Thụy sĩ⁽²⁾ bụng phệ, thắt đai vàng đang chuyện trò trong sân, vẻ quan trọng.

Cả cung điện nhốn nháo... Nội thần, thị vệ⁽³⁾ chạy lên xuống các bậc thang lát đá vân... Các hành lang đông nghịt thị đồng và các quan trong chiều mình bận đồ lụa, đi từ đám này sang đám khác, thì thào hỏi tin nhau... Trên các bậc tam cấp rộng lớn, các thị nữ mặt mày ủ rũ vừa nghiêng mình trịnh trọng chào nhau vừa lau mắt bằng những chiếc khăn thêu xinh xắn.

⁽¹⁾ *Thái tử* (Dauphin): Con vua nước Pháp được chọn trước được kế ngôi

⁽²⁾ *Thầy quyền Thụy sĩ*: lính cận vệ người Thụy sĩ

⁽³⁾ *Nội thần, thị vệ*, nguyên văn là Chambellan (quan trọng chiều chuyên trách các công việc trong phòng của vua ở) và Mojordome (đứng đầu các người hầu hạ, phục vụ vua).

thấy họ. Hoàng cậu thái tử vỗ tay hoan hô: nhận ra một người lính quen mặt, hoàng cậu lên tiếng gọi:

- Hỡi Loranh, Loranh!

Người lính già đi lên một bước, tới gần giường.

- Ta yêu mến nhà ngươi lắm, hỡi người lính già Loranh của ta... Đưa ta coi thanh gươm lớn của ngươi một tý nào... Nếu như thần chết đến bắt ta thì ngươi phải giết chết nó, phải thế không?.

Loranh đáp:

- Bẩm vâng, thưa thái tử...

Và hai giọt nước mắt to tướng lăn trên gò má dăm nắng của bác ta...

Giữa lúc đó, vị linh mục bước lại gần Hoàng thái tử, vừa chìa cho thái tử nhìn cây thánh giá, vừa lầm rầm nói một hồi lâu. Hoàng thái tử lắng nghe siết cổ kinh ngạc rồi đột nhiên cắt ngang:

- Thưa cha, tôi hiểu những lời cha nói lắm, nhưng nếu tôi không cho người bạn nhỏ Béppô của tôi thật nhiều tiền thì nó có thể chết thay cho tôi được không?...

Linh mục vẫn lầm rầm đọc tiếp và Hoàng cậu thái tử càng ngạc nhiên hơn.

Vị linh mục vừa dứt lời, Hoàng cậu thái tử thờ dài đến thượt một cái và nói tiếp:

- Thưa cha, tất cả những điều cha nói đều buồn thảm vô cùng, nhưng có một điều an ủi tôi, đó là ở trên kia, trong

cõi thiên đàng của các vì sao, tôi sẽ vẫn là Thái tử... Tôi biết rằng Thượng đế nhân từ là anh em họ với tôi và thế nào Người cũng đối xử đúng với tước vị của tôi.

Rồi Hoàng cậu thái tử quay sang phía mẹ và nói thêm rằng:

- Hãy mang quần áo đẹp nhất đến cho con, chiếc áo chên da chồn trắng và đôi giày ban bọc nhung của con! Trước mặt các thiên thần, con muốn tỏ rõ mình đây là con người thanh lịch và bước vào thiên đường với vương phục Hoàng thái tử.

Lần thứ ba, vị linh mục cúi xuống người Hoàng cậu thái tử và lầm rầm đọc hồi lâu... Mới được nửa chừng thì Hoàng cậu thái tử nổi khùng, cắt ngang lời linh mục:

- Thế ra - Hoàng cậu hết lên - làm Thái tử cũng chẳng ra cái quái gì hết phỏng?

Nói rồi, Hoàng cậu thái tử quay mặt vào tường, không thèm nghe nữa và khóc thảm thiết.

II

QUAN HUYỆN XUỐNG XÃ

Ô. huyện đi kinh lý. Xà ích phía trước, lính hầu phía sau ông chễm trệ ngồi trong chiếc xe ngựa đưa ông về dự cuộc thi nông nghiệp địa phương tổ chức ở Lũng Tiên⁽¹⁾. Trong cái ngày đáng ghi nhớ này. Ô.huyện bận chiếc áo gấm thêu đẹp, đội chiếc mũ tể xinh xinh⁽²⁾, mặc chiếc quần chét ống có vạch bạc và đeo thanh kiếm đại lễ có chuôi nạm xà cừ.

Ô.Quan huyện trầm ngâm nhìn chiếc cặp to tướng bằng da in đặt trên đùi; ông nghĩ đến bài diễn văn nổi tiếng mà lát nữa ông sẽ đọc trước dân chúng Lũng Tiên:

- Cùng quý vị bản hạt...

Nhưng ông cứ vờ hoài bộ râu tơ hung hung và nhắc đi, nhắc lại đến hai mươi lần:

- “Cùng quý vị bản hạt...” đoạn tiếp bài diễn văn nghĩ không ra.

Đoạn tiếp bài diễn văn nghĩ không ra. Trong xe sao mà nóng thế!... Con đường đi Lũng Tiên xa tít tắp bốc bụi mù dưới trời nắng phương Nam... Không khí hầm hập, như

⁽¹⁾ Nguyên văn *Combes aux fées*; Lũng Tiên

⁽²⁾ Nguyên văn *Claque*: Thứ mũ cao có thể gấp lại được.

thiếu như đốt... và trên những cây tiểu du mọc bên rìa đường trắng xóa bụi hàng ngàn con ve sầu đối đáp nhau từ cây này sang cây khác... Ô.huyện chợt giật mình. Ông vừa nhận ra ở chân đồi kia một cánh rừng sồi xanh ngắt như đang vẫy gọi ông.

Cánh rừng sồi xanh ngắt như đang vẫy gọi ông:

- Ông huyện ơi, hãy lại đây mà thảo diễn văn, dưới bóng cây của tôi, ông sẽ thấy dễ chịu hơn nhiều..."

Ô.huyện xiêu lòng; ông bèn nhảy xuống xe và truyền cho gia nhân hãy chờ đợi để ông còn vào cánh rừng sồi xanh soạn bài diễn văn của mình.

Trong cánh rừng sồi xanh có chim, có những bông hoa tím và những con suối dưới lớp cỏ non. Vừa nhìn ra ông huyện mặc chiếc quần chết đẹp, tay xách chiếc cặp da in lá chim chóc hoảng loạn cả lên và không hót nữa; những dòng suối không dám róc rách nữa và những bông hoa tím ẩn mình vào dưới lớp cỏ non... Cả cái thế giới nhỏ bé này đã bao giờ thấy một ông huyện, nên chúng thì thà thì thảo hỏi nhau: cái ông hoàng bảnh bao nào mà mặc quần chết ống có nẹp bạc đi dạo chơi thế?

Chú rì rầm dưới lùm cây hỏi han nhau cái ông hoàng nào mà mặc quần chết ống có nẹp bạc thế.

Trong lúc đó, Ô.huyện thấy khu rừng tĩnh mịch và mát mẻ thì lấy làm thích thú, ông vén tà áo, đặt mũ lên cỏ và ngồi xuống đám rêu dưới gốc một cây sồi non; rồi ông mở chiếc cặp bằng da in để trên đầu gối và rút ra một tờ giấy khổ rộng của công đường.

- Một nghệ sĩ! - Chim bông lau nói

- Không phải nghệ sĩ - Chim sơn thước cãi - ông ta mặc quần chèn có nẹp bạc cơ mà; một ông hoàng thì đúng hơn.

Chim sơn thước nói:

- Đó là một ông hoàng thì đúng hơn.

Con chim hoa mi già đã hót suốt mùa trong vườn của huyện đường lên tiếng cất ngang.

- Chả phải nghệ sĩ mà cũng chả phải hoàng tử... mình biết tổng ai rồi; ông huyện đấy!

Thế là cả khu rừng nhỏ cứ thì thào:

- Ông huyện đấy! Ông huyện đấy!

- Đâu ông ta sao mà hói thế - một con sơn ca mào to nhận xét.

Hoa tím hỏi:

- Ông ta có ác không?

Họa mi già đáp:

- Không đâu!

Thế là cả lũ lại yên tâm, chim lại hót, suối lại chảy, hoa tím lại toả hương; cứ như là ông ta không có mặt ở đấy ấy... Ông huyện thản nhiên trước cảnh tung bừng hấp dẫn đó; từ đáy lòng, ông kêu gọi Nàng thơ của Nhà nông⁽¹⁾ và, giơ cao chiếc bút chì, ông bắt đầu trình trọng đọc to:

⁽¹⁾ Nguyên văn *Comires agricoles*: Các hội nghiên cứu cải tiến phương pháp canh tác.

- Cùng quý vị bản hạt...

- Cùng quý vị bản hạt - ông huyện trịnh trọng nói...

Một tiếng cười lớn cắt ngang lời ông; ông quay lại và chỉ thấy có con chim gõ kiến lớn đậu trên chiếc mũ của ông và đang nhìn ông mà cười. Ông huyện nhún vai, muốn tiếp tục bài diễn văn nhưng chim gõ kiến lại cắt ngang và kêu lên từ xa:

- Chớ uống công.

- Sao lại uống công hả? - ông huyện mặt đỏ gay hỏi, rồi ông đưa tay ra đuổi con vật trơ tráo kia và lại đọc càng to hơn:

- Cùng quý vị bản hạt...

- Cùng quý vị bản hạt...- ông huyện càng lên tiếng đọc to hơn.

Vừa lúc đó, những bông hoa tím nho nhỏ vươn cánh lên phía ông và nói dịu dàng:

- Thưa ông huyện, ông có thấy chúng cháu có mùi hương ngào ngạt không ông?

Còn những dòng suối thì hoà cho ông nghe một khúc nhạc thần tiên dưới nước rêu và trên đầu ông hàng ngàn chim gõ kiến bay đến đậu trên cành, hót cho ông nghe những làn điệu hay nhất; và cả khu rừng nhỏ nhoi cùng vào hòa với nhau để ngăn cản ông soạn diễn văn.

Cả khu rừng nhỏ vào hòa với nhau để ngăn ông soạn diễn văn... Ô huyện ngây ngất vì hương, say vì nhạc, cố

cưỡng lại niềm vui mới đang xâm chiếm lòng ông mà không nổi. Ông chống khuỷu tay lên cỏ, cởi chiếc áo đẹp, lẩm nhẩm thêm hai ba lần nữa.

- Cùng quý vị bản hạt... Cùng quý vị bản... Cùng quý...

Rồi, ông kệ thấy quý vị bản hạt cho ma quỷ bắt đi và Nàng thơ của nhà nông chỉ còn cách che mặt đi thôi.

Che mặt đi thôi, hỡi Nàng thơ của các hội Nhà nông.

Một giờ sau mãi không thấy ông trở về, bọn nha lại lo lắng, liền đi vào khu rừng nhỏ và nhìn một quang cảnh làm chúng phải lùi lại vì hãi hùng... Quan huyện nằm úp sấp trên đám cỏ, quần áo sộc sộc như một thằng ăn mày⁽¹⁾. Ông đã cởi áo để xuống đất... Và vừa nhai mấy bông hoa tím, ông vừa làm thơ.

⁽¹⁾ Nguyên văn là *bohème*: kẻ lưu đãng

CHUYỆN NGƯỜI CÓ BỘ ÓC VÀNG

Tặng bà đòi kể chuyện vui

Thưa bà, tôi cảm thấy như có điều ân hận khi được đọc thư bà. Tôi tự trách mình đã để cho những chuyện của mình được hơi nhiều màu tang tóc, và tôi hứa hôm nay sẽ kể bà nghe một niềm vui, vui đến điên lên được.

Thực ra, tại sao tôi lại có thể buồn được nhỉ? Tôi sống cách xa sương mù Pari hàng ngàn dặm, trên một ngọn đồi rực rỡ nắng vàng, giữa xứ sở của tiếng trống và rượu nho hương. Quanh nhà tôi, toàn chỉ là nắng và nhạc; tôi có đàn nhạc của chim bạc bụng, những cuộc hợp tấu của chim chích choè; buổi sáng chim mổ nhác cất lời ca; Curoli! Curoli! Buổi trưa đến lượt ve sầu; rồi tiếng tiêu của mục đồng và tiếng cười của các cô gái tóc nâu xinh đẹp vang lên trong vườn nho... thực vậy, chọn nơi này mà nghiền ngẫm sâu tư thì chẳng đúng được nào; lẽ ra tôi phải gửi đến các phu nhân những áng thơ hồng và những lãng chứa đầy chuyện diễm tình.

Nhưng không! Tôi còn ở gần Pari quá. Ngày nào Pari cũng đem lại cho tôi, đến tận hàng thông những mảnh tình buồn của nó...

Ngay lúc viết những dòng này đây, tôi mới nhận được tin về cái chết đau thương của Săclơ Babara tội nghiệp và chiếc cối xay của tôi lại bao phủ một màu tang. Đã từ chim mỏ nhác và ve sầu! Tôi chả còn bụng dạ nào mà vui... Thừa bà đó là lẽ vì sao đáng lẽ được nghe kể một câu chuyện vui như tôi đã hứa với bà hôm nay lại phải nghe một câu chuyện hoang đường sâu nảo.

*

* *

Ngày xưa, có một người đàn ông có khối óc bằng vàng, vàng, đúng thế, thừa bà, một khối óc toàn bằng vàng. Ngay khi anh ta mới lọt lòng, các thầy thuốc đều nghĩ rằng thằng bé này khó mà sống được vì đầu nó nặng quá và cái sọ thì lại to quá khổ thế nhưng nó vẫn sống và lớn lên được dưới ánh mặt trời như một cây gỗ lưu xanh tốt, chỉ hiểu một nỗi cái đầu to tướng của nó cứ kéo nó đi sênh sếch và thật ái ngại khi thấy nó vừa đi vừa-cọc đầu vào những đồ vật trong nhà. Nó hay ngã luôn. Một hôm, nó lăn từ trên thêm cao xuống và khi chấn nó đập vào bậc đá hoa thì sọ nó vang lên như một thỏi vàng. Người ta đã tưởng nó chết mất nhưng khi nâng nó lên thì chỉ thấy nó bị thương nhẹ và có hai ba giọt vàng đông cứng lại trong mớ tóc hung của nó. Nhờ vậy mà cha mẹ nó mới biết được con mình có một bộ óc bằng vàng.

Chuyện được giữ kín bản thân thằng bé tội nghiệp cũng không nghi ngờ một chút nào. Đôi khi, nó thắc mắc hỏi tại sao không cho nó chạy ra trước cửa nhà với trẻ con ngoài phố.

- Người ta sẽ đánh cắp mất của con, cái kho vàng quý báu của mẹ... - mẹ nó trả lời.

Thế là từ ấy thằng bé rất lo bị mất cắp, nó chẳng nói, chẳng rằng, quay vào chơi một mình, đi lại nặng nề, ngật ngã ngật ngưỡng từ buồng nọ sang buồng kia.

Mãi tới năm nó mới mười tám tuổi, bố mẹ nó mới tiết lộ cho nó biết cái mà trời phú cho nó và chỉ xin nó chỉ một ít vàng gọi là để trả công nuôi nấng từ tấm bé tới nay. Thằng bé chẳng biết đắn đo, sẵn sàng ngay tức khắc - nhưng bằng cách nào và làm sao cậy được vàng thì truyền thuyết chẳng nói rõ - nó rút ra khỏi sọ một miếng vàng nặng trùng trục, một miếng vàng to bằng hạt dẻ và hãnh diện ném vào lòng mẹ nó... thế rồi, loá mắt của cái chứa trong đầu, điên lên vì khát vọng, say sưa vì quyền lực, nó rời khỏi nhà cha mẹ và đi chu du khắp thế giới, phung phí cái kho báu của mình.

Với cách sống đơn giản của anh ta, vung vàng không cần đếm, người ta cho rằng bộ óc vàng đó là vô tận... nhưng rồi nó cũng phải cạn và càng ngày người ta cũng có thể nhận thấy đôi mắt anh ta mờ đi, má lõm sâu hơn. Cho đến một ngày nọ, vào một buổi sáng, sau một đêm hoan lạc điên loạn, anh chàng khốn nạn ấy thấy còn chơ lại có một mình giữa đám chai cốc, ngổn ngang bữa tiệc tàn và những ngọn bạch lạc hiu hắt, anh ta kinh hoàng trước cái lỗ hổng

to tướng mà anh ta đã khoét vào khối vàng của mình; đã đến lúc phải dừng lại thôi.

Từ đây một cuộc sống mới bắt đầu. Con người có bộ óc vàng ấy sống xa lánh mọi người, tự tay làm lấy mà ăn, anh ta nghi ngờ và sợ hãi như một thằng keo kiệt, lẩn tránh mọi cám dỗ, cố quên đi những của cải bất hạnh mà anh ta không muốn đụng đến nữa... khốn thay, có một người đã theo dõi anh ta trong lúc sống cô đơn và đã biết thóp được bí mật của anh ta.

Một đêm nọ, anh chàng tội nghiệp bỗng giật mình thức giấc vì một cơn đau đầu khủng khiếp anh ta bàng hoàng đứng lên và nhìn thấy dưới ánh trăng người bạn của mình dấu trong áo khoác một vật gì đó và đang chạy chốn...

Thế là lại thêm một ít óc của anh ta lại bị lấy cắp!...

Ít lâu sau, người đàn ông có bộ óc vàng đấy sa vào chuyện yêu đương và lần này thì thật hết... Anh ta chết mê chết mệt một người đàn bà nhỏ nhắn tóc hung. Chị ta cũng yêu anh lắm nhưng lại còn mê những đồ nữ trang cầu kì, những chiếc lông chim trắng và những dải tua nâu óng ánh phần phật trên đôi giày có cổ nữ kia.

Lọt vào tay người đẹp - nửa chim nửa búp bê này - những mẩu vàng nhỏ chảy tan ra như thể một trò đùa. Cô nàng đòi đủ thứ, còn anh chàng thì chẳng bao giờ giám khước từ, và còn sợ làm cô em phiền muộn nên anh ta dấu biệt điều bí mật đáng buồn về tài sản của anh ta.

- Chúng ta giàu lắm, phải không anh? - Cô nàng hỏi.

- Ừ, đúng thế... - Anh chàng tội nghiệp đáp - Chúng ta giàu lắm.

Và anh ta mỉm cười âu yếm với con chim xanh bé nhỏ vô tình ăn bộ óc của anh ta. Tuy vậy anh ta cũng cảm thấy sợ hãi, anh ta muốn hà tiện nhưng cô vợ bé bỏng lại ở đây tăng tăng nhảy vào lòng anh ta và bảo:

- Mình ơi mình, mình giàu có lắm mà. Hăng sấm cho em một thứ gì thật quý giá cơ...

Anh ta liền đi mua cho cô nàng một thứ thật quý giá.

Cứ như vậy kéo dài đến hai năm, rồi một buổi sáng không hiểu sao bỗng dung người vợ bé bỏng lăn đùng ra chết như một con chim... kho vàng đã gần cạn, còn lại được bao nhiêu anh chàng goá bụa dốc hết vào làm ma thật linh đình cho người vợ thân yêu. Chuông rung inh ỏi, mấy cỗ xe phủ màn đen, ngựa quàng khăn tua, vải nhung đính hạt bạc, thế mà anh ta chưa lấy thế làm hài lòng. Vàng còn nghĩa lý gì lúc này nữa?... Anh ta cúng vào nhà thờ, cho những kẻ hầu hạ, cho các cô bán hoa bất tử, phân phát khắp mọi nơi mà chẳng cần tính toán... Cho nên từ nghĩa trang trở về, cái bộ óc diệu kỳ chẳng còn được mấy tí, có chăng còn sót lại một vài mảnh vàng dính ở hốc sọ.

Rồi người ta thấy anh chàng lê gót trên đường phố, mặt mày ngơ ngác, tay buông thõng, đi chệch choạc như một gã say rượu. Chiều đến vào giờ những cửa hàng tạp hóa lên đèn sáng trưng, anh ta dừng chân trước một quầy kính lớn bày la liệt vải vóc và đồ trang sức ngời ngời dưới ánh đèn, anh ta đứng đó rất lâu ngắm đôi giấy bằng sa tanh màu lam,

- Ừ, đúng thế... - Anh chàng tội nghiệp đáp - Chúng ta giàu lắm.

Và anh ta mỉm cười âu yếm với con chim xanh bé nhỏ vô tình ăn bộ óc của anh ta. Tuy vậy anh ta cũng cảm thấy sợ hãi, anh ta muốn hà tiện nhưng cô vợ bé bỏng lại ở đây tăng tăng nhảy vào lòng anh ta và bảo:

- Mình ơi mình, mình giàu có lắm mà. Hăng sấm cho em một thứ gì thật quý giá cơ...

Anh ta liền đi mua cho cô nàng một thứ thật quý giá.

Cứ như vậy kéo dài đến hai năm, rồi một buổi sáng không hiểu sao bỗng dưng người vợ bé bỗng lăn đùng ra chết như một con chim... kho vàng đã gần cạn, còn lại được bao nhiêu anh chàng goá bụa dốc hết vào làm ma thật linh đình cho người vợ thân yêu. Chuông rung inh ỏi, mấy cỗ xe phủ màn đen, ngựa quàng khăn tua, vải nhung đính hạt bạc, thế mà anh ta chưa lấy thế làm hài lòng. Vàng còn nghĩa lý gì lúc này nữa?... Anh ta cúng vào nhà thờ, cho những kẻ hầu hạ, cho các cô bán hoa bất tử, phân phát khắp mọi nơi mà chẳng cần tính toán... Cho nên từ nghĩa trang trở về, cái bộ óc diệu kỳ chẳng còn được mấy tí, có chăng còn sót lại một vài mảnh vàng dính ở hốc sọ.

Rồi người ta thấy anh chàng lê gót trên đường phố, mặt mày ngơ ngác, tay buông thõng, đi chệch choạc như một gã say rượu. Chiều đến vào giờ những cửa hàng tạp hóa lên đèn sáng trưng, anh ta dừng chân trước một quầy kính lớn bày la liệt vải vóc và đồ trang sức ngời ngời dưới ánh đèn, anh ta đứng đó rất lâu ngắm đôi giày bằng sa tanh màu lam,

viên lông tơ thiên nga: "Ta biết đôi giày này sẽ làm ai rất vừa ý" - anh ta mỉm cười nói một mình và quên khuấy mất cô vợ bé bỏng của mình chẳng còn nữa, anh ta bước vào hiệu để mua....

Bà bán hàng đứng tận phía trong bỗng nghe thấy một tiếng thét, bà vội chạy tới và lùi lại vì sợ hãi. Trước mặt bà ta, một người đàn ông đứng tựa vào quầy hàng vẻ ngây dại đau đớn nhìn bà ta. Một tay anh ta cầm đôi dây lam viên lông thiên nga, còn tay kia đầm máu chìa ra, đầu móng tay dính đầy những vẩy vàng.

Thưa bà đó là nội dung câu chuyện hoang đường về người đàn ông có bộ óc bằng vàng. Tuy huyền hoặc nhưng câu chuyện hoang đường này lại chân thật từ đầu đến cuối... Có những người bất hạnh trên thế gian này buộc phải sống bằng bộ óc của họ và trả những hàng mua nhỏ mọn cho đời sống bằng vàng mười và sương tuyết của họ. Họ phải chịu đau đớn hàng ngày và rồi khi họ đã lả đi vì đau khổ thì...

THI SĨ MIXTRAN

Sáng chủ nhật vừa rồi, bùng mắt dậy mà cứ ngỡ mình đang ở ngoại ô Môngmác. Mưa rơi, bầu trời xám xịt, cối xay tẻ ngắt. Mưa lạnh như thế này mà ru rú suốt ngày trong nhà thì chán ngán biết chừng nào và tôi liền nảy ra ý nghĩ đi sưởi ấm một chút ở nhà Frêdêrich Mixtran, một nhà thơ lớn ở cách hàng thông của tôi ba dặm, trong làng Maian bé nhỏ.

Nghĩ rồi đi luôn. Vợ lấy một cây gỗ sim, một cuốn Môngtenhơ, một cái ô, thế là lên đường!

Không có một ai ngoài đồng ruộng... xứ đạo Prôvăngx thơ mộng của ta để cho đất nghỉ ngơi ngày chủ nhật...

Cửa trang trại đóng im ỉm, chỉ có những con chó giữ nhà... Xa xa một chiếc xe trở hàng che tấm vải bạt ướt sũng, một bà già trùm chiếc áo tơi màu cỏ úa, những con la thủng bộ đồ ngày lễ khoác tấm vải xanh xanh trắng trắng, đeo quả bông đỏ và nhạc bạc, đang rong nước kiệu kéo chiếc xe chở đầy dân diên trang đi dự lễ; và kia nữa, một con thuyền trên nông trang thấp thoáng trong sương mù, một người đánh cá đứng thẳng lưng quăng lưới.

Chẳng còn mong được gì dọc đường đi hôm nay. Trời mưa như trút và gió bắc thổi tấp nước vào mặt. Tôi đi thẳng một mạch và sau ba giờ đi miết, tôi thấy hiện ra trước mặt những vạt rừng trắc bá⁽¹⁾. Làng Maian nép vào giữa những vạt rừng ấy mà tránh gió.

Đường làng vắng tanh, vắng ngắt, ai nấy đi lẻ cả. khi tôi đi ngang qua nhà thờ tiếng kèn⁽²⁾ còn trầm trầm vang lên và tôi ngó thấy những ngọn nến lấp lánh qua những lớp kính màu.

Nhà thi sĩ ở mãi tận cuối làng, một ngôi nhà nhỏ hai tầng trên đường Xanh Rêmi, đằng trước có một mảnh vườn... Tôi rón rén bước vào... Chẳng có ai! Cửa phòng khách đóng kín nhưng tôi nghe thấy bên trong có tiếng người nói to và đang đi đi lại lại... Bước đi và giọng nói này đều quen thuộc đối với tôi... tôi dừng chân một lát trên hành lang quét vôi, tay đặt lên núm cửa, lòng rộn ràng, rất xúc động... thi sĩ đang làm thơ. Có nên chờ cho anh làm xong một đoạn không đã?... Kệ, cứ vào.

Hỡi các bạn Pari, chàng thi sĩ của Maian đã dẫn nàng Niráy lên thăm Pari mà các bạn gặp trong phòng khách, một anh chàng Sácta ~~h~~in thường phục vương vúi vì chiếc cổ cồn và chiếc mũ to tướng, cũng như vương vúi vì tiếng tâm của mình - chàng thi sĩ ấy, các bạn cứ tưởng là Mixtran nhưng đâu có phải. Trên đời này chỉ có một Mixtran thôi; đó là người mà tôi mới bắt gặp hôm chủ nhật vừa qua ở

⁽¹⁾ Nguyên văn *Xipre* (Cyprus): loại cây tùng, cây bách luôn luôn xanh rờn

⁽²⁾ *Tiếng kèn*, nguyên văn là *serpent* (con rắn): Một thứ kèn hình con rắn có chín lỗ, hồi xưa dùng để đệm cho dàn hát thánh ca.

ngay trong làng anh, đầu đội mũ bịt tai, mặc áo gia kết, không có gì lẽ, ngang lưng thắt giây len đỏ "Catalan"(*), mắt sáng ngời, gò má bùng bùng cảm hứng, con người trông hào hoa với nụ cười hiền hậu, dáng phong nhã như một chàng chăn cừu Hy Lạp, đang dứt tay vào túi, vừa bước những bước dài, vừa làm thơ.

- Sao thế kia! Chính là cậu đấy à! - Mixtran ôm choàng lấy cổ tôi mà kêu tướng lên - cậu đến thật hay. Hôm nay đúng là ngày hội ở Maian. Chúng mình có giàn nhạc Avinhông, có đấu bò mộng, có rước sách, có nhảy farandón, sẽ thật là tuyệt cho mà xem. Mẹ mình sắp đi về, chúng ta sẽ ăn cơm rồi biến luôn! Chúng ta sẽ tới xem các cô gái xinh đẹp nhảy múa...

Trong lúc anh nói, tôi nhìn, lòng xúc động, căn phòng khách nhỏ hẹp dán giấy trang trí màu sáng mà đã lâu tôi không trở lại thăm, nơi tôi đã qua những giây phút đẹp vô cùng. Mọi vật vẫn y nguyên. Vẫn là chiếc trường kỷ có ô vuông màu vàng, hai chiếc ghế bành nhồi rơm, pho tượng vệ nữ cụt tay và vệ nữ Atlát đặt trên lò sưởi; bức chân dung thi sĩ do Hêbe vẽ, tấm ảnh Echiên Cácgia chụp cho anh và trong góc sát cửa sổ là bàn giấy, một chiếc bàn nhỏ làm việc đã tàng tàng như chiếc bàn của anh thu thuế trước bạ, đầy ắp sách cũ và từ điển. Tôi thấy một quyển vở bỏ ngổ giữa bàn... đó là tác phẩm *Calendán*, một tập thơ mới của Prêdêrich Mixtran sẽ xuất bản vào cuối năm nay nhân ngày lễ Chúa giáng sinh. Tập thơ này Mixtran đã làm trong bảy năm và gần sáu tháng lại đây mới viết xong câu thơ cuối

(*) *Catalan*: người xứ "Catalogne" quen dùng

cùng; tuy vậy anh vẫn chưa dứt nó ra được. Các bạn thừa hiểu rằng bao giờ mà chẳng có một đoạn cần gọt rửa, một vần điệu cần tìm ra cho kêu hơn... Mixtran tốn công viết thật chau chuốt bằng tiếng Prôvăngx cứ như là ai cũng đọc bằng thứ tiếng địa phương ấy, và phải thừa nhận những công sức của một người thợ thành thạo... Ôi! Nhà thơ dửng dưng, có lẽ Môngte'nh đã ám chỉ đúng Mixtran khi ông viết những dòng này: "*Các anh hãy nhớ đến những con người mà khi ta hỏi tại sao lại quá vất vả vì một nghệ thuật ít người biết tới để làm gì thì anh ta trả lời: ít người biết đến cũng được. Một người biết đến cũng được... Không ai biết đến cũng được*".

*

*

*

Tôi vô cùng xúc động cầm lấy tập thơ *Calendan* và dở từng trang. Tiếng sáo và tiếng trống com⁽¹⁾ bỗng nổi lên trên đường phố, ngay trước cửa sổ. Thế là Mixtran của tôi lại mở tủ lấy chai, cốc, kéo chiếc bàn ra trước nhà, và vừa mở toang cửa đón các nhạc công, vừa bảo tôi:

- Đừng cười nhé... họ đến mừng mình một khúc nhạc buổi sáng... mình là uỷ viên hội đồng thị xã mà li.

⁽¹⁾ *Tiếng trống com* - nguyên văn Tambouranh (Tambouin) loại trống con vừa dài và vừa hẹp hơn trống con thường, như một kiểu trống com.

Căn phòng nhỏ chật ních người. Trống cơm xếp lên ghế, lá cờ hiệu cũ dựng vào một góc và rượu vang chín rót mời suốt lượt. Sau khi ai nấy đã uống cạn vài chai chúc sức khoẻ Ô. Frêdêrich nói với nhau một cách trịnh trọng về ngày hội, phỏng đoán liệu cuộc vui nhảy farandôn năm nay có đẹp hơn năm trước không, liệu những con bò mộng đấu có hăng không, dàn nhạc công bèn cáo lui để đến chơi nhạc mừng các uỷ viên khác. vừa lúc bà mẹ Mixtran đi lễ về.

Chỉ loáng một cái, bàn ăn đã bày dàu ra đầy, một tấm khăn trắng đẹp phủ bàn và bát đĩa đặt cho hai người ăn. Tôi đã quen lệ nhà này: cứ Mixtran có khách là cụ không ngồi cùng ăn. Bà già tội nghiệp chỉ biết nói tiếng địa phương Prôvăngx và có lẽ bà cảm thấy ngượng ngùng nói chuyện với người khác... hơn nữa bà còn cần ở nơi bếp núc.

Trời ạ! Bữa ăn sáng nay thật là tuyệt một miếng thịt cừu non quay, ít pho mát miền núi, ít mứt nho, những quả vả và nho hương. Các món ăn đó được nhấm với thứ rượu vang Satônóp của Giáo hoàng, thứ vang có màu hồng rất đẹp, óng ánh trong cốc.

Đến lúc ăn tráng miệng, tôi đi tìm tập thơ và đem lại trước mặt Mixtran.

- Ta đã bảo nhau là đi chơi cơ mà - thi sĩ cười nói với tôi.

- Không! Không!... *Calendan! Calendan* chứ!

Mixtran đành chiều lòng, tay đếm nhịp, giọng nhẹ nhàng cất lên như tiếng nhạc, anh bắt đầu bài ca thứ nhất: - *Nay tôi đã kể về thân phận đáng buồn của một cô gái yêu đến*

điên cuồng, - tôi sẽ ca ngợi, nếu được Chúa bằng lòng, một đứa con của Cátxi - một chàng đánh cá đói nghèo hèn...

Bên ngoài chuông đổ hồi làm lễ châu kinh vẫn khoá, pháo nổ ran trên quảng trường, tiếng sáo hoà trong tiếng com diều qua diều lại dọc các đường phố. Những con bò mộng Cacmác mà người ta dắt đi thi đấu kêu rống lên.

Còn tôi, khuỷu tay tì lên trước bàn, nước mắt rung rung, tôi lắng nghe chàng đánh cá nghèo hèn xứ Prôvăngx.

Calendan vốn chỉ là một chàng đánh cá, vì tình yêu trở lên một anh hùng để chiếm đoạt được trái tim người yêu là nàng Extêrel xinh đẹp, chàng đã làm những điều kỳ diệu, mười hai kỳ công của Hécquyn⁽¹⁾ so với chàng với chẳng thấm vào đâu.

Một lần nảy ra trong đầu tư tưởng làm giàu chàng đã sáng chế ra những ngư cụ phi thường và đã đem về bến tất cả cá của biển khơi. Một lần khác, đánh tên tướng lục làm khét tiếng trên các ngọn đồi Ôlliul là bá tước Xêvêran, chàng đã đuổi theo hắn đến tận xào huyết, ngay giữa bọn

⁽¹⁾ *Hécquyn* (Hercule) Thần sức khoẻ trong thần thoại Hy Lạp cổ đã lập được 12 kỳ công: 1. Bóp cổ chết con sư tử Nêmê; 2. Giết con mãng xà bảy đầu ở Lécis; 3. Bắt sống con lợn lòi hung ác trên núi Erimanth; 4. Đuổi kịp con nai có chân đồng; 5. Dùng tên bắn chết những con chim trên hồ Xtanphan; 6. Thuận phục con bò mộng trên đảo Crét do thần Neptuyn sua tới để chống Mirótx; 7. Giết chết Điômét của xứ Thorátx tàn bạo chuyên nuôi ngựa bằng thịt người; 8. Chiến thắng những nữ tặc Amadôn; 9. Dồn nước sông Anphê vào rửa những chuồng ngựa Ogiátx; 10. Đánh bại và giết tên khổng lồ Gêriông có ba mình trên một thân thể; 11. Lấy được những quả táo vàng trong vườn các cô nàng Hexpêrid do con rồng có chín đầu canh giữ sau khi đã giết con rồng này; 12. Giải thoát được Thêđê (một nhân vật thần thoại cũng có những sự tích na ná như Hécquyn) khỏi hoả ngục.

lâu la và tỳ thiếp của hân... chàng Calendan nghèo hèn này mới gan dạ làm sao! Một hôm chàng gặp ở Xanh Bôm hai cánh thợ bận đến đó để thanh toán sự bất hoà bằng một cuộc đấu gươm quyết liệt trên mộ bác thợ cả Jắc là người xứ Prôvăngx đã dựng lên những cột kèo đền thờ Xalômông. Calendan xông vào giữa cuộc chém giết và dùng lời lẽ hoà giải đôi bên...

Những hành động siêu phàm!... Trên vùng núi đá Luyếc cao ngất kia có một khu rừng tùng bất khả xâm phạm mà chưa một tiểu phu nào dám mò tới. Thế mà Calendan dám mò tới, trong ba mươi ngày ấy, người ta nghe thấy tiếng rìu của chàng bổ vào thân cây. Khu rừng kêu rầm lên; những cây tùng cổ thụ khổng lồ đổ vật ra, cây nọ tiếp cây kia lăn xuống đáy vực. Đến khi Calendan quay trở về thì không còn sót một cây tùng nào trên núi nữa...

Bao chiến công của chàng đánh cá đôi cuối cùng được đền đáp. Chàng nhận được tình yêu của nàng Extêrel và được dân chúng vùng Cátxi tôn lên làm quan nhiếp chính. Chuyện chàng Calendan là như thế... Nhưng chả can hệ đến chuyện ấy. Vấn đề trước hết trong toàn bộ tập thơ là xứ Prôvăngxơ - xứ Prôvăngxơ của biển - Xứ Prôvăngxơ của núi - với những sự tích phong tục tập quán, những truyện huyền thoại, những cảnh vật của nó, cả một dân tộc thuần phát và tự do đã tìm thấy nhà thơ lớn của mình trước khi bị mai một... và bây giờ, hãy cứ đặt đường sắt đi, cứ dựng cột dây thép đi, cứ bỏ tiếng Prôvăngx ở các trường học đi! Xứ Prôvăngxơ vẫn sống vĩnh cửu trong *Mirây* và *Calendan*.

*

*

*

- Thơ thần thế đủ rồi! - Mixtran vừa nói vừa vừa gập cửa sổ lại - phải đi xem hội thôi.

Chúng tôi ra khỏi nhà; cả làng đổ ra đường, một luồng gió bắc thổi mạnh đã quét sạch bầu trời, và trời lại lấp lánh vui tươi trên những mái ngói đỏ còn ướt nước mưa. Chúng tôi đến vừa đúng lúc xem đám rước về suốt một tiếng đồng hồ, đoàn diễu hành dài dằng dặc kéo đi không ngớt, nào là các thầy tu khổ hạnh mặc áo trùm cộc tay, thầy áo trắng, thầy áo xanh, thầy áo xám, nào là đoàn thiếu nữ giáo đoàn, mặt che mạng, nào cờ hiệu màu hồng thêu hoa vàng, nào tượng các vị thánh cả bằng gỗ đã long lớp thép vàng do bốn người khiêng, tượng các thánh nữ bằng sành tô màu như những tượng thờ, tay cầm những bó hoa lớn, nào áo lễ, nào bình thánh thể, kiệu bọc nhung xanh, cây thánh giá vàng lùa trắng xung quanh, tất cả những thứ đó dập dờn trước gió, dưới ánh nến và ánh mặt trời, giữa tiếng lâm thâm đọc thánh thi, tiếng cầu kinh và tiếng chuông đổ liên hồi.

Rước sách xong, tượng thánh chao lại nhà thờ, chúng tôi đi xem bò mộng và những trò chơi trên những bãi bằng, xem đấu vật, nhảy ba bước, bắt mèo, trò bao da dê hứng nước, và đủ thứ vui náo nhiệt của những ngày hội Prôvăngxơ... Khi chúng tôi trở về làng Maian thì trời đã tối. Trên quảng trường, đã nhóm lên một ngọn lửa trại thật lớn.

ngay trước cửa quán cà phê mà chiều chiều Mixtran thường lui tới với anh bạn Didot... người ta tổ chức cuộc vui nhảy farandon. Những chiếc đèn xếp được thắp lên ở khắp chỗ tối, trai thanh gái lịch chinh tề đầu vào đấy và chẳng bao lâu, sau hồi trống rạo rạo, ai nấy cũng lao vào nhảy quanh ngọn lửa, quay cuồng âm ỉ thâu đêm suốt sáng.

Sau bữa ăn tối, không còn ai đủ sức đi chơi được nữa, chúng tôi lên buồng Mixtran. Đó là một căn buồng giản dị như vẫn thường thấy ở các nhà nông dân, có hai chiếc giường lớn. Tường không bọc giấy trang trí, trần trơ cả dui lẫn kèo. Bốn năm trước đây, khi được viện hàn lâm trao cho tác giả tập thơ Miray giải thưởng ba ngàn Frăng, bà mẹ Mixtran đã nảy ra một ý nghĩ:

- Hay là ta bọc giấy trang trí và làm lại cái trần trong buồng con? - Bà bàn với con trai.

- Không, không mẹ ạ - Mixtran trả lời - đây là tiền của thơ, không đụng đến mẹ ạ.

Thế là căn buồng vẫn trần trụi như vậy, nhưng tiền của thơ mà còn thì ai đến gõ cửa nhà Mixtran cũng thấy túi tiền của anh luôn luôn sẵn sàng mở.

Tôi mang tập thơ *Calendan* vào buồng và muốn được nghe đọc một đoạn thơ nữa trước khi ngủ. Mixtran chọn đoạn thơ nói về đồ sành. Đoạn thơ này tóm tắt lại vài câu như sau:

Trong một bữa tiệc lớn, tôi không nhớ rõ đâu, người ta đem bày lên bàn một bộ đồ sành Mutxchiê tuyệt đẹp. Trong lòng mỗi chiếc đĩa, có một hình vẽ dưới men, màu lam vẽ

một đề tài về xứ Prôvăngxơ, toàn bộ lịch sử xứ này chứa đựng cả ở đây. Bởi vậy, phải thấy được những bộ đồ sành đẹp ấy đã miêu tả với tình cảm trù mến đến thế nào: mỗi chiếc đĩa là một đoạn thơ, những bài thơ ngắn, kết quả của một sáng tạo lao động thuần phát và thông minh, được hoàn thành chau chuốt như một bức tranh nhỏ trong thơ Theocrít⁽¹⁾.

Mixtran đọc cho tôi nghe những câu thơ của anh viết bằng những ngôn ngữ đẹp, xứ Prôvăngxơ có tới ba phần tư tiếng latin, một thứ ngôn ngữ xưa kia các bà hoàng vẫn nói nhưng nay chỉ có những mục đồng hiểu nổi. Nghe anh đọc tôi thầm cảm phục anh và nghĩ đến tình cảnh suy tàn của tiếng mẹ đẻ anh và việc anh đã làm cho nó, tôi hình dung ra trước mắt một trong những lâu đài cổ của các ông hoàng xứ Bô mà người ta vẫn thường thấy trên vùng núi Alpi: nhà không có mái, thêm trước mặt lan can, cửa sổ không còn kính, lá tam điệp trảm trở trên khung cửa đã long gãy, tấm hình huy chương gắn cửa ra vào nham nhở rêu xanh, mấy con gà mái mổ ăn trong sân chính, đàn lợn dầm mình dưới hàng cột nhỏ thanh thanh cách nhà hầm, con lừa bứt cỏ mọc trên nền trong ngôi nhà thờ nhỏ, bày chim câu sà xuống uống nước mưa tràn đầy các bình vại chứa nước thánh, và sau rốt là hai ba gia đình nông dân đã dựng lên giữa đồng hoang tàn những túp lều dựa vào sườn toà lâu đài cổ.

⁽¹⁾ *Theocrít* (Tiéocrite): Nhà thơ Hy Lạp nổi tiếng sinh vào khoảng năm 310 trước công nguyên.

Rồi đến một ngày nọ, con trai của một trong những gia đình nông dân ấy đem lòng yêu những cảnh vật đồ sộ nát lớn lao đó và lấy làm bất bình thấy nó bị uế tạp; anh ta liền vội vàng mua đàn gia súc ra khỏi sân lớn và rồi được bà tiên giúp, một mình anh ta đã xây lại cầu thang chính, đặt lại ván che lên tường, lắp kính vào cửa sổ, dựng lại các tháp thếp vàng lại điện thờ, phục hồi toà lâu đài thừa trước, nơi ngự xưa kia của các Giáo hoàng và các Hoàng thái hậu.

Toà lâu đài được phục hồi đó là ngôn ngữ Prôvăngxơ.

Còn người con trai của gia đình nông dân ấy chính là Mixtran.

BA TIỂU LỄ⁽¹⁾

Chuyện kể đêm Nôen

I

- Hai gà tây nhồi nấm hương hả, Garigu?

- Bẩm cha, đúng thế ạ, hai con gà tây béo múp nhồi nấm hương. Con biết vì chính tay con nhồi nấm mà. Nhồi chặt đến nỗi con e lúc đem quay gà đến nứt da ra mất.

- Lạy Chúa tôi, lạy đức mẹ Maria! ta lại thích ăn nấm mới lạ chứ!... Garigu, mau mau đưa cho cha chiếc áo lễ đi con... Ngoài gà tây ra, con còn thấy những món gì trong bếp nữa?

- Úi chao! đủ thứ cao lương mỹ vị... Từ buổi trưa đến giờ, chúng con chỉ có thi nhau mà vật lông gà lôi, chim dẻ quạt, chim đa đa⁽²⁾, gà rừng. Lông bay lung tung tứ phía... Rồi người ta lại còn mang ở hồ về nào lươn, nào cá chép tươi vàng ngậy, nào cá hương, nào...

⁽¹⁾ Nguyên văn *Messes basses*: lễ đọc kinh không có hát, khác với lễ lớn Misa (grand - messe) là lễ có hát (messe chantée).

⁽²⁾ Nguyên văn là *Giolinót* (Gelinotte) loại gà mái rừng, thịt rất ngon.

- Cá hương to ngấn nào hả, Garigu?
- Ngấn này này, cha ạ... To khiếp!...
- Ôi, lạy Chúa! cứ như là cha trông thấy ở trước mặt mình rồi ấy... Đã rót rượu vào bình chưa con?⁽¹⁾
- Dạ, trình cha, con đã rót rượu vào bình rồi đấy ạ... Nhưng cha mẹ ơi! rượu ấy chả ngon bằng thứ rượu lát nữa cha sẽ được uống vào lúc tan lễ nửa đêm đâu. Giá mà cha trông thấy những bình rượu đầy tràn đủ màu óng a óng ánh đặt trong phòng ăn tòa lâu đài... lại có bát đĩa bằng bạc nữa cơ chứ, những chiếc bình chạm trổ, những lọ hoa, những giá nến!... Chưa thấy bao giờ một bữa tiệc nửa đêm linh đình đến như vậy. Ngài hầu tước đã mời tất tạt các vị lãnh chúa lân cận. Sẽ có đến ít nhất bốn mươi vị đến dự tiệc. Ấy là chưa kể tên pháp quan và viên lục sự... Chà! Được cùng ăn với các vị, cha thật sướng vô cùng, chỉ mới hít hơi gà tây béo nức thôi mà ở đâu con cũng thấy sực lên mùi nấm...

- Này, này con! Đừng có mà phạm tội phạm ăn đấy, nhất là trong đêm Chúa giáng sinh. Sắp nửa đêm rồi còn gì, mau mau thấp nền và kéo hồi chuông thứ nhất làm lễ đi con, ta không nên chậm trễ...

Cuộc trao đổi chuyện trò này diễn ra vào một đêm lễ nôen khoảng năm một nghìn sáu trăm theo lịch thiên chúa giáo, giữa đức cha Balaghe, nguyên trước là cha bề trên ở tu viện giáo hội Bácsnabít, nay làm cha xứ nhà thờ riêng của giòng họ công hầu Tranhcola, với chú bé giúp lễ Garigu,

⁽¹⁾ *Bình rượu thánh*, nguyên văn là *buyret* (burette): chiếc lọ nhỏ đựng nước và rượu lễ.

một chú bé mà cha xứ đã lầm tưởng là Garigu thật. Vì các bạn sẽ rõ tối hôm đó, con quỷ đã hiện hình dưới bộ mặt tròn trĩnh và những nét mập mờ của các chú bé giữ đồ thánh để dễ bề cám dỗ đức cha, khiến cha phạm phải tội phạm ăn ghê ghớm. Thế là, trong khi cái thằng gọi là Garigu kia (hừm! hừm!) ra sức kéo chuông nhà thờ thì đức cha cũng mặc xong bộ áo lễ trong phòng nhỏ để đồ thánh. Tâm trí cha còn rối tinh lên vì những điều miêu tả về các món ăn ngon nên vừa mặc áo, cha vừa luôn mồm lẩm bẩm:

- Những con gà tây quay... những con cá chép tươi vàng ngậy, những con cá hương to thế này mà!

Ngoài trời, gió thổi trong đêm khuya, gieo vào không gian tiếng chuông ngân, và những ánh lửa dần dần hiện lên trong bóng tối dọc sườn núi Văngtu, sừng sững trên đỉnh những ngọn tháp cổ của dòng họ Tranhcola. Đó là các gia đình tá điền kéo nhau lên tòa lâu đài để chầu lễ nửa đêm. Họ leo lên dốc núi từng toán năm sáu người, vừa đi vừa hát; dẫn đầu là ông bố tay sách chiếc đèn lồng rồi đến các bà trùm chiếc áo khoác nâu rộng thùng thình, lũ trẻ chen chúc núp trong tà áo. Đêm khuya và giá rét mà đám dân chúng hiền lành này vẫn hồ hởi bước đi, lòng phấn chấn, định ninh tan lễ thế nào cũng được bữa chén ở dưới nhà bếp như mọi năm. Trên con đường dốc gồ ghề, thỉnh thoảng lại có một chiếc xe của một nhà quý tộc đi tới. Đằng trước xe là một số người cầm đuốc, kính cửa xe loang loáng ánh trăng, hoặc là một con la rong nước kiệu, rung rung nhạc. Các tá điền nhận ra dưới ánh đèn mờ sương vị pháp quan, liền cất tiếng chào lúc xe qua:

- Kính ông ạ, kính ông ạ, kính chào ngài Acnôtông ạ!
- Không dám, không dám, chào các con!

Đêm sáng trời, gió bắc căm căm, càng lạnh, sao càng tỏ và những hạt mưa đá làm tâm chơn tuôn tuột trên áo quần mà không thấm ướt, giữ được thủy chung truyền thống xưa nay của những đêm Nôen tuyết trắng. Tòa lâu đài hiện lên trên đỉnh dốc như một cái đỉnh với hình khối đồ sộ những chòi tháp, những đầu hồi, gác chuông vươn mình lên bầu trời xanh đen. Muôn ánh sáng nhỏ chập chờn đi đi lại lại lung linh ở khắp các cửa sổ, trên nền tối của tòa nhà trông chẳng khác nào những đốm lửa đang đuổi nhau trên đồng tro tàn giấy đốt. Vượt cầu treo và con đường ngấm dọc bờ thành, muốn tới được nhà thờ còn phải qua cái sân thứ nhất chật ních xe, kiệu và kẻ hầu người hạ, sáng trưng ánh đuốc và ánh lửa từ nhà bếp hắt ra. Kẹp quay thịt kêu lách dách, xoong chảo loảng xoảng, cốc tách pha lê, thìa đĩa bạc dọn lên bàn va vào nhau; mùi thịt quay âm ỉm ngon lành, mùi rau thơm chấm nước xốt cầu kỳ tỏa đi khắp đó đây khiến các tá điền cũng như cha xứ, cũng như vị pháp quan, chẳng ai là không suýt soa: “Bữa cỗ nửa đêm được chén lúc tan lễ sẽ ngon phải biết”.

II

Binh boong!... Binh boong!

Lễ trọng nửa đêm thế là đã bắt đầu. Ngôi nhà thờ tòa lâu đài được trang thiết như một nhà thờ lớn thu nhỏ lại, cũng vòm cuốn tò vò vắt chéo nhau, gỗ sồi bọc kín tận tường cao, người căng thẳng và thấp hết các ngọn nến. Sao mà đông đến thế! Nhiều quân áo đẹp đến thế! Trước hết, ngôi ở hàng ghế trạm trở bao quanh dàn nhạc là ngài quý tộc giòng giới Tranhcola bận áo nhiều điều⁽¹⁾ và bên cạnh ngài là các khách vương tôn quý tộc. Trên hàng ghế cầu nguyện bọc nhung trước mặt là bà quả phụ thân mẫu hầu tước mặc áo kim tuyến thêu hoa màu đỏ rực và phu nhân trẻ trung Tranhcola đội chiếc mũ tròn cao bằng đăng ten in hoa theo đúng một mốt nhất của triều đình nước Pháp. Hàng dưới, người ta nhận thấy viên pháp quan Tômát Acnôtông và viên lục sự mây râu nhẵn nhụi mặc bộ đồ đen với những bộ tóc giả to đùng vểnh lên đằng trước. Trông hai ngài như hai điểm tuyết trang nghiêm giữa đám lụa là lòe loẹt và gấm vóc Đamátx⁽²⁾. Tiếp đến là những ông quản gia béo ú, những thị đồng, những xích hầu, những quản lý và mục Bécơ đeo lưng lủng lẳng bộ xà tích bằng bạc. Đằng cuối trên dãy ghế dài là những gia nhân, những thị tỳ, các gia đình tá điền; và sau hết, tận sát cánh cổng kia là các ngài đầu bếp nhân lúc đợi làm món nước sốt khác, liền len lén mở cửa, thì thọt ra ra vào vào để hít đôi chút không khí buổi lễ và mang theo hương vị bữa tiệc nửa đêm lên ngôi nhà thờ đang

⁽¹⁾ Nguyên văn là *tapheta* (taffetas) Một thứ vải mỏng đắt tiền của kẻ sang.

⁽²⁾ Gấm vóc Đamátx: Loại vải lụa dệt ở Đamátx nước Xiri (Syrie)

tung bùng trong một ngày hội và ẩm áp vì những ngọn nến thấp la liệt.

Phải chăng vì trông thấy những chiếc mũ chòm vải trắng và các tay đầu bếp mà đức cha đang làm lễ sinh ra đấng trí? Hay là tại cái chuông con của thằng Garigu, cái chuông con rô đại mà nó lắc liên hồi kỳ trận như luôn mồm giục già:

- Mau mau lên, mau mau lên... càng xong sớm thì ta càng được ăn sớm.

Số là cứ mỗi lần cái chuông quý quái rung lên là cha xú lại quên cả lễ và chỉ còn nghĩ tới bữa tiệc nửa đêm, cha hình dung trước mắt mình những tay đầu bếp đang tất bật, những bếp lò hùng hực, lửa hơi nghi ngút bốc lên từ những nồi mở hé vung và trong đám hơi ấy là hai con gà tây béo ú căng phồng nạm nhồi đến nứt nẻ...

Cha còn tưởng như đang nhìn thấy những người hầu bàn lũ lượt đi qua, tay bê những đĩa đựng món ăn thơm ngào ngạt và cha cùng họ bước vào căn phòng lớn đã sẵn sàng yến tiệc. Ôi, thú vị chưa kia! chiếc bàn dài rộng mông mênh, sáng loáng, đầy ắp các món ăn, nào thịt công phủ lông công, nào gà lôi đang đôi cánh vàng ngậy, nào bình rượu màu đỏ chói, nào quả tươi xếp có ngọn đèn giữa những nhánh lá xanh rờn và những con cá tuyết vờn mà Garigu đã kể (Ừ, đúng thế, Garigu!), cá bày trong chiếc đĩa rải thìa là, vẩy cá óng ánh tựa sà cừ, cứ như là vừa đánh dưới nước lên, lỗ mũi cá to tướng cắm một dúm rau thơm. Những món ăn ngon tuyệt ấy hiện ra trong tưởng tượng của cha bày ra trước mặt mình, ngay trên tấm thêu phủ bàn thờ,

khiến đôi ba lần, đáng lẽ đọc câu Đominuýt x vôbixcom⁽¹⁾ thì cha lại lỡ lời đọc là Bênedixít⁽²⁾. Ngoài chút nhầm lẫn sơ sơ này, con người đúng mực ấy đọc kinh rất thận trọng, chẳng bỏ sót một dòng, chẳng quên một lần khuyu gối và mọi việc đều làm khá đâu ra đấy cho đến hết lễ nhất; vì các bạn biết đấy, trong ngày lễ Nôen một mình cha phải làm thông những ba lễ liên tiếp.

- Thế là xong được lễ nhất rồi! cha thở phào nghi bụng, và không để phí một phút, cha ra hiệu ngay cho chú bé giúp lễ hoặc nói đúng hơn cho kẻ mà cha tưởng lầm là chú giúp lễ, và...

Bình boong! Bình boong!...

Thế là bắt đầu sang lễ thứ hai và cũng là lễ mà cha Balaghe bắt đầu phạm tội.

- Mau, mau, chúng ta làm mau mau lên - cái chuông con của thằng Garigu cứ như lạnh lạnh chỗ vào tai cha như vậy và lần này thì đức cha khốn khổ hoàn toàn bị cuốn theo con quỷ tham ăn; cha vội lấy quyển kinh và ngón lấy ngón để các trang kinh như một kẻ háu đói đang bị kích thích đến cực độ. Cha cúi xuống đứng lên như điên, làm dấu, khuyu gối qua quít, rút ngắn mọi động tác hành lễ cho chóng xong. Hầu như cha chẳng kịp giơ tay khi đọc kinh

⁽¹⁾ Nguyên văn tiếng la tinh trong kinh thánh: *Dominus vobiscum* (Đominuýt x vôbixcom): câu kinh đọc lúc làm lễ trọng có nghĩa là Chúa ở cùng với các con.

⁽²⁾ *Benedicite* (Bênedixít) là câu đọc cầu ban phước lúc ăn.

Phúc âm, chẳng kịp đắm ngực khi đọc kinh *Sám hối*⁽¹⁾. Giữa chú bé giúp lễ và cha, chẳng thể bảo ai lúng túng vội vã hơn ai được. Kinh xướng và kinh đáp dồn dập chen lẫn nhau. Câu đọc nửa chừng không kịp mở miệng vì mở miệng thì mất nhiều thời giờ quá nên rút cục chỉ phát ra li nha li nhí chẳng ai hiểu ra sao cả.

Oremus...ps...ps...⁽²⁾

Mea culpa...pa...pa

Giống như những người cất rượi vang đang vất chân lên cổ mà vò nho trong bồn chứa, cha xứ và chú giúp lễ cùng nhau bì bõm trong kinh lễ la tinh, vung vãi tứ tung tiếng la tinh ra mọi phía.

Cha Balaghe nói: "*Dom...xcum!*"⁽³⁾

... "*Studio!*" Garigu đáp; còn cái chuông con chết dẫm kia thì lại cứ lanh lảnh réo vào tai, khác nào tiếng nhạc đeo vào cổ con ngựa chạy trạm như thể đeo nó phi chết thời ấy. Các bạn thừa hiểu cứ cái đà này thì chẳng mấy chốc xong một tiểu lễ.

⁽¹⁾ *Kinh sám hối*, nguyên văn "Confiteor" (tiếng la tinh có nghĩa là: "Con là kẻ có tội") lời kinh đọc mở đầu lễ misa của cha chủ tế.

⁽²⁾ *Orémuyt*, nguyên văn Oremus (tiếng la tinh có nghĩa là chúng con cầu nguyện), cha chủ tế đọc nhiều lần câu này trong suốt buổi lễ misa.

Mecunpa... pa... pa: Mea culpa Cha Balaghe đã đọc tất câu kinh *Sám hối*. Đúng ra phải đọc toàn câu "*Mea culpa, meaculpa, mea maxima culpa* có nghĩa là "vì con có tội, vì con có tội, vì con có tội rất nặng"

⁽³⁾ *Dom... xcum!* Cha đọc tất, đúng ra Dominus vobiscum có nghĩa là Chúa ở cùng với các con. Xtuytuygô! Garigu đáp lại cũng nói tất, đúng ra là Et cum spiritu-tuo có nghĩa là "và cùng với cha nữa"

- Thế là xong hai lễ! - Cha nói hỗn hà hỗn hển. Rồi, chẳng cần thở sả hơi một lát, mặt đỏ ngay, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, từ trên bục bàn thờ, cha bước tuột ngay xuống khỏi mấy bậc và...

Bình boong!... Bình boong!...

Lễ thứ ba đã bắt đầu. Chỉ còn vài bước nữa là tới phòng dự tiệc; nhưng hồi ôi! càng gần đến bữa cỗ nửa đêm thì đức cha Balaghe khốn khổ càng nóng ăn đến phát điên lên. Trước mắt cha hiện lên rành rành những con cá chép vàng tươi roi rói, những con gà tây quay... Cha tưởng như đang đụng vào chúng... cha đang... Ôi! Lạy Chúa!... Thức ăn nghi ngút, rượu thơm lừng; và chiếc chuông lễ con con lắc lắc như điên dại, gào vào tai cha:

- Mau, mau, mau nữa lên!...

Nhưng làm sao mà đi nhanh hơn được nữa? Cặp môi trên miệng cha không mấp máy nổi nên lời được nữa... Trừ phi cha dối Chúa, ăn bớt lễ... Và cha đã làm thế thật, có khổ không!... Hết cảm đồ này đến cảm đồ khác, mới đầu cha bớt đi một câu xưng kinh rồi hai câu. Rồi thấy pho kinh dài quá, cha chẳng đọc hết, lướt qua kinh *Phúc âm*, vượt qua mặt kinh *Tín điều*, bỏ qua kinh *Chúa nhật*, xin chào từ xa bài tự tụng và cứ đà chạy như vậy, cha lao xuống địa ngục vĩnh cửu, lúc nào cũng có thằng dê tiện Garigu theo sau (đồ quỷ Xatăng, lui ra!)(¹). Nó phò tá rất ý hợp tâm đầu, khi nâng áo lễ, lúc giờ cặp díp từng hai trang dính một, khi

(¹) *Xa tăng, lui ra*, nguyên âm là *Vade retro Satanas!* (Tiếng la tinh có nghĩa là "Lui ra, đồ quỷ Xatăng")

xô đẩy giá sách, lúc đánh đổ bình rượu và không ngừng lắc chuông mỗi lúc một mạnh, một nhanh hơn.

Thử nhìn bộ mặt ngơ ngác của những người dự lễ! Nào có nghe thủng được một lời nào của cha đọc, cứ là đánh theo mô điệu bộ của cha mà làm lễ, kẻ này hồng thì kẻ khác lại bái⁽¹⁾, kẻ này đứng thì kẻ này lại ngồi, trên hàng ghế đứng ngồi lộn xộn.

Ngôi sao Nôen⁽²⁾ trên trời đang hướng cuộc hành trình về phía chuồng bò kia cũng phải tái nhợt đi vì kinh hoàng trước cảnh hỗn độn như vậy.

Bà quả phụ già, thân mẫu hầu tước nguây nguẩy cái mũ, vé bối rối, mồm lẩm bẩm:

- Cha đọc nhanh quá... Ai mà theo được.

Ngài Acnôtông nhìn qua đôi mục kính gọng sắt đeo trên sống mũi, tìm trong quyển kinh xem trang quái quỷ nào có thể là trang đang đọc. Nhưng trong thâm tâm, tất cả những con người sùng lễ ấy chẳng ai bảo ai mà cũng nghĩ tới bữa cỗ nửa đêm, cho nên thấy buổi lễ phi lỏng lẻo như con ngựa trạm chạy thử thì cũng chẳng lấy thế làm phật ý. Và khi cha Balaghe mặt mày hỉ hả, quay về phía mọi người, lấy hết sức bình sinh gào lên *Ite, missa est*⁽³⁾ thì trong nhà thờ chỉ còn một tiếng đồng thanh duy nhất đáp lại *Deo*

⁽¹⁾ Nguyên văn: *kẻ này đứng lên khi kẻ khác quỳ xuống*.

⁽²⁾ *Ngôi sao Nôen*: Ngôi sao kỳ diệu đã chỉ đường đến làng Bethlehem, nơi Giêsu sinh ra.

⁽³⁾ *Ite missa est* (*Ite missa est*) Câu nói bằng tiếng la tinh của cha chủ tế để báo là lễ đã xong và mọi người có thể ra về

gratias⁽¹⁾ thật vui vẻ, thật lời cuốn khiến ai nấy tưởng như mình đã ngồi vào bàn tiệc và bắt đầu nâng cốc.

III

Năm phút sau, đám vương tôn, quý tộc đã yên vị đủ mặt trong phòng lớn, cha xứ ngồi chính giữa. Tòa lâu đài chung đèn từ trên xuống dưới vang vang câu hát, tiếng cười, lời hò reo rầm rĩ. Và đức cha tôn kính cầm ngập chiếc đĩa trong tay Người vào âu cánh con chim đa đa, ấn chìm tội lỗi của mình vào dòng suối rượu nho và nước thịt ngọt lừ. Đáng chí tôn tội nghiệp ấy ăn, uống lu bù đến nỗi lên cơn đau bụng dữ dội rồi chết ngay trong đêm, không kịp một lời ăn năn sám hối. Sáng ra, cha lên thiên đình mà như hầy còn trong cơn hoan lạc đêm qua.

Xin để các bạn thử nghĩ xem ông ta sẽ được đón tiếp ra sao.

- Hãy khuất mắt ta ngay, hỡi tên tín đồ xấu xa kia! Đáng thương để tối cao của chúng ta quát lên như vậy - Tội người đủ để xóa sạch một đời đạo đức của người... Cha chả! Người đã ăn bớt của ta một lễ... Nghe đây! Người phải đền ta ba trăm lễ khác; chỉ khi nào người làm đủ ba trăm lễ. Nôen ngay trong nhà thờ của người, trước mặt những người

⁽¹⁾ *Deo gratias* (Deo griatias) tiếng la tinh có nghĩa là “*đội ơn Chúa*” Người ta cũng thường dùng từ ngữ này trong giao tiếp thân mật để bày tỏ niềm vui thấy bài diễn văn quá dài đã kết thúc.

đã vì người mà phạm tội và đồng lõa với người, thì bây giờ người mới được lên thiên đường...

... Đó là câu chuyện cổ tích về cha Balaghe đúng như người ta vẫn thường kể trong xứ sở cây ôliu. Ngày nay, tòa lâu đài Tranhcola không còn nữa nhưng ngôi nhà thờ vẫn sừng sững trên ngọn núi Văngtu giữa chòm cây sồi xanh ngắt. Gió thổi vào cánh cửa đã long kêu cọt kẹt, cỏ mọc đầy thêm; chim chóc làm tổ ở các góc bàn thờ và trên các khuôn cửa đã từ lâu mất hết kính màu. Ấy thế mà năm nào cũng vậy, cứ đến ngày lễ Nôen lại hình như có một làn ánh sáng kỳ diệu lướt trên tòa lâu đài đổ nát, và bà con nông dân đi lễ nửa đêm thường thấy những ngọn nến vô hình cháy giữa trời, chiếu sáng ngôi nhà thờ ma quái, cho dù có gió thổi, tuyết rơi. Có thể các bạn sẽ bật cười lên đấy nhưng một nông dân trông nho nhỏ địa phương tên là Garigơ, chắc hẳn là con cháu của Garigu đã đoán chắc với tôi rằng vào một đêm Nôen, trong lúc ngà ngà say, bác ta đã đi lạc vào núi về phía tòa lâu đài Tranhcola và đã mục kích như thế này:...

Cho đến mười một giờ đêm Nôen, bác ta vẫn chưa thấy gì hết. Xung quanh tối om, lặng ngắt như tờ. Bỗng nhiên, vào nửa đêm thì, từ trên cao vang lên tiếng chuông, một thứ tiếng phát ra từ một cái chuông cổ lâu đời lắm, như ở cách xa đến mười dặm vọng về. Chẳng mấy chốc, Garigơ nhìn thấy trên con đường dốc lên núi những ngọn lửa bập bùng, dung đưa những bóng hình mờ ảo. Dưới cổng ngôi nhà thờ có tiếng chân người bước đi và tiếng thì thào:

- Kính ông Acnôtông ạ.
- Không dám, chào các con.

Khi ai nấy đã vào cả bên trong, bác nông dân trông nho bọ gan của tôi mới lần lại gần, nhòm qua cánh cửa đã long gãy và thấy trước mắt một cảnh tượng thật kỳ lạ: Tất cả những người bác trông thấy lúc nãy đều ngồi thành hàng quanh dàn nhạc trong thánh đường đồ nát cứ như là hãy còn nguyên ghế như xưa. Các phu nhân xinh đẹp bận gấm lụa thêu hoa, đôi mũ đăng ten, các nhà quý tộc ăn mặc lờ lợt từ chân lên đầu, các bác nông dân vận áo gia kết hoa dài đến gối, thứ áo mà các cụ ta vẫn mặc ngày xưa, ai nấy đều có cần cỏi, bụi bặm và mệt nhọc. Chốc chốc lại có những con chim đêm thường trú trong nhà thờ bùng dậy vì các loại ánh sáng đó, bay lượn quanh những cây nến đang bốc ngọn lửa thẳng đứng và mờ ảo như cháy sau bức màn the và điều làm cho Garigơ cười rữ ra là thấy một nhân vật nọ đeo đôi mực kính gọng sắt to tướng, chốc chốc lại lúc lắc bộ tóc giả đen cao lêu đêu. Một con chim bị vướng chân vào bộ tóc ấy cứ đập thẳng đuồn trên đó mà lẳng lặng vỗ cánh.

Phía trong cùng có một ông già dáng người bé nhỏ như con trẻ, đang quỳ dưới dàn nhạc, tay rung rung hoài một chiếc chuông con đã mất quả lắc và không phát thành tiếng được nữa. Trong khi đó, một cha xứ mặc chiếc áo dài thêu kim tuyến đã cũ, đi đi lại lại trước bàn thờ, miệng lầm nhảm đọc kinh mà chẳng nghe ra một tiếng gì... Không còn nghi ngờ nữa: đúng là cha Balaghe đang làm lại lễ ba.

RƯỢU BỔ CỦA CHA GÔSÊ

- Ông bạn hàng xóm ạ, hãy nhấp thử chút rượu này rồi cho biết ông thấy nó thế nào.

Linh mục xứ đạo Gravơxông rót từng giọt một, cẩn thận từng li từng tí như người thợ mài ngọc đếm hạt ngọc, đưa cho tôi một ít rượu mùi màu xanh óng ánh vàng, nồng nồng, trong suốt, ngon tuyệt trần... Nhấp vào, tôi thấy nóng ran cả bụng.

- Rượu bổ của cha Gôxê đấy, niềm vui và sức khỏe của xứ Prôvăngxơ chúng tôi đấy - con người quý hóa ấy tỏ vẻ đặc ý bảo tôi rượu nấu ở tu viện Prêmôngtrê, cách chỗ cối xay của ông hai dặm. Rượu này ăn đứt mọi thứ rượu bổ này nhỉ, thật lý thú vô cùng! Tôi kể ông nghe nhá...

Thế là ngay trong phòng ăn rất thanh khiết và yên tĩnh của nhà tu hành, trên tường treo bộ tranh khổ nhỏ “Con đường thánh giá”, và cửa che những bức rèm đẹp bằng vải mỏng, hồ cứng như chiếc áo thầy tu, vị linh mục bắt đầu kể với giọng nói chân thật, chẳng có gì tỏ ra ác ý câu chuyện hơi có tính hoài nghi và khinh thị như kiểu chuyện kể của Eraxm hoặc của Atxuxi.

Hai mươi năm về trước, các cha Prêmôngtrê mà người dân xứ Prvăngxơ thường gọi là các Cha trắng lâm vào cảnh ngộ vô cùng nghèo túng. Giá mà ông trông thấy tu viện của các cha hồi ấy thì ông cũng phải đau lòng.

Bức tường lớn, chòi Pacôm mất đi từng mảng. Cỏ mọc đầy quanh tu viện, kèo cột nứt nẻ, các tượng thánh bằng đá lăn long lóc trong khảm. Không một khuôn kính cửa sổ nào còn nguyên vẹn; không một chiếc cửa ra vào nào còn đứng vững. Gió sông Rôn lùa vào sân và giáo đường như ở giữa đảo Camác, làm tắt nến, bật cả chì niêm kính, tung tóe nước phép ra khỏi các bình lễ. Nhưng buồn nhất là cái gác chuông của tu viện, nó im lìm như cái chuông chim trống rỗng, và các cha không có tiền để sắm chuông đành phải gõ mấy chiếc sênh gõ hạnh để thỉnh kinh buổi sáng.

Tội nghiệp cho các cha trắng! Tôi hãy còn như đang trông thấy các Cha râu rĩ đi trong đám rước. Ngày lễ thánh, mặc áo thụng vá, người xanh xao gầy yếu vì ăn uống toàn rau dưa⁽¹⁾, Đức cha bệ trên đi phía sau, đầu cúi xuống, xấu hổ vì phải chung ra giữa thanh thiên bạch nhật chiếc pháp trượng long lở⁽²⁾ lớp thiếp vàng và chiếc mũ lễ len bị nhay cấn. Các bà mẹ giáo đoàn đi trong đám rước thấy thế không cầm nổi nước mắt vì thương cảm. Còn những tay cầm cờ lục lưỡng thì chỉ chỉ chỗ chỗ cho các nhà tu hành nghèo khổ mà cười cợt, nhạo báng thậm thì với nhau:

- Phàm cái giống sáo sậu mà bay cả đàn thì phải gầy sọc đi thôi.

⁽¹⁾ Ăn rau dưa, nguyên văn *cidre* và *pastèque*: Quả chua và dưa hấu.

⁽²⁾ *Pháp trượng*, nguyên văn *Crosse*, gậy của giáo chủ

Hắn là đã đến lúc các Cha trắng xấu số phải tự hỏi nên chăng mỗi người bay đi mỗi ngả mà kiếm ăn.

Một hôm, vấn đề nghiêm trọng này đang được tranh cãi, trong một buổi họp thì có người vào báo với Cha trụ trì rằng: thầy Gôxê xin phép được đến thưa với hội đồng. Nhân đây, xin nói để ông bạn rõ thầy Gôxê nguyên là một gã chăn bò trong thư viện nghĩa là phải cả ngày anh ta chỉ có một việc là đi quanh quần từ vòm cửa này sang vòm cửa khác để chặn hai con bò cái chỉ còn da bọc xương, cho bò kiếm cỏ ăn ở các khe gạch lát. một bà là dì Bêgông, nuôi anh ta đến năm mười tuổi thì các thầy dòng đem vào tu viện. Anh chăn bò tội nghiệp chẳng được học hành gì ngoài việc dắt bò và chỉ đọc những câu kinh Paternoster bằng tiếng địa phương Prôvăngxơ thôi vì cái đầu anh ta đặc quá, đần độn quá. Ngoài ra, anh ta một người ngoan đạo, tuy có hơi cuồng tín, chịu khổ hạnh, tự hành hạ mình với một niềm tin mãnh liệt và được cái nét hay làm!...

Khi trông thấy thầy bước vào phòng họp, người mặc mạc, lù khù, chân co lại đằng sau chào cử tọa thì từ cha bề trên đến các cha trong giòng tu, cha coi việc kinh tài, ai ai cũng bật cười. Thầy Gôxê chẳng vì thế mà nao núng vì vốn dĩ xưa nay cứ thấy cái bộ mặt ngây ngô sầm ngoét với bộ râu dê và cặp mắt hơi dữ tợn của thầy ở đâu là người ta đã cười rũ ra cả rồi... Thầy nói rất thật thà, tay lần chuỗi hạt bằng hạt quả ôliu:

- Trình các cha, người đời nói thật chí lý rằng những thùng rỗng bao giờ cũng kêu to hơn cả. Xin các cha hãy tưởng tượng là nhờ tốn công bóp nặn mãi cái đầu óc vốn đã

quá ư dân độn của mình mà có lẽ cuối cùng tôi đã tìm ra được kế sách cứu chúng ta khỏi lỗi khốn cùng.

"Sự thể thế này. Hẳn các cha đều biết rõ dì Bêgông, cái bà phúc đức đã nuôi tôi từ bé (lấy chúa phù hộ cho hương hồn bà, một bà lão ẩm ương cứ rượu vào là hát nhảm nhí) trình các cha, hồi còn mỗ mả dì Bêgông, dì thông thuộc mọi thứ cỏ cây trên núi hơn cả con sáo già ở đảo Coócx. Vào cuối đời mình, dì đã pha chế một loại rượu bổ có một không hai bằng dăm sáu thứ lá mà dì đã cùng tôi lên núi Anpi hái về trộn tẩm vào nhau. Tính đến nay, đã nhiều năm trôi qua nhưng tôi thiết nghĩ: được thánh Ôguytxtanh phù hộ độ trì và đức cha bề trên cho phép, tôi có thể tìm ra được cung cách pha chế loại rượu bổ huyền bí này. Ta chỉ việc đóng chai và bán giá đắt đôi chút là cộng đồng chúng ta sẽ có thể nhờ đó mà lẳng lẳng làm giàu như các thầy giòng tu ẩn và tu khổ hạnh đã từng làm"⁽¹⁾...

Thầy chưa kịp nói dứt lời thì cha bề trên đã nhảy chồm lên bá lấy cổ thầy, các cha hầu cận nắm lấy tay thầy. Cha coi việc kinh tài còn xúc động hơn ai hết, kính cẩn hôn cái tà áo khoác rách tả tơi của thầy... rồi ai lại về chỗ ấy mà đàm luận. Buổi họp tức thời quyết định giao mấy con bò cái cho thầy Thoraxi đảm nhiệm để thầy Gôxê có thể toàn tâm toàn ý chuyên vào việc nấu rượu.

Vị thầy giòng tốt bụng ấy làm thế nào để tìm ra cách pha chế rượu của dì Bêgông? Phải tốn bao công sức? Phải mất bao đêm thức trắng? Truyện kể lại trả nói rõ. Chỉ biết

⁽¹⁾ Nguyên văn *Trappe* và *Grande* luyện tâm hội

chắc chắn là sáu tháng sau, đâu đâu cũng biết tiếng nấu rượu bồ của cha, về thứ rượu của các cha trắng. Không một trại ấp nào trên lãnh địa của bá tước và xứ Acloz lại không có trong kho thực phẩm, ở giữa những chai rượu vang và những vại ôliu muối, một chiếc lọ con bằng sành nâu cổ gắn si in huy hiệu xứ Prôvăngxơ ở chiếc nhãn bằng bạc vẽ hình một thầy tu đang ngắt ngưỡng say sưa. Nhờ rượu bán chạy tu viện Prêmôngtrê làm giàu nhanh lắm. người ta dựng lại chòm Pacôm. Cha bề trên có mũ mớ; nhà thờ lấp cửa kính vẽ màu công phu, đẹp mắt. Và trong gác chuông che rèm, chạm trổ thanh nhả là cả một giàn chuông lớn có nhỏ có cùng reo vang, ngân nga thánh thót trong buổi sớm mai tươi đẹp ngày lễ Phục sinh.

Còn về thầy Gôse, chả còn ai nhắc đến cái thầy xấu xí, quê kệch làm trò cười cho mọi người trong giáo đoàn nữa. Bây giờ người ta chỉ còn biết có Đức cha Gôse, một con người chính trực và uyên bác, hoàn toàn tách ra khỏi các công việc vật vãnh thượng vàng hạ cám của tu viện, suốt ngày không rời lò cất rượu, trong khi đó ba mươi thầy giòng lên núi kiếm về cho cha những lá cây thơm... Lò cất rượu, nơi không một ai, ngay cả Cha bề trên tu viện trưởng được phép đặt chân tới, là một ngôi nhà nguyên nhỏ bỏ hoang ở mãi tít đằng cuối vườn nhà các thầy giòng. Các cha phúc hậu vốn tính khí thật thà, giản dị, coi lò nấu rượu như một cái gì huyền bí và phi thường. Bất đồ một chú tiểu đồng nào táo tợn và tò mò bám dây nho leo lên tận hoa thị cửa chính, nhòm vào thì chú ta sẽ hỗn phách lên mây ngay lập tức mà nháo nhào tụt xuống cho nhanh. Vì chú ta trông thấy cha Gôse với chòm râu phù thủy đang khom khom cúi xuống các bếp lò, tay lăm lăm cái ống thử rượu, xung quanh nào

bình có vôi bằng sành màu hồng, nào nổi cất to tướng, nào ống thuỷ tinh ngoằn ngoèo, tất cả cái ống ngồn ngang kỳ koặc này như có tà thuật rực sáng dưới ánh đỏ các kính màu...

Chập tối, khi vang lên tiếng chuông thỉnh kinh Chiều⁽¹⁾, cánh cổng nơi huyền bí đó mới thận trọng hé mở và Đức cha lên nhà thờ dự lễ. Hăng xem người ta đón tiếp cha long trọng đến như thế nào! các thầy giòng xếp thành hàng rào trên đường cha đi qua. Họ bảo nhau:

- Suyt!... Cha có bí quyết.

Cha coi việc kinh tài bước theo sau, cúi đầu thưa thưa gửi gửi... Ngợp mình trước những điều tâng bốc, cha Gôê vừa đi vừa chấm mồ hôi chán, chiếc mũ ba sừng rộng vành, hắt lại đằng sau như một vầng hào quang, cha ngó ngó nghiêng nghiêng, vẽ hài lòng ra mặt, ngó bên này những cái sân lớn trồng cam, ngó bên kia những mái nhà màu xanh có những chiếc chong chóng chỉ hướng gió mới tinh đang quay và trong tu viện sáng rực màu vôi trắng, từng cặp thầy giòng mặc áo mới, mặt mày tươi tỉnh, đi giữa hàng cột nhỏ thanh nhã vẽ hoa.

- Nhờ ta đây mà họ có được thế này! - cha lẩm bẩm nói một mình - Và mỗi lần nghĩ như vậy là cha lại thấy rộn ràng niềm kiêu hãnh.

Rồi ông sẽ thấy con người tội nghiệp này bị chùng phạt đích đáng và cái tội hợm hĩnh đó cho mà xem...

⁽¹⁾ *Kinh chiều*, nguyên văn là *Dernier Angélus*: câu kinh đọc lần cuối cùng trong một ngày - sau lần đọc buổi sáng và buổi trưa của đạo Cơ Đốc

Ông hãy hình dung một buổi tối, đang làm lễ thì cha Gôse bước vào giáo đường trong một trạng thái bị kích động khác thường: mặt đỏ gay thở hổn hển, mũ đội lệch. Cha bối rối đến nỗi lúc lấy nước phép lại thọc cả tay áo vào đến tận khuỷu. Thoạt đầu người ta cho rằng cha vào muộn nên đâm ra lúng túng nhưng đến khi thấy cha cung kính vái chiếc phong cầm và toà giảng chứ không phải trước bàn thờ chính, đi vùn vụt như gió qua lễ đường, tha thần đến đám phút ở giàn hát thánh ca để tìm ghế, ngồi vào chỗ rồi vẫn quay ngang, quay dọc miệng cười toe toét thì tiếng xì xèo kinh ngạc lan ra khắp ba gian giữa của giáo đường. Người ta thì thảo từ chỗ đọc kinh này qua chỗ đọc kinh khác.

- Cha Gôse của ta làm sao thế? Cha Gôse của ta làm sao thế?

Cha chủ tế sốt ruột, hai lần gõ cây pháp trượng xuống sàn để ra lệnh yên lặng... Từ cuối dàn hát thánh ca đằng kia, tiếng xướng kinh vẫn đều đều song tiếng họa theo kinh đã kém phần hào hứng...

Mọi người đang đọc giữa câu kinh *Ave verum* thì đột nhiên cha Gôse của chúng ta ngã hẳn người ra sau ghế và gân cổ lên hát oang oang:

Có ông cha trắng ở Pari.

Tình tính tang, tang tính tình, tang tính tình, tình tính tang⁽¹⁾

Giáo đường nhốn nháo cả lên ai nấy đứng cả dậy. Có tiếng thét:

⁽¹⁾ *Tang tính tình, tình tính tang...* nguyên văn là Patatin, patatan, tarabin, taraban

- Lôi cổ ông ta đi... ông ta bị ma làm rồi!

Các cha làm dấu. Cây pháp trượng của cha chủ tế nện liên hồi xuống sàn nhưng cha Gôse vẫn như dui, như điếc; hai thầy giồng lực lưỡng buộc phải lôi tuột ông ta qua chiếc cửa con qua ở phía chỗ đàn hát thánh ca ra ngoài. Ông ta chẳng chịu, cứ dẫy dựa như một con ma bị bắt, cổ càng gân lên mà hát *tang tính tình, tình tính tang*.

Hôm sau mới tang täng sáng, con người tội nghiệp ấy đã vào phòng cầu nguyện của cha bẻ trên quỳ xuống, nước mắt như mưa mà thú tội:

- Trình đức cha chỉ tại cái rượu bỏ, nó đã làm con như vậy - Vừa nói cha Gôse vừa đâm vào ngực mình thùm thụp.

Thấy ông ta rầu rĩ ăn năn đến thế cha bẻ trên nhân từ vô cùng xúc động.

- Thôi, thôi, cha Gôse, tĩnh tâm lại đi. Đâu rồi sẽ vào đây như sương tan dưới ánh mặt trời... Nói cho cùng, chuyện xảy ra cũng chẳng đến nỗi to tát gì như cha tưởng đâu. Chỉ có cái điều là bài hát cũng hơi... hừm! hừm!... thôi, cứ mong sao những kẻ mới tu hành không nghe thấy là được rồi... Bây giờ cha hãy kể tường tận lại cho ta nghe sự thể ra sao nào... Vì ném rượu phải không?... Giót quá tay nên thế chứ gì... Ủ, ừ ta hiểu mà... Cũng giống như thầy Suác phát mình ra thuốc súng: cha đã là nạn nhân của sự phát minh của mình... Mà này, ông bạn thật thà ơi, hãy nói cho ta hay, có thật cần thiết phải tự ném thử thứ rượu bỏ ghê ghớm đó không?

- Thật khổ cho con, đó lại đúng là sự cần thiết, thừa đức cha... ông thử có thể cho con biết rõ độ mạnh của rượu nhưng còn cái ngon, cái êm thì con chỉ tin được vào cái lưỡi của con thôi.

- À ra thế... nhưng hãy nghe ta hỏi một chút nhé... Khi cần phải nếm thử như vậy, cha có thấy nó mềm môi không? Cha có thích không?

- Chao ôi! - Ông cha đau khổ mặt đỏ như thốt lên - thừa Cha bề trên, quả thực như thế ạ... đã hai tối nay, sao mà con thấy nó thơm, nó sục nức đến thế!... Đúng là quý sứ đã ám chơi khăm con một vố rồi... Cho nên từ nay chớ đi, con nhất quyết chỉ dùng ống thử rượu thôi. Rượu có kém ngon kém óng ánh thì cũng đành...

- Chớ, chớ làm thế - Cha bề trên vội vã cắt lời - Chớ để khách hàng mất lòng tin. Bây giờ cha đã biết thế thì chỉ cần giữ mình thôi... này nhá, để biết được rượu ngon hay không ngon, Cha cần nếm thử bao nhiêu là vừa? Mười lăm hay hai mươi giọt, được không?... Cứ cho là hai mươi giọt đi. Hai mươi giọt mà quý đánh đổ được Cha thì nó phải cao cường lắm... Và lại, để phòng ngừa mọi bất trắc, tôi miễn cho cha từ nay trở đi không phải lên nhà thờ nữa. Cha sẽ cầu kinh tối ngay tại lò nấu rượu... Thôi bây giờ thì cứ yên tâm mà đi đi cha thân mến ạ điều cần nhớ nhất là... đếm thật chính xác từng giọt vào đấy nhé.

Than ôi! Ông cha tội nghiệp đếm từng giọt cũng hoài công mà thôi... Quý xứ đã ám chặt vào ông và chẳng buông tha ông.

Chính lò nấu rượu đã chứng kiến những buổi cầu kinh kỳ quái!

*

* *

Ban ngày, mọi việc đều diễn ra êm ả. Trông cha khá bình thản: nào sắp sẵn các bếp lò, các nồi đất, nào nhặt các lá thuốc cẩn thận, toàn là lá thuốc Prôvăngxơ tinh khiết, màu xám, có răng cưa sực nức hương thơm và đượm ánh mặt trời... nhưng rồi vào buổi tối khi lá thuốc đã nấu sôi và rượu chứa trong các bồn lớn bằng đồng đỏ đã âm ỉm lên thì con người tội nghiệp ấy lại bắt đầu bị dày vò.

- ... Mười bảy... mười tám... mười chín... hai mươi..!

Những giọt rượu thánh thót từ ống hút rơi xuống chiếc chén mạ vàng. Với hai mươi giọt ấy, Cha Gô-sê tợp đúng một hơi chẳng mùi mĩ gì. Cha lại thêm: chỉ một giọt thứ hai mươi mốt nữa thôi. Ủi chao! Cái giọt thứ hai mươi mốt này!... Để thoát khỏi sự cám dỗ, cha liền đến tận cuối phòng pha chế mà quỳ xuống và dìm mình vào kinh kệ cho quên đi. Nhưng rượu còn nóng, bốc lên một làn khói nhỏ thơm lừng cứ quện lấy quanh cha và dù muốn hay không muốn, nó cứ kéo cha trở lại những bồn chứa... Rượu màu xanh xanh óng ánh vàng đẹp mắt... cha cúi xuống, lỗ mũi phập phồng, lấy chiếc ống hút khê khê khuấy. Nhìn vào làn nước ngọc bích lẫn lẫn những mẩu vàng lấp lánh, cha tưởng

như trông thấy dì Bêgông đang nháy nháy cặp mắt cười với cha.

- Nào! Ta làm một giọt nữa!

Thế là hết giọt này đến giọt khác, cuối cùng cha vô phước hứng được một chén rượu đầy. Đến lúc này thì chẳng còn cưỡng lại được nữa, cha đành bất lực buông mình xuống chiếc ghế bành lớn, và người dần ra mất lim dim, cha nhắm nháp tội lỗi từng hớp một, miệng lẩm bẩm, lằng lằng một cảm khoái ăn năn:

- Ôi! Ta tự đẩy dọa thân ta... Tự đẩy dọa thân ta...

Điều tai hại nhất là không rõ do yêu thuật gì mà cứ cạn chén rượu ma quái ấy là y như rằng cha nhớ lại tất cả những câu hát nhảm nhí của dì Bêgông: "*Chỉ tại ba cái con mu danh bàn mở yến tiệc*" hoặc là "*cô nàng Bécgiơrét của thầy André đi rừng một mình*"... và bao giờ cũng kèm theo câu hát nổi tiếng về các Cha trắng: *Tình tính tang, tang tính tình*.

Ông thử nghĩ xem cha thẹn đến thế nào khi hôm sau, những người ở phòng bên hỏi ầm ờ xỏ xiên:

- Này, này! Cha Gôse tối qua đi ngủ, cha làm gì mà hát như ve sầu kêu thế!

Thế là cha khóc sụt mướt, sáu não bỏ cả ăn, tự hành hạ, chùng phạt mình. Nhưng cũng chẳng có cách nào chống nổi con quỷ rượu và tối nào cũng vậy cứ đến giờ đó nó lại lè nhè vào cha mà ám.

Trong khi đó như được Chúa ban phước lành, đơn đặt hàng tới tấp gửi tới tu viện như mưa. Nào là từ Nim, từ Achx, từ Avinhông, Mácxây. Dần dà, tu viện có cái vẻ gần như một công xưởng. Một số thầy giòng này chuyên việc đóng gói, dán nhãn, số khác giữ văn thư, số nữa làm vận chuyển; việc thờ phụng lúc này, lúc nọ hệt đi vài tiếng chuông; nhưng tôi cam đoan với ông bạn là dân nghèo trong xứ chẳng lấy thế làm thiệt.

Thế rồi, vào một buổi sáng chủ nhật, trong lúc cha coi việc kinh tài đọc giữa cuộc họp hội đồng bản quyết toán hàng năm và các nhà tu hành hiền đức đang lắng nghe, mắt long lanh ngời sáng, nụ cười nở trên môi thì kìa, Cha Gôse ùng ùng bước vào miệng hết toáng lên:

- Thôi hết!... Dứt khoát tôi không làm nữa. Trả lại bò cho tôi.

Cha trụ trì đã hơi đoán ra chuyện gì rồi, bèn cất tiếng hỏi:

- Có việc gì vậy, cha Gôse?

- Việc gì ạ, thưa đức cha? Việc tôi đang chuẩn bị cho tôi chiếc vạc lửa vĩnh cửu và những đòn xiên thùng của đinh ba... Chả là tôi đã uống, đã uống như một thằng khốn khiếp...

- Tôi đã bảo cha phải đếm từng giọt cơ mà.

- Ôi, đúng thế, đếm từng giọt! Bây giờ thì phải đếm từng chén rồi... Vâng, trình các cha, quả là tôi như thể mất rồi... Mỗi tối làm ba cú... Các cha hiểu cho, không thể kéo

dài mãi như vậy được... Cho nên các cha bảo ai nấu rượu thì bảo... Tôi còn nhúng tay vào thì chúa thiêu chết tôi đi!

Cả hội đồng không còn ai cười được nữa.

- Ông định làm sạt nghiệp chúng tôi hay sao đấy, hử cái ông khốn khổ kia! - Cha kinh tài vung cuốn sổ cái trong tay, la rầm lên.

- Thế cha muốn tôi xuống địa ngục thì hay hơn phỏng?

Đến nước này cha trụ trì phải đứng dậy mà nói rằng:

- Các cha ạ - vừa nói cha vừa đưa bàn tay trắng nõn nà, lấp lánh chiếc nhẫn giám mục ra phía trước - sẽ có cách, rồi cũng ổn thôi... Có phải cứ đến buổi tối là quý nó cứ ám con không?

- Thưa cha bề trên, đúng thế ạ, tối nào cũng như tối nào... Cho nên, bây giờ cứ tối đến là con lại sợ toát mồ hôi chả khác gì con lừa của Capitu khi thấy người ta đem bộ yên thồ đến.

- Thôi, thôi! Con cứ yên tâm... Từ nay trở đi tối nào chúng ta cũng cầu kinh thánh Ôguyxtanh cho con, con sẽ được xá hết tội... Làm như vậy thì dù có xảy ra điều gì con cũng vẫn được bình an... đó là phép giải tội cho kẻ đang phạm tội.

- Thế thì còn gì bằng! Xin đội ơn cha!

Rồi, chẳng cần hỏi gì hơn nữa, cha Gôse quay ngay về với nồi nấu rượu, lòng tênh tênh nhẹ nhõm như một con chim sơn ca.

Thật vậy, kể từ buổi đó trở đi, cứ cuối buổi lễ nào cha chủ tế cũng nhắc:

- Hãy cầu nguyện cho cha Gô-sê tội nghiệp của chúng ta đã hiến dâng cả phần hồn cho lợi ích của giòng tu...
Oremus Domine...

Và giữa giáo đường mờ tối, trong lúc lời cầu nguyện lướt râm ran trên những chiếc mũ trắng của các thầy giòng đang phục lễ, khác nào làn gió bắc thổi nhẹ trên mặt tuyết thì ở đằng kia, từ phía cuối tu viện, sau những cánh cửa kính hừng hực ánh lửa lò nấu rượu lại vang lên tiếng hát như gào của cha Gô-sê:

Có ông cha trắng ở Pari

Tình tính tang, tang tính tình, tang tính tình, tình tính tang

Có ông cha trắng ở Pari

Nhảy với các tu nữ măng tơ

Rình từng rình, trong vườn

Nhảy với...

Kể đến đây vị linh mục thật thà giật thót mình ngừng lại:

- Lạy chúa, Người xá cho! Giáo dân mà nghe thấy thì chết tôi!

GIÁCGIAI LỘT VÀO NHÀ TRỜI⁽¹⁾

Huyền thoại xứ Prôvăngxơ

Một buổi sáng nọ Giacgiai làm phu bốc vác ở Xanh Rêmy bỗng lẫn đùng ra chết và thế là từ đây bác rơi xuống cõi âm ti⁽²⁾... vật vờ, trôi dạt biết nơi nao! Cõi âm bao la, tối như mực⁽³⁾ sâu thăm thẳm và khôn cùng đến phát khiếp. Giacgiai biết đi đâu bây giờ bác lang thang trong đêm tối mịt mùng, răng đánh vào nhau lập bắp, mồ mẫm như người mù. Đi mãi, cuối cùng bác nhìn thấy một đốm sáng ở trên cao, tí trên cao. Bác liền đi lên hướng ấy đó là cổng ngõ nhà trời.

Giacgiai gõ cửa: Cộc! Cộc!

- Ai đấy? - Thánh Pie hỏi to.

- Tôi đấy ạ.

- Tôi là ai mới được chứ?

⁽¹⁾ Truyện này Đôđê về sau mới viết nhưng cùng một chủ đề nên chúng tôi xếp vào tập này.

⁽²⁾ Âm ti, nguyên văn là "Eternité" (Vĩnh cửu), xin dịch là cõi âm cho hợp với nội dung và dễ hiểu hơn.

⁽³⁾ Tối như mực, nguyên văn là "noire comme la poix": tối đen như nhựa thông.

- Thừa là Giácgiai.

- Giácgiai ở Xanh Rêmy, phải không?

- Dạ, phải.

- Nay, quân mặt thốt, - Thánh Pie nói - người không biết xấu hay sao mà còn muốn lên thiên đường, chính người đã hai mươi năm nay không đi lễ nhà thờ một lần nào!... Chính người hể có dịp và có thịt là ăn mặn ngay cả vào cuối tuần chay ngày thứ sáu và thứ bảy⁽¹⁾!... Chính người đã nhạo báng gọi tiếng sấm là tiếng trống ếch của loài sên ốc vì cứ đến cơn giông là sên ốc lại bò ra... Khi cha người dùng lời thánh đức nói với người rằng: "Giácgiai ơi, Chúa sẽ phạt con đó" thì chính người đã nhiều lần đáp lại: "Có Chúa trời ư? Đã ai trông thấy chưa? Chết là chết, còn biết cái quái gì nữa". Chính người đã bỏ đạo và báng bỏ đến nỗi người nghe phải phát run lên vì giận dữ, thế mà người còn có thể vác mặt lên đây ư, hờ cái tên bị Chúa cấm cửa kia?

Giácgiai tội nghiệp đáp:

- Tôi không chối đâu ạ. Tôi là kẻ có tội, một kẻ vô phước đã phạm tội. Song, có ai dám chắc rằng đến khi chết rồi vẫn có nhiều bí ẩn? Suy cho cùng, tôi đã lầm và nay đã đắm lao thì phải theo lao⁽²⁾. Nhưng chỉ ít tôi cũng xin đức đại thánh Pie cho phép tôi nghe những chuyện gì đã xảy ra ở Xanh Rêmy.

- Cậu nào?

⁽¹⁾ *Tuần chay*: Người theo đạo Thiên chúa kiêng ăn thịt ngày thứ sáu và thứ bảy hàng tuần.

⁽²⁾ *Đắm lao thì phải theo lao*, nguyên văn là "*voilà le vin tiré, maintenant il faut le boire*": rượu đã rót thì phải uống, có nghĩa là không thể lùi được nữa

- Dạ, cậu Matêri tôi ạ, trước đây, Người là một thầy tu khổ hạnh.

- Cậu Matêri của nhà người ấy à? Y bị đẩy xuống tỉnh ngục một trăm năm.

- Một trăm năm!... Người đã làm gì nên nỗi?

- Người còn nhớ là y đã vác cây thánh giá trong các đám rước chứ... Một hôm, có mấy gã bạn bè vui tính nói tếu với nhau, một gã nói: "Này trông Matêri đang vác cây thánh giá kìa!"... Đi một quãng, lại một gã khác nhắc lại: "Này trông Matêri đang vác cây thánh giá kìa!". Sau cùng đến lượt gã thứ ba chỉ tay về phía mặt Matêri mà bảo: "Trông kìa, trông kìa Matêri đang vác cái gì ấy nhỉ!". Không nhẫn chịu được nữa, Matêri nổi khùng lên: "Tao vác cái gì?... Nếu tao vác mây, vác chính mây thì chắc là tao vác phải một thằng bị thịt hợn hĩnh...". Vừa nói dứt lời thì y chúng phải gió độc và uất lên mà chết.

- Tội nghiệp Matêri... Thôi thế thì cho tôi gặp dì Đôrôtê tôi vậy, dì vốn dĩ rất... rất sùng đạo.

- Mụ ta bị đưa đi biệt tăm biệt tích đâu ta cũng chẳng biết nữa.

- Ô! Cũng đáng đời thôi! Tôi chẳng ngạc nhiên vì chuyện đó. Người hãy hình dung một người đàn bà với những kiểu cách cuồng tín dị đoan...

- Giácgiai, ta không còn thời giờ để nghe người nói. Ta phải đi mở cổng cho một người quét đường khốn khổ bị con lừa của gã vừa đá phốc lên thiên đường đây.

- Ôi trình đức thánh cả Pie, bởi lẽ trước hết Người đã làm nhiều việc như thế rồi và vì chung cho nhìn bằng mắt thì có mất vốn mất lãi gì, xin Người cho tôi xem qua cái thiên đường của Người một chút. Người ta đồn nó đẹp lắm mà...

- Bớ thế! Đừng có hòng! ⁽¹⁾... Không khi nào ta lại cho phép một thằng tân giáo ⁽²⁾ thấp hèn như ngươi vào đâu...

- Xin đức thánh cả nghĩ lại! Người hãy nhớ là cha tôi lúc còn sống, làm thủy thủ trên sông Rôn vẫn vác cờ hiệu của Người trong các đám rước.

-Ồ ờ! Thôi được - Đức thánh nói - Vì cha ngươi mà ta đồng ý cho phép ngươi... nhưng mà, anh bạn đồng liêu ạ, ta thoả thuận với nhau như thế này nhé. Ngươi chỉ được thò cái mũi vào vừa đủ để nhòm thôi.

- Thôi cũng được chẳng đòi hỏi gì nhiều được hơn nữa.

Thế là vị thánh giữ chùm khoá nhà trời liền hé cổng ra và bảo Giacciai: "Đấy! Nhìn đi...". Nhưng vừa xoay lưng một cái là Giacciai đã đi dật lùi, tót ngay vào thiên đường rồi.

- Ngươi làm cái trò gì thế? - Thánh Pie hỏi. Con người của Xanh Rêmy liền đáp:

⁽¹⁾ Bớ thế! Đừng có hòng! Nguyên văn là Tê! Pardi!... chỉ tiếng thốt lên tỏ sự không hài lòng.

⁽²⁾ Thằng tân giáo, nguyên văn là Huguenot (Huygônô): người theo tân giáo cải cách Can vanh (Can vanh đứng đầu phái tân giáo 1509 - 1564)

- Ánh sáng mạnh quá làm tôi chói cả mắt nên phải cho lưng vào trước. Nhưng xin Người cứ yên tâm, làm theo đúng lời Người dặn, mũi tôi thò được đến đó là tôi dừng lại không đi xa hơn đâu mà ngại.

- Chết nổi! Vị thánh nghĩ bụng - ta cho chân vào tròng⁽¹⁾ mất rồi. Cái thằng vô lại đã vào được thiên đường.

- Ủi chào! - Giacciai thốt lên - các vị ở đây sướng quá nhỉ! Sao mà đẹp đến thế kia! Tiếng nhạc mới tuyệt diệu chứ!

Chỉ một lát sau vị thánh gác cổng trời bảo Giacciai: "Ta thiết tưởng sau khi thấy tạm tạm rồi thì... người sẽ đi ra... Bởi chung ta, ta không có thời giờ để đứng mãi ở đây".

- Xin cứ tự nhiên - Giacciai đáp - Người bận gì thì cứ đi. Còn tôi khi nào tôi ra... thì tôi sẽ ra. Chả đi đâu mà vội.

- Ủi cha! Ta với người đâu có thoả thuận như vậy.

- Trời đất ơi! Thưa con người khuôn phép của nhà trời, người xúc động quá đấy! Có điều là, nếu như người cho rằng ở đây đã trật rồi... nhưng đội ơn Chúa, đâu có phải là thiếu chỗ.

- Còn ta, ta bảo người phải ra ngay, lỡ Chúa trời đi qua...

- Ô, tùy người muốn thu xếp ra sao thì thu xếp. Người ta có câu: Yên đâu, ở đấy⁽¹⁾. Tôi đã yên đây thì tôi ở đây.

⁽¹⁾ Cho chân vào tròng, nguyên văn "je me suis pris le pied dans ma musette": "ta mắc chân vào cái túi xách của ta rồi" có nghĩa là ta cho chân vào tròng, ta bị hớ rồi (N.D)

Thánh Pie lắc đầu quây quây, dầm chầm đành dạch...
Người chạy đi tìm thánh Yvơ.

- Yvơ ơi, - Thánh Pie nói - bạn là thầy cải, hãy cho mình một lời khuyên.

- Cứ gì một, bạn cần thì hai lời khuyên cũng có - thánh Yvơ trả lời.

- Bạn biết không, có một chuyện không hay xảy ra đến với mình. Mình rơi vào một trường hợp nan giải như thế này... thế này... Mình phải làm thế nào bây giờ?

Thánh Yvơ nói: - Cần tìm một viên đại tụng tốt và một viên môn lại để đưa tên Giacciai đó ra trước Chúa trời phán xử.

Họ cùng đi tìm viên đại tụng nhưng có ai nom thấy những của ấy trên thiên đường. Họ tìm viên môn lại càng không tìm đâu ra.

Thánh Pie chẳng còn biết làm thế nào nữa⁽¹⁾.

Chợt thánh Luých đi qua⁽²⁾:

- Tội nghiệp chưa kìa, có chuyện gì thế, Pie? Sao mà mặt mày cau có râu rĩ là vậy. Thượng đế quả mắng ư?

⁽¹⁾ Yên đầu, ở đây, nguyên văn "*Qui est bien, qu'il s'y tienne*" không chịu rút khỏi nơi đã đến.

⁽²⁾ ⁽¹⁾ Chẳng còn biết làm thế nào nữa, nguyên văn "*ne savait plus de quel bois faire flache*": chẳng biết làm cung tên bằng thứ gỗ nào nữa.

⁽³⁾ Thánh Luých (Saint Luc) là một trong bốn nhà soạn kinh Phúc âm: thánh Máthiơ, thánh Mác, thánh Luých và thánh Jăng. Thánh Luých được tượng trưng bằng lá cờ hiệu vẽ con bò mộng.

- Ôi! Hãy im đi - thánh Pie nói - mình gặp chuyện không may. Có một thằng cha căng chú kiết tên là Giácgiai đột nhập thiên đường mà mình không tài nào đuổi nó ra được.

- Hấn từ đâu đến?

- Từ Xanh Rêmy.

- Xanh Rêmy à? - Thánh Luých nói - Này! Lạy Chúa! Đàng ấy thật thà nhẹ dạ quá! Tổng cổ hấn ra nào có khó gì... Hãy nghe đây: như biết đấy, mình vốn là bạn của loài bò và thần chủ của lũ mục đồng, với tư cách đó, mình đã rong ruổi qua Camác, Áclơ, Nim, Bôke, Taraxcông, mình am hiểu dân chúng đưng cảm vùng này và bởi vậy mình biết cách nắm lấy họ như thế nào... đàng ấy biết không, hễ có cuộc đua bò mộng thì cho dù có phải nhảy vào lửa họ cũng nhảy vào lửa để mà xem... Hãy đợi mình một lát, mình đảm nhiệm việc tống khứ thằng Giácgiai của đàng ấy ra cho mà coi.

Vừa lúc ấy một bầy tiên đồng mũm mĩm bay qua.

- Tiên đồng! - thánh Luých huýt gọi - S...uýt! S... uýt!⁽¹⁾

Bầy tiên đồng sà xuống.

- Hãy ra khỏi thiên đường thật nhẹ nhàng và sau khi đã ở trước cổng thì các con vừa chạy vừa kêu rầm lên như ở

⁽¹⁾ S...uýt! S... uýt!, nguyên văn là pst! Pst!...

Xanh Rêmy trong các cuộc đua bò mộng: "Bò! Bò!... Anh em ơi! Anh em ơi! Dấu sắt kia! Dấu sắt kia!..."⁽¹⁾

Các tiên đồng làm đúng như vậy. Họ ra khỏi thiên đường và khi đã ở trước cổng rồi, họ liền ù té chạy loạn lên miệng kêu: "Bò kia!... Anh em ơi!... Anh em ơi!..."

Lạy chúa! Vừa nghe thấy thế, Giacciai quay ngoắt ngay người lại, ngơ ngác: "A ha!⁽²⁾ ở đây cũng có dấu bò! Nhanh lên... Nhanh lên!" Nói rồi bác lao thẳng đến cổng như một thằng điên và ra khỏi thiên đường. Rõ tội nghiệp! Thánh Pie vội đóng sập cổng lại, cài then cẩn thận rồi thò đầu qua cửa sổ, cười nói:

- Này Giacciai! Bây giờ ngươi thấy thế nào hả?

- Ô, - Giacciai dộp lại - chẳng sao hết! Nếu đúng là có bò thì đây chẳng tiếc quái gì cái phần của mình ở thiên đường đâu.

Nói xong bác đâm đầu xuống âm phủ⁽³⁾.

⁽¹⁾ *Dấu sắt kia!*, nguyên văn là *Sắt! Sắt!* (*Les fers! Les fers!*). Ý nói ở đây về ngày hội đóng dấu sắt nung đỏ vào móng bò ở vùng Prôvăngx (Ferrande)

⁽²⁾ *A ha!*, nguyên văn "*tron de l'ère*"; chỉ tiếng reo mừng sùng sốt.

⁽³⁾ *Âm phủ*, nguyên văn là *Vĩnh cửu* (*éternité*), xin dịch là âm phủ cho sát ý hơn.

NHỚ DOANH TRẠI

Sáng nay, vừa mới sớm tinh mơ, một hồi trống rầm rầm, bỗng làm tôi giật mình dậy... Răng plăng plăng! Răng plăng plăng!...

Vào giờ này mà ai lại đánh trống trong rừng thông! Kỳ thật!

Tôi vội vàng nhảy xuống giường và chạy ra mở cửa.

Không có ma nào cả! tiếng trống im bật. Giữa búi nho rừng ướt đầm sương đêm, vài ba con chim mỏ nhác vỗ cánh bay lên... gió nhẹ vi vu trong rừng cây, đằng đông, mặt trời từ từ ló ra giữa đám bụi vàng tụ lại trên đỉnh núi Anpi... Tia nắng đầu nước giữa nóc cối xay. Đúng lúc đó tiếng trống đặt kín đáo đầu đấy lại vang lên một bài chào... Răng... plăng... plăng... plăng... plăng!

Quý thật cái trống! Thế mà lâu nay mình quên khuấy hẳn đi. Những kẻ kém văn minh nào lại vác nó vào tận rừng sâu mà khua lên chào bình minh?... Tôi ngó, ngó mãi, chẳng thấy ai, chỉ thấy những khóm oải hương và những cây thông chỉ chút phủ xuống tận dưới mặt đường... Có lẽ thằng ông mãnh nào nấp trong bụi treu mình đây. Lại thằng Arien chứ chẳng ai, hay là lão Puých. Đi ngang qua chiếc

cối xay của mình chắc là thằng cha kỳ cục ấy bụng bảo dạ: “Cái thằng cha người Pari nằm trong kia yên tĩnh gớm, phải cho anh ta một bài trống chào bình minh mới được”. Nghĩ thế, hần liền lôi ngay chiếc trống to tướng ra và răng plăng plăng! răng plăng plăng!... Có im đi không hở cái thằng Puých mất dạy kia, mày khua ve sâu của tao dậy bây giờ.

Không phải Puých.

Mà là Gughê Frăngxoá tức Pixtôlê, lính đánh trống thuộc đơn vị tiền phương thứ 31 hiện đang được nghỉ kỳ phép nửa năm. Pixtôlê cảm thấy buồn trong những ngày nghỉ ở quê, anh ta nhớ doanh trại. Hôm nào được người ta vui lòng cho mượn trống của xã là anh ta lại lảng lạng lôi vào rừng mà đánh, lòng tưởng nhớ tới doanh trại của Hoàng tử Ogien.

Hôm nay, anh ta lên ngọn đồi xanh nhỏ của tôi mà mở màng... Anh ta đứng đó, dựa luôn vào cây thông, trống kẹp vào đùi mà mê mải đánh... Một con đa đa sợ hãi bay vọt dưới chân mà anh cũng chẳng biết. Mùi hăng hắc hương thảo ngào ngạt quanh mình, anh cũng trả hay.

Anh không nhận thấy cả những tấm mạng nhện mỏng manh rung rinh dưới nắng, giữa các cành cây, cả những nhành thông nhọn hoắt nháy nhót trên mặt trống. Anh hoàn toàn đắm mình vào mơ tưởng và tiếng trống, anh say sưa nhìn đôi đùi trống bay bóng, khuôn mặt to bè ngậy dại của anh tươi như hoa nở mỗi lần rung một hồi...

Răng plăng plăng! Răng plăng plăng!...

“Ôi, sao mà đẹp thế, cái doanh trại lớn có sân lát gạch đá, hàng hiên tam cấp một dãy dài cửa sổ, quân lính đội mũ nổi cảnh sát, các cửa tò vò thấp, rào rào tiếng gà mèn!...”

Răng plăng plăng! Răng plăng plăng!...

“Ôi, chiếc cầu thang rầm rập vang dội tiếng chân, những hành lang quét vôi, những phòng ở tập thể thơm tho, những dây lung bóng loáng, những giá bánh mỳ, những lọ si, những chiếc giường sắt phủ chăn màu xám, những khẩu súng bóng lộn trên giá!”

Răng plăng plăng! Răng plăng plăng!...

“Ôi, những ngày đi gác thú vị, những con bài dính đầu ngón tay, con đầm pích xấu như ma mút có nét bút điểm tô, cuốn truyện cũ nát của Pigon Lobrong để lăn lóc trên giường!...”

Răng plăng plăng! Răng plăng plăng!...

“Ôi, những đêm dài gác cổng các Bộ, chiếc chòi canh cũ hắt nước mưa, chân giá lạnh!... những chiếc xe đi dạ hội chạy qua làm tung tóe bùn... Ôi! nhớ lúc làm cỏ về, những ngày bị phạt giam, thùng nước bẩn, mảnh ván gỗ làm gối, tiếng kêu đánh thức dậy những buổi sáng mưa dầm, tiếng kèn tập hợp trong sương chiều vào lúc lên đèn, gọi điểm danh buổi tối, phải chạy vội về đến dứt cả hơi!”

Răng plăng plăng! Răng plăng plăng!...

“Ôi, rừng Vanhxe, những chiếc gang tay bằng sợi trắng, những buổi dạo chơi trên các đồn lũy... Ôi, hàng rào trường học, các ả gái điểm, chiếc kèn câu lạc bộ, cốc rượu

áp - xanh trong các tiệm, những lời tử tế giữa hai tiếng nấc, những thanh gươm^(*) tuốt khỏi vỏ, bài tình ca với bàn tay đặt trên trái tim!"...

Cứ mơ đi, mơ đi, hỡi anh chàng tội nghiệp! Tôi không cấm anh đâu... Hãy nện trống thật khỏe nữa vào, hãy dang thẳng tay ra mà đánh. Tôi không có quyền chế giễu anh.

Nếu anh nhớ doanh trại của anh, sao tôi lại không có nỗi nhớ riêng của mình!

Cũng như anh, Pari của tôi đã theo tôi về đây. Anh, anh đứng dưới rặng thông mà đánh trống, còn tôi, tôi đến đây mà viết. Chúng ta là những người Prôvăngx thật là tốt. Trong doanh trại ở Pari kia, ta đã từng nhớ tiếc rặng núi Anpi xanh biếc và mùi oải hương dại, giờ đây, giữa xứ Prôvăngx, không có doanh trại, tất cả những gì nhắc đến nó đều thân thiết với chúng ta.

Tám giờ đã điểm dưới làng. Pixtôtê về, tay không rời đôi dùi trống. Người ta thấy anh ta từ trong rừng đi ra, vẫn đánh trống, liên hồi... Còn tôi, tôi nằm dài trên đám cỏ, nhớ Pari đến phát ốm. Nghe tiếng trống xa dần, tôi tưởng như trông thấy cả Pari của mình đang diễu qua dưới hàng thông...

Ôi! Pari! Pari ơi... nhớ mãi.

^(*)Thanh gươm Brikê (Brique): một loại gươm cong

TRÊN ĐẢO CAMÁC⁽¹⁾

I

LÊN ĐƯỜNG

Lâu đài nhà quý tộc ồn ào, rậm rịch. Người giao liên vừa chuyển đến mấy hàng chữ của viên kiểm lâm nửa viết bằng tiếng Pháp, nửa viết tiếng Prôvăngxơ báo tin có hai ba đàn *Le*, đàn *Rẽ biển*⁽²⁾ bay qua; cả đàn *chim mùa xuân*⁽³⁾ cũng chẳng thiếu.

“Ông đi với chúng tôi đấy nhé!”, mấy ông bạn láng giềng thân mến viết cho tôi như vậy, và sáng hôm ấy, mới năm giờ, hãy còn nhọ mặt người, chiếc xe lớn bốn bánh⁽⁴⁾ của họ trở súng, thức ăn và đàn chó đã tới đón chân đôi. Thế là xe chúng tôi lăn bánh trên con đường Áclơ hơi khô

⁽¹⁾ *Camác* (Camargue): Hòn đảo ở vùng cửa sông Rôn (Rhône) đổ ra biển Méditerrané (phía Nam nước Pháp).

⁽²⁾ *Đàn Le*, nguyên văn là Galêgiông (Galéjon), thuộc loài cò, diệc, le sống ở vùng đầm lầy Galêgiông nên gọi tên Le Galêgiông.

⁽³⁾ *Chim mùa xuân* (Oiseaux de prine) chim bay qua vào mùa xuân.

⁽⁴⁾ Nguyên văn là xe *Bréch* (Bresk): Xe ngựa cổ ở Pháp có bốn bánh với một chỗ ngồi của xà ích cao chót vót phía đằng trước.

cần, trơ trụi, vào một buổi sáng tháng chạp mờ mờ màu xanh nhạt cây ôliu và màu xanh đậm cây sồi bụi⁽¹⁾, trông lạnh lẽo vô cùng và hư hư thực thực chẳng rõ ràng. Bò lục sục trong chuồng. Có những người thức dậy từ trước lúc rạng đông; trong trang trại, ánh lửa thấp sáng hắt lên cửa kính và những hốc đá long lở của tu viện Môngmajua⁽²⁾, bầy chim ung biển hãy còn ngái ngủ bồm bộp vỗ cánh giữa cảnh hoang tàn đổ nát. Ấy thế mà dọc đường, chúng tôi đã gặp những bà cụ nông dân đi chợ, ngồi trên lưng những con lừa lùn thấp đang rong vó. Họ từ Vin-dê-Bô⁽³⁾, lại vượt sáu dặm trường để rồi ngồi một chốc một lát trên bậc thềm nhà thờ Xanh T'rôphin bán mấy bó lá thuốc hái được trên núi!...

Thành lũy Áclơ kia rồi, thứ thành lũy thấp và có lỗ châu mai như người ta vẫn thường thấy trong các ấn hoa cổ vẽ các chiến sĩ cầm đao đứng trên đỉnh những bờ dốc thấp hơn người. Chúng tôi cho xe phi nước đại qua cái thị trấn nhỏ kỳ diệu này, một trong những thị trấn đẹp nhất nước Pháp, với những bao lon chạm trổ tròn trĩnh nhô ra tận giữa đường phố, hẹp như tấm lưới gỗ chắn trước cửa sổ nhà người A rập⁽⁴⁾; những ngôi nhà cổ tối om, cửa nhỏ theo kiểu dân tộc Mêr, hình cong nhọn và thấp, đưa các bạn trở lại

(1) *Sồi bụi* (Chêne kermès) mọc nhiều ở miền nam Pháp và Algérie.

(2) *Môngmajua* (Montmajour): Một tu viện cổ ở vùng Áchx (Aix) miền nam nước Pháp

(3) *Vin - dê - Bô* (Ville - des - Baux): Thành phố cổ đổ nát gần Xanh Rêmy - vùng cửa sông Rôn, thủ phủ của một giòng lãnh Chúa.

(4) Nguyên văn là *Musarabé* (Moucharabies): hàng lưới gỗ đặt trước cửa sổ nhô ra phố ở các nhà theo kiểu kiến trúc Á - rập (N.D)

thời Guyôm Cuar Nê và giặc Xaradanh⁽¹⁾. Vào giờ này, chưa có một ai ra đường cả. Chỉ có bến sông Rôn là nhộn nhịp. Chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước làm dịch vụ lên đường. Bước lên boong tàu cùng với chúng tôi là những nông dân khá giả⁽²⁾, mặc áo len thô màu đỏ cách và các cô gái xóm Rôkét đi làm mướn cho các ấp. Họ chuyện trò, cười cười nói nói với nhau. Các cô ngồi thu mình vào chiếc áo choàng rộng vì trời buổi sáng còn lạnh, chiếc mũ cao của người con gái tỉnh Aclơ đội trên đầu trông thanh lịch xinh xinh, lại điểm chút ngổ ngáo hay hay, như cố ý nhểnh cao lên để tung ra xa hơn tiếng cười và câu nói ranh mãnh... Tàu rung chuông, chúng tôi rời bến với ba tốc độ cộng lại của giòng sông Rôn, chân vịt tàu và gió mixtran, đôi bờ vùn vụt lướt qua. Bên này là cánh đồng Crô sỏi đá cằn, bên kia là Camác xanh tươi hơn, cỏ mọc thấp và bãi lầy um tùm sậy kéo dài ra tận biển.

Chốc chốc con tàu lại cập vào một bến, khi bên phải, lúc bên trái, ghé bến Đế hay bến Vương⁽³⁾ như người ta vẫn thường gọi trong thời Trung cổ, hồi vương quốc Aclơ mà các thủy thủ già ngày nay vẫn còn nói tới. Bến nào cũng có

⁽¹⁾ *Guyôm - Cuar - Nê* (Guillaume Court - Nes): nhân vật anh hùng của nhiều bản anh hùng ca thời Trung cổ.

- *Xaradanh* (Sarrasins): tên gọi chung của những kẻ xâm lược Á rập thời trung cổ đi đánh chiếm Châu Âu và Châu Phi

⁽²⁾ Nguyên văn là *ménagé* (Menagers) tiếng Prôvăngx bắt nguồn từ từ mas có nghĩa là nhà ở nông thôn để chỉ những nông dân khá giả, chủ nhân một ngôi nhà hoặc một cái trại.

⁽³⁾ Bến *Đế* hay bến *Vương* *Empire ou Royaume*: người dân vùng sông Rôn xưa thường gọi hai bờ sông vì nó phân chia giữa đế quốc Đức (tả ngạn thuộc phía đế quốc Đức) và vương quốc Pháp (hữu ngạn thuộc phía vua Pháp).

một trang trại quét vôi trắng, một lùm cây. Khách lao động bước lên bờ mang lễ mễ theo những đồ nghề; các bà thì tay sách giỏ đi thẳng đuồn ra trên cầu. Đồ khách khi bến Đê lúc bến Vương, con tàu vọi dân đi và khi đến bến Ma-dơ-Girô là nơi chúng tôi lên bờ thì hầu như chẳng có ai nữa.

Ma-dơ-Girô là một trang trại cũ của giòng họ quý tộc Bacbăngtan. Chúng tôi vào đấy ngồi chờ viên kiểm lâm tới đón. Trong gian bếp thượng, tất cả mọi người làm việc ở trại đều đã ngồi vào bàn ăn. Họ là thợ cày, thợ trồng nho, người chăn cừu, mục đồng, ai nấy mặt lấm lỉ, ăn thông thả, chẳng nói chẳng rằng. Đàn bà dọn cho họ ăn xong rồi mới ăn. Chẳng bao lâu viên kiểm lâm đánh xe tới. Anh ta trông chả khác nào một nhân vật tiểu thuyết của Phênimor⁽¹⁾ vừa bẫy chim, đơm cá, vừa làm chân gác rừng, canh hồ cá. Dân địa phương gọi anh ta là thằng cha *lou Roudeirou* (rình mò) bởi vì người ta luôn luôn bắt gặp anh ta nấp trong đám sậy hoặc ngồi thu lu trong con thuyền nhỏ lúc buổi sớm sương mù hoặc lúc nhá nhem tối để canh những chiếc dồ đặt trong các *clairs* (đầm nước) và các *roubines* (mương phai)⁽²⁾. Có lẽ cái nghề suốt đời rình mò này đã làm cho anh ta trở thành một con người lì lợm đến như vậy. Tuy nhiên trong chiếc xe con chở súng ống và sọt, bị chạy đằng trước, anh ta cũng bảo cho chúng tôi biết có bao nhiêu dồ chim lữ hành bay qua và đậu xuống khu nào. Vừa nói chuyện, chúng tôi vừa đi sâu vào đảo.

⁽¹⁾ *Phênimor*: Nhà viết tiểu thuyết Mỹ Fenimore Cooper đầu thế kỷ XIX, chuyên nghiên cứu phong tục ấn Độ.

⁽²⁾ *Kle và Rubin* (Clairs và Roubines) là đầm nước và mương phai theo chú thích của tác giả.

Vùng đất trông trượt vượt qua rồi, nay chúng tôi đang ở trung tâm đảo Camác hoang vu. Giữa những cánh đồng cỏ, chạy dài xa tít tắp những đầm lầy, những nương phai lấp lánh dưới những lùm cỏ lác⁽¹⁾. Các khóm cây tamari⁽²⁾ và các bãi sậy nổi lên như những cù lao nhỏ trên biển lặng. Không có cây cao. Cánh đồng giữ nguyên được cái vẻ bằng phẳng và mênh mông. Xa xa những dãy lều là là mặt đất rải ra trên bãi chăn nuôi. Đàn súc vật tản mạn, nằm dài trên đám cỏ nước mặn hoặc chen chúc quanh chiếc áo choàng đỏ hoe của các chàng mục đồng. Trông chúng thật nhỏ bé trước cảnh trời mây bao la bát ngát một màu xanh này nên chúng chẳng thể làm gọn được nét bằng phẳng của đồng nội. Một cảm giác quạnh hiu toát lên từ cánh đồng ấy như trên biển lặng cho dù là có sóng. Cảm giác đó càng tăng lên trước cơn gió mixtran thổi liên hồi mà không vương một cái gì cản lại; sức mạnh lồng lộng của gió hình như muốn san bằng và mở rộng thêm cảnh vật. Tất cả đều uốn mình trước gió. Cho đến từng thân cây bé nhỏ cũng giữ lại dấu vết của gió đi qua; cây vắn vẹo nằm rạp theo hướng nam trong cảnh hướng một cuộc chạy trốn mãi không ngừng...

⁽¹⁾ *Cây cỏ lác*, nguyên văn là *Salicorne*: loại cây cỏ để lấy xút (soude) hay mọc ở bờ biển.

⁽²⁾ *Tamari*: có người dịch là cây Tây hà liễu (*Tamaris*), là loại cây mọc ở các vùng nhiệt và ôn đới trên lục địa cũ.

II

CHIẾC LỀU

Một mái lợp sậy với mấy bức vách đan bằng những cây sậy khô, vàng đỏ là chiếc lều. Người ta gọi như vậy chỗ chúng tôi hẹn gặp nhau để đi săn. Như mọi nhà khác trên đảo Camác, lều có độ một gian, cao, rộng, không có cửa sổ, ánh sáng chỉ lọt vào qua các chiếc cửa gần kính cứ tối đến là đóng sập vào thật kín. Dọc các bức vách lớn trát hồ nham nháp quét vôi trắng có sẵn những chiếc giá để súng, túi săn, giày ủng lội nước. Cuối gian nhà treo dăm sáu chiếc võng xung quanh một chiếc cột buồm chôn xuống đất và cao tới nóc để làm trục đỡ mái lều. Đêm đến, khi gió mixtran thổi, căn nhà chỗ nào cũng kêu răng rắc; nghe gió nhích biển xa gần lại, đem về tiếng sóng và họa theo làm tăng thêm cường độ, người ta tưởng như mình đang nằm trong buồng một con tàu ngoài biển.

Nhưng, nhất là vào buổi chiều, ở trong lều mới thật thú vị. Những ngày mùa đông đẹp ở phương nam, tôi thích ngồi một mình bên chiếc lò sưởi cao âm ỉ mấy góc cây tamari tỏa khói. Gió mixtran hay gió tramôngtan đập vào làm bật cả cánh cửa, mái sậy rít lên. Tất cả mọi sự rung động này chỉ là tiếng vang vọng nhỏ nhoi của sự chuyển động vĩ đại

trong thiên nhiên đang diễn ra ở quanh mình. Nắng mùa đông bị luồng gió cực mạnh quất vào làm tan tác, khi chum lại, lúc bung ra, rải rác khắp đó đây. Từng đám lớn bóng mây bay dưới bầu trời xanh kỳ diệu. Ánh sáng đến từng đợt, cả tiếng động cũng vậy; tiếng gõ lóc cóc đàn gia súc chột nghe thấy rồi băng đi, tan biến trong gió, bỗng lại trở lại, rung lên như một điệp khúc du dương qua cánh cửa lung lay của căn lều... khoảnh khắc kỳ thú nhất là lúc hoàng hôn, trước khi những người đi săn trở về. Bây giờ gió đã yên yên. Tôi bước ra ngoài một lát. Mặt trời tỏ đỏ lừ mà không nóng đang êm ả lặn. Đêm xuống lướt qua người chiếc cánh đen ẩm ướt. Đằng xa kia, lóe lên tia lửa một phát súng nổ là mặt đất như ngôi sao đỏ, xung quanh mịt mù trông càng sáng rực. Cuộc sống như vội vã trong khoảnh khắc cuối cùng còn ở lại của một ngày. Một đàn vịt trời bay theo hình tam giác dài dằng dặc xà xuống rất thấp như muốn đậu xuống mặt đất. Nhưng ánh đèn chột bùng sáng trong lều làm chúng dẹt ra xa: con đầu đàn ngóc cổ vọt lên cao và thế là cả đàn lao theo, kêu quang quác.

Chẳng bao lâu, có tiếng chân rậm rịch đông đảo, rào rào như mưa tiến lại gần. Hàng ngàn con cừu trở về theo tiếng gọi của mục đồng; người ta nghe thấy tiếng chó chạy lăng xăng, thở hồng hộc sủa, lừa chúng. Chúng chen chúc nhau về trại về sọt sệt, lộn xộn. Tôi như bị bao vây, ve vuốt, chìm ngập trong cơn lốc cuốn cuộn những lớp len xoắn tít và tiếng be be, khác nào một làn sóng lớn dâng cả người lẫn bóng anh chăn cừu lên từng đợt nhấp nhô... Theo sau đàn cừu là những bước chân đi quen thuộc, những tiếng nói cười vui vẻ. Lều chật ních người, nhộn nhạo, ồn ào. Cảnh củi

khô được nhóm lên. Càng mệt, càng cười khỏe. Cái mệt dễ chịu làm con người khoái chá. Súng xếp vào một xó, giày cũng vứt lung tung, túi săn trút rỗng, bên cạnh đấy thì đủ các thứ lông chim: đỏ hoe, vàng, xanh, bạc, bẽ bết màu. Com đã dọn lên, món súp lươn ngọt lừ nghi ngút khói, ai nấy đang đói mềm nên ngồi ăn im phăng phắc; chỉ có tiếng gầm gừ dữ tợn của mấy con chó đang mò ăn trước cửa mới phá sự im lặng như tờ đó...

Mọi người đi ngủ sớm. Bên cạnh ngọn lửa bập bùng chỉ còn viên kiểng lâm với tôi. Chúng tôi nói chuyện với nhau, gọi là nói chuyện nhưng thực ra là nói dóng một dăm ba câu theo kiểu nông dân hoặc nói buông sông những thần tử na ná kiểu người ẩn. Những câu nói cộc lốc ấy nhanh chóng tắt ngấm khác nào những đốm lửa cuối cùng của những thanh củi đang lụi tàn. Sau cùng, viên kiểng lâm đứng dậy, châm lửa thắp đèn và tôi nghe vang lên trong đêm tôi bước chân nặng nề của anh ta đang xa dần...

III

NGÓNG CHỜ

(Rình rấn)

Ngóng chờ! cái tên thật khéo đặt để chỉ sự rình bắn của người ta đi săn đang ẩn nấp, đợi chờ và những giờ phút

không rõ rệt mà ai nấy cùng ngong ngóng trong cảnh tranh tối tranh sáng. Rình vào buổi sáng trước lúc bình minh một chút hoặc vào buổi chiều lúc hoàng hôn. Tôi thích rình vào buổi hoàng hôn hơn, nhất là ở những vùng lầy, nơi nước đầm còn giữ ánh sáng lại rất lâu.

Đôi khi người ta rình trên chiếc thuyền Negôcbin⁽¹⁾ một thứ thuyền bé tẻo teo, hẹp, đáy phẳng, khế động vào đã chòng chành. Người đi săn lấp khuất trong đám sậy, áp mình vào lòng thuyền để rình vịt trời, chỉ để nhô lên có vành mũ lưỡi trai, chiếc nòng súng, và đầu con chó đang thò mõm ra đánh hơi, đớp muối hoặc đuổi thẳng cẳng chân to tướng làm thuyền nghiêng về một phía và nước trào vào. Đối với một người chưa có kinh nghiệm như tôi thì cách rình này phức tạp quá. Vì vậy, tôi thường quốc bộ mà rình bắn, chân đi đôi ủng đồ sộ cắt theo hết chiều dài tấm da, lội bì bõm giữa đầm lầy. Tôi dò từng bước, thận trọng, sợ bị thụt. Tôi rẽ đám sậy sục mùi mần mẩn, ếch nhái nhảy tứ tung...

Côn cây Tamadi kia rồi, chỗ ấy khô ráo, tôi liền lại đó ngồi. Người kiểm lâm có nhã ý để con chó của anh ta lại với tôi, một con chó bông trắng to lớn. Có nó chỉ tổ làm cho tôi thêm ngượng. Hễ một con chim cuốc sa vào tầm súng là nó lại nhìn tôi theo một kiểu cách nhạo báng nào đó; nó hất đầu một cái như nhà vệ sỹ, hất lại đằng sau đôi tai dài, mềm trườn xuống mắt, ngồi chờ, đuôi ve vẩy, dáng điệu đã rất sốt ruột như muốn bảo:

⁽¹⁾ *Negôcbin* (Negocbin): một loại thuyền thoi, thuyền thúng dùng trên sông ngòi

"Bắn... Bắn đi chứ!"

Tôi nổ súng. Trượt mất rồi. Thế là nó nằm tuôn ra, ngáp dài, chân duỗi thẳng, vẻ mệt mỏi, chán ngấy và lão xược...

Đúng thế thật! Tôi thừa nhận mình quả là một tay súng tồi. Đối với tôi, đi rình bắn chim có nghĩa là thời giờ cứ thế mà trôi đi, là ánh sáng giảm bớt, ẩn náu xuống dưới nước, là những đám hồ loang loáng đánh bóng cái nền trời mịt mù sương sịt đến ánh lên như bạc thật. Tôi thích mùi nước mặn nơi đây, tiếng côn trùng bí ẩn thoáng qua trong đám sậy, tiếng rầm rì sào sạo những tàu lá dài đang run rẩy. Chốc chốc lại vang vọng trong không gian một thanh âm buồn buồn như tiếng ốc đưa xa⁽¹⁾. Đó là tiếng con vạc⁽²⁾ đang nhúng chiếc mỏ bới cá đồ sộ của nó vào nước mà thối!... rrru-u-ru! Đàn sếu bay trên đầu tôi. Tôi nghe thấy tiếng lông chim sột soạt, hàng lông tơ xù lên trong bầu không khí lạnh và cả tiếng xương cốt dãn ra của con chim đã rã rời. Thế rồi hết. Trời tối mịt mù, có chăng chút ánh sáng cuối cùng còn vương lại trên mặt nước.

Tôi bỗng rùng mình, cảm thấy khó chịu như có người ở sau lưng. Tôi ngoảnh lại và nhận ra người bạn đường của những đêm thanh: Mặt trăng, một vầng tròn to, tròn vành vạnh đang mọc lên nhẹ nhàng, lúc đầu lên nhanh trông thấy rồi sau càng xa chân trời càng từ từ chậm lại.

⁽¹⁾ Nguyên văn *Congk marin* (Conque marine): loại ốc, tù và bằng vỏ ốc biển lớn.

⁽²⁾ Nguyên văn *bute* (bute): Thuộc loại vạc, sếu sống ở các vùng đầm lầy Châu Âu

Một tia sáng đầu soi tỏ gần chỗ tôi ngồi, rồi, một tia sáng khác ở xa hơn... Giờ thì cả khu đầm lầy bừng sáng, bóng in từng khóm cỏ. Cuộc rình bắn kết thúc, chim chóc đã nhìn rõ chúng tôi: Phải về thôi. Chúng tôi đi giữa ánh trắng chan hoà, xanh xanh, dịu dịu như rắc phấn và mỗi bước chúng tôi đi trong các lạch nước, nương phai lại nay động hăng hà xa số những vì sao từ trời cao đổ xuống và vắng trắng rọi sâu vào đáy nước.

IV

ĐỎ VÀ TRẮNG⁽¹⁾

Ngay cạnh lều chúng tôi khoảng một tầm súng có một lều khác giống như hệt nhưng trông quê kệch hơn. Đó là viên kiểm lâm ở với vợ và hai con lớn: Đứa con gái thì trông coi cơm nước cho khách và vá lưới, đứa con trai giúp cha cất đó⁽²⁾, canh gác cổng thoát nước các đầm hồ. Hai con nhỏ ở lại tỉnh Áclơ với bà cho đến khi biết đọc và làm lễ ban thánh thể lần thứ nhất, vì ở đảo rất xa nhà thờ và trường học, vả lại khí hậu Camác không lấy gì làm tốt lành với trẻ nhỏ vốn dĩ xưa nay cứ đến hè là đầm lầy cạn hết nước,

⁽¹⁾ Gợi lên tên đặt cho tác phẩm của nhà văn lớn hiện thực Xtăngđan *Đỏ và Đen*.

⁽²⁾ Nguyên văn là *nasse*: Một thứ dóm đó hình chóp đan bằng cành liễu hoặc bằng mây để bắt cá ở nông thôn Pháp.

mương phải phơi bùn trắng nứt nẻ chân chim dưới ánh nắng chói chang, đảo không còn ở được nữa.

Tôi đã từng thấy như vậy một lần, vào tháng tám khi đi bắn vịt trời và tôi sẽ chẳng bao giờ quên cái cảnh buồn khắc nghiệt, nóng như nung ấy. Đó đây, các đầm hồ bốc hơi, khác nào những trảo nước sôi khổng lồ, dưới đáy còn sót lại một chút ít của sự sống đang cựa mình, những con kì nhông lửa, những con nhện, ruồi nước lúc nhúc tìm chỗ còn ẩm ướt. Ở đây âm khí nặng nề. Lại thêm muỗi nhiều vô kể như những con lóc cuộn cuộn khắp nơi, làm độc khí thêm dày đặc. Ở nhà viên kiểm lâm ai cũng run lập cập vì sốt rét, thật ái ngại nhìn những bộ mặt vàng ửng, mắt trở ra, thâm quầng, những con người tội nghiệp bị đẩy dọa suốt ba tháng ròng dưới ánh nắng nung người mà vẫn run lên vì rét...Cuộc đời gác rừng trên đảo Camác này mới buồn và cơ cực làm sao! Được gần vợ con như vậy hãy còn là khá. Còn có anh chăn ngựa ở cách nhà anh ta hai dặm nữa đang sống cuộc sông như hệt Rôbanhxông⁽¹⁾: một mình thui thủi suốt năm giữa đồng lầy. Trong túp lều lợp sậy do chính tay anh cất lầy, không có một thứ đồ nào mà không tự anh làm ra cả, từ chiếc võng mây, ba ống đồ rau, mấy gốc cây Tamari đẽo thành ghế đến ổ khoá và chiếc khoá gỗ mộc để khoá ngôi nhà khác thường ấy.

Chủ nhân cũng khác thường chẳng kém gì ngôi nhà ấy. Đó là một con người thuộc loại hiền triết, tính trầm trầm

⁽¹⁾ *Rôbanhxông* (Robinson Crusoe): Nhân vật chính trong tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Anh Daniel Defoe (1660 - 1731) sống một mình trên đảo hoang.

như những kẻ sống cô đơn, che dấu nỗi hoài nghi của người nông dân dưới hàm lông mày chổi xể râu rì. Hễ không ra đồng cỏ là anh ngồi trước cổng nhỏ lấy một trong những cuốn sách đóng thô sơ, bé tí, màu hồng, xanh hoặc vàng quăn quanh các lọ thuốc dùng cho ngựa, đọc ê a lần từng chữ với cái chăm chú của trẻ thơ trông thật cảm động. Con người khốn khổ ấy chỉ có thể lấy đọc sách làm vui mà nào có sách nào khác nữa. Tuy là làng xóm láng giềng với nhau nhưng người kiểm lâm và anh chăn ngựa chẳng bao giờ đi lại nhà nhau. Họ còn tránh gặp mặt nhau nữa là khác. Một hôm, tôi hỏi viên Ruderu (người rình mò)⁽¹⁾ nguyên nhân vì sao hai người kỵ nhau đến thế, anh này trả lời vẻ trịnh trọng:

“Vì chính kiến: hấn ta đỏ⁽²⁾ mà tôi thì trắng⁽³⁾”

Thế đấy, ngay trong chốn sơn lâm cùng cốc này, nơi mà sự cô quạnh đáng lẽ phải nhích họ lại gần nhau, hai con người cùng sống hoang dã, cùng đốt nát, cùng thật thà như hai nhân vật chăn bò trong thơ *Thêôcrit*⁽⁴⁾, họa hoàn hảo năm lên tỉnh một lần trông thấy những quán cà phê nhỏ ở Aclo lơ loẹt, những đồ mạ vàng và những tấm kính đã hoa

⁽¹⁾ *Ruderu* (Roudeiru): Người hay đi rình mò, ý nói viên kiểm lâm

^{(2) (3)} *Đỏ* (Rouge): thuộc phái cộng hoà, cách mạng,

Trắng (Biane): thuộc phái bảo hoàng, bảo thủ.

⁽⁴⁾ *Thêôcrit* (Theocrite): Thi sĩ Hy Lạp cổ nổi tiếng vì sự quan sát hiện thực, tinh tế, ra đời vào khoảng năm thứ 300 trước công nguyên, sáng lập ra loại thơ vịnh mục đồng, tác giả của những bài hát tình quê (*Idylles*) hoặc hát vịnh mục đồng (*Bucoliques*)

cả mắt như thể đứng trước toà lâu đài Ptôlêmê⁽¹⁾, ấy thế mà họ cũng có thể ghét bỏ nhau vì chính kiến.

V

HỒ VACCAREX⁽²⁾

Đẹp nhất đảo Camác là hồ Vaccarex. Tôi thường bỏ đi săn để đến ngồi trên bờ hồ nước mặn, một biển nhỏ như một mảnh của biển cả bị bắt giữ lại giữa đất liền lên đã trở thành thân thiết. Thay cho ảnh buồn tênh thường thấy trên các bờ biển vì đất đá khô cằn, hồ Vaccarex lại rải ra dọc ven bờ cao cao, xanh ngắt một màu cỏ non mượt như nhung, cả một vùng hoa thảo địa phương cây chen lá, lá chen hoa, nào cây mua, cây chà là, cây khổ sâm⁽³⁾ và các

⁽¹⁾ *Ptôlêmê* (Ptolémée): Đời vua chúa trị vì ở Ai cập vào năm 323 đến năm 30 trước công nguyên, đã bảo vệ các công trình văn hoá và nghệ thuật và làm cho Alécxăngđrì (Alexandrie) hồi đó được coi như thủ đô văn hoá của thế giới Hy lạp.

⁽²⁾ *Vaccarex* (Vaccarès) hồ lớn ở Camác có nhiều bò hoang sống rải rác ở các vùng ven bờ.

⁽³⁾ *Cây mua* (Ceutauree): loại cây có rất nhiều chủng loại khác nhau, phổ biến nhất là cây mua (bleuet), còn gọi là cây xà cức.

Cây Chà là: Tréflơ (trèfles d'eau), có người dịch là xa trục thảo hoặc gọi theo tiếng Pháp tréflơ (trèfle) dùng cho chăn nuôi.

Cây khổ sâm: Jăngtian (Gentianes) cũng thuộc loại cây mua Xăngtôrê (Centauée), có cây khổ sâm hoa vàng sáng, có cây hoa xanh biếc hoặc đỏ rực.

cây thạch thung dung lộng lẫy⁽¹⁾ đổi màu theo thời tiết: xanh biếc mùa đông, đỏ lúc sang hè, bốn mùa hoa đua nở, mỗi mùa đánh dấu một mùa hoa.

Khoảng năm giờ chiều, vào lúc mặt trời xế bóng trên mặt hồ rộng ba dặm, không một con thuyền, một cánh buồm ngăn cách, làm biến đổi khoảng mênh mông, lúc ấy mới thật đẹp. Không còn là cái đẹp thường thấy nữa mà là những đầm nước, những nương phai dải rác đó đây giữa những khúc gập gềnh của lớp đất sét có mạch nước ngầm lúc nào cũng sẵn sàng hể gập chỗ trũng một chút là tràn ngay lại. Ở đây, cảm giác con người lớn và khoáng đạt.

Làn sóng lấp lánh trên hồ lôi cuốn, từ đằng xa đàn vịt trời, đàn sếu, đàn vạc, đàn hồng hạc⁽²⁾ bụng trắng, cánh hồng. Chúng đậu xuống thành hàng dọc bờ hồ để bắt cá, sắp xếp thế nào cho thành một dãy dài đủ màu sắc hài hoà. Lại còn những chim hạc, đứng hạc Ai cập; mặt trời rực rỡ này và khung cảnh tĩnh mịch này làm chúng ngỡ đang thong dong giữa cảnh trời của sứ sở quê hương mình. Thật vậy, từ chỗ tôi ngồi, chỉ nghe thấy tiếng nước vỗ bờ, tiếng người chăn ngựa gọi đàn ngựa đang tản mát ven bờ. Ngựa nào cũng có tên rất kêu: "Xifer!... (Luyxifer), Extelô!...

⁽¹⁾ *Cây thạch thung dung* (Saladel = Saladelle) thường mọc ở bờ biển.

⁽²⁾ *Vịt trời*, nguyên văn là *Macroder* (Macreuses): loại vịt phương Bắc thường hay qua lại các vùng ôn đới

Hồng hạc: Flamăng (Flamants): thuộc loại cò, sếu, hạc, gọi là hồng hạc vì có bộ lông màu hồng lẫn màu đỏ chói.

Extuanelô!...(1). Con nào nghe gọi đến tên cũng chạy ngay lại, bồm bay trước gió và xà vào ăn lúa mạch ngay trong lòng tay người chăn dắt nó.

Xa hơn, cũng trên cùng một dải bờ, là một đàn bò(2) đông đảo thả rông gặm cỏ. Chốc chốc tôi lại thấy nhô lên khỏi khóm Tamary sống lưng uốn cong xuống của những con bò và những cặp sừng nhỏ đang phát triển dương lên. Ở Camác, bò nuôi phân lớn là để thi đấu trong những ngày làng mở hội đóng dấu(3) một vài con đã lừng danh trên khắp các trường đấu ở Prôvăngxơ và Lănggôđốc(4). Chính vì vậy mà đàn bò bên cạnh có được một con bò đấu rất hung. Người ta đặt tên nó là Rômanh. Nó đã từng húc chết tươi bao nhiêu người và ngựa trong các cuộc đấu ở Aclơ, Nin, Taraxcôg(5). Bởi thế các bạn nó trong đàn đã tôn nó làm đầu đàn. Những đàn bò kỳ koặc này tự cai quản lẫn nhau, chúng quây quần quanh một con bò mộng già mà chúng ta đã thừa nhận đứng đầu. Hãy xem chúng trong một trận bão trên đảo Camác; bão ở đây thật khủng khiếp, giữa đồng không mông quạnh này, chả có gì có thể đảo ngược hoặc ngăn chặn lại được. Đàn bò đứng sát nhau sau con đầu đàn, mọi cái đầu cùng chúc xuống, hướng những vầng trán rộng,

(1) *Xifer* (Lucifer), = ma vương; *Extelô* (Estello) = ngôi sao; *Extuanelô* (Estournello)= sáo sậu.

(2) *Đàn bò*: Nguyên văn là *Manadô* chỉ đàn bò sừng.

(3) *Hội đóng dấu*, nguyên văn là *ferát* (ferrade): ngày hội đóng dấu sắt nung đỏ mang tên người chủ vào móng bò, thường được tổ chức rất linh đình, hay có đấu bò trong dịp này.

(4) *Lănggôđốc* (Languedoc): Tên một tỉnh cũ của Pháp, trong tỉnh có thành phố Tuludơ.

(5) *Taraxcôg* (Tarasson), một quận hành chính của tỉnh Aclơ

nơi tập trung toàn bộ sức mạnh vào thẳng hướng gió đang đổ tới. Những người chăn bò của xứ Prôvăng xơ ta gọi hành động này là vira la bano au gisèle - nghĩa là quay ngược sừng lại với gió. Và thật là vô phúc cho những đàn bò nào không làm đúng như vậy! Chúng sẽ bị mưa làm tối tầm mắt mũi, gió lòi đi, rồi hoảng loạn cả lên, cả đàn tan tác, con nào con nấy cuống cuồng tránh bão, cứ phía trước mà chạy thực mạng, con thì đâm đầu xuống sông Rôn, con thì bỏ nhào vào hồ Vaccarex hoặc lao xuống biển.

THƯ GỬI NHỮNG NGƯỜI VẮNG MẶT

ĐẦU THÁNG

(Viết ngày 6 tháng Hai 1870)

Tôi không rõ ở Nhà hát lớn Bocđô người ta sẽ hát các anh nghe cái điệu vênh vang gì về Pari bị vây hãm rồi đầu hàng; nhưng nếu anh muốn nghe một lần cho rõ tôi nghĩ thế nào về thiên anh hùng ca thảm hại ấy thì đây, xin vắn tắt vài câu:

Các tướng lĩnh tài ba nhà ta - quý tha ma bắt họ đi! - đã bảo vệ cự thủ đô cứ như thể họ bảo vệ Mêdie, Tun hoặc Vecdoong vậy, nghĩa là theo một bản điều lệnh chiến đấu nọ mà cái ngài ấy thủ trong mũ kêpi từ thuở ra trường: Điều I: "Một cứ điểm bị bao vây không bao giờ tự giải vây được". Và họ đã xuất phát từ đó để tìm cách giải vây.

Tiền đây xin anh chú ý cho rằng cũng vẫn những nhà chiến lược ấy, tám ngày trước khi bị bao vây đã nói với bọn

tôi bằng một vẻ hờn hĩnh đáng yêu rằng Pari có thể bị đánh chiếm bằng sức mạnh chứ bị bao vây thì không đời nào!

Ê, có đấy, các ông tướng nhà trời ơi, chúng ta có thể bị bao vây lắm chứ. Bọn Phổ có bàn tay hộ pháp và Pari, mặc dầu có vóc dáng to ngang ghê ghớm, chỉ trong vòng chưa đầy một tuần lễ đã bị kẹp chặt như một con rệp trong bàn tay lính đeo găng của chúng... nhưng nếu các ngài dám thì chúng ta đã có thể gỡ thoát, Pari là một người khổng lồ lẽ ra phải để nó đánh nhau như một người khổng lồ, phóng tay cho thiên tài của nó, chuyển động mọi bắp thịt của nó. Khi mà trận La Macnơ đã làm các ngài mắc cỡ thì lẽ ra phải để cho Pari nuốt cho tôi chuyện La Macnơ đi. Những cao điểm gớm khiếp của Sachông, của Môđông, của Sambinhi, tất cả những cối xay gió, tất cả những gò đồng mà cái tên lỗ bịch và đâm máu của chúng đã theo đuổi ta lảng nhảng vào tận giấc chiêm bao, tất cả những cái đó Pari có huých một cái tung hê sạch chúng lên tận cung trăng. Đó là việc của bốn mươi vạn lưỡi cuốc đào trong một tháng sau lưng mười vạn khẩu súng... nhưng các ngài đã tuyệt nhiên không muốn như vậy.

“Ồ, không! Thiên sử thật sự của trận vây hãm này, chớ nên tìm nó trên báo chí cũng như trong sách vở; phải tìm nó ở bộ chiến tranh. Tại đây đã diễn ra những trận kịch chiến của Pari. Tại đấy, mọi cố gắng cá nhân, mọi thiện chí, mọi ý nghĩ nhiệt thành, mọi tư tưởng lớn thiết tha với công cuộc phòng thủ đã vấp phải những con mọt giấy của chế độ quan liêu quân sự... Thật đau lòng khi thấy ông bộ trưởng Đôrian với bộ sậu nhân viên Công chính rất năng nổ, rất

thông minh của ông chạy vạy từ phòng giấy này sang phòng giấy khác, khúm núm, tự hạ mình rất thấp, chấp cổ hai tay lại mà nói như van, như lạy:

“Trăm lạy các ngài nhà binh! chúng tôi biết chúng tôi chẳng là cái thá gì và kẻ tinh khôn nhất trong đám chúng tôi thật cũng chẳng đáng xách dép cho các ông Ghiô và Phrêbôn của các ngài... Vâng, các ngài dạy chí phải, các kỹ sư của chúng tôi đều là giống lừa cả, các vị đứng đầu của chúng tôi, và loại bếp lưu động của chúng tôi có thể tuôn ra hàng thùng cà phê và rượu vang nóng cho binh lính của các ngài giữa lúc tới bởi khói đạn, và loại khinh khí cầu cột dây của chúng tôi, nó không tốn cho các ngài một người nào và sẽ bay đi quan sát xem có thật người ta đang đặt đại bác giả bằng ống máng treu gò Sachiông không...”

Và họ đã hãnh diện biết bao, cái đám anh em Công chính đáng yêu ấy, khi sau năm tháng trời van xin, chạy chọt làm đủ thứ giấy tờ, họ đã đưa ra được mặt trận vài khẩu ộp bảy ấy, những khẩu mà một trong những tướng tài nhà ta đã nói về chúng với cái giọng ngoại ô hơi rề rề của mình:

“Cái loại pháo này nó cũng không đến nỗi tồi lắm!... Phải cho sấm một ít dùm mới được”.

Báo cáo tướng quân, muộn quá rồi. Quân Phổ đã vơ sạch cả rồi...

Bây giờ thế là hết, Pari đã từng ăn bánh mì trắng phết bơ. Chả trở lại chuyện ấy làm gì nữa. Những ngày đầu mình thật là điên ruột. - Trời ạ! Mình nổi cơn điên thật sự - nhưng

từ ít lâu nay mình cảm thấy trong lòng, sâu trong tận đáy lòng, một cái gì nguôi nguôi nhẹ nhõm. Cái trận vảy hăm ấy, ánh bạn ạ, nó dài đằng đẵng và đầy lo âu, tẻ ngắt. Mình tưởng đâu như vừa trải qua năm tháng trời lênh đênh trên mặt biển hầu như thường xuyên phẳng lặng.

Vậy mà đối với một số kẻ nào đó, năm tháng trời buồn ớn người lên ấy lại là một cuộc truy hoan, say sưa tối ngày đấy. Từ những bọn cầu bơ cầu bất ngoại ô chẳng làm cái quái gì mà ngày ngày lại được bốn năm xu cho đến các ông tá lon bầy vạch, các ông đầu thần chiến lũy trong buồng ngủ, đám quân lương Gamas bóng nhẫy vì chén đầy thịt, đám dân vệ di dạng vênh vang trong các quán giải khát và giờ đây gọi hầu bàn chỉ độc bằng lối huýt còi xe, đám các ngài chỉ huy cảnh vệ sống với các bà đầm trong các tòa nhà trưng dụng tất cả những bọn chiếm đoạt, bọn bóc lột, bọn ăn cắp chó, bọn săn mèo, bọn buôn cảng ngựa, buôn albumin, giêlatin, bọn nuôi chim bồ câu, bọn chủ bò sữa và bọn nắm trong tay tấm phiếu mua đề của tên thừa lại, bọn quỵt tiền nhà, đối với tất cả những bọn đó thì sự kết thúc trận vảy hăm lại là một đau khổ - nó chẳng có mảy may một tính chất gì yêu nước. Pari giải tỏa, đầu lại sắp vào đấy, phải làm việc, nhìn thẳng vào cuộc sống, trả lon, trả nhà, quay về cái ổ cũ, - gay đấy...

Tôi chẳng hề có ý bôi nhọ chế độ cộng hòa gì đâu. Một là tôi cũng chưa rõ nó thế nào; hai là sau khi đã được tận mắt nhìn người và việc dưới thời đế chế thì tôi không được phép kén cá chọn canh. Nói là một chuyện! Nhưng cái diễn ra quanh tôi từ ngày mừng 4 tháng Chín đã reo cay đắng

vào dây lòng tôi, làm tôi sinh hoài nghi hơn bao giờ hết. Tất cả những cái gì ngu ngốc, biếng nhác, lạc hậu, bất tài mà tôi được biết đã xuất đầu lộ diện, tìm thấy chỗ đứng của mình. Tất nhiên tôi không nói về những người cộng hòa chân thực, trung thành, những con người của ngày hôm qua; những người ấy đã có thời của họ, và thế là công bằng; nhưng những kẻ khác, những kẻ mà đến cái nền đế chế đáng buồn kia cũng chẳng thềm dùng làm anh bán tương, ấy thế mà chúng đã yên vị hết cả rồi. Đến cả cái lão N... Khốn khổ khốn nạn và thảm hại kia nữa, trong thời hấp hối của chiều đại vừa qua ta đã thấy lão chạy nhong các bộ đi ăn mày một cái chân gì cũng được; thế mà bây giờ lão là chánh cảm cảnh sát cộng hòa ở một quận loại chùa.

Có một điều cũng rất lạ là thấy ở giữa cuộc đại náo chính trị ấy - cái tro tro như đá của một số người và một số giới chức. Điển hình hoàn chỉnh nhất của những *người - fao*, những kẻ thời nào cũng nổi, dù xảy ra chuyện gì cũng vẫn bênh lên mặt nước là cái ngài tổng thư ký danh giá của cái trước đây gọi là Viện lập pháp. Mọi ký giả Pari đều biết con người dài ngoẵng có bộ mặt xám ngoét ấy, môi thì mỏng dính, nụ cười tẻ ngắt, cái đầu như thể đầu anh chàng leo dây múa rối bay đầu người coi đồ thánh - người ta thường thấy hắn ta ngồi bên chiếc bàn nhỏ, tít trên bức diễn đàn, đằng sau chiếc ghế bành chủ tịch... Tôi muốn tin rằng chỗ ngồi ấy là tốt; vì đã ba mươi năm nay cái anh chàng ấy vẫn bám khư khư lấy nó và có lẽ phải có một cơn gió ra trò mới hất nổi hắn xuống được. Các vua chúa cuốn xéo, các đế chế sụp đổ, các trái bọc phá của nền cộng hòa thổi bay Hội

đồng nhà vua... Duy chỉ có chiếc bàn nhỏ của ông Valét là không nhúc nhích, và nó sẽ không bao giờ nhúc nhích.

Đời đúng là có những con người không thể thiếu được! Hẳn ta chính là người như vậy và đó chính là cái làm cho hẳn có sức mạnh đến thế. Hình như ở nước Pháp không có ai, kể cả ông Chier⁽¹⁾ lại nắm vững quy chế bằng hẳn ta, và nếu không có hẳn ta ngồi đó thì bộ máy nghị viện không thể nào vận hành được nữa. Vả chăng, ngoài cái bộ quy chế gồm ghiếc ấy mà hẳn chấp hành răm rắp, hẳn lại là con người của một sự nhân nhượng và một sự mềm dẻo... “Dạ, xin quan lớn cứ dạy...”, hẳn cúi rạp đầu sát đất trước mặt ngài Palicao mà nói bằng cái giọng ngọt như mía lùi của hẳn. Đó là hôm mồng 4 tháng Chín, vào buổi trưa. Ngày mồng 6 tháng Chín, cũng vào giờ ấy, hẳn bước vào sảnh đường quảng trường Bôvô, vẫn với nụ cười khúm núm ấy, vẫn với cái uốn lưng nịnh thần ấy, hẳn nói với ông Gambetta: “Dạ nếu quan lớn vui lòng cho phép...” Cho nên lần này cũng như bao lần khác, người ta vẫn để hẳn ngồi an tọa bên chiếc bàn nhỏ ở Viện lập pháp, với chùm chìa khóa của Viện dúi trong túi, và một tốp dân vệ gác cửa để bông súng chào; và trong suốt năm tháng, hẳn chỉ đọc có việc hái hoa viôlét trên các luống cỏ tuyệt đẹp của vườn hoa phủ chủ tịch và ra kho bạc lĩnh lương đều đều. Rồi nghị viện Bôcđô nhóm họp, và giờ đây hẳn đang ở đó, vẫn tươi cười như xưa, bên chiếc bàn nhỏ của hẳn, sau tấm ghế bành chủ tịch.

¹⁾ Chier (Thiers) đứng đầu Nhà nước Cộng hòa Pháp, đàn áp đẫm máu công xã Pari.

Xin nói thêm một câu nữa để hoàn chỉnh việc miêu tả chân dung nhân vật đáng yêu ấy. Một hôm, một trong những nhân viên của hân ỷ thế có quan thầy là Xnaide đương kim chủ tịch Viện lập pháp, có vẻ muốn chọi nhau với hân; Ô.Valét nhà ta đã triệu thẳng cha bố lếu ấy đến phòng giấy của mình, và ở đó, bằng một giọng dịu dàng, chẳng hề oán giận, ông đã chôn sâu vào bụng anh ta câu nói đáng ghi vào lịch sử này:

“Ông bạn tôi ơi, hãy dè chừng cái việc ông đang làm... Các vị chủ tịch đâu có vĩnh cửu!...”

Chỉ có ông, ông Valét mới vĩnh cửu.

Tên ông là *Nhà cầm quyền*.

CÁC BÀ ME

(Kỷ niệm về cuộc vây hãm)

Sáng hôm nay, tôi lên đồi Valêriêng⁽¹⁾ thăm anh bạn của chúng tôi là họa sĩ B, trung úy cơ động miền sông Xen, vừa đứng phiên cu cậu trực gác. Hết cựa. Thế là phải ở lại đó, đi đi lại lại như những chàng lính thủy trực ban tại trước công sự ngầm của pháo đài, vừa đi vừa chuyện gẫu với nhau về Pari, về chiến tranh và những người thân xa vắng... Bỗng anh trung úy nhà ta ngừng bật, đứng sững lại; trong bộ capót lính cơ động trông cậu ta vẫn y nguyên là anh phó về ngang tàng ngày nọ, cậu ta túm tay tôi:

- Ô! Một bức họa Đômiê⁽²⁾ tuyệt đẹp kìa? - cậu ta nói khẽ với tôi và đưa mắt, con mắt nhỏ sam sảm lúc ấy chợt sáng lên như mắt con chó săn - chỉ cho tôi bóng dáng tôn kính của hai người vừa xuất hiện trên mỏm đồi Valêriêng.

Quả đúng là một bức họa đẹp của Đômiê. Người đàn ông mặc áo rơ danh gốt dài⁽³⁾ màu hạt dẻ, cổ nhung xanh

⁽¹⁾ Đồi Valêriêng (mont Valérien): một trong những đồn phòng thủ Pari trên tả ngạn sông Xen

⁽²⁾ Đômiê (Daumier): Họa sĩ vẽ phóng họa Pháp (1808 - 1879).

⁽³⁾ Áo rơ danh gốt (redingote): Một loại áo dài xưa ở Pháp, đuôi áo ôm lấy thân người.

như dẹt bằng rêu rừng, người gầy gò, nhỏ nhắn, mặt đỏ gay, trán hớt mất tròn, mũi khoằm mỗ quạ. Trông cứ như đầu con chim nhả nhúm trang trọng và ngờ nghếch. Để cho đủ lệ bộ, một bên nách khoác chiếc tay nải vải hoa để thò ra cái cổ chai, còn tay bên kia xách một hộp đồ hộp, một hộp muôn thừa bằng sắt tây mà người Pari không thể trông thấy mà không tránh nhớ tới suốt năm tháng ròng rã bị vây hãm... Còn người đàn bà thì thoạt nhiên chúng tôi chỉ thấy một chiếc mũ cabriôlê⁽²⁾ vĩ đại và một chiếc khăn san cũ kỹ dán chặt vào người từ đầu đến chân như để bịt lên cái nghèo khổ; rồi chốc chốc, những nếp gấp hình tổ ong đã bạc màu của chiếc mũ lại thò ra cái đầu mũi nhọn với vài sợi tóc hoa râm lưa thưa.

Lên tới đỉnh đồi, người đàn ông dừng lại để thở và lau mồ hôi trán. Kể ra thì ở trên cao ấy trong tiết trời cuối tháng Một mù sương cũng chẳng lấy gì làm nóng, nhưng vì họ đã đi mãi miết quá...

Người đàn bà không dừng lại. Bà đi thẳng tới đường hào. Bà nhìn hai chúng tôi một phút, lưỡng lự như muốn nói gì với chúng tôi nhưng thấy lon sĩ quan nên bà dậm ra ngân ngại có lẽ vì vậy bà muốn ra hỏi người lính gác kia hơn. Tôi nghe thấy bà rụt rè xin được gặp con trai, một anh lính cơ động Pari ở đội sáu, tiểu đoàn ba.

- Bà hãy đứng đây chờ - anh lính gác trả lời - tôi sẽ bảo người ta gọi ra cho.

⁽²⁾ *Mũ cabriôlê* (nguyên văn là *chapeau cabriolet*) mũ giống như mũ xe ngựa có hai bánh thời xưa ở Pháp.

Bà cụ mừng quá, thở phào một cái, quay lại chỗ ông chồng, và cả hai cùng ngồi lách ra một chỗ trên gò đất.

Họ đợi ở đây khá lâu. Quả đồi Valêriêng này rộng khiếp lên được, ngang ngang dọc dọc như bàn cờ, nào dốc, nào lô cốt, nào trại lính, nào hầm hào! Thử đi mà tìm một anh lính cơ động của đoàn sáu trong cái thành phố chẳng chịt treo lơ lửng chân chẳng tới đất, cật chẳng tới trời này, bênh bồng theo những vòng tròn ốc giữa chín tầng mây như ở đảo Lapuyta⁽¹⁾. Ấy là chưa kể vào giờ này, trong thành đang nhộn lên tiếng trống cà rùng, tiếng kèn đồng, lính tráng chạy qua chạy lại, bị động loảng soảng. Đó là giờ đổi gác, làm cỗ về, chia khẩu phần; một tên gián điệp máu me đâm dĩa - do mấy anh dân binh thúc báng súng giải về; bà con nông dân Năngte đến khiếu nại với thiếu tướng; một anh lính quân bưu phi ngựa tới, người rét cóng mà ngựa thì ướt sũng mồ hôi; những con la thổ thương binh từ các đồn tiền tiêu về, họ ngồi lác lác trên hai chiếc ghế buộc vào hai bên sườn con vật, miệng khe khẽ rên như những chú cừ non ốm yếu; các chàng lính thủy xúm vào kéo một cỗ pháo mới theo nhịp sáo thổi và tiếng hò "dô ta, này!"; một chú mục đồng mặc áo đỏ tay cầm sáo, vai đeo súng hỏa mai⁽²⁾ lùa về phía trước đàn cừ của các đơn vị trong thành phố; tất cả những cái đó chạy ngược xuôi, ken chéo nhau trên các sân, chiu tọt xuống miệng hào như chiu xuống chiếc

⁽¹⁾ *Lapuyta* (Laputa) một hòn đảo lơ lửng giữa trời trong truyền tượng tượng của nhà văn châm biếm Xuýt (Anh) thế kỷ XVIII.

⁽²⁾ *Súng hỏa mai*, nguyên văn là *chossopot* (mang tên người nghĩ ra nó, là loại súng trần có kim hỏa rất thông dụng ở Pháp từ 1866 - 1874.

cổng thấp lè tè ở một trạm trú của các đoàn lữ hành phương Đông vậy.

Trong khi đó, đôi mắt của bà mẹ khốn khổ như muốn nói: “Miễn là họ đừng quên gọi cho mình thằng bé !” Cứ năm phút một, bà lại đứng dậy, len lén tới bên cổng, nép vào tường thành liếc trộm vào sân trong như chẳng dám hỏi gì thêm nữa, sợ người ta lại chế giễu con mình. Ông chồng còn nhút nhát hơn, ngồi lì một chỗ và mỗi lần bà quay lại, mặt mày rầu rĩ chán nản thì lại thấy ông mắng mỏ bà về cái tật hay suốt ruột và cắt nghĩa một thời một hội về những phép tắc cần thiết của những công việc nhà binh với điệu bộ một anh ngốc muốn làm ra vẻ ta đây cái gì cũng biết.

Xưa nay, tôi vẫn rất hay tò mò theo dõi những màn cảnh nhỏ thầm lặng và thân mật ấy mà ta đoán ra hơn là nhìn thấy, những đoạn kịch câm của đường phố nó sát ngay bên mình khi đi ngang qua, và chỉ bằng một cử chỉ nó phát hiện ra cho anh cả một cuộc sống, nhưng ở đây cái hấp dẫn tôi nhất, chính là cái vụng về, ngây ngô của những nhân vật của tôi và tôi đã thực sự cảm động theo dõi, qua điệu bộ đầy sức gợi cảm và trong vắt như tâm hồn hai diễn viên của Xêraphin, tất cả những diễn biến của một tấn kịch gia đình rất đáng yêu...

Tôi tưởng tượng ra một buổi sáng nọ, bà mẹ lấm bầm một mình:

- Chán mớ đời cái ông Trôsuy⁽¹⁾ với những mệnh lệnh cấm trại của ông ta... Ba tháng nay rồi, chưa được thấy mặt thằng bé... Mình muốn đến ôm hôn nó một cái.

Ông bố vốn nhút nhát, sống ở đời như sống nhờ, sống gửi, nghĩ đến chuyện phải chạy vạy để xin một tờ giấy phép thì đã hốt lên rồi nên thoạt đầu ông lựa lời khuyên giải bà:

- Mình nghĩ chuyện vợ vắn ấy làm gì? Cái đôi Valèriêng ấy nó xa chết người ấy mà ... xe pháo chả có, làm thế nào mà đi đến đó được? Với lại, đấy là nơi thành trì của người ta, ai người ta cho đàn bà vào.

- Tôi cứ vào - Bà mẹ trả lời. Và vì vốn xưa nay bà lão bảo sao ông lão làm vậy nên cuối cùng ông vẫn mũ áo ra đi; ông đã lên quận, lên tòa đốc lý, lên bộ tham mưu, lên ông chánh cấm, lúc sợ toát mồ hôi, lúc lạnh buốt sống lưng đầu cũng đâm đầu vào, đi nhăm cửa, xếp hàng nối đuôi người ta đến hàng giờ trước một bàn giấy rồi té ra không phải bàn giấy đó ... Cuối cùng đến tối ông mới trở về nhà, với một tờ giấy phép của quan trên, thủ trong túi... Sáng hôm sau, hai ông bà dậy từ sớm, chịu lạnh đèn đóm tối mờ mờ. Ông bố làm một mẩu bánh cho ấm bụng còn bà mẹ thì chả thấy đói. Bà thích đến đấy ngồi ăn với con trai hơn. Và để thết anh lính cơ động khốn khổ, người ta vội vàng tống vào chiếc tay nải đủ thứ thực phẩm còn giữ lại trong thời bị vây hãm; súc cù là, mứt rượu vang đóng si, tất tạt, cho đến cả cái hộp, một cái hộp giá tám frăng mà người ta giữ bo bo phòng những ngày đói to. Xong đâu đấy, hai ông bà lên đường. Họ

⁽¹⁾ Trôsuy (Trochu, 1815 - 1896): Tướng Pháp, chủ tịch hội đồng quốc phòng đứng đầu chính quyền Pari, từ chức trước khi Pari đầu hàng.

tới chân thành thì cũng vừa lúc người ta mới mở cửa. Cần xuất trình giấy phép. Bà mẹ thấy lo lo... Nhưng không sao! Giấy tờ hình như hợp lệ cả.

- Cho đi! - lão ách-xì-đăng trực ban nói.

Bấy giờ bà mới thở phào:

- Cái thầy cai này mới phúc đức chớ.

Rồi như một con chim cất, bà lon ton bước vội bước vàng. Ông khó lòng mà theo kịp chân bà:

- Bà nó làm gì mà đi nhanh thế!

Nhưng bà chẳng nghe ông. Trên cao kia. Trong làn khói phía chân trời, ngọn đồi Valérieng như đang vẫy gọi:

- Lên đây nhanh lên... cu cậu ở đây này.

Và bây giờ lên tới nơi thì lại nảy ra một mối lo âu mới. Thế ngộ nhờ người ta không tìm thấy nó! Ngộ nhờ nó không ra!...

Tôi bỗng thấy bà giật mình, đập vào tay ông và đứng phất dậy... Từ đằng xa, dưới vòm cổng con đường hào, bà đã nhận ra bước chân đi của con.

- Đúng nó rồi!

Khi anh ta hiện ra, cả cái mặt trước thành như sáng rực lên.

Một chàng trai xinh đẹp, cao lớn, đúng thế! dáng người chững chạc, lưng đeo ba lô, tay xách súng... Anh đi lại, mặt mày rạng rỡ, cất giọng ồm ồm, vui vẻ:

- Con chào mẹ.

Thế là lập tức ba lô, chân súng, tất cả biến mất trong chiếc mũ cabriôlê to tướng. Rồi đến lượt ông bố nhưng phần ông chỉ được tí thôi. Cái mũ cabriôlê muốn vơ hết cả về mình, bao nhiêu đối với nó cũng không đã.

- Có khoẻ không con?... Có đủ ấm không con?... Quần áo con thế nào?

Và dưới những nếp gấp tổ ong của chiếc mũ, tôi cảm thấy cái nhìn đầm đăm, âu yếm của bà phủ lên anh từ đầu đến chân trong một trận mưa hôn hít, khóc lóc và cười khúc khích, ba tháng thiếu thốn tình mẫu tử, bà mẹ đem trả một lần hết cho con.

Ông bố cũng cảm động lắm nhưng ông chẳng muốn bộc lộ ra ngoài. Ông biết chính tôi đang nhìn ông và ông nháy nháy chúng tôi như muốn bảo:

“- Các ông thông cảm cho đàn bà mà!”

Thông cảm quá đi chứ!

Một hồi kèn nữa bỗng vang lên, thổi tắt ngấm niềm vui đẹp đẽ ấy.

- Kèn gọi rồi, - anh con trai nói - con phải vào thôi.

- Sao thế! Không ngồi ăn với bố mẹ được ư?

- Không! Không thể được ạ. Đến phiên con gác hai mươi bốn tiếng trên đỉnh pháo đài kia.

- Ôi! Bà cụ tội nghiệp thốt lên và không nói được gì nữa. Cả ba người nhìn nhau, đứng chết lặng đi một lát. Rồi ông bố lên tiếng:

- Không ăn thì ít nhất cũng cầm lấy cái hộp chứ - Ông nói giọng run run đau sót với một vẻ vừa cảm động vừa buồn cười của kẻ hấu ăn phải chịu nhin. Nhưng kìa, trong lúc bối rối và xúc động phải chia tay, cái hộp chết tiệt để đâu chẳng thấy nữa và thật ái ngại nhìn những bàn tay nôn nóng và run rẩy kia lục lọi tìm, nghe những lời ghen ngào hỏi nhau: "Cái hộp! Cái hộp đâu rồi!" một cách chẳng ý tứ về một việc chẳng đâu vào đâu trong nhà lại xen vào nỗi đau buồn lớn lao này. Tìm thấy hộp rồi, mẹ con lại ôm chầm lấy nhau một lần cuối khá lâu nữa, rồi anh con trai hấp tấp chạy vào thành.

Các bạn thử nghĩ xem, người ta đi từ rất xa tới đây mong được cùng ăn với nhau một bữa, tổ chức như một buổi đại liên hoan; bà mẹ đã nghĩ như vậy mà suốt đêm không ngủ được. Thế thì các bạn bảo làm sao không náo lòng vì cuộc vui bị lỡ, cái góc thiên đường vừa hé mở đã phũ phàng đóng sập ngay lại.

Hai ông bà còn đứng sững sờ ngay tại chỗ một lúc, dán mắt mãi vào con đường hào mà cậu con trai vừa mất hút. Sau cùng ông bố trấn tĩnh lại, quay gót, đàng hắng vài ba cái ra điếu không làm sao cả rồi cất tiếng nói oang oang thật oai vệ:

- Nào! Bà nó, ta về thôi chứ.

Và ông trịnh trọng chào chúng tôi, khoác lấy tay bà vợ... Tôi nhìn theo họ đến tận chỗ đường rẽ. Ông bố ra tuồng rất giận dữ. Ông vung cái tay nải lên một cách chán nản. Bà mẹ lại tỏ ra bình tĩnh hơn. Bà đi sát bên ông, đầu cúi xuống, tay buông thõng nhưng chốc chốc tôi lại thấy như chiếc khăn rung lên bắn bật trên đôi vai gầy nhỏ của bà.

DÂN BINH

(Viết trong thời Pari bị bao vây)⁽¹⁾

Buổi tối nọ, người ta dùng trà tại nhà viên công chức tỉnh Nangter. Tôi thích thú dùng cái từ cổ công chứng bởi vì nó rất hợp với màu sắc Pompadour⁽²⁾ của cái xóm làng xinh đẹp đã nảy nở ra lắm trang thực nữ⁽³⁾ và cái phòng khách mà chúng tôi ngồi quây quần quanh ngọn lửa rế cây cháy rực trong lò sưởi hình hoa huệ. Người chủ ngôi nhà vắng mặt nhưng hình ảnh đôn hậu và tinh tế của ông từ trong cái khung hình bầu dục treo ở một góc, vẫn chủ toạ cuộc liên hoan và mỉm cười với những vị khách lạ lòng ngồi chật ních gian phòng.

Quả thật, một buổi chiêu đãi của vị công chứng mà toàn những giới kỳ cục. Nào áo choàng gắn lon nào những bộ râu sôm tám ngày không cạo, những mũ kêpi, áo khoác thủy thủ, dày ủng to tướng; và khắp chỗ, trên mặt dương cầm, trên bàn xoay, để lộn xộn cùng với những tấm gối

⁽¹⁾ Thời kỳ quân Phổ xâm lược nước Pháp và bao vây Pari (1870), ngoài quân chính quy, nhân dân Pháp tổ chức những đội dân binh chiến đấu chống quân xâm lược.

⁽²⁾ Kiểu đồ đạc và trang trí vào cuối thời vua Lui XV (thế kỷ 18).

⁽³⁾ Ngày xưa theo phong tục nhiều vùng, những nàng thực nữ - những cô gái đức hạnh - được địa phương biểu dương và ban thưởng.

thêu ren, những hộp Xpa⁽¹⁾ đựng nước suối, những giỏ bằng
thảm dệt, là những gươm đao và súng ống bừa bãi. Tất cả
những cái đó tương phản lạ lùng với căn nhà trường tộc còn
như phẳng phất mùi bánh ngọt Nangter do công chức phu
nhân xinh đẹp đưa mời các cô gái đức hạnh vận áo sa. Than
ôi! Chẳng còn những cô gái đức hạnh ở Nangter nữa. Người
ta đã thay thế các cô bằng một tiểu đoàn dân binh của
Pari, và chính là ban tham mưu tiểu đoàn - Đứng ở nhà viên
công chứng đã mời chúng tôi dùng bữa trà tối hôm đó.

Chưa bao giờ tôi thấy cái góc bếp lại tối đến thế này.
Bên ngoài gió thổi trên tuyết và đưa lại cùng với tiếng vang
động của những giờ rét run căm cặp là tiếng hô "Ai? Đứng
lại!" của những người lính gác, và xa xa lác đác tiếng nổ
của một khẩu súng trường. Trong phòng khách, người ta ít
nói. Cực nhọc thay, công việc của những đồn tiền tiêu tối
đến mọi người mệt rũ. Rồi mùi hương của sự an lạc ấm
cúng bốc lên từ những ấm trà thành những làn hơi vàng
huyền, đã xâm chiếm tâm hồn mọi người và chúng tôi như bị
thôi miên trong những chiếc ghế bành của nhà công chứng.

Chợt có tiếng chân bước gấp, một tiếng kẹt cửa và một
nhân viên điện báo mắt long lanh, giọng hỗn hển, bỏ vào
giữa chúng tôi:

- Cầm súng lên đi! Cầm súng lên đi! Đồn Roi bị tiến
công rồi.

Đó là một cái đồn nhỏ ra phía trước do dân binh dựng
trong nhà ga Roi, cách Nangter độ mười phút đồng hồ, như

⁽¹⁾ Xpa: Thành phố nước Bỉ có nước suối nổi tiếng.

người ta đồn ở Pômêrani. Trong chớp mắt toàn ban tham mưu đã đứng phắt cả dậy, nài nịt cầm vũ khí và đổ xuống đường để tập hợp các đại đội. Chẳng cần phải dùng kèn để làm việc đó. *Đại đội một* đóng ở nhà mục sư; người ta chạy vội tới đập mạnh vào cửa nhà mục sư:

- Cầm vũ khí!... Dậy đi!

Và lập tức người ta chạy đến nhà viên lục sự, nơi *đại đội hai* đóng...

Chao ôi! Cái làng nhỏ bé tối đen ấy với tháp chuông nhọn hoắt phủ đầy tuyết, những mảnh vườn nho trồng thành những cụm ô vuông bốn bề với một ô ở giữa, cửa vườn hãy mở ra là lại réo chuông lên như ở cửa hiệu, những ngôi nhà không quen biết; những cầu thang gỗ mà tôi chạy mò xuống sau thanh gươm dài của viên chánh quản; cái hơi ấm áp toả ra từ những căn phòng đầy người, nơi chúng tôi ra lệnh báo động; những cái súng va lách cách; trong bóng tối những người ngái ngủ chạy chuyênh choạng đến vị trí; trong khi đó ở một góc phố dăm sáu nông dân ngây ngô cầm đèn nói nhỏ với nhau: "Họ tấn công! Họ tấn công!". Tất cả những cái đó hiện ra với tôi lúc này như một giấc mơ, những ấn tượng thì giữ mãi không phai mờ và xác thực.

Đây, toà thị chính tối mờ, các cửa sổ nhà bưu điện sáng ánh đèn, những người đưa tin đang chờ ở phòng đầu, tay xách đèn lồng; trong một góc phòng, nhà phẫu thuật người Iéc - Lãng của tiểu đoàn đang bình thần chuẩn bị đồ mổ, và giữa cảnh sửa soạn chiến đấu ấy nổi lên hình bóng đáng kính yêu của cô nàng căng tin bé nhỏ của đơn vị - mặc áo xanh lơ như ở nhà nuôi trẻ mồ côi - đang ngủ trước bếp lửa

cây súng kẹp giữa đùi và sau rốn, ở phía cuối là phòng làm việc điện báo, có những tấm ghế nhựa, chiếc bàn lớn sáng chung, hai nhân viên lom khom trước cỗ máy đằng sau họ là viên chỉ huy đang cúi xuống đưa cặp mắt lo âu lên theo dõi những cuộn băng dài đang vội dần và từng phút tuôn ra những tin tức về cái đồn bị tấn công... Chắc chắn là ở đó đánh nhau kịch liệt lắm. Điện đến tới tấp. Máy điện báo reo chuông như điên và hối tạch tạch đến vỡ cả máy.

- Các anh hãy nhanh lên... - Rời nói

- Chúng tôi đến bây giờ đây... - Năngter trả lời

Và những đại đội phóng nước đại...

Tất nhiên tôi đồng ý rằng chiến tranh là cái gì buồn thảm nhất và ngu xuẩn nhất đời. Chẳng hạn, không có gì thể thảm hơn một đêm tháng Giêng, dẫn mình rét run cầm cập như một con sói già vào một cái hố của đồn tiêu lớn, không có gì kì cục hơn một mảnh vạc gang cách xa từ tám cây số bỗng rơi bộp xuống đầu. Thế nhưng - một buổi tối sương tuyết đẹp - đi ra trận, dạ dày căng và trái tim nồng nhiệt, băng mình vào đêm đen, vào cuộc phiêu lưu mạo hiểm, cùng với những con người trung thực lúc nào cũng sát cánh bên nhau thì thật là một điều hết sức thú vị, nó giống như một cơn say tuyết diệu, nhưng là một cơn say đặc biệt làm sao cho những kẻ say tỉnh ra và những con mắt mờ nhìn được rõ rệt...

Về phần tôi, đêm đó tôi nhìn tinh tường. Trăng chẳng lớn, mà là mặt đất trắng xoá vì tuyết chiếu rọi cả bầu trời; một thứ ánh sáng sân khấu lạnh và tự nhiên trải rộng đến

tận cuối cánh đồng và trên nền sáng đó nổi lên cả những nét nhỏ nhất của cảnh vật: một bức tường, một cây cột, một rặng liễu, in bật lên ngọn và đen như không có bóng. Trên con đường nhỏ men theo đường sắt, các dân binh lướt nhanh như chạy. Chỉ còn nghe tiếng vi vu của dây điện tín chạy dọc nền đường, tiếng người thở hổn hển, tiếng còi đổi gác và chốc chốc một tiếng đại bác từ mỏm núi Valêriêng vút qua đầu chúng tôi như tiếng vỗ cánh khủng khiếp của một con chim khổng lồ...

Càng tiến lên thì từ phía trước chúng tôi, ở là là mặt đất, những tiếng đạn xa xa lại chớp sáng bóng đêm. Rồi phía bên trái cuối cánh đồng, từng đám cháy bốc lên lạng lẽ.

- Tiến lên phía trước nhà máy, bắn quấy rồi quân địch!... người chỉ huy phân đội chúng tôi hô lên.

- Sẽ chẳng có cái quái gì mà đánh!... người bên trái tôi nói giọng ngoại ô buồn sống một câu.

Viên sỹ quan nhảy một bước đến chỗ chúng tôi:

- Ai vừa nói thế?... Anh hả?

- Thưa đại úy, vâng, tôi...

- Được rồi... Hãy đi khỏi đây... Quay về Năngter

- Nhưng thưa đại úy ...

- Thôi thôi, đi nhanh lên... tôi không cần đến anh...

Chà! anh sợ đánh à... xéo, xéo!

Anh chàng tội nghiệp đành bước ra khỏi hàng, nhưng chỉ năm phút sau, anh đã nén trở lại chỗ cũ và từ nay chỉ mong được đánh.

Nhưng mà không chắc rằng sẽ chẳng có ai được đánh đêm hôm ấy. Chúng tôi vừa đến chiến lũy thì công việc cũng vừa xong. Quân Phổ tưởng đánh úp được cái đồn nhỏ của chúng tôi - Nay thấy nó đã được đề phòng cẩn mật để chống lại một cuộc tập kích bất ngờ nên chúng đã thận trọng rút lui và chúng tôi đến vừa lúc chúng chuẩn về phía cuối cánh đồng, lạng lẽ và đen xì như những con dán. Tuy nhiên vì sợ xảy ra một cuộc tấn công mới, chúng tôi vẫn được lệnh ở lại ga Ror suốt đêm, súng dựng dưới chân, kẻ ở mặt đường, người trong phòng đợi...

Nhà ga Ror tội nghiệp mà tôi biết trước kia vui vẻ thế, sáng sủa thế, cái nhà ga quý phái của những tay bơi thuyền ở Bugiyan, nơi mà những y phục mùa hè Pari điều những nếp áo xếp tổ ong bằng nhiều mỏng và những mũ vải có tua ngù; làm sao mà nhận ra nó trong cái hầm thê thảm, cái nắm mồ bọc thép, phủ nệm, sặc mùi thuốc súng, dầu lửa rơm mốc, ở đó chúng tôi nói rất khế, ngồi sát vào nhau và chẳng có ánh sáng nào khác ngoài đốm lửa tẩu thuốc và vệt sáng đến từ chỗ các sỹ quan? Từng giờ, từng giờ để giải trí, người ta cử chúng tôi đi thành phân đội bắn loạn xạ dọc sông Xen, hoặc tuần tra thị trấn Ror, qua những phố xá trống trơn và những nhà cửa hầu như bỏ hoang được rọi sáng bằng ánh lửa lạnh lẽo của một đám cháy do quân Phổ gây ra ở Boa-Prêô. Đêm trôi qua yên ổn; rồi đến gần sáng thì chúng tôi được trả về...

Khi tôi về đến Năngter, trời hãy còn tối. Trên quảng trường toà thị chính, cửa sổ nhà điện báo còn lấp lánh ngọn đèn pha, và trong phòng khách của ban tham mưu, ngòai trước lò sưởi còn nóng ít tro tàn, Ngài công chứng vẫn mỉm cười thanh thản...

NÔNG DÂN PARI

Trong thời kỳ thành phố bị bao vây

Ở Sămprôxay những con người này thật sung sướng. Sân nuôi gà vịt của họ ở ngay phía dưới nhà tôi, và hàng năm thì có đến sáu tháng tôi sống chung đụng với họ. Chưa sáng tôi đã nghe người chồng vào chuồng bò, thắng xe và đi chợ Corbây bán rau; người vợ dậy sau, mặc quần áo cho lũ trẻ, cho gà ăn, vắt sữa bò, guốc lớn guốc bé lên xuống cầu thang gỗ suốt buổi sáng... Đến quá trưa thì im lặng như tờ. Người bố ra đồng, trẻ con đi học, người mẹ lặng lẽ phơi quần áo ngoài sân hoặc ngồi trước cửa vừa khâu vá vừa trông đứa con nhỏ... Thỉnh thoảng có ai qua lại ngoài đường thì bà vừa đưa mũi kim vừa nói chuyện...

Một lần vào cuối tháng tám, vẫn cái tháng tám, tôi nghe bác ta nói với một bà hàng xóm:

- Bọn Phổ ấy à!... Phải đâu chúng đã vào đất Pháp?

Tôi nói chỗ qua cửa sổ:

- Chúng nó đang ở Salông đấy mẹ Giăng ạ!...

Nghe tôi nói thế bà ta cười như nắc nẻ... Trong cái xó hẻo lánh vùng Xen và Oaz nay, người nông dân không tin vào cuộc xâm lăng.

Thế nhưng, ngày nào cũng thấy những xe chất đầy đồ đạc đi qua. Các nhà tư sản đóng cửa, và trong cái tháng đẹp trời, ngày dài quá này, vườn tược ra hoa cuối mùa trông hoang vắng và buồn tẻ sau những hàng rào kín. Dần dà các vị láng giềng của tôi lo lắng. Mỗi lần thấy trong vùng lại có người ra đi là họ buồn. Họ cảm thấy như bị bỏ rơi lại. Rồi một buổi sớm, tiếng trống làng nổi lên từ phía! Có lệnh của xã trưởng: Phải đi ngay Pari bán bò, rom cò, không để lại chút gì cho giặc Phổ... Người chồng đi Pari, và đó là một chuyến đi buồn thảm. Trên đường cái quan, xe chở nặng nối đuôi nhau, lẫn lộn với những đàn lợn và đàn cừu sợ hãi chạy quần bên các bánh xe, đàn bò bị nhốt trong xe kêu rống; bên lề đường dọc những hào rãnh, bà con nghèo cuốc bộ đẩy những chiếc xe bò nhỏ chở đầy những đồ đạc có từ đời xưa: nào ghế dựa bạc màu, bàn kiểu đế chế, nào gương phủ vải Batur, hẳn là người ta cảm thấy cái nguy hiểm đã lọt vào nhà đến mức nào rồi nên mới buộc phải dỡ ra tất cả những thứ bụi bặm, mang đi các thứ gia bảo kéo lê từng đống trên đường cái.

Ở các cửa ô Pari đông đến nghẹt thở. Phải chờ đợi hàng giờ. Trong lúc đó, người chồng tội nghiệp đứng sát con bò cái, hãi hùng nhìn các *ổ bắc súng đại bác*, các hào đầy nước, các công sự mọc nhanh trông thấy và những cây bạch dương Ý bị ngã xuống, nằm khô héo bên vệ đường. Buổi tối bác ta trở về, kinh hoàng và kể cho vợ nghe mọi

điều trông thấy. Người vợ sợ hãi muốn đi ngay hôm sau. Nhưng rồi nay lần mai nữa, việc ra đi vẫn bị trì hoãn. Còn phải gặt hái cho xong, còn phải cày nốt mảnh ruộng. Biết đâu lại chả đủ thời giờ thu hoạch vụ nhỏ? Với lại, trong thâm tâm họ lại hy vọng mơ hồ rằng có khi quân Phổ lại chẳng đi qua vùng họ cũng nên.

Một đêm, một tiếng nổ long trời lở đất làm họ thức giấc. Cái cầu Corbây vừa bị phá sập. Trong làng, đàn ông đi đập cửa từng nhà:

- Quân Phổ! quân Phổ! Chạy đi.

Người ta nhoáng nhoàng choàng dậy, thẳng xe mặc quần áo cho con cái hãy còn ngái ngủ, rồi cùng mấy người hàng xóm chạy trốn theo con đường tắt. Leo lên hết dốc thì chuông nhà thờ điểm ba giờ sáng. Họ ngoái cổ nhìn lại lần cuối. Máng nước cho trâu bò uống, bãi ruộng trước nhà thờ, những con đường quen thuộc, đường đến sông Xen, đường qua đồng nhỏ, họ thấy dường như đã xa lạ cả, và trong làn sương bạc sớm mai, cái xóm làng nhỏ bị bỏ rơi ôm sát các ngôi nhà lại với nhau như nôm nớp chờ đợi một tai hoạ khủng khiếp đang lại gần.

Bây giờ thì họ đã ở Pari. Hai căn buồng ở gác tư trong một phố buồn thiu. Người chồng không lấy làm khổ sở lắm. Người ta sẽ kiếm cho bác một việc làm, bác lại còn tham gia dân vệ, đắp lũy, tập tành, và tìm mọi cách giải khuây cho khỏi nhớ vừa thóc rỗng và những cánh đồng không gieo cấy. Người vợ quê mùa hơn, buồn rầu, chán nản, rồi không biết sẽ ra sao. Bà ta đã cho hai đứa con gái lớn đi học. Trường học ảm đạm không có kí túc xá, không có vườn

tuyệt, các cháu cũng cảm thấy ngọt ngào, nhớ đến ngôi trường đạo quê mình ríu rít và vui nhộn như một tổ ong và nhớ đến nửa dặm đường xuyên rừng sáng sáng phải đi qua để đến trường. Bà mẹ thấy chúng buồn mà khổ tâm, nhưng lo nhất vẫn là đứa con nhỏ.

Ở quê nhà thằng bé đi đi lại lại, theo mẹ khắp nơi ngoài sân, trong nhà mẹ bước qua ngưỡng cửa bao lần thì nó cũng nhảy nhót chừng ấy, nó nhúng đôi bàn tay nhỏ xíu đỏ hồng vào chậu giặt, nó ngồi bên cửa khi mẹ nó ngồi đan cho đỡ mệt. Ở đây thì phải leo bốn tầng gác, cầu thang tối mò, chân bước trật trưỡng, lò sưởi thì trật hẹp, ngọn lửa đom đóm, cửa sổ thì cao vông, chân trời thì chỉ có khối xám với mái nhà lợp đá đen ướt át...

Cũng có một cái sân để thằng bé có thể xuống chơi đấy, nhưng mục gác cổng không cho. Tỉnh thành lại còn bày vẽ ra cái trò gác cổng! Ở quê mình thì ai làm chủ nhà nấy, mỗi người có một mảnh đất nhỏ chẳng phải ai trông coi. Nhà cửa bỏ ngỏ suốt ngày, ban tối chỉ cài một then gỗ to cả nhà yên chí chìm vào cái đêm tối của làng quê chẳng có gì đáng sợ và ngủ thật ngon giấc. Chốc chốc có tiếng chó sủa chằng, nhưng chẳng ai phải bận tâm. Ở Pari trong những ngôi nhà nghèo, mục gác cổng mới thật sự là chủ. Thằng bé chẳng giám xuống một mình, nó sợ mục đàn bà nanh ác ấy biết chừng nào, mục đã bắt họ phải bán đi con dê, lấy cố là nó tha rơm rác vào các kẽ sân lát gạch.

Để đỡ con khỏi buồn chán, bà mẹ tội nghiệp chỉ còn biết ra cách: vừa ăn xong bà mặc quần áo cho nó, làm như hai mẹ con đi chơi đồng và dắt tay nó đi ra phố, dạo trên

các lộ lớn. Nhưng vấp vấp sợ sệt, bỡ ngỡ, thằng bé chẳng còn bụng dạ nào ngắm nhìn xung quanh được bao nhiêu. Chỉ có mấy con ngựa làm nó thích; đó là vật duy nhất mà nó nhận ra và khiến nó cười. Người mẹ cũng chẳng thiết gì cả. Bà đi thông thả, bụng nghĩ đến nhà cửa, cơ nghiệp của mình. Thấy hai mẹ con đi qua, mẹ thì có vẻ thật thà chất phác, quần áo sạch sẽ, mái tóc mượt mà, con thì bầu bĩnh đi đôi guốc to, người ta đoán ngay rằng hai mẹ con bà này nhớ nhà, lạ nước lạ cái, đang luyến tiếc da diết bầu không khí trong lành và cảnh thanh vắng của các nẻo đường quê.

ĐỨA TRẺ GIẢN ĐIỆP

Nó tên là Xten, thằng nhỏ Xten.

Đó là một đứa trẻ Pari, gầy còm và xanh xao, có lẽ lên mười, cũng có thể mười lăm; với lỗ nhãi ấy ai mà biết được. Mẹ nó chết rồi; bố nó nguyên là lính thủy, nay trông coi một công viên trong khu Tâmpl. Những đứa bé, những vú em, bà già mang ghế xếp, những bà mẹ nghèo, tất cả cái đám chuột nhắt của Pari đến tránh xe cộ trong những mảnh vườn viền bờ hè đó, đều biết lão Xten và quý trọng lão. Họ biết rằng dưới bộ ria chổi xể hay dọa lũ chó và bọn nhóc lêu lổng, ẩn náu một nụ cười dịu hiền, gần như âu yếm, và muốn thấy nụ cười ấy, chỉ việc hỏi lão:

- Thằng cháu nhà bác khoẻ chứ?...

Lão rất mực yêu con, lão Xten ấy! Lão rất sung sướng mỗi buổi chiều tan học, khi đứa nhỏ đến đón bố và hai cha con cùng dạo bước trên những lối đi, dừng lại ở từng chiếc ghế để chào hỏi những người hay lui tới và đáp lại những cử chỉ thân thiện của họ.

Khốn nỗi cuộc vây hãm thành phố làm cho mọi sự đổi thay. Khu công viên của lão Xten bị đóng cửa để dùng làm nơi chứa dầu lửa, và ông lão tội nghiệp phải canh gác

thường xuyên, suốt ngày thui thủi một mình dưới những lùm cây hoang vắng và bị đảo lộn, không được hút thuốc, chỉ đến tối khuya mới được về nhà với mấy đứa con trai. Cho nên hãy thử nhìn chòm rìa của lão khi lão nói đến bọn Phở... Thăng bé Xten thì lại chẳng kêu ca gì nhiều về cảnh sống mới đó.

Một cuộc vây hãm! Thật khoái biết chừng nào đối với lũ trẻ. Chẳng còn phải đi học đi hành gì sất! Cứ là nghỉ tràn và phở xá thì cứ như hội chợ...

Thăng nhỏ suốt ngày chạy rong ngoài đường. Nó đi theo những tiểu đoàn của khu phố ra chiến lũy, kén chọn những đơn vị có đội nhạc hay; và về mặt này chú nhỏ Xten rất thành thạo. Nó nói rất đúng rằng đội nhạc của tiểu đoàn 96 xoàng lắm, còn đội nhạc của tiểu đoàn 55 thì rất cừ. Có lúc nó đi xem các đội quân cơ động tập. Rồi lại còn chuyện xếp hàng xếp họ... Cái lằng xách tay, nó chen lẫn vào những dãy người dài xếp trong bóng tối của buổi sớm mùa đông không đèn đóm, trước chấn song các cửa hàng thịt, hàng bánh. Ở đó, người ta dẫm chân xuống nước, làm quen nhau, nói chuyện chính trị, và vì nó là con lão Xten nên họ hỏi ý kiến nó. Xong thú vị nhất là cái trò chơi ném nút chai, cái trò *galôso* ngộ nghĩnh mà bọn quân cơ động xứ Brota'nh gây thành cái mốt thịnh hành trong thời gian bị vây hãm. Khi nào thăng nhỏ Xten không có mặt ở chiến lũy hay ở hàng bánh thì chắc chắn sẽ tìm thấy nó ở đám *galôso* chỗ Đài nước. Nó không chơi, tất nhiên, vì phải có nhiều tiền mới chơi được. Nó đành xem người ta chơi vậy.

Đặc biệt có một thằng lớn mặc quần xanh khi chơi chỉ toàn đặt những đồng bạc trăm xu khiến nó phục lăn. Hễ thằng ấy chạy thì túi quần nó kêu xúng xểng những tiền ẽ-quy...

Một hôm, nhân đến nhật một đồng tiền lăn đến chân Xten, thằng lớn khế bảo nó:

- Chú mày thêm lắm hả?... Này, có muốn thì tớ bảo cho cách xoay tiền.

Chơi xong, thằng lớn kéo Xten đến một góc và rủ cùng đi với nó đem báo đến bán cho tụi lính Phổ, mỗi chuyến được ba mươi frăng. Lúc đầu Xten từ chối, nó bực lắm; và sau đó bẵng đi ba ngày nó không đến đám chơi. Ba ngày ghê gớm - Nó chẳng ăn, chẳng ngủ. Ban đêm nó mơ thấy hàng chông nút chai dựng ở chân giường và những đồng trăm xu lia đi sáng loáng. Sự căm dỗ mạnh quá, ngày thứ tư nó trở lại Đài nước, lại gặp thằng lớn và nó xiêu lòng...

Một buổi sáng tuyết vời, chúng nó ra đi, vai quàng một túi vải, báo chí giấu trong áo choàng. Khi đến cửa Flāngđ'r, trời mới tằng sáng. Thằng lớn dắt tay Xten đến gần người lính gác - một anh vệ binh thật thà, chỉ quen sống ở nhà, mũi đỏ và có vẻ tốt bụng - nó meo máo:

- Ông làm phúc để cho chúng cháu đi... Mẹ chúng cháu ốm, bố chúng cháu mất rồi. Hai anh em cháu ra đồng mót khoai.

Nó khóc. Xten xấu hổ quá cúi gầm mặt xuống. Người lính gác ngó chúng một lúc, liếc nhìn con đường cái vắng tanh và trắng xóa.

- Thôi đi nhanh lên, - anh vừa bảo vừa đứng né ra - Thế là hai đứa đã ở trên đường đi Ôbecviliê. Bấy giờ thì thằng lớn cười!

Thằng nhỏ Xten nhìn thấy lò mờ như trong một giấc mơ những nhà máy biến thành trại lính, những luỹ chướng ngại vật đầy những giẻ ướt, những ống khói xuyên qua lớp sương mù vươn lên trời, sứt mẻ, lạnh mắt. Chốc chốc từng quãng một lại gặp những người lính gác, những sỹ quan mũ trùm đầu, nhìn qua ống nhòm về phía bên kia, và những mái lều nhỏ ướt sũng tuyết tan bên những đám lửa đang tàn. Thằng lớn thuộc đường, đi tắt cánh đồng để tránh những trạm gác. Song chúng không thoát khỏi qua một đồn tiền tiêu của dân binh. Đám dân binh mặc áo tơi ngồi xỏm dưới một hào đầy nước dọc theo đường xe lửa đi Xoátxông. Lần này thằng lớn lại giở cái trò ban nãy ra nhưng chẳng ăn thua, họ không cho đi qua. Vừa lúc đó đang van vỉ thì từ trong nhà người gác có hàng rào chắn đường sắt bước ra một viên đội già mặc đồ trắng, mặt nhàn nhêo, trông giống lão Xten!

- Này thôi bọn nhãi, đừng khóc nữa! Sẽ cho chúng mày đi nhặt khoai, nhưng trước hết hãy vào mà sưởi một lúc đã... Cái thằng nhỏ kia trông rét cóng ra đấy!

Chao ôi! Thằng Xten run lên không phải vì rét mà vì sợ hãi và xấu hổ... Trong đồn chúng thấy mấy người lính ngồi tùm tùm quanh đám lửa leo lét, họ đang dùng mũi lê xiên bánh qui để hơi nóng. Họ ngồi xít lại nhường chỗ cho bọn trẻ. Họ cho chúng uống rượu, một chút cà - phê. Trong khi

họ đang uống, một viên sĩ quan đến cửa gọi viên đội ra, nói rất khẽ rồi bỏ đi ngay.

Viên đội trở vào mặt hơn hờ:

- Này các cậu ơi!... Đêm nay sẽ có châu đấy... Ta đã nắm được khẩu lệnh của bọn Phổ rồi... Minh chắc lần này ta sẽ chiếm lại được cái điểm Buocgiê chết tiệt ấy!

Tiếng hoan hô và tiếng cười nổ ran. Người ta nhảy múa, ca hát, người ta mài lưỡi lê, và thừa lúc nhón nháo ấy, bọn trẻ chuồn mất.

Qua đường hào chỉ còn cánh đồng, và cuối cùng là một bức tường trắng đục lỗ châu mai. Chúng đi về phía tường đó, chốc chốc dừng lại làm vẻ nhặt khoai.

- Quay về thôi... Không đi đến đó nữa đâu! Thằng nhỏ luôn mồm nói.

Thằng kia nhún vai và vẫn tiến bước. Bỗng nhiên chúng nghe thấy tiếng lên đạn lách cách.

- Nằm xuống! - Thằng lớn vừa kêu vừa nằm xoài ra đất.

Nằm rồi hấn huyết sáo. Một tiếng huyết khác đáp lại trên tuyết. Chúng vừa bò vừa tiến lên... Trước bức tường, sát mặt đất hiện ra hai chòm ria vàng dưới một cái mũ nổi cáu bần. Thằng lớn nhảy vào hầm bên cạnh tên lính Phổ!

- Đây là em tôi - hấn chỉ thằng nhỏ mà nói.

Thằng Xten bé quá làm cho tên Phổ buồn cười và phải bế nó đẩy lên lỗ hồng.

Phía bên kia tường có những ụ đất đắp cao, những cây ngã xuống, những hố đen trong tuyết và hố nào cũng vẫn một cái mũ nồi cáu bẩn, bộ ria mép vàng khè cười cợt khi thấy bọn trẻ đi qua.

Ở một góc là ngôi nhà của người làm vườn có những thân cây ghép lại, bao xung quanh để bảo vệ. Tầng dưới đây lính tráng đang chơi bài, hoặc nấu xúp trên ngọn lửa sáng rực. Mùi bắp cải và mỡ đến là thơm; thật khác hẳn nơi trú quân của dân binh. Tầng trên là bọn sĩ quan. Nghe tiếng họ chơi dương cầm, mở nút sâm banh. Khi hai đứa trẻ Paris vào, có tiếng hoan hô mừng rỡ. Chúng đưa báo ra, rồi họ rót rượu cho chúng uống và hỏi chuyện chúng. Tất cả bọn sĩ quan ấy đều có vẻ kiêu ngạo và dữ tợn, nhưng thằng lớn nói liến thoắng bằng cái giọng ngoại ô và cái ngôn ngữ của bọn mất dạy làm cho chúng vui thích.

Chúng cười, nhắc lại những tiếng nó dùng, khoái trá với cái cận bã của Paris mà nó đem đến.

Thằng nhỏ Xten cũng muốn nói để chứng tỏ rằng nó chẳng phải đồ ngu, nhưng có cái gì khiến nó ngưng ngừng. Trước mặt nó, một người Phổ nhiều tuổi hơn và đứng đắn hơn bọn kia, đứng tách ra, đang xem báo, hay giả tảng xem thì đúng hơn, bởi vì mắt anh ta không dời thằng nhỏ. Trong cái nhìn ấy có sự triu mến và trách móc, dường như người đó ở nước nhà cũng có một đứa con trạc tuổi Xten, và anh ta tự nhủ:

- Ta thà chết còn hơn trông thấy con ta làm cái nghề như thế này...

Từ lúc đó Xten cảm thấy như có một bàn tay đè nặng lên trái tim nó và không cho đập.

Để tránh nỗi khổ tâm ấy, nó uống rượu, chẳng bao lâu, mọi vật quay cuồng chung quanh nó. Giữa những tiếng cười thô lỗ, nó mơ hồ nghe thấy bạn nó đang chế nhạo vệ quốc quân, cách tập luyện của họ, bắt chước một cuộc điều binh ở Mare, một cuộc báo động đêm trên các chiến lũy. Thế rồi thằng lớn hạ thấp giọng, các sỹ quan xúm lại gần và mặt mày trở nên trang nghiêm. Tên khốn nạn đang báo cho chúng biết trước cuộc tấn công của dân binh...

Đến nước này nữa thì Xten giận giữ đứng lên, tỉnh hẳn rượu:

- Đừng nói chuyện đó, anh lớn... Tôi không đồng ý đâu.

Nhưng thằng kia chỉ cười trừ và cứ tiếp tục. hấn chưa nói hết thì các sỹ quan đã đứng cả dậy. Một tên trở ra cửa bảo bọn trẻ:

- Thôi, k... cút đi!

Và họ nói chuyện riêng với nhau bằng tiếng Đức rất nhanh. Thằng lớn bước ra, vênh vang như một ông tướng, vừa xóc xóc tiền trong túi. Xten theo sau, đầu cúi gằm, khi đi qua chỗ người sỹ quan Phổ có cái nhìn làm nó đến là ngượng, nó nghe thấy một giọng nói buồn rầu: "*Như thế không tốt đâu... không tốt đâu*".

Nó rung rung nước mắt.

Khi tới cánh đồng, hai đứa chạy về thật mau. Cái túi đeo của chúng đựng đầy khoai của bọn Phổ cho. Nhờ vậy, chúng yên ổn vượt qua đường hào của dân binh. Ở đây người ta đang chuẩn bị cuộc tập kích ban đêm. Những toán quân lạng lẹ đến tập trung sau những bức tường. Viên đội già ở đó đang bố trí người, vẻ mặt đến là vui sướng. Khi bọn trẻ đi qua, bác ta nhận ra và gửi theo chúng một nụ cười hiền hậu...

Ôi! Nụ cười ấy làm cho thằng nhỏ Xten đứt ruột đứt gan! Có lúc nó muốn kêu lên:

- Các bác đừng đến đó nữa... chúng cháu đã phản bội các bác rồi.

Nhưng thằng lớn đã dặn nó: - Nếu mày nói ra thì họ sẽ bắn chết cả đôi - và nó sợ không dám nói...

Đến Cuécnov, chúng vào một ngôi nhà bỏ hoang để chia tiền. Sự thật buộc tôi phải nói rằng chúng chia nhau rất xòng phẳng; nghe tiếng những đồng bạc xinh đẹp xúng xểng dưới áo choàng, nghĩ đến những ván galôse tưởng tượng ra, thằng nhỏ Xten không thấy tội lỗi của mình xấu xa lắm nữa.

Nhưng đến khi chỉ còn một mình nó, thằng bé tội nghiệp! Khi đã đi qua hết các cửa thành, thằng lớn chia tay nó, tức thì nó cảm thấy cái túi áo nặng trĩu xuống, và cái bàn tay đã siết chặt trái tim nó càng siết càng chặt hơn bao giờ hết. Thành phố Pari đối với nó dường như không còn như trước nữa. Người ta đương nhìn nó nghiêm khắc như hiểu rõ nó từ đâu về. Cái tiếng gián điệp, nó như nghe thấy

trong tiếng bánh xe lăn, trong tiếng trống tập dục theo con kênh... Cuối cùng nó về đến nhà và vui mừng thấy cha nó chưa về, nó leo nhanh lên buồng giấu xuống dưới gối những đồng tiền mà nó thấy đến là nặng nề.

Chưa bao giờ lão Xten lại hiền từ, vui vẻ đến thế khi về nhà như tối hôm ấy. Người ta vừa nhận những tin từ các tỉnh: tình hình trong nước khá quan hơn. Vừa ăn người cựu chiến binh vừa nhìn khẩu súng treo trên tường và cười âu yếm bảo con:

- Này con, giá mà mày lớn thì mày đi chơi với quân Phổ được đấy nhỉ!

- Phía Obecviliê đấy... đang đánh nhau ở Buốcgiê, lão nói, lão thuộc hết các pháo đài. Thằng nhỏ Xten tái người đi và viện cớ rất mệt, nó đi nằm nhưng không sao ngủ được. Đại bác vẫn nổ. Nó hình dung thấy các dân binh trong đêm tối định đánh úp quân Phổ và chính họ lại rơi vào ổ phục kích. Nó nhớ lại viên đội đã cười với nó giờ đây đang nằm sóng sượt trên tuyết ngoài kia, cùng với bao nhiêu người khác nữa...! Cái giá trả cho những dòng máu đổ ra đang núp dưới cái gối nó nằm đây, và chính nó, con trai ông Xten, con trai một người lính... Nó khóc nghẹn ngào. Trong gian phòng bên nó nghe tiếng bố nó đi lại, mở cửa sổ. Phía dưới, trên quảng trường có kèn tập hợp, một tiểu đoàn quân cơ động đang ghi sổ để xuất phát. Dứt khoát đó là một trận đánh lớn rồi. Thằng nhỏ khốn khổ không nén được tiếng nức nở.

- Con lèm sao thế? - Lão Xten vào hỏi.

Thằng nhỏ không dùng được nữa, nhảy khỏi giường và đến quỳ bên chân bố. Động tác của nó làm cho những đồng tiền lăn xuống đất.

- Cái gì thế này? Mày đi ăn cắp à? - Ông lão vừa nói vừa run lên.

Thế là thằng nhỏ Xten kể lại một mạch rằng nó đã đi đến quán Phở và nó đã làm những gì. Nói đến đâu nó thấy lòng nhẹ nhõm đến đó, lời thú tội khiến nó bớt day dứt... Lão Xten lắng nghe với bộ mặt dễ sợ. Nghe xong, lão lấy tay che mặt mà khóc.

"Bố ơi, bố..." thằng bé muốn nói.

Lão ấy nó ra, không trả lời, và nhặt tiền.

- Tất cả đây à? - Lão hỏi.

Thằng nhỏ Xten làm hiệu rằng hết rồi. Lão gỡ lấy khẩu súng, bao đạn, và bỏ tiền vào túi:

- Được rồi, tao sẽ mang trả lại chúng.

Và rồi không nói thêm một lời, không hề quay đầu lại, lão bước xuống đường đi lẩn vào đám quân cơ động đang xuất phát trong đêm. Từ đó không bao giờ người ta gặp lại lão nữa.

TÊN LÍNH PHỔ CỦA BÊLIZE

Câu chuyện này, tôi được nghe kể trong một quán rượu ở Môngmác. Đáng lý ra, muốn kể lại cho hay, phải có được cái ngôn ngữ của người dân ngoại ô Pari như bác Bêlize, phải khoác chiếc tạp dề thợ mộc rộng như bác và nhắp vài ba hớp rượu vang trắng ngon tuyệt ở Môngmác, thứ rượu cứ nhắp vào thì dù là người Macxây cũng nói được giọng Pari. Được như vậy thì tôi dám chắc rằng tôi sẽ chuyển sang các bạn sự ghê rợn mà tôi đã cảm thấy khi nghe Bêlize kể câu chuyện rừng rợn có thật này:

“... Ngay hôm sau ngày ân xá (ý Bêlize muốn nói ngày đình chiến)⁽¹⁾, nhà tôi bảo hai bố con tôi đi dạo một vòng về phía Vilnovơ-la-Garen, tại đây có túp nhà nhỏ của chúng tôi ở bờ sông mà từ khi thành phố bị vây hãm, chúng tôi chẳng được biết một tin tức nào về nó. Tôi cảm thấy khó chịu phải mang theo thằng bé. Tôi biết là chúng tôi sẽ chạm trán với bọn Phổ và vì chưa bao giờ mặt giáp mặt với chúng nên tôi e sẽ dễ sinh chuyện với tôi. Nhưng mẹ nó thì cứ

⁽¹⁾ Nguyên văn là *amnistie* (xá tội); đáng lẽ nói là đình chiến (*ar-mistice*). Bêlize nói nhầm là *amnaistie*, hai từ này đọc lơ lơ nhau.

khăng khăng một mực: “đi đi! đi đi! Cho con nó ra ngoài cho thoáng”.

Đúng là thằng bé tội nghiệp đang cần như thế thật. Năm tháng trời bị vây hãm, con người sống chảy nước cả ra rồi còn gì nữa!

“Thế là bố con tôi lên đường, băng qua những cánh đồng. Được nhìn thấy cây cối chim chóc hãy còn kia, được tha hồ dẫm chân xuống ruộng cây, chẳng hiểu nó có thích không, cái thằng nhóc! Riêng tôi chẳng lấy thế làm thú được. Dọc các ngã đường nhan nhản lính đội mũ nhọn hoắt. Suốt từ kênh đến đảo chỉ gặp toàn như thế cả. Quân lão xược!... Phải cẩn răng nín nhin lắm không thì tôi đã nện cho chúng một trận!... Nhưng khi đến chỗ đàng kia thì quả là không tài nào chịu nổi nỗi phẫn uất đã nhen lên đến tận cổ. Đó là khi tôi đặt chân tới Vilnovơ, nhìn thấy vườn tược của chúng ta tan hoang, nhà cửa tanh bành, bị cướp phá, còn lũ giặc thì đang ở trong đó, í ới gọi nhau từ cửa sổ này sang cửa sổ khác. Phơi quần áo vệ sinh bằng len dạ của chúng lên các cánh cửa chớp, các hàng rào mắt cáo. May mà có thằng bé đi bên cạnh, mỗi lần thấy bàn tay ngứa ngáy là tôi lại nhìn con, bụng bảo dạ: “Coi chừng đấy, Belize! Khéo mà làm khổ con đấy”. Chỉ có nhờ vậy mà tôi tránh phạm những điều dại dột. Lúc này tôi mới hiểu ý mẹ cháu vì sao lại cứ muốn tôi đem cháu đi theo.

Túp nhà nhỏ của chúng tôi ở cuối cùng dãy phố, bên phía phải bờ sông. Cũng như mọi nhà khác, nhà chúng tôi đã bị vợ vét rỗng từ trên xuống dưới: chả còn lấy một thứ đồ đạc, một miếng kính nào nữa. Chỉ còn lại mấy bó rơm và chiếc chân ghế cuối cùng của chiếc ghế bành đang cháy lép bép trong lò sưởi.

Đâu đâu cũng sức lên mùi giặc Phổ nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng dáng một tên nào. Tuy vậy, hình như có một vật gì ngo nguẩy dưới tầng hầm⁽¹⁾. Trước đây, tôi có kê ở đây một chiếc bàn thợ mộc để ngày chủ nhật làm chơi bởi mấy thứ đồ dùng vật vãnh. Tôi bảo cháu đứng chờ rồi bước xuống xem sao.

Cửa vừa mở thì kìa một thằng say rượu to lớn một tên lính Guyôm⁽²⁾, miệng cầu nhàu nhổm dậy khỏi đồng phoi bào. Y tiến lại phía tôi, mắt long lên sòng sọc, tuôn ra một tràng câu chữ rủa mà tôi chẳng hiểu y nói gì. Quân súc sinh này thức dậy hẳn là hung tợn lắm vì mới nghe tôi nói thử câu đầu tiên, y đã rút phắt gươm ra...

Đến nước này thì chẳng chịu nổi nữa, tôi lộn tiết lên, bao nhiêu bức dọc chất chứa suốt một giờ qua nay dồn hết cả lên mặt. Tôi chộp lấy chiếc kẹp gỗ bằng sắt và choảng liên. Nếu thường ngày các bạn đã thấy cổ tay Bêlize rắn chắc đến thế nào thì hôm ấy lại hình như có lưỡi tầm sét của thần Thiên lôi trong tay anh ta. Mới bỏ xuống một nhát mà thằng lính Phổ đã quay cu lơ, nằm thẳng cẳng. Tôi tưởng y chỉ ngất đi vì choáng thối. Chà! Ngờ đâu... y chết thật, các bạn ạ, chết tươi theo đúng nghĩa của nó. Mặt y bệch ra như được tẩy bằng bồ tát rồi còn gì nữa!

Đời tôi chưa hề giết ai cả, ngay đến một con chim, cho nên thật là kỳ đối với tôi thấy trước mặt mình cái xác to lớn này... Một thằng đẹp trai, tóc vàng óng, tôi chẳng nói ngoa, có hàng râu tơ loăn soăn như phoi bào gỗ cây tần bì⁽³⁾. Nhìn

⁽¹⁾ *Tầng hầm* (nguyên văn là *sous-sol*) : các nhà ở Châu Âu thường có một tầng hầm dưới nền nhà gọi là *sous-sol* để bếp núc, rượu và đồ lặt vặt.

⁽²⁾ *Lính Guyôm* (Guillaume) lính của vua nước Phổ Guyôm.

⁽³⁾ *Cây tần bì* (frêne) : loại cây rừng, gỗ trắng, thớ cứng và dai, cao đến trên 30 mét.

nó mà chân tôi cứ run bần bật. Trong lúc đó, thằng bé sốt ruột chờ trên nhà; tôi nghe rõ tiếng cháu đang gân cổ lên mà gào: “Bố ơi! bố!”

Bọn Phổ đi lại ngoài đường. Nhìn qua cửa ngách trong hầm, thấy rõ những thanh gươm và những cẳng chân to tướng của chúng tôi. Tôi sức nghĩ: “Chúng mà vào thì thằng bé nguy mất... chúng sẽ giết sạch”. Tôi không còn run sợ nữa. Tôi vội ấn tên Phổ xuống gầm bàn mộc, vớ được bao nhiêu ván, phoi bào, mùn cưa là tôi phủ hết lên người nó rồi tôi lên tìm con.

- Bố lên đây rồi...

- Có gì thế hở bố? Sao mặt bố lại tái xanh thế kia kìa!

- Đi, đi.

“Chẳng nói giấu gì các bạn, giá mà lúc bấy giờ bọn lính Cô đặc có hích tôi, có gườm mắt nhìn tôi thì tôi cũng thây kệ. Lúc nào cũng như là có người chạy, người kêu đằng sau bố con tôi. Có lần, thấy một con ngựa phi như bay lại, tôi tưởng mình sắp chết ngất đi mất. Song, qua cầu rồi thì tôi bắt đầu hoàn hồn. Xanh Đơnix chật ních người. Không thể bị phát hiện giữa đám đông đó được. Lúc ấy tôi mới lại nhớ đến căn nhà tội nghiệp của chúng tôi. Bọn Phổ mà tìm thấy xác đồng đội thì thế nào chúng cũng đốt sạch để trả thù, chưa nói đến ông cụ hàng xóm Jaccô làm nghề gác chài trên sông là người Pháp duy nhất ở lại trong vùng chúng kiểm soát; tai họa sẽ có thể đến với cụ vì có một tên lính bị giết ngay gần nhà. Chạy trốn như thế này thì thật là hèn nhát.

“Đáng lẽ, ít ra tôi cũng phải làm thế nào cho nó mất tích đi... càng về gần tới Pari, ý nghĩ này càng dần vật tôi ghê gớm. Tôi lo ngại đã để tên lính Phổ đó nằm trong tầng hầm của mình. Thành thử, về đến bờ thành thì tôi không tìm được mình. Tôi bảo cháu:

- Về trước đi con. Bố còn phải thăm một người quen ở Xanh Đonix”.

Nói rồi, tôi hôn cháu rồi quay trở lại. Tim tôi đập hơi mạnh nhưng cũng chẳng sao, tôi cảm thấy nhẹ hẫng người vì không còn phải vướng víu thằng bé nữa.

Khi tôi đến Vilnơ thì trời đã bắt đầu tối. Tôi căng mắt lên mà nhìn và đi lần từng bước. Tuy vậy, xung quanh có vẻ khá im ắng. Tôi vẫn nhận ra túp nhà ở chỗ cũ kia, trong sương mù.

Dọc bên tàu, có một hàng rào đen ngòm: đó là bọn Phổ đang tập hợp để điểm danh. Trong nhà lúc này chắc chả còn ai, một cơ hội thật tốt. Men theo hàng rào, tôi nom thấy cụ Jaccô đang rải lưới ngoài sân. Chắc chắn là chưa ai hay biết gì sất... Tôi bước vào nhà mình. Tôi mừng lắm, tôi sờ tìm. Tên Phổ vẫn còn nguyên dưới lớp phoi bào, có hai con chuột cống to tướng đang gặm chiếc mũ của nó, chúng làm tôi sợ, dựng ngược cả tóc gáy vì thấy cái dải mũ kia như đang động đậy. Thoáng qua đầu tôi cái ý nghĩ cái thầy ma tỉnh lại... nhưng không! đầu nó đã nặng chịch và lạnh ngắt. Tôi ngồi thu mình vào một xó và chờ đợi. Tôi có ý định đem quăng nó xuống sông Xen khi bọn chúng đã đi ngủ...

“Tiếng kèn gọi lính của bọn Phổ tối hôm ấy sao mà nghe buồn đến thế. Không biết có phải vì tại tôi đang ngồi cạnh xác chết hay không. Kèn thổi choang choác ba tiếng một: Ta! Ta! Ta! Thật chả khác nào tiếng nhạc của ễnh ương. Lính tráng bộ binh đang hành quân của ta thì chẳng bao giờ nghe cái điệu kèn như vậy mà đi ngủ được...”

“Liền trong năm phút, tôi nghe thấy tiếng thanh gươm kéo lệt sệt, tiếng đập cửa; rồi bọn lính ùa vào sân và lên tiếng gọi:

“- Hópman! Hópman!”

Thằng Hópman bất hạnh đang nằm im lìm dưới lớp phoi bào... Chỉ có tôi là lo bạc đầu! Tôi đã nhặt thanh gươm của thằng lính chết và tôi đứng đó, không nhúc nhích, bụng bảo dạ: “Ông bố trẻ ơi, phen này mà ông thoát được... thì ông phải sắm một cây nến thượng hảo hạng mà cúng lên thánh Jăng Báp-ti-xt đơ Bellovin, đó!...”

Gọi mãi không thấy Hópman thưa, lũ lính đóng tại nhà tôi đành bước vào. Tôi nghe tiếng ủng to tướng của chúng nện xuống cầu thang và một lát sau thì cả căn nhà vang rầm tiếng ngáy như thể tiếng đồng hồ ở nông thôn. Tôi chỉ chờ có thể để bước ra ngoài.

Bờ sông vắng ngắt, nhà nào nhà nấy đã tắt hết cả đèn. May quá chừng. Tôi vội vàng quay trở lại, xuống hầm. Tôi lôi thằng Hópman của tôi ra khỏi găm bàn mộc. Tôi dựng nó dậy và xốc nó lên lưng như cái móc hàng của người phu khuân vác... Cha thằng kẻ cướp! Sao mà nó nặng thế. Thêm vào đó lại còn nổi sọ nữa chứ và suốt từ sáng đến giờ nào đã

được hột cơm nào vào bụng... Tôi tưởng mình chẳng còn đủ sức để tới nơi. Rồi, vừa đứng đến giữa bến, tôi bỗng cảm thấy như có ai đang đi đằng sau mình. Tôi quay đầu lại... Chẳng thấy ai... Đó là mặt trăng đang mọc... Tôi tự nhủ: “Coi chừng đấy, lát nữa... bọn lính gác sẽ bắn”.

Như để thêm phần thú vị hay sao mà mực nước sông Xen lại xuống thấp mới chết nữa. Nếu vớt xác nó lại ngay trên bờ thì nó sẽ nằm lì ở đấy như trong một chiếc chậu... Tôi bước xuống, tôi đi miết... Vẫn chưa thấy nước... Tôi kiệt sức mất rồi, xương cốt cứng đờ cả ra rồi... Cuối cùng, thấy đi được khá xa, tôi liền buông phịch cái cối đá lỗ⁽¹⁾ của tôi xuống... Cho mày đi đi! Và thế là nó nằm dí xuống bùn. Không tài nào làm cho nó nhích đi được nữa”. Tôi đùn, tôi đẩy... dô ta này!... May thay, một luồng gió đông thổi tới. Nước sông Xen dâng lên và tôi thấy cái xác chết nhè nhẹ trôi. Thượng lộ bình an nhé! Tôi húp một hụm nước rồi vội vã leo lên bờ.

“Khi qua cầu Vilnovơ, tôi thấy một vật đen đen lập lờ giữa sông Xen, trông xa như một chiếc xuống. Đó là tên lính Phổ của tôi đang theo dòng nước xuôi về phía Acgiăngtoi”.

⁽¹⁾ *Cối đá lỗ*, nguyên văn là *bombonne* có nghĩa là cái chĩnh, cái hũ phình bụng, cái chóc.

CUỘC VÂY HÃM BÉCLIN

Chúng tôi đi ngược lên đại lộ Săng Elidê⁽¹⁾ cùng với đốc tờ V... Vừa gần tới ngã sáu Ngôi sao, đang bồi hồi hỏi những bức tường lỗ chỗ đạn trái phá và những vỉa hè bị cày xới vì đạn liên thanh về câu chuyện Pari bị vây hãm thì ông đốc bỗng dừng lại, chỉ cho tôi một trong những toà nhà lớn ở góc phố quây quần lộng lẫy xung quanh Khải hoàn môn và bảo:

“- Anh có trông thấy bốn chiếc cửa sổ đóng kín trên bao lon kia không? Vào những ngày đầu tháng tám năm ngoái, cái tháng tám khủng khiếp, nặng nề giống tổ và tai biến, tôi đã được gọi lên đây chữa một trường hợp trúng phong cấp tính. Đó là nhà vị quan Juv, một chiến sĩ giáp binh thời đệ nhất Đế chế, một con người cuồng say chiến công và nồng nàn yêu nước. Ông đã đến ở Săng Elidê ngay từ đầu chiến tranh trong một ngôi nhà lâu có bao lon... Anh thử đoán ông ta đến đây để làm gì? Để được mục kích cảnh quân ta chiến thắng trở về... Tội nghiệp cho ông già! Tin trận Vitxembua đến vừa lúc ông rời bàn ăn. Mới đọc thấy

⁽¹⁾ Săng Elidê (champs-Élysées): Nơi đi dạo ở Pari, nằm giữa quảng trường Côngcôđ (Concorde) và Khải hoàn môn Ngôi sao (Arc-de-Triomphe de l'Étoile).

tin Napôlêông dưới tờ thông báo thất trận, ông đã lăn đùng ra như bị sét đánh.

“Tôi đã thấy người cựu giáp binh nằm sóng sượt trên tấm thảm trong buồng, mặt đầy máu và cứng đờ ra như vừa bị chùy giáng trúng đầu. Lúc đứng thẳng, chắc ông ta cao lớn lắm; trong tư thế nằm, trông ông ta thật đồ sộ. Ông già có những nét đẹp, hàm răng đều trắng bóng, mái tóc rậm đã bạc, xoắn tít, tám mươi tuổi mà như mới sáu mươi... Cô cháu gái đang quỳ bên cạnh người ông, khóc rung rức. Trông cô rất giống ông. Nhìn hai ông cháu đứng bên nhau, người ta tưởng như đó là hai chiếc mẽ day Hy-lạp cùng được đúc một khuôn, chỉ khác ở chỗ một chiếc đã cũ, xỉn màu, xung quanh hơi phai lạt, còn chiếc kia thì chói lọi sáng láng, đang độ mơn mớn, còn rành rành dấu đúc tinh khôi.

Nỗi đau khổ của cô gái làm tôi xúc động. Cô vốn là con cháu nhà binh, bố cô đang làm việc ở bộ tham mưu tướng Mác Mahông⁽¹⁾ và hình ảnh ông cụ già to lớn nằm sóng sượt trước mặt cô đã gợi lên trong tâm trí một hình ảnh khác cũng không kém phần khủng khiếp. Tôi cố làm yên lòng cô gái nhưng trong thâm tâm, tôi thấy ít hy vọng cứu được. Tôi đang đứng trước một trường hợp bán thân bất toại hiểm nghèo mà vào cái tuổi tám mươi này thì khó lòng qua khỏi được. Đúng như thế, suốt ba ngày liền, người bệnh

⁽¹⁾ *Mác Mahông* (Mac Mahon) công tước Magiăngta Mác Mahông sau được phong Thống chế nước Pháp nổi tiếng trong chiến tranh ở Crimé nhưng bị thua to trong trận Rêchsópfen năm 1870 và bị thương ở Xêđăng. Ông ta là tổng thống thứ hai của nước Cộng hòa Pháp từ 1873 đến 1879, khét tiếng phản động.

ở trong trạng thái hôn mê, không cử động được nữa... Giữa lúc ấy thì tin trận Rêch-sóp-fen⁽¹⁾ đến Pari. Hẳn anh còn nhớ cái tin ấy đã tới một cách kỳ cục như thế nào. Cho tới chiều hôm đó, chúng ta vẫn đinh ninh rằng ta đã thắng rất to, rằng hai mươi ngàn quân Phổ bị giết chết và thái tử Phổ bị bắt làm tù binh... Tôi không hiểu nhờ được cái phép màu nào, cái dòng hút nam châm nào mà tiếng vang của niềm vui cả nước lại lọt được đến tai ông già câm điếc tội nghiệp, tới tận cõi u linh của bệnh bại liệt; chỉ biết đích thị rằng chiều hôm ấy, khi tôi đến bên giường ông già thì ông đã là một người khác hẳn. Mắt ông hầu như sáng hẳn ra, lưỡi mềm hơn. Ông có đủ sức để mỉm cười với tôi và lắp bắp hai lần: “- Th...ắng l...ợi!”

“- Vâng, thưa đại tá, đại thắng lợi!...”

“Càng nghe tôi kể những chi tiết về chiến thắng oanh liệt của Mắc Mahông, mặt mày ông càng nở nang, mỗi lúc một tươi sáng hơn lên.

“Khi tôi ra về, cô gái đã đứng trước cửa đợi tôi, mặt nhợt nhạt. Cô khóc nức nở.

“Tôi cầm lấy tay cô mà bảo: “Ông cụ qua khỏi được rồi mà!”

Cô gái tội nghiệp cố gắng lắm mới có đủ can đảm trả lời tôi. Người ta vừa niềm yết bản tin thật về trận Rêch-sóp-fen: “Mắc Mahông đã chạy trốn, toàn bộ quân đội bị tiêu diệt”... Chúng tôi nhìn nhau, thất đảm. Cô gái đau

⁽¹⁾ *Rêch-sóp-fen* (Reichshoffen) trận nổi tiếng trong chiến tranh Pháp - Phổ, nơi Mắc Mahông (Pháp) bị thái tử nước Phổ đánh bại năm 1870.

đón nghĩ đến cha cô. Còn tôi, tôi nghĩ đến ông già va sợ run lên... Chắc chắn là ông không thể chịu nổi lần kích động mới này... Nhưng biết làm sao?... Hay cứ giữ cho ông cụ niềm vui sướng và những ảo ảnh đã làm ông sống lại!... Như thế thì cần phải nói dối...

“Cô gái đừng cảm lau vội nước mắt, trả lời tôi:

“- Nếu vậy cháu sẽ nói dối!” và cô bước vào buồng ông, ra vẻ rất rạng rỡ.

Cô đã nhận một việc làm gian khổ. Những ngày đầu còn dễ trôi chảy. Đầu óc ông già chất phác đang còn yếu cho nên ông đã để đánh lừa như một đứa trẻ con. Nhưng sức khoẻ dần dần hồi phục thì trí óc ông cũng minh mẫn hơn. Phải cho ông biết đều đặn tình hình tiến quân, thảo ra cho ông những tin chiến sự tưởng tượng. Thật tội nghiệp thấy cô gái xinh đẹp, nét na ấy đêm ngày cặm cụi trên tấm bản đồ nước Đức, chấm vào đó những lá cờ tí teo, cố bố trí thành một chiến dịch vẻ vang Bazen⁽¹⁾ tiến về Beclin, Froatxa⁽²⁾ qua Bavië, Mắc Mahông vượt Ban tích. Tất cả những điều này, cô đều hỏi ý kiến tôi và tôi đã đem hết sức mình giúp đỡ cô nhưng chính ông già mới là người giúp chúng tôi nhiều trong cuộc xâm chiếm tưởng tượng đó. Đã bao phen dưới thời đệ nhất đế chế ông đã từng chinh phục nước Đức! Ông biết trước những trận tiến công: “Bây giờ là lúc họ sẽ

⁽¹⁾ *Bazen* (Bezaine): Thống chế Pháp nổi tiếng như Mắc Mahông trong những trận chiến đấu ở Crimê nhưng sau phản bội tổ quốc, đầu hàng tướng Phổ Bitxmác, dâng thành phố Mét (Metz) cho quân thù trong chiến tranh Pháp-Phổ (1870-1871).

⁽²⁾ *Froatxa* (Froissart): Tướng Pháp trong Bộ tổng chỉ huy Pháp trong chiến tranh Pháp-Phổ (1870-1871) bị bắt làm tù binh.

tiến tới đây... Rồi sẽ phải hành động như thế này này...”; tất cả mọi điều tiên đoán của ông bao giờ cũng được thực hiện khiến ông rất tự hào.

Khốn thay mặc dù chúng tôi đã chiếm được nhiều thành phố, thắng nhiều trận, ông cụ vẫn cho rằng tiến quân như thế vẫn còn chậm; lòng tham của ông già thật không còn bờ bến nào nữa!... Ngày nào cũng vậy, mỗi lần tới nhà ông là tôi lại biết thêm một chiến tích:

“Ông đốc, ta lấy được Mayăngx⁽¹⁾ rồi”. Cô gái vừa bước ra đón tôi vừa nói với một nụ cười ngao ngán, và một giọng mừng rỡ kêu lên với tôi qua cánh cửa: “Vẫn tiến đều! Tiến đều! Tám hôm nữa ta sẽ vào tới Beclin”.

Giữa lúc ấy bọn Phổ chỉ còn cách Pari có tám ngày đường... Thoạt đầu chúng tôi bàn với nhau có lẽ đưa ông cụ về quê thì tốt hơn; nhưng chỉ mới bước chân ra đến ngoài là ông cụ sẽ có thể thấy rõ ngay thực trạng của nước Pháp, và vì thấy ông còn yếu quá, chân tay tê liệt nặng sau trận kích động mạnh lần trước nên không thể cho ông biết sự thật được. Chúng tôi đành quyết định ở lại.

Tôi còn nhớ, trong ngày đầu bị bao vây, tôi rất xúc động đến nhà hai ông cháu, mang trong lòng nỗi u sầu khắc khoải chung của tất cả mọi người trước cảnh tượng của các cửa ngõ Pari đều đóng kín, cuộc chiến đấu đã diễn ra ngay sát sườn thành phố, vùng ngoại ô trở thành trận tuyến. Tôi thấy ông già hôn hậu ngồi trên giường, mặt mày hờn hờ và kiêu hãnh. Ông bảo tôi:

⁽¹⁾ *Mayăngx* (Mayence): một thành phố Đức bên tả ngạn sông Ranh.

- Này này, cuộc vây hãm đã bắt đầu rồi đấy nhé!

Tôi sống sờ nhìn ông:

“Sao kia ạ, thưa đại tá, sao ngài biết?

Cô cháu gái xoay sang nói với tôi:

- À, đúng vậy, thưa ông đốc... Đó là một tin trọng đại... Cuộc bao vây Beclin đã bắt đầu”.

Vừa nói, cô vừa rút mũi kim khâu với một vẻ từ tốn, rất nghiêm trang và bình thản vô cùng... Như thế thì ông cụ còn nghi ngờ làm sao được nữa? Ông không thể nghe thấy tiếng súng đại bác ở các pháo đài. Ông không thể nhìn thấy cái thành phố Pari bất hạnh, đau thương và bị đảo lộn này. Từ trên giường trông ra, ông chỉ trông được có một góc Khải-hoàn-môn và xung quanh ông, bày ra như quây hàng đồ cổ từ thời Đế nhất đế chế, tất cả những thứ thừa đủ để bảo toàn những ảo ảnh của ông: những bức chân dung các vị nguyên soái, những bức tranh vẽ các trận đánh, hình ảnh quốc vương La mã mặc áo trẻ sơ sinh⁽¹⁾; rồi đến những bàn chân quỳ lớn cứng đờ trang trí những kỷ vật chiến công bằng đồng, xếp đầy những thành tích, những mẻ đày, những tượng đồng đỏ, một tảng đá lấy từ đảo Xanh Hêlen⁽²⁾ đặt trong lồng kính hình cầu, những bức hình nhỏ của cùng một phu nhân, tóc hơi quăn, lúc mặc áo quần dạ hội, lúc bận áo dài vai bông màu vàng, đôi mắt sáng - và tất cả những thứ

⁽¹⁾ Quốc vương La mã mặc áo trẻ sơ sinh: tác giả ở đây muốn nói đến đứa con trai Napôlêông I, khi lọt lòng mẹ đã được phong ngay tước hiệu đó.

⁽²⁾ Đảo Xanh - Hêlen (Sainte-Hélène) hòn đảo vương quốc Anh hồi đó ở trên Đại tây dương, nơi Napôlêông I bị đày từ 1815-1821.

đó: những bàn chân quỳ, vị quốc vương La Mã, những nguyên suý, những phu nhân áo vàng, cổ kín, vai bông, thắt lưng cao, thân áo hồ cứng cổ rút, lại là cái mốt đẹp của thời 1806... Ông đại tá mới thực thà làm sao! Chính cái không khí của những chiến thắng, của những cuộc chinh phục đã làm ông cụ tin một cách thật hồn nhiên vào cuộc vây hãm Beclin hơn tất cả mọi điều chúng tôi có thể nói với ông.

Kể từ ngày hôm đó, những cuộc hành quân của chúng tôi được đơn giản đi nhiều. Chiếm Beclin chỉ còn là vấn đề chờ đợi nhần nại nữa mà thôi. Thịnh thoảng thấy ông cụ buồn quá thì chúng tôi lại đọc cho ông cụ nghe một lá thư của con trai gửi về, tất nhiên là lá thư bịa ra vì đến lúc này thì chẳng còn cái gì lọt được tới Pari, và từ sau trận Xêđăng⁽¹⁾, viên võ quan hầu cận của tướng Mác Mahông (bố đẻ cô gái - ND), đã bị điều lên hướng một pháo đài Đức. Anh có hình dung nổi thất vọng của cô bé tội nghiệp này đang bật tin bố không, cô biết rõ, ông bị cầm tù, thiếu thốn đủ điều và có thể đang ốm nữa là khác. Ấy thế mà cô vẫn phải bắt buộc bịa ra những lời lẽ của cha trong những lá thư phấn khởi, viết hơi ngắn như thường thấy ở thư từ người lính nơi xa trường đang tiếp tục tiến lên trên đất nước bị chinh phục. Đôi khi cô gái cũng nản lòng, băng đi hàng tuần lễ, chẳng đưa ra tin tức gì hết. Ông già lo, không ngủ được thế là lại nhận ngay được một bức thư từ bên Đức gửi về và cô lại cố ghì nước mắt để đến bên giường đọc thư cho ông nghe. Vị quan nằm nghe kính cẩn, mỉm cười ra

⁽¹⁾ Xêđăng (Sedan): Thủ phủ miền Acden của Pháp, nơi Napolêông III có trong tay 100.000 quân, đã đầu hàng nhục nhã quân Phổ năm 1870.

tuông am hiểu lắm; ông tán đồng, phê phán, giảng giải cho chúng tôi những đoạn thư không rõ ràng lắm. Nhưng hay nhất là những câu trả lời ông gửi đến con: “Đừng bao giờ quên rằng con là người Pháp đấy nhé... Phải rộng lượng với những kẻ đáng thương ấy. Đừng làm cho cuộc xâm chiếm quá nặng nề với họ...”. Tiếp đến là những điều căn dặn tuông chừng không bao giờ chấm dứt, những lời thuyết giáo luẩn quẩn loanh quanh về sự tôn trọng tài sản của người khác, phép lịch sự đối với đàn bà, về điều lệnh danh dự của người chiến thắng. Ông cụ còn xen vào đó một vài quan điểm chung chung về chính sách và về những điều kiện hoà bình đặt cho những kẻ chiến bại. Về mặt này, phải nói rằng ông cụ không khe khắt: “Ngoài bồi thường chiến tranh, không đòi gì hơn nữa... Chiếm đất đai thành thị của họ làm gì?... Có thể lấy nước Đức mà biến nó thành nước Pháp đâu?”

Ông cụ đọc, giọng rần rỏi cho cháu viết và người ta cảm thấy toát lên trong lời lẽ ngay thật vô cùng trong sáng của ông, niềm tin yêu đất nước đẹp biết bao, khiến người nghe không thể không xúc động.

Trong khi đó, cuộc vây hãm vẫn siết chặt thêm nhưng hơi ới, có phải đâu quanh Beclin!... Lúc này là lúc đang rét dữ, bom đạn, dịch bệnh và đói kém, nhưng nhờ ở sự chăm sóc, cố gắng của chúng tôi, nhờ ở tình thương yêu triu mến không hề mệt mỏi và bao giờ cũng tăng lên gấp bội ở bên ông nên tâm thần ông già không lúc nào bị khuấy động. Tôi vẫn lòng đến kỳ cùng được bánh mì trắng và thịt tươi cho ông cụ. Nhưng chỉ riêng cho mình ông thôi; và anh không

thể tưởng tượng được cảnh nào cảm động hơn những bữa ăn của ông già đã vô tình thành ích kỷ - ông ngồi trên giường, tươi tỉnh và vui cười, chiếc khăn ăn quấn dưới cằm; bên cạnh ông là cô cháu gái hơi xanh xao vì thiếu ăn đang đỡ tay ông, cho ông uống, giúp ông ăn tất cả những món ăn ngon lành mà bản thân mình không có quyền đụng đến. Lúc ấy, được bữa ăn kích thích, lại thêm cái thú vị sáng khoái của người đang ở trong căn buồng ấm cúng giữa lúc ngoài trời ào ào gió mùa đông bắc, tuyết cuộn cuộn trước cửa sổ, người chiến sĩ giáp binh già nua ấy lại nhớ những trận đánh ở phương Bắc và kể cho chúng tôi nghe đến lần thứ một trăm về cuộc rút lui thảm hại khỏi nước Nga; ở đây người ta chỉ được ăn có bánh bích quy đã lạnh cứng như đá và thịt ngựa.

"- Có hiểu thế không, hả cháu? Bọn ông ăn thịt ngựa đấy!".

Tôi tin chắc rằng cô ta hiểu. Đã hai tháng nay nào cô có được ăn cái gì khác... Nhưng rồi ngày một, ngày hai, thời kỳ bình phục càng gần lại thì nhiệm vụ săn sóc người bệnh của chúng tôi càng khó khăn hơn. Cho tới nay, cái chứng tê liệt các giác quan và chân tay của ông cụ đã từng giúp chúng tôi thì bây giờ nó không còn tác dụng nữa. Đồi ba lần những loạt súng rợn người từ đại môn Mayo⁽¹⁾ dội tới làm ông cụ nẩy bật người dậy, tai vênh ra như tai con chó săn; chúng tôi đành bịa ra trận thắng cuối cùng của Bazan tại Beclin và nói rằng đó là những loạt súng đại bác bắn

⁽¹⁾ Đại môn Mayo (la porte Maillot): Cổng lớn Mayo vào Pari, về phía rừng Bulônhơ.

mừng chiến công ấy ở điện Anhvalít⁽¹⁾. Hôm khác, chúng tôi đẩy giường ông cụ ra gần cửa sổ - tôi nhớ là vào hôm thứ năm Buyzenvan⁽²⁾ thì phải ngồi ở đây ông cụ nhìn thấy rõ các binh sĩ vệ binh quốc gia tụ tập đông đảo trên đại lộ Grăng Ácmê⁽³⁾.

- Những toán quân nào thế kia? - ông già hồn hậu lên tiếng hỏi, và chúng tôi nghe rõ tiếng ông nghiêng răng, lẩm bẩm: “Chẳng ra thể thống gì! Chẳng ra thể thống gì!”

Không có chuyện gì xảy ra tiếp; nhưng chúng tôi biết mình đã sơ suất và từ nay phải hết sức đề phòng. Khốn thay, chúng tôi đã không giữ gìn được đầy đủ.

Một buổi chiều, tôi vừa đến nhà thì cô bé đã chạy ra đón. Cô rất bối rối bảo tôi:

- Ngày mai họ sẽ tiến vào.

Cửa buồng ông cụ có mở không? Chỉ biết rằng từ đấy, mỗi lần nghĩ đến, tôi lại nhớ buổi chiều đó, ông già có một vẻ gì khác thường: có thể là ông cụ đã nghe thấy những điều chúng tôi nói với nhau. Khác chăng là chúng tôi nói quân Phổ thì ông già hồn hậu lại nghĩ đến quân Pháp, nghĩ đến cuộc trở về ca khúc ca khải hoàn mà ông đã hằng mong đợi bấy lâu nay, ông hình dung, tướng Mắc Mahông bước

⁽¹⁾ Điện Anhvalít (hôtel des Invalides), được xây dựng dưới thời vua Pháp Lui XIV cho sĩ quan và binh sĩ tàn phế. Tại đây, trên mái chòm, vào năm 1840, người ta đặt hài cốt của Napoléon I.

⁽²⁾ Buyzenvan (Buzenval) : Lâu đài mang tên Buyzenvan ở gần Pari, nơi xảy ra, cuộc chiến ác liệt với quân Phổ ngày 19-1-1871, trước khi chúng tiến vào Pari.

⁽³⁾ Đại lộ Grand Ácmê (avenue de la Grande Armée), đại lộ Đại quân ở Pari.

xuống con đường lớn rải đầy hoa trong tiếng kèn quân nhạc, con trai ông đi bên vị nguyên soái, còn ông cái thân già đứng trên bao lơn trong bộ quân phục đại lễ như hội nhỏ ở Luytzen⁽¹⁾ giơ tay chào những lá cờ lỗ trống vết đạn và những con chim ưng sạm đen thuốc súng.

Tội nghiệp ông già Juv! Chắc hẳn ông nghĩ rằng chúng tôi đã ngăn ông tham dự vào cuộc diễu hành của quân ta để tránh cho ông niềm xúc động quá lớn lao! Bởi thế ông giữ thật kín, không nói cho một ai hay; nhưng hôm sau, đứng vào lúc quân Phổ dè dặt tiến trên con đường dài từ cổng Mayô đến điện Tuylori⁽²⁾ thì cánh cửa sổ trên cao kia từ từ mở ra và ông quan năm hiện ra trên bao lơn, trên đầu đội mũ sắt, lưng đeo kiếm dài, trong bộ quân phục vinh quang cũ của người cựu giáp binh Milhò. Tôi tự hỏi mình không biết cái sức mạnh của nghị lực nào, cái bật dậy của sức sống nào đã khiến ông lão đứng lên được và thắng bộ vào được. Điều hiển nhiên là ông cụ đã từng sống đứng kia, sau tay vịn, đang lấy làm lạ thấy phố xá quá rộng và vắng tanh, cánh cửa chớp các nhà đóng im ỉm, Pari buồn thảm khác nào một trại chứa người bệnh truyền nhiễm; cờ treo khắp đó đây nhưng kỳ cục thay, đó lại toàn là cờ trắng với dấu thập đỏ và không một ai ra đón quân ta về.

Có một lúc ông cụ tưởng mình đã lâm...

Nhưng không! Kìa, sau Khải hoàn môn có một thứ tiếng gì rào rào hỗn độn đang nổi lên, một hàng dài đen đen

⁽¹⁾ *Luytzen* (Lutzen): thành phố Phổ ở phía Bắc nước Đức, nơi Napoléon thắng quân Phổ và quân Nga hoàng năm 1813.

⁽²⁾ *Tuylori* (Tuileries): Nơi ở của các Vua chúa Pháp.

đang tiến bước trong ánh bình minh... Rồi, dần dần hiện ra loáng thoáng những chớp mũ nhọn hoắt; tiếng trống con của Iêna⁽¹⁾ bắt đầu khua bập bùng, và dưới Khải-hoàn-môn Ngôi sao⁽²⁾ vọng lên bản hành khúc chiến thắng của Sube theo nhịp bước nặng nề của các toán quân và tiếng gươm đeo lách cách...

Lúc ấy, trên quảng trường lặng ngắt, người ta nghe thấy một tiếng thét, một tiếng thét khủng khiếp: “Cầm súng lên!... cầm súng lên!... bọn Phổ”. Và bốn tên thương kỵ binh của đơn vị tiên phong có thể nhìn thấy ngoài hành lang trên tầng cao, một ông già to lớn đang vung tay lên; người lão đảo và vật ngã xuống. Lần này thì đại tá Juv chết thật.

⁽¹⁾ *Iêna* (Iéna): tên một thành phố Đức.

⁽²⁾ *Khải hoàn môn Ngôi sao* (*Arc de l'Etoile*) đúng ra là *Arc de triomphe de l'Etoile*: Một công trình đồ sộ được xây dựng trên khu vực nhô lên cuối Sông Elidê, ngay giữa quảng trường hình tròn có mười hai đại lộ toả ra, cao 49,55 mét, rộng 44,82 mét, dày 22,10 mét. Cổng Ngôi sao này do Napoléon ký sắc lệnh xây năm 1806 và khánh thành năm 1836, mang nhiều trang trí đẹp, có ghi tên 386 viên tướng Pháp đã tham gia các cuộc chiến tranh thời Cộng hoà và Đế chế (N.D)

NHỮNG KẺ ĐÀO TÁU KHỎI PARI

Một ngày cuối tháng ba, chúng tôi có độ năm, sáu anh em ngồi quanh chiếc bàn trước tiệm cà phê Rích xem những đoàn quân Công xã điếu qua. Chưa có đánh nhau nhưng đã có chém giết ở phố Rôdiê, quảng trường Văngđôm⁽¹⁾, ở quận cảnh sát. Tấn tuồng dứt khoát chuyển thành nghiêm trọng và cái đại lộ⁽²⁾ chẳng còn cười cợt được nữa.

Xiết chặt hàng ngũ sau lá cờ đỏ, quân Công xã bước những bước đi quả quyết, choán hết cả lòng đường, chiếc túi vải đeo trước ngực. Nhìn đám dân chúng vũ trang này đi quá xa các khu lao động, nhìn những bao đạn quần chặt quanh chiếc áo choàng len của họ, nhìn những bàn tay thợ thuyền gân guốc ghì báng súng, người ta nghĩ đến những xưởng trống rỗng, những nhà máy bỏ không... Chỉ riêng cuộc diễu hành như thế này đã chẳng khác nào một lời đe

⁽¹⁾ Văngđôm (Vendôme): Quảng trường ở Pari (thủ đô nước Pháp) xây dựng dưới thời vua Luy XIV; giữa quảng trường là một chiếc cột dài của Đại quân cao 44 mét đúc bằng đồng những khẩu đại bác lấy được kẻ thù năm 1805.

⁽²⁾ Đại lộ (Boulevard): đường phố lớn, nơi bọn quyền cao chức trọng trong giới thượng lưu ở.

doạ. Chúng tôi đều hiểu rõ như thế cả và cũng có những linh cảm buồn buồn, khó giải thích, làm lòng chúng tôi thất lại.

Giữa lúc ấy, một gã công tử bột to lớn, ăn mặc lố lăng, đáng lười nhác, phục phịch, xán lại bàn chúng tôi. Suốt từ quán Toóctôni đến nhà thờ Madolen⁽¹⁾ ai cũng đều nhìn mặt hắn. Đó là một trong những mô hình⁽²⁾ đáng buồn nhất của cái kiểu cách mỹ miều thời Đế chế cuối cùng⁽³⁾ nhưng là một thứ kiểu cách học đòi, đi nhặt nhạnh trên đường phố lớn tất cả những kỳ quái của giới thượng lưu: nào mặc áo phanh cổ như kiểu Luyttert; khoác chiếc áo choàng dài của đàn bà mặc trong nội thất như Musi⁽⁴⁾; đeo vòng xuyên như Narichkin⁽⁵⁾; treo trên lò sưởi suốt năm năm tám thập của Grammông Cadorúttx⁽⁶⁾; thêm vào đó, hắn lại còn trang điểm, hoá trang, như một kép già đi hát rong nói cái giọng méo mó của Hội đồng Nhiếp chính: *Lời nói đơn dự... chầu bơ... à*, tha tất cả cút ngựa trên chợ Tátécxal⁽⁷⁾ vào để ủng, và có vừa đủ chữ để ký tên lên tấm gương ở quán cà phê ăng-lê, điều đó cũng chẳng ngăn được hắn tự cho mình rất giỏi về thần học và đem đi rạo khắp nơi, hết quán này đến

⁽¹⁾ *Toóctôni* (Tortoni): Quán cà phê Toóctôni ở Pari nơi mà trong thời Đôđê, các nhà văn thường lui tới.

Madelen: nhà thờ Madelen do các kiến trúc sư Côngtăng Divry, Guyôm Cutuya và Vinhông xây dựng theo kiểu nhà thờ Hy Lạp.

⁽²⁾ *Mô hình* hoặc hình mẫu, nguyên văn là échantillon.

⁽³⁾ *Đế chế cuối cùng* (Dernier Empire), thời Napoléon III (1852-1870).

⁽⁴⁾ *Musi* (Mouchy) là công tước làm thống chế Pháp (1715-1794).

⁽⁵⁾ *Nanichkin* (Narichkine) gia đình quý tộc Nga đã sinh ra mẹ của Pie đại đế.

⁽⁶⁾ *Grammông Cadorúttx* (Grammont Caderousse): con trai một viên tướng của Napoléon, điển hình cho lớp "thanh niên vàng son" nổi tiếng vì những chuyện tếu diên loạn.

⁽⁷⁾ *Tátécxal* (Tattershal): Chợ ngựa ở Pari.

quán khác cái vẻ mệt mỏi, khinh khỉnh nhìn người bằng nửa con mắt, chẳng cần chú ý tới xung quanh của hắn, cứ như là lúc này hắn là kẻ thanh lịch nhất trần đời. Bạn biết hắn, phải thế không? Chẳng cần tôi phải nói tên hắn ra...

Trong thời kỳ bị vây hãm, người hùng đó của tôi xin được vào làm ở một bộ tham mưu nào tôi chẳng biết - cốt là để bảo trợ những con ngựa cuối của hắn - và thỉnh thoảng người ta lại thấy cái bóng dáng ông ẹo của hắn chung lên khoe mẽ trên những vùng ven quảng trường Văngdôm cũng với lũ công tử đeo tấm giáp giắt vàng trước ngực; từ dạo ấy, tôi mất hút hẳn ta. Thế mà dùng một cái, giữa lúc cuộc bạo động nổ ra, tôi bỗng dưng gặp lại hắn vẫn như xưa trong cái thành phố Pari hỗn loạn này; điều đó khiến tôi vừa chán ngán vừa tức cười như thể đang nhìn thấy chiếc mũ thương kỵ binh cổ lỗ sĩ thời Đế chế đệ nhất đang đi hành lễ mừng 5 tháng Năm giữa đường phố hiện đại. Thế là người ta chưa thanh toán được hết cái giống công tử bột này ư! Hãy còn lại chúng nó sao!... Thực vậy, nếu cho phép tôi lựa chọn thì những người công xã phần nọ như điên dại đang leo lên bờ lũy với mẩu bánh mì trong đáy túi kia còn làm tôi ưa thích hơn. Ít ra họ cũng có một cái gì đó trong đầu, một lý tưởng mơ hồ, cuồng nhiệt đang lớn vồn trên đầu họ và nhuộm những sắc màu đáng sợ từ những nếp gấp của miếng vải đỏ rách mướp mà họ sẵn sàng chết vì nó. Nhưng còn hắn, hắn chỉ là một chiếc thùng rỗng⁽¹⁾, một bộ óc đặc sệt...

Đúng ngày hôm đó, con người hùng của chúng tôi trông càng vô duyên, càng phờ phạc, càng lố bịch không

⁽¹⁾ *Thùng rỗng*. nguyên văn là *grelot vide* = chuông rỗng.

người nổi về cách ăn mặc của hắn. Hắn đội một chiếc mũ bơi nhỏ có dải xanh, để hàng ria hồ cứng, tóc cắt kiểu Nga, mặc chiếc áo gia kết, ngắn cũn cỡn làm lộ hết ra ngoài, và để thẳng cho đủ bộ, hắn còn giắt theo một con chó havance⁽¹⁾ nhỏ xích bằng dải lụa, một con chó to bằng một con chuột lông sù, vẻ chán chường và uể oải chả khác nào chủ nó. Với kiểu cách ăn mặc như vậy, hắn đứng sững trước bàn chúng tôi, ngao ngán nhìn các chiến sĩ công xã điếu qua; tôi không hiểu hắn đã nói những điều gì ngu xuẩn, rồi với điệu vộ lắc lư người, buông tuồng không tài nào bắt chước nổi, hắn tuyên bố rõ ràng với chúng tôi rằng những kẻ kia bắt đầu làm hắn nóng gáy⁽²⁾ và hắn sẽ đi như thế này đến “hiến thanh gươm của mình cho đô đốc!...”⁽³⁾. Vừa nói hắn vừa làm điệu, cả Lasus⁽⁴⁾ lẫn Prixtông đều không bao giờ tìm được cách gây cười hơn thế được... Nói rồi, hắn quay gót, bỏ đi, vẻ tiêu tụy, cùng với con chó cún lăm lè của hắn.

Quả thật là tôi không biết hắn có dâng thanh gươm của hắn cho đô đốc không nhưng dù thế nào Ô-Xétxê cũng không dùng hắn nhiều được bởi vì chỉ tám ngày sau, ngọn cờ của Công xã đã tung bay trên các tòa thị sảnh, các cầu cất đều kéo cả lên, chiến sự nổ ra khắp nơi và từng giờ một, người ta lại thấy như các vĩa hè rộng thêm ra, phố xá vắng tanh đi... Mạnh ai người ấy chạy bằng đủ cách, đủ kiểu,

⁽¹⁾ Con chó Havane: một giống chó bông, lông sù, dài và thường trắng.

⁽²⁾ *Nóng gáy* nguyên văn là *échauffer les oreilles*: Làm nóng tai, đỏ tai.

⁽³⁾ *Hiến thanh gươm của mình cho đô đốc*, nguyên văn là “*offrir son épée à l'amiral*” có nghĩa là xin nguyện đứng dưới cờ của đô đốc, giúp đô đốc... *Đô đốc Xétxê* (amiral Saisset) đô đốc Pháp bảo hoàng rất phản động (1810 - 1879) chống công xã Pari.

⁽⁴⁾ *Lasus* (Lasouche) là kép hỉ kịch nổi tiếng của Pháp (1828 - 1915) N.D.

người trà trộn vào các xe chở rau, người đâm bổ vào các xe tải có mui che của các sứ quán. Có kẻ giả dạng làm thủy thủ, làm tài xế, làm thợ thuyền. Người tính lý kỳ nhất thì vượt thành lũy lúc ban đêm bằng thang bên dây thừng. Bọn tảo tợn hơn thì tập hợp vài ba chục tên lại rồi xông bừa ra qua cổng; kẻ khác thực dụng hơn thoát ra một cách thật êm bằng đồng tiền một trăm xu đút lót. Rất nhiều kẻ theo sau một chiếc xe tang và đi về phía ngoại ô, lang thang trên các đồng cỏ với những chiếc ô che, những mũ lụa, trông đen ngòm từ đầu đến chân như những tên môn lại ở nông thôn. Mỗi lần ra chót lọt được ngoài rồi là những con người Pari ấy lại nhìn nhau mà cả cười, phồng ngực lên, nháy mắt lên và ngoái lại nhìn Pari mà nhạo báng; nhưng rồi nỗi nhớ tiếc mùi nhựa rải đường xâm nhập rất nhanh vào lòng họ và cái cuộc đi tán bắt đầu bằng một cuộc rong chơi lại chớ nên nặng nề lại buồn thảm như bị đi dây.

Một buổi sớm, đi trên phố Rivoli dưới trời mưa tầm tã, tôi đang mãi suy nghĩ về những điều chạy trốn ấy thì bỗng một khuôn mặt quen quen làm tôi dừng bước lại. Vào giờ này, trên đường phố hầu như chỉ có những người phu quét đường đang dón bùn thành từng đồng nhỏ óng ánh dọc vỉa hè, và từng đoàn dài xe bò dần dần được xúc đẩy bùn lên... Kinh tởm quá! Tôi nhận ra gã công tử bột của tôi trong chiếc áo choàng lấm bùn của một trong những người phu ấy; tôi cam đoan với bạn rằng hắn đã giả dạng tuyệt khéo. Đầu hắn đội chiếc mũ phớt, cổ quần phủ la như quần thừng, mặc chiếc quần rộng thùng thình mà thợ thuyền Pari vẫn

quen gọi là (xin lỗi bạn) *chiếc quần dup* ⁽¹⁾ toàn bộ bộ cánh đó của hắn đã ướt sũng, nhàu nát, dầm bùn đến như thế mà hắn vẫn chưa cho là đủ; tôi vẫn còn thấy thẳng khốn ấy vùng vẫy giữa vũng bùn làm tung tóe lên tận đầu. Chính cái trò ma quái này đã khiến tôi chú ý mà nhận ra hắn.

- Chào tử tước - Tôi vừa đi qua vừa khẽ nói với hắn.

Ngài tử tước đang người vấy đầy bùn, tái xanh mặt, hoảng hốt ngó ngang ngó ngửa, rồi thấy xung quanh ai nấy đang lúi húi bận rộn cả, hắn mới hơi vững dạ và kể cho tôi nghe rằng hắn không muốn biến thanh gươm của mình (lại vẫn thanh gươm ấy của hắn) phụng sự cho công xã và rằng may làm sao người anh viên đầu bếp của hắn làm thầu khoán vệ sinh ở Môngtơroi đã giúp hắn cái mẹo này để thoát khỏi ra Pari... Hắn không thể nói dài hơn được. Các xe chở rác đều đã đầy và cả đoàn đang chuyển bánh. Chàng công tử bột của tôi chỉ còn đủ thời giờ chạy tới chỗ con ngựa kéo xe bò, đi vào hàng, quất roi đen đét, miệng thúc đi đi! thế là hắn ra đi... Cuộc phưu lưu ấy làm tôi chú ý. Để xem nó kết thúc ra sao, tôi đi theo đoàn xe từ đằng xa cho tới tận cổng Vanhxe.

Mỗi người phu xe rác, tay cầm roi đi bên cạnh những con ngựa! giắt chúng bằng một chiếc da. Để cho gã tử tước đỡ vất vả, người ta cho hắn đi sau cùng; thật ái ngại nhìn con người khốn khổ đó cố làm sao cho thật giống mọi người, bắt chước giọng nói của họ, lưng cũng gù gù, co

¹ *Chiếc quần dup*: nguyên văn là *salopette*: quần mặc ngoài của thợ thuyền để đỡ bẩn quần trong.

mình theo tiếng bánh xe lăn, bước theo nhịp bước của những bánh xe lăn, bước theo nhịp bước của những con vật đang ề cổ ra kéo. Đôi khi người ta dừng lại để nhường lối cho các đội quân công xã từ trên thành lũy đổ xuống. Lúc ấy, hấn liền làm ngay về bận rộn tíu tít, miệng hò hét ngựa, tay quất roi, cố hết sức làm cho hết anh phu rúc; nhưng rồi đi càng xa thì con người hấn lại chở về với bản chất nguyên hình *thằng công tử bột*. Cái anh chàng bên ngoài len lúoc bùn ấy ròm ròm ngó ngó đàn bà. Hấn dừng lại một lát trước cổng một công binh xưởng trên đường phố Saron để nhìn theo mấy cô thợ đang đi vào. Quang cảnh vùng ngoại ô rộng lớn với đông đảo người ở chen chúc nhau hình như làm hấn ngạc nhiên lắm. Cứ nhìn vào đôi mắt hấn là đủ rõ. Hấn liếc ngang, liếc dọc, cứ như là lạc vào một xứ sở xa lạ...

Song, hồi chàng tử tước, chính trên những con đường dài dẫn tới Vanh xen này mà bao lần ngài đã đi qua vào những ngày chủ nhật đẹp mùa xuân và mùa thu, sau những cuộc rong chơi trở về với chiếc thẻ xanh trên vành mũ, chiếc xác bằng da đen đeo chéo ngang vai, tiếng đầu roi quất đen đét!"... Nhưng lúc ấy, ngài còn ngự ngất ngheo trên cỗ xe bốn bánh của ngài, xung quanh ngài nườm nượp, rối tinh rối mù nào hoa, nào dải băng, nào khuyên vàng xuyên ngọc, nào những tấm voan the; tất cả những bánh xe đó lướt qua, trùm lên ngài thứ quý phái óng ánh đến nỗi ngài chẳng còn nhận ra những cánh cửa tối om mở ra khi xe ngài tới gần để lộ cảnh bên trong nhà thợ thuyền vào đúng lúc họ ngồi xuống ăn cơm; rồi khi ngài đã đi qua, khi cả cái bầu đàn dài dặc của cuộc sống sa hoa, mượt mà tơ lụa, với

những trục xe bóng loáng những mái tóc lỏng lẫ, mang theo cái không khí vàng son của nó biến mất về Pari thì các ngài chẳng còn biết đằng sau mình cái khu ngoại ô ấy đã đen tối hơn đến thế nào, bánh mỳ chua hơn, dụng cụ làm việc nặng thêm lên, các ngài cũng chẳng hề biết đã để lại đó oán thù và uất hận...

... Một tràng cười rửa và tiếng roi quất vun vút bỗng kéo tôi ra khỏi những suy ngẫm dân chủ. Chúng tôi đã tới cổng Vanhxen. Người ta vừa hạ chiếc cầu cát xuống và trong cảnh tranh tối tranh sáng, ngổn ngang xe cộ chen chúc nhau, vệ binh quốc gia khảm giấy tờ dưới trời mưa như trút, tôi nhận ra chàng tử tước khốn khổ khốn nạn của tôi đang vật lộn với ba con ngựa lớn mà hấn đang cố làm cho chúng quay đi, con người tội nghiệp ấy đã lạc mất đoàn xe. Hấn cười rửa, kéo dây cương, mồ hôi mồ kê chảy ròng ròng. Tôi cam đoan với bạn rằng hấn chẳng còn cái vẻ uể oải nữa... Các chiến sĩ công xã đã bắt đầu chú ý đến hấn. Họ vây xung quanh, cười cợt: tình thế trở nên xấu. May thay, viên cai phu rác chạy lại giúp. Bác ta vừa giằng lấy dây cương trong tay hấn, vừa đẩy hấn đi rồi giang thẳng cánh quất một roi làm những con ngựa lồng lên, phi nước đại qua cầu, theo sau chúng là chàng tử tước đang chạy bì bõm trong bùn. Qua được cổng rồi, hấn lại chở về chỗ và cả đoàn xe mất hút trên những vùng đất trống dọc các công sự.

Đúng là một cuộc rút thảm hại ra khỏi thành phố. Tôi nhìn cảnh đó từ trên đỉnh dốc; những cánh đồng lấm đất trắng làm bánh xe sa lầy, đám cỏ xanh thừa thớt bết bùn, những người đi co rúm người lại vì trời mưa, đoàn xe bò lạc

lè như những chiếc xe tang... Có thể nói cả Pari của nền đế chế bị sụp đổ đang ra đi, ngập trong bùn, như một đám đưa ma nhục nhã.

TRUYỆN KỂ NGÀY THỨ HAI

VÁN BIA - A

Quân lính mệt lả vì đã hai ngày hôm nay họ chiến đấu liên tục và suốt đêm đèo đèo xác trên lưng dưới trời mưa như thác đổ. Vậy mà đã ba tiếng đồng hồ khủng khiếp rồi, người ta vẫn bỏ mặc họ rét run, súng đặt dưới chân, giữa những vũng nước trên đường cái lén, và những cánh đồng ngập bùn.

Nặng trĩu thêm vì mệt nhọc, vì những đêm dòng dã, những bộ quân phục sưng nước, họ đứng sát chặt vào nhau để sưởi ấm, tựa lẫn nhau. Có những người đứng mà ngủ, dựa mình vào cái xác của người bên cạnh, và sự mệt mỏi cùng những thiếu thốn càng hiện rõ trên những bộ mặt thư giãn buông lơi trong giấc ngủ. Mưa gió, bùn lầy, không lửa, không xúp ăn, chỉ có bầu trời thấp và tối đen, và quân thù thì như ở khắp chung quanh. Thật là thê thảm...

Họ làm gì ở đây? Có chuyện gì xảy ra? Súng đại bác nòng hướng về phía rừng như có vẻ đang rình cái gì. Súng

đại liên phục sẵn lăm lăm nhằm thẳng ra chân trời. Tất cả như sẵn sàng cho một trận tiến công. Tại sao họ không tấn công? Họ chờ đợi cái gì?...

Họ chờ lệnh trên nhưng Tổng hành dinh không gửi đến.

Mà Tổng hành dinh thì nào có xa. Nơi họ đóng là một tòa lâu đài kiểu Lui XIII tráng lệ với những viên gạch đỏ được mưa rửa sạch, lấp lánh ở lưng đồi giữa những lùm cây. Rõ là dinh thự vương hầu rất xứng đáng mang lá cờ lệnh một vị thống chế Pháp. Phía sau một cái hào lớn và một dãy lan can bằng đá ngăn cách con đường cái là những thảm cỏ phẳng lì và xanh mượt leo thẳng đến bậc tam cấp, có những bồn hoa nở bao quanh. Ở đằng kia, về phía sâu trong nhà, những lùm cây tạo thành những khoảng trống sáng, một mảnh hồ phẳng như gương có những con thiên nga bơi lội và dưới cái mái cong cong tựa mái chùa của những chuồng chim lớn, những chú công, chú trĩ vàng cất tiếng kêu re re dưới hàng cây, vỗ cánh và xoè đuôi tròn như cái tán. Các vị chủ nhà đã đi hết những chẳng ai cảm thấy cảnh bỏ hoang, phóng mặc tất cả cho chiến tranh.

Lá cờ lệnh của vị chỉ huy đã bảo vệ cho đến từng bông hoa nhỏ trên thảm cỏ, và có cái gì thật thấm thía khi thấy ở ngay sát bãi chiến trường mà lại có được cái bình thần giàu sang này, nó toát ra từ sự ngăn nắp của mọi vật, từ những khối nhà ngay ngắn uy nghi, từ những lối đi sâu hút im lìm.

Ngoài kia mưa kéo bùn nhầy nhựa lên các mặt đường và tạo thành những ổ gà thật sâu, nhưng ở đây thì lại như một trận mưa rơi bất ngờ thanh lịch, quyền quý làm cho tường gạch thêm thắm đỏ, thảm cỏ thêm xanh tươi, lá cam

và những bộ lông trắng toát của bầy thiên nga thêm lấp lánh. Mọi vật đều sáng tươi lên, mọi vật đều êm đềm. Quả thật nếu không có lá cờ pháp phới trên đỉnh nóc nhà, không có hai người lính đứng gác trước hàng rào thì chẳng bao giờ người ta lại có thể ngờ rằng đây là Tổng hành dinh. Những con ngựa ngủ yên trong tàu. Đó đây người ta gặp những thị vệ, những chú lính hầu mặc tiện phục đi tha thần quanh bếp, hoặc một gã làm vườn vận quần đồ thông dong đẩy chiếc cào, cào lớp cát rải trên những sân lớn.

Phòng ăn có cửa sổ trông ra tam cấp cao thấy một bàn ăn dọn dở dang, những chai mở nút, những cốc mờ và cạn nhợt nhạt trên tấm khăn bàn nhàu nát, cả một cảnh tiệc tàn khách khứa đã rời đi. Trong phòng vang lên những tiếng nói, tiếng cười, tiếng bị lẫn, tiếng chạm cốc. Ngài thống chế đang bận chơi ván bi-a, và đó là lý do vì sao quân đội cứ đợi chờ mệnh lệnh. Khi mà thống chế đã bắt đầu vào cuộc thì trời có thể sập chứ không có cái gì trên đời này có thể ngăn cản ngài chơi đến chót.

Bi - a! Đó là nhược điểm của người chiến binh vĩ đại. Ông ta đứng đấy, nghiêm trang như trong trận mạc, vận đại lễ phục, ngực đầy mồ hôi, mắt long lanh, gò má bùng bùng trong cái náo nhiệt của bữa ăn, của trò chơi, của châu rượu. Các người hộ vệ bầu quanh ngài, xun xoe, cung kính, phục lăn trước mỗi cú đánh của ngài. Khi thống chế được một điểm, mọi người đổ xô lại bằng ghi. Khi thống chế khát, ai nấy tranh nhau hầu nước. Các câu vai và lông mũ xột xoạt, các tấm mồ hôi và tua ngù xùng xèng, và nhìn tất cả những nụ cười tươi roi rói, những điệu bộ kính cẩn tinh tế đó của

các bậc nhện thần với bao nhiêu là đồ thêu ren và quân phục mới, trong gian phòng cao sang lát gỗ sến mở cửa ra những vườn cảnh, sân châu, người ta nhớ đến những mùa thu ở điện Côngpienhor⁽¹⁾, và trong lòng khuấy đi chút ít hình ảnh những tấm áo choàng sưng nước đang rét run ngoài kia dọc các con đường và tụm thành những nhóm thật ảm đạm dưới trời mưa.

Người cùng chơi với thống chế là một viên quan ba tham mưu nhỏ nhắn nai nịt gọn gàng, tóc quăn, đi găng màu sáng thuộc loại chúa trùm bi-a và có thể hạ mọi ông thống chế trên mặt đất này, nhưng anh ta lại biết kính nhường chủ tướng và thực hành lối chơi không thắng mà cũng không thua một cách quá dễ dàng. Người ta gọi đó là một sĩ quan có tiền đồ.

Này coi chừng, chàng trai trẻ hãy chơi cho khéo nhé. Ngài thống chế được những mười lăm điểm mà anh thì mới có mười. Chỉ cần dẫn như thế cho đến hết ván và anh sẽ làm được nhiều việc tiến thân của mình hơn là đứng ở ngoài kia với những kẻ khác dưới những thác mưa ngập lụt chân trời, làm lấm láp bộ quân phục bảnh bao của anh, làm hoen ố ánh vàng trên các tua ngù của anh và còn phải đợi những mệnh lệnh chẳng bao giờ đến cả.

Đó là một ván chơi thật thú vị. Những hòn bi lăn lóc, va nhau, đan xen các màu sắc. Các dải đường băng chạy

⁽¹⁾ Côngpienhor: lâu đài rất tráng lệ từ thời Lui XV, được Napôlêông làm cho rộng rãi thêm.

tốt⁽¹⁾, tấm thảm nóng lên. Chợt ánh lửa một phát đại bác vụt qua bầu trời. Một tiếng nổ âm âm làm rung cái cửa kính. Mọi người giật mình, họ nhìn nhau lo lắng. Riêng ngài thống chế không nhìn thấy gì, không nghe thấy gì sắt: khom mình trên bàn bi-a, ngài đang trù tính một nước giật lùi tuyệt diệu; đó là sở trường của ngài, những nước giật lùi!...

Nhưng kìa một tia chớp mới, rồi một tia chớp nữa. Những phát đại bác nối tiếp nhau dồn dập. Những người hộ vệ chạy ra cửa sổ.

Phải chăng quân Phổ tiến công?

- Thì cứ cho chúng tấn công! Ngài thống chế vừa nói vừa thoa phấn... Đến lượt ông, đại úy.

Ban tham mưu rừng mình thán phục. Tuy-ren⁽²⁾ xưa kia ngủ bên miệng súng không có nghĩa lý gì bên cạnh ngài thống chế này, ngài đến là bình tĩnh giữa lúc địch tấn công. Trong khi đó tiếng âm âm tăng lên mạnh. Trong tiếng rung chuyển của đại bác xen lẫn tiếng xé của liên thanh, tiếng rền rền hàng loạt của súng trường. Một cụm lửa đỏ viên đen bùng lên phía đầu thảm cỏ. Cả nền vườn rực lửa. Những chú công, chú trĩ hoảng hốt kêu ré lên ở trong chuồng. Những con ngựa ả-rập ngửi thấy mùi thuốc súng lông lên ở cuối tàu. Bán doanh bắt đầu xôn xao. Tin tức đến dồn dập. Những người đưa tin phóng ngựa như bay đến. Người ta xin yết kiến ngài thống chế.

⁽¹⁾ Đường băng: đường gờ quanh bàn bi-a.

⁽²⁾ Tuy-ren: Tên một viên tướng Pháp có tiếng là can trường.

Ngài thống chế không thể nào gặp được. Đã bảo là không một cái gì ngăn nổi ngài chơi cho hết ván kia mà.

- Kìa đại uý, đến lượt ông.

Nhưng viên đại uý có những cái khinh xuất. Tuổi trẻ mà lại! Kìa anh ta đang luống cuống quên mất cả cái mảnh lối của mình, đánh thông luôn hai bàn ăn điểm khiến cho anh hầu như sắp thắng cuộc. Lần này ngài thống chế nổi cáu. Kinh ngạc, phần nộ bộc lộ rõ trên khuôn mặt trượng phu của ngài. Đúng lúc ấy một con ngựa phóng rạp đất tới, lần quy trước sân. Một vệ sĩ lăm đầy bừa bắt chấp lệnh cấm, nhảy một bước qua tam cấp.

"Bẩm ngài thống chế! Bẩm ngài thống chế!..." Thử xem anh ta được tiếp đón như thế nào? Đổ mặt tía tai như con gà chọi, thống chế thò cổ ra cửa sổ, tay vẫn cầm gậy đánh bi-a:

- Có việc gì thế hả?... Thế là thế nào?... Không có lính gác ở đây à?

- Nhưng thưa ngài thống chế...

- Được rồi! Lát nữa... Hãy đợi lệnh đấy! đồ con... kh...

Và cánh cửa sổ đóng sập lại.

Mọi người hãy đợi lệnh của ngài!

Đó đúng là điều họ đang làm, những kẻ tội nghiệp! Gió hất cả mưa và lửa đạn vào đầy mặt họ. Hàng tiểu đoàn bị tiêu diệt hoàn toàn trong khi các tiểu đoàn khác vẫn vô dụng, súng trong tay mà không hiểu sao không hành động. Chẳng làm thế nào được. Họ đợi lệnh. Có điều là người ta không cần đến mệnh lệnh phải hy sinh mà hàng trăm binh

sĩ đã gục ngã sau các bờ bụi, trong các hầm hào, trước mặt toà lâu đài nguy nga yên tĩnh. Ngay cả khi ngã xuống rồi, lửa đạn vẫn còn xé xác họ và từ những vết thương hở hoác âm thầm tuôn ra dòng máu anh dũng của nước Pháp... Trên cao kia, trong gian phòng bi-a cũng diễn ra kịch liệt ghê gớm. Ngài thống chế đã vượt lên; nhưng viên đại úy nhỏ bé chống trả như con sư tử...

Mười bảy, mười tám, mười chín!...

Phải nhanh tay lắm mới kịp ghi điểm. - Tiếng súng trện đến gần. Ngài thống chế chỉ cần một điểm nữa. Đạn đại bác đã rơi vào trong vườn. Một viên nổ ngay trên hồ nước. Mặt gương rạn nứt, một con thiên nga hoảng hốt bơi giữa đám lông đẫm máu bay toí tả. Đó là phát đạn cuối cùng...

Bây giờ im lặng như tờ. Chỉ còn mưa rơi trên các lùm cây, một tiếng rên rên mơ hồ ở phía dưới chân đồi, và trên những con đường lầy lội có cái gì như tiếng bước chân rậm rịch của một đoàn gia súc kéo đi vội vã... Đoàn quân bại trận hoàn toàn. Ngài thống chế đã thắng cuộc.

GIẤC MƠ CỦA VIÊN THẨM PHÁN TỈNH CÔLMAR

Trước khi làm lễ tuyên thệ trước hoàng đế Guyôm⁽¹⁾, chẳng có ai sung sướng hơn viên thẩm phán quèn Đôlingơ ở toà án tỉnh Côlmar⁽²⁾ lúc hắn đến phiên toà với chiếc mũ pháp quan sụp xuống tai, cái bụng phệ, miệng tươi như hoa và cái cằm ba ngón rất khéo đặt trên mặt dải ru-băng nhiều.

"Ái chà! Sắp được chợp một giấc ngon lành đây!" hắn như có vẻ tự nhủ khi ngồi xuống, và thật là lý thú nhìn thấy hắn duỗi đôi chân mập mạp, ngồi thụt trong chiếc ghế bành lớn trên tấm nệm da man mát và mềm mại mà nhờ đó hắn vẫn còn giữ được cái phong thái bình thản và nước da sáng sủa sau ba mươi năm làm quan thẩm phán ngồi⁽³⁾.

Bất hạnh cho Đôlingơ!

Chính cái nệm da ấy đã làm hại hắn. Hắn thấy ngồi vào đó tuyệt quá. Chỗ của hắn thật là đặc địa trên cái nệm giả da ấy đến nỗi hắn ta thích trở thành người Phổ hơn là cựa quậy ra khỏi chỗ đó. Hoàng đế Guyôm bảo hắn: "Hãy ngồi yên vị, ông Đôlingơ!"; thế là Đôlingơ yên vị, và bây giờ hắn

⁽¹⁾ *Guy-ôm* (1797-1888): Vua nước phổ và làm hoàng đế nước Đức.

⁽²⁾ *Côl-mar*: Thủ phủ xứ An-dát của Pháp bị Đức chiếm đóng.

⁽³⁾ *Thẩm phán ngồi* (*magistrature assise*) làm việc xử án khác với *thẩm phán đứng* (*magistrature debout*) thuộc ngành công tố, kiểm sát.

là hội thẩm pháp viện Còlmar, thừa lệnh Đức hoàng thượng ở Béclin mà đường hoàng thực thi công lý.

Chung quanh hắn chẳng có gì thay đổi: vẫn là cái toà án tàn tạ và tẻ ngắt ấy, vẫn phòng giáo lý với những chiếc ghế dài nhẵn thín, những bức tường trần trụi, tiếng lẩm rầm của thầy cãi, vẫn cái ánh sáng lờ mờ từ trên những cửa sổ cao che rèm rủ, vẫn tượng chúa Jêsu bụi bặm, đầu gục xuống, tay dang ra. Pháp viện Còlmar chuyển sang thuộc nước Phổ mà vẫn giữ nguyên lệ cũ: vẫn có bức tượng nửa người Hoàng đế ở cuối pháp đình... Nhưng mặc dầu thế, Đòlिंगơ cảm thấy mình lạc lõng. Hắn lẫn mình quẩn quại trong chiếc ghế bành, vùi mình như điên vào đó cũng uống công, hắn không còn tìm được những giấc chợp mắt ngon lành như xưa, và những khi ngẫu nhiên được thiu thiu giữa phiên toà thì lại để thấy những giấc mơ khủng khiếp...

Đòlिंगơ mơ thấy ở trên một ngọn núi cao như ngọn Hônéch hoặc chòm núi tròn Andát... Hắn làm gì ở đó một mình, mặc áo quan toà, ngồi trong ghế bành lớn ngắt ngheêu trên những đỉnh cao mênh mông mà ở đấy người ta không nhìn thấy gì hết ngoài những cây cối cằn cỗi và những đám ruồi bay... Đòlिंगơ không hiểu ra sao. Hắn đợi chờ, toàn thân run bần vì mồ hôi toát lạnh và hồi hộp lo âu về cơn ác mộng. Ông mặt trời to tướng đỏ rực mọc ở phía bên kia sông Ranh, sau những rừng thông khu Rừng đen, và mặt trời càng lên cao thì ở dưới thung lũng Than, Munxte, từ đầu nọ đến đầu kia dãy Andát, nổi lên những tiếng rền rền mơ hồ, tiếng bước đi, tiếng xe chạy, những tiếng đó lớn dần lên và đến gần và Đòlिंगơ cảm thấy tim mình thất lại!

Chẳng mấy chốc, theo con đường dài vòng vèo leo lên sườn núi, viên quan toà Còlmar nhìn thấy tiến lại phía mình một đoàn người buồn thảm và vô tận, đó là toàn thể nhân dân xứ Andát đã hẹn gặp nhau ở cái lũng dãy núi Vòxgiơ này để di cư một cách long trọng.

Đi đầu là những cỗ xe dài thằng bốn bò, những cỗ xe dài quây dóng thưa mà ta thường gặp chắt đầy những lượm lúa trong mùa gặt, và bây giờ thì ra đi chở những đồ đạc, quần áo, công cụ lao động. Đó là những giường lớn, tủ cao, những trang phục loè loẹt, những thùng gỗ, ghế trẻ con, ghế bành của tổ tiên, những đồ thờ cũ kỹ chất đống lối ra từ các xó xỉnh nay tung ra trước gió đường cái bụi thiêng liêng của các gia đình. Cả ngôi nhà kéo đi trên những cỗ xe đó. Cho nên xe lăn cọt két và những con bò kéo đi lặc lè đường như đất khô dất vào cày bừa, cào cuốc, làm cho xe thêm nặng, biến việc ra đi thành cuộc khổ rề.

Phía sau ùn ùn một đám đông im lặng gồm mọi thứ bậc, mọi lứa tuổi, từ các cụ già lụ khụ đội mũ ba cạnh run rẩy chống gậy, đến những đứa trẻ nhỏ tóc vàng mặc quần lông xù có cái đeo, từ bà cố bại liệt mà các chàng trai hãnh diện kiêu trên vai đến những cháu nhỏ còn bú, được mẹ ôm chặt vào lòng, tất cả những người khỏe mạnh cũng như những kẻ tàn tật, những người sẽ vào lính trong năm tới và những người vừa qua chiến dịch khủng khiếp, những giáp sĩ cụt chân lê trên nạng, những pháo thủ xanh xao tiêu tụy, kiệt sức, hãy còn mang trong bộ quân phục quần áo tả tơi cái mốc meo của những căn hầm ở Xpăngxđô; tất cả đều hành một cách kiêu hãnh trên đường cái mà viên quan toà

ngồi ở bên rìa và khi đi qua trước mặt hắn, ai nấy đều quay đi với một vẻ giận dữ và kinh tởm ghê gớm...

Ồi! tên Đolingo khôn khổ! hắn ta muốn giấu mặt, chạy trốn; nhưng không được. Cái ghế bành của hắn gắn chặt vào vách núi, cái nệm da gắn chặt vào ghế bành, và hắn thì gắn chặt vào cái nệm da. Bây giờ hắn hiểu rằng hắn ngồi ở đó như trên một cái đài bêu tội nhân, và người ta đã đặt đài bêu thật cao để từ nơi xa nhất vẫn trông thấy rõ nổi nhục nhã của hắn... Và cái đám diễu hành tiếp tục, dân từng làng đi với nhau, những người từ biên giới Thụy sĩ dắt những đàn gia súc đông nghìn nghịt, những kẻ từ La Xar đẩy những xe goòng dùng chở quặng nay chở những công cụ bằng sắt cứng của họ. Rồi đến dân các thành phố, dân của các xưởng sợi, thợ buộc da, thợ dệt, thợ mặc cửi, thị dân, linh mục, giáo sĩ Do Thái những quan tòa áo đen, áo đỏ... Kìa tòa án Côlmar, ông chánh án già đi đầu. Và Đolingo xấu hổ đến chết, hắn tìm cách che mặt nhưng bàn tay tê liệt; muốn nhắm mắt mà mí mắt cứ cứng đờ. Cần phải để cho hắn nhìn và người ta nhìn hắn, và hắn không được lẩn tránh bất cứ cái nhìn khinh bỉ nào mà các bạn đồng nghiệp chĩa vào mặt hắn khi đi qua...

Viên thẩm phán trên đài biêu tội, thật là một cái gì khủng khiếp! Nhưng còn có cái khủng khiếp hơn, đó là hắn thấy đủ mặt mọi người thân thích trong đám đông ấy, nhưng không một ai có vẻ muốn nhìn nhận hắn. Vợ hắn, các con cái hắn cúi đầu đi qua trước mặt hắn... Y như là chính họ, họ cũng xấu hổ! Cho đến cái thằng bé Misel mà hắn yêu quý đến thế, nó cũng đi hắn mà cũng chẳng thèm

nhìn cha một cái. Chỉ có ông chánh án già dừng lại một phút để nói nhỏ với hân:

- Hãy đến với chúng tôi, Đolingo. Đừng ngồi đó, anh bạn...

Nhưng Đolingo không thể nào đứng dậy nổi. Hân vùng vẫy, hân kêu gọi và đoàn người thì vẫn cứ đi đều hàng giờ; cho đến lúc xế chiều khi họ đã đi xa thì hết thấy các thung lũng đẹp đẽ đầy những tháp chuông và nhà máy đều im bật. Toàn thể xứ Andát đã ra đi. Chỉ còn lại một mình viên thẩm phán Cölmar ở trên cao kia như bị đóng đinh vào đài bêu tội, ngồi đó trơ trơ và bất khả bãi miễn.

Bỗng chốc, cảnh tượng thay đổi. Hiện ra những cây thủy tùng, những cây thập tự đen, những dãy mộ, một đám người tang tóc. Đó là nghĩa địa Cölmar một ngày có đám tang lớn. Tất cả chuông thành phố đều vang lên. Viên hội thẩm Đolingo vừa mới qua đời. Cái điều mà danh dự đã không làm được, thì cái chết đảm đương. Nó đã tháo ốc gỡ viên quan tòa bất di bất dịch ra khỏi cái nệm da và đặt cái con người ngoan cố đã ngồi lì mãi ấy nằm dài xuống...

Mơ thấy mình chết và mình lại khóc mình, không có cảm giác nào ghê sợ hơn. Lòng quặn đau, Đolingo chứng kiến tang lễ của chính mình, và cái điều làm hân thất vọng hơn cả cái chết, đó là trong đám người đông nghịt đang xúm xít quanh hân, không có lấy một người bạn, một người thân thích nào. Không có ai là người dân Cölmar, chỉ toàn Phổ là Phổ. Đó là những tên lính Phổ đi hộ tống, những viên quan tòa Phổ đang dẫn đầu đám tang, và những điều văn người ta đọc trên năm mộ hân đều là những điều văn

bằng tiếng Phổ, và hòn đất người ta ném lên mộ mà hấn thấy lạnh toát, hồi ới, cũng là đất Phổ!

Chợt đám đông dẫn ra kính cẩn, một giáo sĩ mặc áo trắng bảnh bao tiến lại gần, dấu dưới áo choàng một vật gì trông như một vòng hoa bất tử lớn. Xung quanh mọi người nói:

- Kìa ngài Bitxmac... Kìa ngài Bitxmac... và viên quan tòa Còlmar buồn rầu suy nghĩ:

“Bẩm ngài bá tước, thật hân hạnh cho tôi quá, nhưng giá mà có thằng cháu nhỏ Misel của tôi ở đây nữa...!”

Một chuỗi cười lớn phá lên, ngắt đứt ý nghĩ của hấn, một cái cười điên loạn, bêu riếu, man rợ, không dập tắt được.

“Họ làm sao vậy?” Viên quan tòa kinh hãi tự hỏi. Hấn nhồm dấy và nhìn... đó là chiếc nệm da tròn mà ngài Bixmac vừa với đặt một cách cung kính lên ngôi mộ hấn với dòng chữ nghi quanh mảnh vải nhung:

Kính viếng quan tòa Đôlingơ.

Vinh dự của Tài phán pháp đoàn.

Tưởng niệm và thương tiếc.

Từ đầu đến cuối nghĩa địa, thiên hạ cười, thiên hạ cười thất bưng, và cái vui thô lỗ kiểu Phổ ấy được vang đến tận đáy mồ, nơi người chết đang khóc lên vì hổ nhục bị dập vùi dưới một trò cười muôn thừa...

BUỔI HỌC CUỐI CÙNG

(Chuyện kể của một em người Andát)

Buổi sáng hôm đó nếu đi học thì muộn quá và tôi rất sợ bị quở mắng, nhất là thấy Amel đã dặn trước rằng thầy sẽ hỏi chúng tôi về các phân tử mà tôi thì chẳng thuộc lấy một chữ. Tôi thoáng nghĩ hay là chôn học và chạy rông ngoài đồng nội.

Trời sao mà ấm áp và trong sáng thế!

Ven rừng sáo hót líu lo và trong cánh đồng cỏ nhà Rippe, sau xưởng cưa, lính Phổ đang tập. Những cái đó quyến rũ tôi hơn là các qui tắc về phân tử; nhưng tôi cưỡng lại được và ba chân bốn cẳng chạy đến trường.

Khi qua trước trụ sở xã, tôi thấy có nhiều người dừng trước tấm bảng rán cáo thị có lưới che từ hai năm nay, chính từ chỗ ấy mà loan đi những tin tức không hay, những cuộc thất trận, những vụ trưng thu, những mệnh lệnh của ban chỉ huy. Tôi không dừng lại, vừa chạy vừa nghĩ bụng: "Lại có chuyện gì nữa đây?"

- Đừng vội vã thế cháu ơi đến trường vẫn còn sớm chán!

Tôi tưởng bác nhạo tôi và tôi chạy bỏ hơi tai vào cái sân nhỏ nhà thầy Hamel.

Thông thường trước lúc bắt đầu buổi học tiếng ồn ào như chợ vỡ vang ra tận ngoài phố, nào tiếng ngân bàn đóng mở, tiếng đồng thanh nhắc lại các bài học rất to, phải bịt tai lại cho dễ thuộc và tiếng chiếc thước kẻ to tướng của thầy giáo gõ xuống bàn:

Khe khẽ chứ nào!

Tôi định sẽ nhân lúc ồn ào hỗn loạn ấy lén vào chỗ ngồi để không ai nom thấy; nhưng đúng vào lúc ấy tất cả đều yên tĩnh, y như một buổi sáng chủ nhật. Qua cánh cửa sổ mở tôi thấy các bạn đã ngồi vào chỗ, và thầy Hamel đi đi lại lại với cái thước sắt khựng khiếp kẹt dưới nách. Phải mở cửa đi vào giữa lớp học im phăng phắc đó, các bạn thử tưởng tượng xem tôi sẽ xấu hổ và lo sợ đến chừng nào!

Thế mà không. Thầy Hamel nhìn tôi chẳng tỏ vẻ giận dữ mà còn dịu dàng bảo tôi:

- Frăng, vào chỗ nhanh lên con; cả lớp sắp sửa bắt đầu mà vắng mặt con.

Tôi bước qua ghế dài và ngồi ngay xuống trước bàn mình. Chỉ đến lúc ấy khi đã hơi hoàn hồn, tôi mới nhận ra thầy giáo chúng tôi mặc chiếc áo Rơ-đanh-gốt màu xanh, tấm lá sen gấp nếp mịn và cái quần chên bằng lụa đen thêu mà thầy chỉ vận vào những hôm có thanh tra hoặc phát

phần thưởng. Ngoài ra tất cả lớp học có cái vẻ gì thật đặc biệt và trang trọng. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả là trông thấy ở phía cuối lớp, trên những hàng ghế mọi khi bỏ trống, nay lại có cụ già Hôde với cái mũ ba sừng, ông xã trưởng cũ, người phát thư cũ và nhiều người khác nữa. Ai nấy đều có vẻ buồn rầu và cụ Hôde mang theo quyển tập đánh vần cũ đã sờn mép để mở rộng trên đầu gối, cặp kính lớn đặt ngang trang sách.

Tôi còn đang ngạc nhiên về tất cả những việc đó thì thầy Hamel bước lên bục và vẫn với giọng dịu dàng và trang trọng như lúc tôi mới vào, thầy nói với chúng tôi:

- Các con ơi, đây là buổi học cuối cùng thầy dạy các con. Lệnh từ Béclin về là từ nay sẽ chỉ dạy bằng tiếng Đức ở các trường học vùng Andát và Loren... Thầy mong các con hết sức chú ý.

Mấy lời nói đó làm tôi choáng váng. À! Quân khốn nạn, thì ra đó là cái điều chúng vừa niêm yết ở trụ sở xã.

Bài học tiếng Pháp cuối cùng của tôi!

Mà tôi thì mới viết tập toang! Tôi sẽ chẳng bao giờ được học nữa! Chỉ đến thế này thôi ư!... Bây giờ tôi tự giận mình về thời gian bỏ phí, về những buổi trốn học đi bắt tổ chim hoặc trượt tuyết trên đồi Xa! Những cuốn sách mà lúc này tôi còn thấy chán ngán thế, nặng nề thế, quyển ngữ pháp, quyển thánh sử của tôi bây giờ đối với tôi như những người bạn cố tri mà tôi sẽ rất đau lòng phải giã từ. Cũng giống như thầy Hamel. Cứ nghĩ thầy sắp ra đi và tôi không

còn được gặp thầy nữa, là tôi quên cả những lúc thầy phạt, thầy đánh.

Tội nghiệp cho thầy!

Chính để đề cao buổi học cuối cùng này mà thầy mặc những quần áo đẹp ngày chủ nhật, và bây giờ tôi hiểu vì sao các cụ già ở trong làng lại đến ngồi ở cuối lớp học. Điều đó như nói rằng các cụ tiếc là đã không thường lui tới trường này. Đó cũng là một cách để tỏ lòng biết ơn thầy giáo chúng tôi về bốn mươi năm phụng sự hết lòng, và để trọn đạo với Tổ quốc từ nay xa cách.

Tôi đang suy nghĩ mung lung thì bỗng nghe gọi tên tôi. Đến lượt tôi đọc bài. Giá mà tôi đọc được trót lọt các qui tắc về phân từ hay ho ấy, đọc thật to, thật rõ ràng, không phạm một lỗi nào thì dù có phải đánh đổi gì cũng cam; nhưng tôi lúng túng ngay từ đầu và tôi cứ đứng mà lắc lư người trước chiếc ghế dài, lòng rầu rĩ, không dám ngẩng đầu lên. Tôi nghe tiếng thầy Hamel bảo tôi:

- Frăng ạ, thầy không mắng con đâu, con bị trừng phạt thế là đủ rồi... Con đã thấy chưa. Thường ngày người ta cứ tặc lưỡi: "Chà! Còn khối thì giờ. Ngày mai ta sẽ học". Và rồi con thấy cái gì đã đến... Ôi! Đó là cái tai họa lớn của xứ Andát ta bao giờ cũng hoãn việc học đến ngày mai. Bây giờ những kẻ kia có quyền bảo chúng ta rằng: "Thế nào! Các người tự nhận là dân Pháp, vậy mà các người chẳng biết đọc biết viết tiếng của các người!..." Về việc này, Frăng, đứa học trò tội nghiệp của thầy ạ, con vẫn chưa phải là người đáng tội nhất! Mà là tất cả chúng ta ai cũng có phần đáng tự chê trách.

Cha mẹ các con không thiết tha lắm đến việc học hành của các con. Cha mẹ thích các con làm việc đồng áng hoặc vào làm nhà máy sợi để kiếm thêm mỗi ngày dăm xu. Cả thầy cũng không có gì để trách mình ư? Chẳng đã có lần thầy sai các con bỏ học để tưới vườn cho thầy đó sao? Và khi thầy muốn đi câu cá hương, thầy có ngại ngừng cho các con nghỉ học đâu?...

Thế rồi từ chuyện này sang chuyện nọ, thầy Hamel nói với chúng tôi về tiếng Pháp, cho đó là thứ tiếng hay nhất thế giới, sáng sủa nhất, vững vàng nhất: phải giữ gìn nó và không bao giờ xao lãng, bởi vì, khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, mà chừng nào họ vẫn giữ được tiếng nói của họ thì chẳng khác nào kẻ bị giam cầm được cái chìa khoá nhà tù⁽¹⁾... Rồi thầy cầm một quyển ngữ pháp và đọc bài cho chúng tôi nghe. Tôi kinh ngạc thấy mình sao lại hiểu nhanh đến thế. Tất cả những điều thầy nói, tôi thấy dễ dễ là. Chưa bao giờ tôi chăm chú nghe đến thế, và cả thầy giáo nữa, chưa bao giờ tỏ ra kiên nhẫn giảng đến thế. Phải chăng trước khi ra đi, con người thối nghiệp ấy muốn truyền tất cả vốn hiểu biết của mình, muốn ngay một lúc nhồi nhét hết vào đầu óc chúng tôi.

Xong bài giảng chuyển sang viết tập. Thầy Hamel đã chuẩn bị cho ngày hôm đó những mẫu chữ mới viết bằng “chữ rông” thật đẹp: Pháp, Andát. Những tờ mẫu treo trước bàn học trông như những lá cờ nhỏ xíu bay phấp phới chung quanh lớp học. Ai nấy đều chăm chú hết sức và cả

⁽¹⁾ Nếu họ giữ vững tiếng nói của họ, họ giữ cái chìa khoá để giải thoát họ khỏi xiềng xích (F.Mixtral) (chú thích của tác giả)

lớp im phăng phắc! Chỉ nghe thấy tiếng ngòi bút sột soạt trên giấy. Có lúc những con bọ dừa bay vào nhưng chẳng ai thèm để ý, cả những cái gậy, với một tấm lòng, một ý thức, như thể cái đó cũng là tiếng Pháp... Trên mái trường, những con bồ câu gù gù khe khẽ, và tôi vừa nghe vừa tự nhủ thầm:

- Không biết liệu người ta có bắt cả chúng nó hót bằng tiếng Đức không nhỉ?

Chốc chốc ngược mắt lên nhìn, tôi thấy thầy Hamel đứng yên lặng trên bục và đắm đắm nhìn những đồ vật quanh mình như muốn mang theo trong đôi mắt của thầy tất cả ngôi trường nhỏ bé của mình... Bạn thử nghĩ xem! Từ bốn mươi năm nay, thầy vẫn ngồi ở chỗ ấy, vẫn với cái sân trước mắt và lớp học chẳng có gì thay đổi. Có chăng những cái ghế dài, những bàn học dùng nhiều nên nhẵn bóng, những cây hạnh nhân ngoài sân đã lớn, và cây hublông thầy trồng bây giờ leo vắt từ cửa sổ lên tận mái nhà. Thật tan nát cõi lòng đối với con người tội nghiệp phải từ giã mọi vật ấy và nghe từ buồng phía trên dội xuống tiếng người em gái đi đi lại lại đóng các hòm xiểng vì mai hai anh em đã phải lên đường ra đi và vĩnh biệt xứ sở này.

Tuy nhiên, thầy vẫn đủ can đảm dạy chúng tôi cho đến hết buổi. Sau tiết viết tập đến bài lịch sử, rồi những trò nhỏ cất tiếng đọc đồng thanh như hát *Ba Be Bi Bo Bu*. Đằng cuối phòng học, cụ già Hôde đã đeo kính lên và nâng cuốn sách vỡ lòng bằng hai cánh tay cụ đánh vần từng chữ theo bọn trẻ. Cả cụ cũng chăm chú. Giọng cụ run lên vì cảm động; nghe cụ đọc ngọ nghĩnh đến nỗi chúng tôi vừa buồn cười vừa muốn khóc... Chao ôi! Tôi quên sao được buổi học cuối cùng này.

Bỗng đồng hồ nhà thờ điểm mười hai giờ. Rồi đến chuông cầu nguyện buổi trưa. Cùng lúc đó tiếng kèn của bọn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ... thầy Hamel tái mặt đứng dậy trên bục. Chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế.

- Các bạn ơi, thầy nói, hỡi các bạn, tôi... tôi... nhưng thầy ghen ngào không nói hết câu.

Thầy bèn quay về phía bảng, cầm một hòn phấn và dần mạnh hết sức thầy cố viết thật to:

" NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM!"

Rồi thầy đứng đó, đầu dựa vào tường, và chẳng nói chẳng rằng, rơ tay ra hiệu cho chúng tôi:

" Thế là hết... thôi các con đi đi"

NGƯỜI CẦM CỜ

I

Trung đoàn đang chiến đấu trên bờ dốc đường sắt và biến thành mục tiêu xạ kích cho tất cả đạo quân Phổ tập trung trong cánh rừng trước mặt. Họ bắn nhau ở khoảng cách tám mươi mét. Các sĩ quan hò: "Nằm xuống!". Nhưng chẳng ai muốn tuân lệnh, và cả trung đoàn hiên ngang đứng thẳng, tập hợp quanh lá cờ của họ. Nơi chân trời mênh mông, bằng lăng cảnh hoàng hôn, với những cánh đồng cỏ, đồng lúa đang trở bông, đám người ấy bị dôi dập, bao phủ trong một làn khói mờ mờ, trông như một đàn cừu bất ngờ bị cơn lốc của trận bão nghê góm ập đến giữa đồng không mông quạnh.

Đúng là mưa sắt thép trên cái bờ dốc ấy! Chỉ nghe thấy tiếng nổ ran của các loạt đạn, tiếng loảng xoảng của chiếc cà mèn lăn xuống hố, và những đường đạn rung động kéo dài từ đầu đến cuối bãi chiến trường, giống như những sợi dây đàn căng thẳng của một nhạc cụ thê thảm và âm vang. Chốc chốc lá cờ giương cao trên những cái đầu, phấp phất trước ngọn gió của làn đạn lại nhào xuống trong khói mù; tức thì một giọng nói vang lên đồng loạt át cả tiếng súng, tiếng kêu rên, tiếng chửi rủa của những người bị thương: "Giương cao cờ, anh em ơi hãy giương cao cờ!...". Tức khắc

một sĩ quan băng lên, chấp chớn như một cái bóng trong đám khói lửa đỏ rực, và lá cờ anh dừng lại trở nên sống động, bay là là trên trận địa.

Hai mươi hai lần nó rơi xuống!... Hai mươi hai lần cái cán cờ còn ấm tuốt khỏi bàn tay người vừa ngã xuống, lại được nắm lấy giương lên, và đến lúc mặt trời lặn, trung đoàn còn lại một dúm người vừa đánh vừa rút lui, lá cờ chỉ còn là một tấm vải rách tả tơi ở trong tay viên đội Hornuux, người cầm cờ thứ hai mươi ba trong ngày hôm đó.

II

Viên đội trưởng Hornuux, ông ấy là một người lính kỳ cựu, chữ nghĩa chỉ đủ ký cái tên, và phải mất hai mươi năm trời mới kiếm được cái lon hạ sĩ. Tất cả những nỗi khổ cực của cuộc đời đứa con vô thừa nhận, tất cả sự dằn dộng ngây ngô của đời sống doanh trại hiện rõ trên cái trán thấp và bướng bỉnh, cái lưng còng xuống vì đeo đeo túi quân trang, cái dáng bộ đã thành nếp của người lính đi trong hàng ngũ. Đã thế bác lại hơi nói lắp, nhưng để làm người cầm cờ thì chẳng cần đến sự hùng hồn. Ngay buổi tối chiến đấu, viên đại tá bảo bác: "Anh bạn đừng cảm, lá cờ đã về tay anh; anh hãy giữ lấy nó". Và trên tấm áo ca-pốt đã chiến tòng đã dầm mưa dãi lửa của bác, cô hàng căng tin đã may ngay một vạch vàng lon thiếu úy.

Đó là niềm kiêu hãnh trong cuộc đời hèn mọn ấy. Đột nhiên vóc người lính già đứng thẳng lên. Con người khốn

khổ ấy vốn đã quen đi khom lưng mắt nhìn xuống đất, từ nay có vẻ mặt hãnh diện, mắt luôn ngược lên để nhìn mảnh cờ bay và giữ cho nó thật ngay ngắn, thật cao, vượt lên trên sự chết chóc, sự phản bội, sự bại trận.

Các bạn chưa bao giờ thấy người nào thật sung sướng như Hornuyx trong những ngày chiến trận khi bác ta nắm bằng hai tay cái cán cờ cắm thật chắc chắn trong cái bao da. Bác chẳng nói năng, chẳng động đậy. Nghiêm trang như một vị cố đạo, bác như đang mang một vật gì thật thiêng liêng. Tất cả cuộc đời, tất cả sức lực của bác dồn vào những ngón tay xiết chặt quanh ngọn cờ ren vàng rách bươm tươi đẹp mà đạn đã đổ dồn vào đấy, và đôi mắt nhìn thẳng vào mặt bọn Phổ, đầy thách thức như muốn nói: "Chúng bay hãy thử đến cướp của tao xem!...".

Chẳng có ai dám thử kể cả cái chết. Sau các trận Borny, Grivolôt, những trận tử chiến nhất, lá cờ đi khắp nơi, bị chém rách, xuyên thủng, toang hoác những vết thương, nhưng bao giờ cũng vẫn được giương cao trong tay người chiến binh kỳ cựu Hornuyx.

III

Rồi tháng chín đến, quân đội bị vây hãm ở Mét⁽¹⁾, cuộc dừng chân kéo dài trong bùn lầy, súng đại bác bị han rỉ, những đội quân tinh nhuệ nhất thế giới mất tinh thần do không được hành động, do thiếu lương thực, tin tức, chết

⁽¹⁾ Metz: thị trấn tỉnh Mô-đen, bị quân Phổ bao vây và chiếm từ năm 1870 đến năm 1918.

dần chết mòn vì chết rét, và chán nản bên những khẩu súng chất thành đống. Cả quan lẫn quân chẳng ai còn tin tưởng. Chỉ riêng Hornuyx vẫn còn tin. Tám vải tam tài rách đối với bác là tất cả, và chừng nào bác còn thấy nó thì có lẽ không có gì mất mát cả. Khốn nỗi vì người ta chẳng còn đánh nhau nữa, ông đại tá giữ lá cờ tại nhà mình ở nơi ngoại ô thành Mét; và bác Hornuyx đứng cảm gân giống như một bà mẹ có con nhỏ gửi người khác nuôi. Lúc nào bác cũng nghĩ đến nó. Cho nên lúc nào buồn chán quá không chịu nổi, bác chạy một mạch đến Mét và chỉ cần được nhìn thấy nó vẫn ở nguyên chỗ cũ, yên ổn dựa vào tường, là bác trở về lòng đầy can đảm, kiên nhẫn, mang theo vào tám lều vải ướt áp những giấc mơ chiến trận, những cuộc tiến quân lên phía trước với lá cờ tam tài, giang rộng tung bay trên chiến hào quân Phổ.

Một bản nhật lệnh của thống chế Bazen⁽¹⁾ làm sụp đổ những ảo tưởng đó. Một buổi sáng Hornuyx tỉnh dậy thấy toàn trại ồn ào lính tráng tụ họp, sôi động, tức tối, kêu thét điên cuồng, giơ những nắm tay về cùng một phía thành phố, dường như là con thịnh nộ của họ chỉ đích danh một thủ phạm. Họ ngào lên: "Bắt lấy nó!... Đem bắn chết nó đi!...". Và các sĩ quan để mặc họ nói. Sĩ quan đi tách riêng, đầu cúi xuống như hổ thẹn. Người ta vừa đọc được trước một trăm năm mươi nghìn binh lính trang bị tốt, còn khoẻ mạnh, mệnh lệnh của ngài thống chế đem nộp họ cho kẻ thù mà không đánh chác gì cả.

⁽¹⁾ Bazen (Bazaine), thống chế Pháp đã phản bội Tổ quốc, đầu hàng quân Bixmac (Phổ) ở Mét trong chiến tranh 1870-1871.

- Thế còn những lá cờ! - Hornuux tái mặt hỏi... - Thì cờ cũng nộp với mọi thứ khác, với súng ống, quân trang, tất...

- Mẹ... mẹ... mẹ kiếp! - Con người tội nghiệp lấp bắp. - Chúng sẽ không thể lấy được cờ của ta... và bác cấm đầu chạy về phía thành phố.

IV

Ở đó cũng đang sôi động, nhốn nháo. Vệ quốc, binh phạm, dân vệ kêu ngào, vùng vẫy. Những đoàn đại biểu rùng rùng đi đến nhà viên thống chế. Riêng bác Hornuux chẳng nhìn thấy gì cả, chẳng nghe thấy gì, bác vừa nói một mình vừa đi ngược phố Ngoại ô.

"Họ cướp lá cờ của ta!... Nào! Có thể như thế được không? Họ có quyền gì? Hấn hãy đem cho bọn Phổ những cái gì của riêng hấn. Những cỗ xe mạ vàng, bộ đĩa sứ đẹp mang từ Mêxicô về! Nhưng còn cái này là của ta... đó là danh dự của ta. Cấm kẻ nào đụng đến nó".

Những câu nói nhất ngừng đó bị ngắt quãng do bác vừa chạy vừa nói lắp; nhưng từ đáy lòng, người lính già ấy có ý nghĩ của mình. Một ý nghĩ rất rõ ràng, rất quả quyết, lấy lại lá cờ, mang nó đi theo giữa trung đoàn, cùng với tất cả những ai muốn đi theo bác, đập lên xác quân Phổ mà tiến.

Khi bác tới nơi, người ta chẳng cho vào. Viên đại tá, cũng đang tức giận, chẳng muốn tiếp ai... nhưng Hornuux không chịu.

Bác chửi rửa, kêu gào, xô đẩy người hầu:

- Lá cờ của tôi... tôi muốn lấy lá cờ của tôi... Cuối cùng cánh cửa sổ mở ra:

- Bác đấy à? Hornuyx?

- Dạ bẩm, đại tá vâng, tôi...

- Tất cả đều ở kho binh khí... bác chỉ việc đến đó, người ta sẽ giao cho bác một tờ biên lai...

- Một tờ biên lai?... Để làm gì?...

- Đó là lệnh của thống chế...

- Nhưng mà bẩm đại tá...

- Xéo... để tôi yên!... và cánh cửa sổ xập lại.

Bác lính già Hornuyx lão đảo như một người say rượu. Giấy biên lai... Giấy biên lai..., bác lẩm nhẩm nhắc lại như cái máy. Cuối cùng bác lại bước đi, chỉ còn biết đến một điều, đó là lá cờ đang ở kho binh khí và bác phải giành lại nó bằng bất cứ giá nào.

V

Các cổng kho binh khí đều mở rộng để cho các toa xe Phở đang xếp hàng đợi ở ngoài sân đi qua. Hornuyx thấy rùng mình khi bước vào. Tất cả những người cầm cờ đều ở đó, năm chục hoặc sáu chục sĩ quan buồn bã, im lặng; và

những cỗ xe ảm đạm trong mưa, những con người đầu trần tụ tập ở phía sau, trông như một đám tang.

Trong một góc, tất cả những lá cờ của quân đội Bazen chất đống, trên mặt đường lầy lội. Không gì đáng buồn hơn là thấy những mảnh lụa sắc sỡ, những mẩu tua vàng và cán cờ trau chuốt còn sót lại, tất cả những chiến cụ quang vinh ấy vứt xuống đất, lấm láp mưa bùn. Một viên sĩ quan quản lý cầm lấy từng cái một, và khi nghe gọi đến trung đoàn mình, mỗi người cầm cờ tiến lên nhận lấy một biên lai. Dáng cứng nhắc, thản nhiên, hai sĩ quan Phổ kiểm soát việc chất đồ lên xe.

Ồi, những mảnh cờ hiển hách thiêng liêng, các người ra đi như vậy sao, tả tơi rách nát, quét lê gầy cánh! Các người ra đi với nỗi tủi hổ của những vật cao quý bị làm ô uế, và mỗi mảnh cờ đều mang theo một chút gì đó của nước Pháp! Ánh mặt trời của những cuộc trường chinh còn đọng lại của những nếp vải. Các người mang trong những vết đạn kỷ niệm của những tử sĩ vô danh đã gục ngã bất ngờ dưới lá cờ bị ngấm bẩn.

- Hornuyx, cờ của mày... Họ gọi mày... đến mà nhận biên lai.

Phải đâu là việc lấy biên lai!

Lá cờ đang ở trước mặt bác kia. Đích thị là lá cờ của bác, lá cờ đẹp nhất, bị thương tích nhiều nhất... Và nhìn thấy lại nó, bác tưởng đâu như mình vẫn đứng cao trên bờ dốc kia, đang nghe tiếng đạn réo, tiếng cà mèn vỡ và tiếng viên đại tá: "Giương cờ lên, anh em ơi!"...

Rồi hai mươi hai đồng đội của bác ngã xuống và bác là người thứ hai mươi ba đến lượt xông tới để giương lên, giữ lấy lá cờ tội nghiệp đang lảo đảo vì thiếu tay cầm đỡ. A! Ngày hôm đó bác đã thề bảo vệ nó, giữ gìn nó đến chết. Vây mà giờ đây...

Nghĩ đến đó, bao nhiêu máu trong tim bác bốc cả lên đầu. Như say như dại, bác vụt lao mình đến chỗ tên sĩ quan Phổ, giật lấy lá cờ thân yêu, giữ chặt trong tay; rồi vừa giương cao lên, thật cao, thật thẳng, vừa hô to: “Giữ lấy c...ờ...”, nhưng tiếng của bác bỗng tắc lại trong cuống họng. Bác cảm thấy cán cờ rung rung, tuột khỏi tay bác.

Trong cái không khí rã rời đó, cái không khí tang tóc đè nặng lên những thành phố đầu hàng, cờ không thể tung bay được nữa, không một cái gì kiêu hãnh có thể tồn tại được nữa... Và người lính già Hornuyx ngã vật xuống bằng hoàng sừng sốt.

CHUYỆN NGƯỜI NHẬN HUÂN CHƯƠNG 15 THÁNG TÁM⁽¹⁾

Một buổi chiều tối ở Algieri, sau một ngày đi săn, tôi gặp một trận bão bất ngờ trên đồng bằng sông Sêlíp, cách thành phố Oclêangvil mấy dặm. Không thấy bóng dáng một xóm làng hay một trạm trú dọc đường. Chỉ toàn cây cọ lùn, những bụi rậm nhũ hương và những đám ruộng cày rộng mênh mông tới tận chân trời. Trong khi đó, con đường sông Sêlíp ngập nước lũ bất đầu ngấm thét một cách đáng sợ và tôi có thể gặp rủi ro nếu phải qua đê ở giữa đầm lầy.

May thay, người thông ngôn địa phương làm việc ở đồn Tây Miliana⁽²⁾ cùng đi với tôi chợt nhớ ra ở ngay gần đây, núp sau một cái gò có một bộ lạc mà anh ta quen biết vị aga⁽¹⁾. Chúng tôi liền quyết định đến xin ngủ nhờ một đêm.

⁽¹⁾ 15 tháng tám: Ngày sinh của Napoléon I. Theo lệnh của Napoléon III, ngày nay được coi là ngày hội thưởng huân chương cho binh sĩ lê dương của đế quốc Pháp. Câu chuyện này viết về thời đất nước Algieri còn là thuộc địa của Pháp.

⁽²⁾ Đồn tây Miliana: nguyên văn là *Bureau de maliana*, chỉ một đồn, một trạm gác của thực dân Pháp tại Maliana.

⁽¹⁾ Aga: tên gọi thường đứng đầu bộ lạc, cũng tương tự như một giáo trưởng trong đạo hồi hay một tù trưởng.

Nhưng xóm làng A-rập ở vùng đồng bằng này nấp kín vào sau những bụi xương rồng và những lùm cây và Barbari⁽¹⁾; các túp lều bằng đất thấp lè tè sát mặt đất đến nỗi chúng tôi vào tới giữa xóm mà vẫn chưa nhận ra được. Phải chăng vì trời mưa hay vì vào giờ này vẫn thế, nên mới có sự im ắng lạ thường?... Song, cái xứ này trông đến là buồn mà giương như bị đè nặng dưới một nỗi khắc khoải lo âu đang làm ngừng cả cuộc sống. Trên cánh đồng xung quanh, vụ thu hoạch bị bỏ bể. Lúa mì, lúa mạch ở các nơi khác đã gặt hái về nhà, còn ở đây thì đang nằm chết dí và đang thối tại chỗ. Cây bừa han rỉ vung vãi, bỏ quên dưới trời mưa. Tất cả bộ lạc đều mang cái vẻ bi thảm suy vi và dửng dưng ấy. Có chăng những con chó sủa lên khi chúng tôi đến gần. Chốc chốc ở trong một túp lều có tiếng trẻ kêu, và thấp thoáng trong bụi rậm cái đầu trọc của một đứa trẻ nhỏ, hoặc tấm vải choàng thùng của một ông già. Đó đây mấy con lừa nhỏ run lập cập trong bụi rậm. Nhưng không có lấy một con ngựa, một người đàn ông... cứ như là còn đang thời kỳ chiến tranh lớn và tất cả các kỵ sĩ đã đi hết từng hàng tháng trời rồi.

Ngôi nhà của vị aga là một loại trang trại có tường trắng, không cửa sổ, trông cũng chẳng có vẻ sống động hơn các nhà khác. Các tàu ngựa mở toang, các ngăn và máng ăn trống rỗng, chẳng có một người chăn ngựa để nhận ngựa cho chúng tôi. Người bạn đồng hành của tôi bảo:

- Ta vào quán cà phê mơ đi.

⁽¹⁾ Barbari, còn gọi là các Quốc gia *bacbarétxc*- *Etats barbaresques* tên gọi các nước vùng Bắc Phi: Algieri, Maroc, Tunidi dưới chế độ thuộc địa cũ.

Cái gọi là quán cà phê mờơ trông như quán tiếp khách của các nhà quý tộc A-rập; một căn nhà trong một ngôi nhà giành cho các khách qua đường; ở đó những người hồi giáo tốt bụng ấy rất đỗi lễ độ, rất đỗi niềm nở, biết cách biểu thị lòng trọng khách mà vẫn giữ được tính thân mật gia đình mà phép tắc yêu cầu. Quán cà phê mờơ của vị aga Xi Xliman cũng mở rộng và yên lặng như tàu ngựa của ông ta. Những bức tường cao, những vũ khí chiến tích, những lông đà điểu, tấm ghế trường kỉ rộng và thấp chạy vòng quanh phòng đều ướt rùng rùng do gió mạnh thổi ập từng đụn nước mưa rào qua cửa...

Vậy mà cũng có người ở trong quán. Đầu tiên là bác chủ quán, một người dân Kabin ăn mặc rách rưới, ngồi xồm gục đầu giữa hai khuỷu chân; bên cạnh một cái lò than lật úp. Rồi đến con trai vị aga, một cậu bé khôi ngô mắc bệnh sốt rét, mặt xanh xao đang nằm cuộn tròn trong tấm áo choàng đen trên trường kỷ, dưới chân có hai con chó săn.

Khi chúng tôi bước vào, không một vật gì động đậy; có chăng một con chó săn ngo ngoáy cái đầu và cậu bé ngoái lại phía chúng tôi, ngược đôi mắt đen láy trông như đang sốt và mệt mỏi.

Người thông ngôn hỏi:

- Ngài Xi Xliman có nhà không bác?

Người chủ quán vung tay qua đầu trở về phía chân trời xa, xa tít... Chúng tôi hiểu rằng Xi Xliman đang làm một cuộc viễn du nào; nhưng chúng tôi không thể nào lên đường giữa lúc trời mưa to này, người phiên dịch nói với đứa con

người aga bằng tiếng A-rập rằng chúng tôi là bạn bè của cha nó và chúng tôi xin ngủ đố đến hôm sau. Tức thì cậu bé nhồm dậy, mặc đầu đang cơn sốt nóng, sai bảo bác chủ quán, và trở cho chúng tôi chiếc ghế trường kỷ với vẻ lịch sự như bảo: “Các ngài là quý khách của nhà tôi mà!”; cậu ta chào theo kiểu A-rập, đầu cúi xuống, ngón tay đặt lên môi hôn, và sửa sang lại nếp áo choàng một cách trịnh trọng, cậu bước ra với vẻ đường bệ của một vị aga và một chủ nhà.

Đằng sau cậu ta, bác chủ quán nhóm bếp lò đặt lên hai cái ấm nhỏ xúu, và trong khi bác chuẩn bị cà phê cho khách, chúng tôi đã tranh thủ dò hỏi được bác ít nhiều chi tiết về cuộc du hành của ông chủ và về tình trạng phóng mặc lạ lùng của bộ lạc. Với điệu bộ như bà già, bác Kabin nói nhanh bằng một giọng cổ rất hay, lúc thì dồn dập, lúc thì ngắt quãng lâu lâu làm nghe rõ tiếng mưa rơi trên tấm khảm nạm phía sân trong, tiếng nước reo trong ấm và tiếng hàng ngàn con lang rừng sủa khắp cánh đồng.

Câu chuyện đã xảy đến với ông Xi Xlیمان bất hạnh như thế này. Cách đây bốn tháng, vào ngày 15 tháng tám, ông nhận được tấm mẽ day⁽¹⁾ Bắc đẩu bội tinh nổi tiếng mà người ta đã làm ông phải mất công trăm đợi nghìn chờ. Đó là vị aga duy nhất trong tỉnh chưa được thưởng thứ mẽ day. Mọi vị khác đều đã được thưởng ngũ đẳng, tứ đẳng bội tinh, vài ba người còn quần quanh tấm vải choàng cái dải bội tinh tam đẳng to tướng và khịt khịt mũi vào đó một cách đến là hồn nhiên như tôi đã từng chứng kiến ở Bach Aga

⁽¹⁾ *Mẻ day*: phiên âm tiếng Pháp Médaille là huân chương. Mẻ day là tiếng phổ thông và bình dân trước kia dưới thời Pháp thuộc.

Bualem. Cho đến nay Xi Xliman vẫn chưa được tặng huân chương chẳng qua là đã để xảy ra một chuyện xích mích với tên chánh văn phòng người a-rập nhân một ván chơi bài, và cái mối giao du theo cách hủu trong nhà binh Algieri mạnh đến nỗi tên ông Aga được ghi vào danh sách đề nghị tặng thưởng đã mười năm trời rồi mà vẫn chẳng bao giờ được thông qua. Cho nên bạn có thể tưởng tượng xem ông Xi Xliman vui sướng đến nhường nào khi vào một buổi sáng ngày 15 tháng tám, một kỵ binh thành phố Oclêăngvil mang đến một cái hộp quý mạ vàng với tám bằng, mê day, và bà Baia, người được sủng ái nhất trong số bốn bà vợ của ông cài cài thập tự Pháp lên tám áo choàng của ông bằng da lạc đà. Đây là dịp cho cả bộ lạc hoan hỉ yến tiệc và quần ngựa triển miên. Cả đêm vang dội tiếng trống cơm, tiếng sáo trúc. Nào nhảy múa, nào lửa trại và không biết bao nhiêu cừu bị ngã. Và để cho ngày hội không còn thiếu thứ gì, một nhà thơ ứng khẩu nổi tiếng của bộ lạc Jendel đã sáng tác một bài ca tuyệt diệu chúc tụng ông Xi Xliman, bài ca mở đầu bằng câu: *"Gió ơi hãy thổi yên cương, bay đi truyền khắp bốn phương tin mừng..."*

Ngày hôm sau từ lúc mặt trời mọc, Xi Xliman đã tập hợp dưới cờ tất cả các chức sắc thuộc quyền mình, rồi cùng các kỵ binh lên Algieri để tạ ơn quan toàn quyền. Đến cổng thành phố, đoàn người dừng lại theo tục lệ. Vị aga đi một mình đến dinh toàn quyền, yết kiến công tước Malakop để bày tỏ lòng trung thành với nước Pháp bằng vài ba câu hình ảnh bóng bẩy trong kiểu cách phương đông, bởi từ ba nghìn năm nay ở đây người ta vẫn thường ví tất cả trai tráng như những cây cọ và tất cả đàn bà như những con nai. Rồi,

những nghi lễ đó xong, ông lên phố để ra mắt công chúng, vừa đi vừa lễ khi qua các giáo đường, phân phát tiền cho những người nghèo khổ, la cà vào các hiệu thợ cạo, các hiệu may thuê mua cho các bà vợ nào nước thơm, nào lụa là hoa lá sặc sỡ, sắm cho cậu aga nhỏ đôi ủng kỳ sĩ đỏ, trả tiền mua không cần mặc cả và ban bố niềm vui bằng những đồng tiền du-rô tươi rói. Người ta nom thấy ông trong các quán hàng, ngồi trên những tấm thảm Xmiécn, uống cà phê ở cửa các nhà thương nhân mô-rơ; họ chúc mừng ông. Chung quanh ông dân chúng xúm xít, tò mò. Họ bảo: “Ông Xi Xlیمان kia kìa... Đức *Hàng đế* vừa mới gửi tặng ông ta mẻ *đầy thập tự*”. Và những cô gái mô-rơ nhỏ nhắn đi tắm về vừa ăn bánh vừa liếc nhìn mãi qua tấm mạng trắng đầy vẻ thần phục chiếc thập tự bạc đẹp đẽ mới tinh mà ông đeo một cách thật là hãnh diện. Chà! Trong đời người ta thỉnh thoảng có những lúc tuyệt diệu thật...

Chiều đến, Xi Xlیمان sửa soạn trở về bộ lạc của mình; khi ông vừa đặt chân lên bàn đạp thì bỗng một hiến binh⁽¹⁾ của tỉnh chạy tới thở không ra hơi:

- Xi Xlیمان đây rồi! Tôi đi tìm anh khắp mọi chỗ. Quan toàn quyền đang cần nói chuyện với anh.

Xi Xlیمان đi theo không chút lo âu. Tuy nhiên khi đi qua cái sân lớn kiểu mô-rơ của dinh thự, ông gặp viên chánh văn phòng người A- rập cười với ông một cách chẳng lành. Cái cười này của kẻ thù làm ông hoảng hốt, và ông run run

⁽¹⁾ Hiến binh nguyên văn là *chaouch* (sa-úts)

bước vào phòng khách quan toàn quyền. Viên thống chế ngồi xoay ghế ra hai bên ghế mà tiếp:

- Này Xi Xliman - ông ta nói bằng cái thói tàn nhẫn thông thường, vẫn thấy ở ông ta với cái giọng mũi ghê gớm làm rung động mọi thứ xung quanh - Xi Xliman ơi, ta lấy làm tiếc rằng... có một sự nhầm lẫn... không phải người ta định thưởng mề đay cho anh đâu; mà là cho viên chỉ huy binh lính Zuzu⁽¹⁾ kia... anh phải trả lại tám mề đay đấy.

Cái khuôn mặt da đồng óng đẹp của vị aga đỏ rực lên như kê sát lửa lò rèn. Tám thân to lớn của ông co giật mạnh. Đôi mắt ông bốc lửa... Nhưng chỉ một thoáng qua thôi. Ông cup ngay mặt xuống, và cúi mình trước viên toàn quyền.

- Bẩm quan lớn, ngài là ông chủ, ông aga nói và giật chiếc thập tự khỏi ngực đặt lên bàn. Bàn tay ông run rẩy, nước mắt ứa ra đầu lông mi dài.

Lão Pêlixie trông thấy, ái ngại nói:

- Thôi thôi anh bạn đừng cảm, sang năm sẽ được mà! Và lão chìa tay ra với vẻ người tốt bụng.

Vị aga giả đồ không nhìn thấy, cúi mình không đáp và bước ra. Ông đã hiểu quá rõ lời hứa của ngài thống chế ra sao rồi, và cũng thấy rõ từ nay mình mãi mãi mang nỗi nhục vì một mưu đồ bọn bàn giấy.

⁽¹⁾ Zu zu (Zoug Zougs), cũng gọi là Zuavor (Zousves): lính bộ binh A- rạp được tuyển đầu tiên từ bộ lạc Kabin thời Pháp thống trị Algieri.

Cái tin thất sủng của ông đã lan khắp thành phố. Bọn Do thái phố Ba-Azun nhìn ông đi qua mà cười nhạo báng. Những thương nhân mơ ước trái lại quay đi với vẻ thương hại, nhưng chính cái vẻ thương hại ấy khiến ông còn đau hơn cả những cái cười riễu kia. Ông bước đi, men theo các dãy tường, tìm những hẻm tối tăm nhất. Cái chỗ ngực bóc tẩm mề đay đi bỏng rát như một vết thương há miệng. Suốt buổi, ông nghĩ:

“Các kỵ sĩ của ta sẽ nói gì đây? Các phụ vợ ta sẽ nói gì đây?”

Tức thì những cơn điên bốc lên bùng bùng. Ông ta thấy mình như đang đi thuyết giáo về chiến tranh thần thánh ở những vùng biên giới Maroc kia, nơi luôn luôn đỏ rực như đám cháy và những cuộc chiến chinh⁽¹⁾, hoặc như đang chạy trên các đường phố Algier, cầm đầu bộ lạc đi cướp phá đám Do thái, tàn sát kẻ theo đạo gia-tô, và chính mình cũng ngã xuống trong cảnh đại náo ấy mà có thể che dấu được nổi tức nhục của bản thân... Ông có thể làm được tất cả mọi việc ấy hơn là quay trở về bộ lạc mình. Bỗng nhiên giữa những dự tính trả thù ấy, ý nghĩ về đức *Hàng đế* vọt ra như một tia sáng.

Đức *Hàng đế*!... Đối với Xi Xliman cũng như đối với mọi người dân A-rập, ý niệm về công lý và quyền uy tóm gọn trong một chữ đó. Đó là vị thủ lĩnh thực sự của những tín đồ theo đạo Hồi đang suy tàn này; còn vị thủ lĩnh kia,

⁽¹⁾ *Xâmbun* đỏ rực những đám cháy, ý ở đây nói đến những cuộc hành quân của quân đội thực dân Pháp nhằm xâm chiếm Maroc làm thuộc địa.

cái vị ở Xtambul⁽¹⁾ thì “kính nhi viễn chi” như một con người lý trí, một thứ giáo hoàng vô hình, chỉ có quyền lực tinh thần, và trong kỷ nguyên hồi giáo của ta ngày nay, người ta hiểu rõ cái quyền lực ấy có giá trị gì.

Đằng này, đức *Hàng đế* có súng thần công to tướng, có bao lính bộ binh tinh nhuệ, có hạm thuyền bằng sắt!... Mới nghĩ đến Người, Xi Xliman thấy mình như được cứu thoát. Chắc chắn là hoàng đế sẽ trả lại tám thập tự. Đó bất quá là một chuyến đi tám ngày và ông ta chắc mẩm đến nỗi muốn rằng bộ lạc ông sẽ đợi ông về ở cổng thành Algîe. Ngày hôm sau tàu thủy đưa ông đi Pari, mặt mày ông đượm vẻ trầm mặc và thanh thản như đi trong một cuộc hành hương ở La Méc.

Tội nghiệp ông Xi Xliman! ông ra đi đã bốn tháng ròng, và những thư từ gửi về cho vợ chưa thấy đả động đến ngày về. Từ bốn tháng nay, vị aga khốn khổ mất tâm trong đám sương mù Pari, suốt ngày chạy chọt đến các bộ, chỗ nào cũng bị lừa phỉnh, nhạo báng, bị mắc kẹt vào cái trận đồ bát quái khủng khiếp của bộ máy hành chính nước Pháp, bị đẩy từ cơ quan nọ đến cơ quan kia, tì bần áo choàng lên những hòm gỗ ở các phòng đợi, luôn luôn rình chờ một cuộc tiếp kiến chẳng bao giờ đến cả; rồi tối đến người ta thấy mặt ông buồn dài thượt ra mà vẫn cố làm ra bộ trịnh trọng nên trông càng tức cười; ông đợi lấy chìa khóa ở một quầy khách sạn sang trọng đây tiện nghi, và ông trở lên buồng mình, mệt nhoài về những cuộc lang thang, những

⁽¹⁾ *Ixtambul* ý nói vua hồi giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ cai quản phần tinh thần giáo dân đạo Hồi.

chuyện chạy vạy, nhưng vẫn luôn luôn hăng diện, bám chặt lấy niềm hi vọng của mình...

Trong thời gian đó, các kỵ binh của ông vẫn ngồi chễm chễm ở cửa Ba-Azun, đợi chờ với niềm tin ở thuyết định mệnh phương đông; đàn ngựa buộc vào cọc hí vang ven bờ biển. Trong bộ lạc thì mọi việc đều đình đốn. Lúa má chín rũ tại chỗ và thiếu tay gặt hái. Đàn bà con gái mặt hướng về Pari mà tính từng ngày. Và thật thấy ái ngại thấy biết bao hi vọng, lo âu và tàn phá đã kéo dài lê thê sau cái dải mê đay đó ấy... Đến bao giờ mới chấm dứt tất cả những cái đó?

- Có trời biết! - bác chủ quán thở dài nói, và qua cánh cửa hé mở, trên cánh đồng tím ngắt, buồn thiu, cánh tay trần của bác trở cho chúng tôi mảnh trắng lưỡi niêm bạc đang mọc lên trên bầu trời mọng nước...

CHUYẾN PHÀ NGANG

Trước chiến tranh, ở đây có một cái cầu treo đẹp, hai trụ cao bằng đá trắng, những sợi dây sơn hắc ín căng dọc sông Xen đến tận chân trời, trông lơ lửng giữa không trung, làm cho những quả khí cầu và những tàu thủy thêm bội phần ngoạn mục. Đoàn tàu thủy chạy trong đám khói lốc, dưới những vòm cầu lớn ở giữ không cần phải hạ thấp ống khói; hai bên bờ đặt các bàn giặt áo quần, những chiếc áo ngồi của các chị thợ giặt, có những chiếc thuyền đánh cá nhỏ cột vào những vòng sắt. Một con đường trồng bạch dương trải giữa cánh đồng dẫn đến chân cầu, trông như một tấm rèm xanh lớn rung rinh trước làn nước mát. Phong cảnh thật hữu tình.

Năm nay, mọi vật đều đổi thay. Những hàng bạch dương vẫn đứng đó nhưng dẫn đến khoảng trống. Cầu không còn nữa. Hai trụ sập đổ, những tảng đá vung vãi xung quanh vẫn còn đó. Ngôi nhà nhỏ màu trắng, nơi vẫn thu thuế qua cầu bị trấn động làm đổ đến một nửa, trông có vẻ một hoang tàn còn tươi nguyên dấu vết, một vật chứng ngại hoặc một sự phá hoại. Những dây thừng dây thép ngâm nước rậm rĩ, tấm bảng cầu sụp xuống cát, giữa dòng nước trong chả khác một mảnh tàu đắm lớn, trên đỉnh cắm một ngọn cờ đỏ để báo hiệu cho các thuyền trưởng; mọi thứ cỏ vụn, ván gỗ mốc meo cuốn theo dòng sông Xen tụ lại ở

đó thành một cái đập đầy sóng giạt và nước xoáy. Cảnh vật như có một chỗ bị xé rách, một cái gì hở lộ ra màu tai biến. Để hoàn tất cái khung cảnh ảm đạm ấy con đường dẫn đến cầu cũng trở thành trơ trụi. Tất cả những cây bạch dương trước kia um tùm xanh tươi là thế mà nay bị sâu non cắn trụi đến tận ngọn - cây cối cũng chịu nạn xâm lăng riêng của chúng - giang những cành không mầm lộc, khẳng khiu, tơi tả vể trên con đường lớn vô dụng, vắng teo, những cánh bướm trắng lớn bay nặng nề...

Trong khi chờ đợi xây lại cầu, người ta đặt ở gần đây một bến phà ngang, một trong những loại bè mảng lớn có thể chở những cỗ xe thặng nguyên cả ngựa, những con ngựa cày với cả cày bừa và những con bò cái giương tròn đôi mắt bình thản khi nhìn thấy sóng nước. Súc vật và xe cộ xếp ở giữa phà; bên cạnh là khách bộ hành; những nông dân, trẻ em đi học trường thị trấn, người dân Pari đi nghỉ ở vùng quê. Những tấm khăn mỏng, những dải băng bay phấp phới bên những dây cương ngựa trông giống như một tấm mảng của những kẻ bị đắm tàu. Con phà tiến chậm chạp. Dòng sông Xen đi qua đến là lâu trông càng rộng hơn xưa, và đằng sau những đống hoang tàn của chiếc cầu đổ, giữa hai bờ sông hầu như xa lạ với nhau, chân trời mở rộng ra với một vẻ trang nghiêm buồn tẻ.

*

* . *

Buổi sáng hôm ấy, tôi đến rất sớm để qua sông. Chưa có bóng người nào trên bãi cát. Ngôi nhà nhỏ của người trở phà, một toa xe cũ nằm im trong cát ẩm vẫn còn đóng cửa, ướt đẫm sương đêm, có tiếng trẻ con ho hắng.

- Ôi này Ô-gien!

- Có đây, có đây! Người trở phà vừa đáp vừa lê bước đến. Đó là một người thuyền trưởng vốn đẹp trai, còn khá trẻ, nhưng đã tham gia làm pháo thủ trong cuộc chiến tranh vừa rồi và trở về mang bệnh tê liệt, với một mảnh đại bác ở chân và mặt thì bị rạch chằng chịt. Trông thấy tôi, người lái phà hồn hậu nói: “Sớm nay chúng ta sẽ không bị phiền nhiễu đâu ông ạ”.

Quả thật, trên phà có mỗi một mình tôi; nhưng khi anh ta tháo dây buộc thì có nhiều người đến. Thoạt tiên là một bà trang chủ to lớn có đôi mắt sáng, đi chợ Coocbây, đôi rổ lớn cắp dưới cánh tay làm cho cái thân hình cục mịch vững chãi thêm và bước đi thẳng, chững chạc; rồi đằng sau bà ta, trên con đường trũng nghe lao xao tiếng khách bộ hành thấp thoáng trong sương mù. Một giọng đàn bà dịu dàng, đầy nước mắt cất lên:

- Ối! Ông Sasinhô, cháu van ông, đừng làm chúng cháu khổ... Ông xem đấy, nhà cháu đã đi làm rồi. Cho nhà

cháu có đủ thời gian để trả nợ ông... nhà cháu chỉ xin có thể thôi.

- Thì ta đã cho khá đủ thì giờ rồi... ta chẳng thể cho hơn, giọng một lão phú nông móm mém, tàn nhẫn đáp lại. Bây giờ đến việc của mõ tòa. Tùy ông ta muốn làm gì thì làm... Ở này, Ôngien!

- Cái lão chó chết Sasinhô đấy - anh chớ phà khê bảo tôi - Tôi đây! Tôi đây!

Lúc ấy, tôi nhìn thấy một lão già cao lớn đi đến bãi cát, ăn mặc nhố nhăng: một cái áo rơm-danh-gốt da thô đi với một cái mũ lụa mới tinh kiểu rất cao thành. Lão nhà nông ấy da rám nắng thêm trong bộ áo quần quan cách. Cái chân bướng bỉnh, cái mũ khoằm khoằm kiểu bọn vô lại anh - điêng, cái miệng kẹp lại, đầy những vết nhăn lấu cá tạo cho hắn một bộ mặt hung dữ thật xứng với cái tên Sasinhô.

- Nào, Ôngien nhỏ sào nhanh lên, hắn vừa nói vừa nhảy lên phà, và giọng hắn run lên vì giận dữ. Mụ trang chủ bước lại gần hắn trong khi phà rời bến:

- Cụ Sasinhô, cụ giận gì ai thế?

- À! thế ra bà đấy à, bà Bạch? Đừng nói với ta chuyện ấy nữa... Ta đang lộn tiết lên đây... Cái bọn Madiliê khốn khiếp ấy! Và hắn giờ nắm đám trở một bóng người yếu ớt đang ngược lên con đường trùng vừa đi vừa sụt sùi.

- Thế bọn họ làm gì cụ?

- Làm gì à, chúng nợ ta bốn kỳ chưa trả và tất cả khoản rượu vang nữa, vậy mà ta chẳng đòi được một xu nhỏ... Cho

nên ta đến nhờ ông trưởng tòa ngay bây giờ để họ tống cổ bọn ăn mày ấy ra ngoài đường.

- Dù sao bác Madiliê cũng là một người ngay thẳng. Nếu bác ấy không trả được cụ thì cũng chẳng phải lỗi tại bác ta... Có khối người mất sạch trong chiến tranh.

Lão phú nông nổi khùng lên:

- Cái đồ ngu như *mộc* con lợn ấy!...⁽¹⁾ Nó có thể nhờ người Phổ mà làm giàu được chứ. Chẳng qua vì nó không muốn đẩy thôi... Cái ngày quân Phổ đến thì nó đóng cửa quán rượu và tháo gỡ biển hàng. Các chủ quán cà phê khác thì hái ra bạc trong chiến tranh; chỉ có hần ta chẳng chịu bán hàng lấy một xu... Tệ hơn nữa. Nó còn làm những điều xác láo đến nỗi bị đi tù... Cái *đồ* ngu xuẩn, tôi đã bảo mà... Tất cả những chuyện đó can hệ gì tới nó! Mà nó có phải con nhà lính cho cam! Nó chỉ việc cung cấp rượu vang và rượu mạnh cho khách hàng và bây giờ thì nó có thể trả nợ tôi rồi... Đồ chó chết, được, tao sẽ dạy cho mày làm bộ ái quốc, ái quần!

Rồi mặt đỏ gay vì thịnh nộ, hần hoa chân múa tay trong cái áo rơ-đanh-gốt lưng thụng của hần với những cử chỉ ngu độn của kẻ nhà quê làm quen với áo thợ.

Lão càng nói thì cặp mắt sáng của mặt trăng chủ lúc này đầy thương cảm với nhà Malidiê, trở lên khô khan gần

⁽¹⁾ Trong nguyên bản, lão Sasinhô khi nói câu này dùng một quán tự tiếng Đức "eine" lơ lơ với từ "une" cũng có nghĩa là "một" của Pháp (une bête: một con vật) ý tác giả cho lão nói đá tiếng Đức để nhằm thêm tính cách nhân vật phú nông làm tay sai cho quân Phổ. Xin tạm dịch ở đây *một* thành *mộc*.

như khinh bỉ. Mụ ta cũng là một phú nông và những người đó chẳng ưa gì những kẻ từ chối việc làm giàu. Lúc đầu mụ ta nói: “Thật khổ cho người vợ”, rồi một lát sau: “Chà! phải đấy... không nên quay lưng lại vận may”. Kết luận của mụ ta là: “Bố nói đúng, bố già ạ, mắc nợ thì phải trả chứ”. Còn Sasinhô thì luôn mồm nhắc đi nhắc lại qua hàm răng nghiêng chặt sin sít:

- Đồ ngu như *mộc* con lợn... *Mộc* con lợn...

Người trở phà vừa đẩy xào dọc mạn phà vừa nghe họ nói chuyện, thấy cũng cần phải xen vào:

- Cụ Sasinhô ơi, cụ cũng chẳng nên ác nghiệt như thế... cụ đi đến trường toà để làm gì cơ chứ?... cụ đem bán những người khốn khổ ấy đi thì quá vội đấy. Hãy đợi ít lâu nữa đã, bởi vì cụ vẫn còn có cách.

Lão già quay ngoắt lại như bị ai cắn:

- Liệu cái mồm mày ấy, đồ vô tích sự. Mày cũng là một trong cái bọn ái quốc ái quần ấy... chẳng tội nghiệp làm sao! Năm đứa con không đồng xu dính túi. Chẳng ai bắt thế mà lại đi chơi bắn súng đại bác cả... và thua ông, thử hỏi ông một chút (chắc lão già quay sang nói với tôi, tên khốn nạn!) làm những cái đó thì được lợi ích gì chứ? Như tên này chẳng hạn, nó lại được cái vỡ mặt vỡ mày ra và mất đi một chỗ làm tốt mà hắn đã có... đến bây giờ đây thì hắn ăn ở như một tên cầu bơ cầu bất, trong một cái lều trống giót tứ phương với đàn con quặt quẹo và mụ vợ sụn lung ra mà giặt giũ thuê... Cả hắn nữa, hỏi có phải cũng là một con lợn không?

Người trở phà vụt thoáng một nét căm giận vào giữa khuôn mặt nhợt nhạt tôi thấy những vết thương hằn sâu xuống và trắng bệch ra; nhưng anh cố tự kiềm chế được và dồn cơn điên tiết lên ngọn sào anh chống mạnh đến vụn gãy xuống lòng cát. Chỉ nói quá một lời có thể sẽ khiến anh mất nốt cái chỗ làm này nữa; bởi vì ông Sasinhô có quyền thế ở trong vùng:

Ông ta là uỷ viên hội đồng thị xã.

VỚI BA TRĂM NGHÌN FRĂNG MÀ ÔNG GIRACĐANH ĐÃ HỨA GIÚP TÔI...

Đã từng có bao giờ bạn đi ra khỏi nhà, chân bước thênh thênh và tâm hồn vui sướng, nhưng trong hai giờ lang thang trong thành phố Pari, bạn trở về rất khó chịu, lòng nặng trĩu một nỗi buồn vô cớ, một nỗi ưu tư không hiểu vì đâu? Bạn tự hỏi: "Mình làm sao thế này?..." Nhưng bạn tìm hiểu mất công mà chẳng thấy gì hết. Những cuộc dạo chơi của bạn đều tốt cả, vỉa hè khô ráo, trời nắng ấm, vậy mà bạn thấy ở trong lòng như có một nỗi khoắc khoải đấm đau, một nỗi ưu phiền day dứt.

Đó là vì ở cái thành phố Pari to lớn này mà bạn thấy mọi người chẳng ai để ý đến mình và cảm thấy tự do, người ta không thể đi một bước mà không vấp phải một cảnh khổ não xâm nhập, nó vấy vào người bạn và để lại dấu vết khi đi qua. Tôi không chỉ nói về những bất hạnh mà người ta biết, người ta quan tâm về những nỗi ưu phiền của bầu bạn nó cũng có phần là của chúng ta và sự gặp gỡ đột ngột nó làm thất lòng ta như một niềm ân hận; tôi cũng không chỉ nói về những mối ưu sầu của những kẻ đứng dừng, chỉ nghe có

một bên tai mà không ngờ lòng cũng ngậm ngùi. Tôi nói về những nỗi đau khổ hoàn toàn xa lạ, mà người ta chỉ bắt gặp thoáng qua, một phút giây, trong lúc dạo bước trên đường giữa phố phường hỗn độn.

Đó là những mảnh chuyện đối thoại đứt quãng trong những chuyến xe qua, những sự bận tâm âm thầm và mù quáng tự nó bộc lộ ra rất rõ ràng, những bắp vai mệt mỏi, những dáng điệu diên rồ, những cặp mắt rùng rục, những bộ mặt nhợt nhạt khóc sưng húp, những tang tóc mới còn ngấn lệ sau những tấm voan đen. Rồi đến những nét nhỏ nhặt lén lút và thật nhẹ nhàng! Một cái cổ áo chải cũ nát đang tìm cách che đi, một chiếc máy hát dây chim quay không còn phát ra tiếng dưới một cửa ngăn, một dải nhung ở cổ một người đàn bà gù, thất ngay ngắn một cách tàn nhẫn giữa đôi vai lệch lạc... tất cả những hình ảnh của những nỗi bất hạnh không quen biết vụt qua, bạn vừa bước đi là quên ngay, nhưng mà bạn đã cảm thấy những nỗi buồn của chúng lướt chạm vào mình, quần áo bạn đượm nỗi chán chường mà chúng kéo lê theo. Thế rồi, cuối cùng bạn cảm thấy xôn xao trong lòng, tất cả những gì là cảm động, là đau đớn, bởi vì bạn đã mắc vào mà không hề biết đến ở góc phố này, ở bậc cửa nọ cái sợi dây vô hình nó ràng buộc tất cả những nỗi bất hạnh lại với nhau mà làm chúng chuyển rung theo một tiếng động.

Tôi nghĩ đến điều ấy một buổi sáng nọ - bởi vì Pari hay phơi bày những cảnh thiếu nảo của nó nhất là vào buổi sáng - khi tôi nhìn thấy bước đi phía đằng trước tôi một anh chàng tội nghiệp bó chặt trong chiếc áo tôi quá mỏng khiến

cho bước chân của anh ta càng dài thêm và cường điệu một cách tàn bạo mọi cử chỉ của anh. Gặp người làm đôi như một thân cây bị gió cả dôi dập, kẻ đó bước đi rất nhanh. Chốc chốc bàn tay anh ta lại thọc vào túi sau và bẻ một mẩu bánh nhai nén nút như sấu hổ vì ăn ở ngoài đường.

Những người thợ nề làm cho tôi thêm khi thấy họ ngồi trên bờ hè ngoạm vào giữa tấm bánh mặt trăng mới. Những viên chức quèn cũng làm tôi thấy đói bụng khi họ từ cửa hàng bánh chạy về cơ quan, quần bút rất tai mồm nhồm nhoàm rất khoan khoái và bữa ăn ngoài trời ấy.

Nhưng đằng này người ta lại xấu hổ vì cái đói thật sự và thật đáng thương khi thấy kẻ khốn khổ ấy chỉ dám ăn từng mẩu bánh vụn bẻ nát trong dây túi.

Tôi đi theo anh một lúc, bỗng nhiên thường xảy ra trong những cánh ba đào, anh đột ngột thay đổi hướng đi và ý nghĩ khi anh quay lại thì chạm trán tôi.

- Kìa! Anh đấy ư... Tình cờ tôi có quen vợ anh ta. Đó là một trong những tay xoay xở đủ thể nghề như thường thấy đầy rẫy trên đường phố Pari một tay tài ba, sáng lập viên của những tờ báo chẳng bao giờ được; đã một thời người ta quảng cáo rùm beng và viết về anh, nhưng từ ba tháng nay anh đã biến mất sau cái nhào hạp kinh hoàng và ở chỗ anh nhận chìm này, nước sủi tắm được vài ngày rồi sống lại lấp lại phẳng lì và chẳng có ai bàn tán về anh nữa. Trông thấy tôi, anh ta luống cuống. Để chặn đứng ngay mọi câu hỏi lồi thoi và chắc hẳn để tôi khỏi chú ý đến cách ăn mặc lèm nhèm và đến cái bánh một xu của anh, anh ta bỗng làm ra bộ hớn hở và nơi liên thoáng... nào công việc của anh rất

chạy rất tốt... chẳng qua chỉ là ngừng tạm một thời gian thôi. Hiện nay anh đang làm một công việc hay tuyệt... ra một tờ báo lớn về công nghiệp. Rất nhiều tiền, một giao kèo đăng quảng cáo rất béo! Anh vừa nói, vẻ mặt anh vừa linh hoạt lên, anh dưỡn thẳng người. Dần dần anh lên giọng bảo chớ giường như anh đang ngồi ở trong văn phòng toà soạn và còn yêu cầu tôi viết bài cho anh. Anh đặc chí nói tiếp:

- Anh phải biết đây là một áp - phe chắc chắn... tôi bỏ ra ba trăm nghìn frăng mà ông Giracđanh đã hứa giúp tôi để khai trương!

- Giracđanh!

Đúng là cái tên vẫn thường ở cửa miệng những kẻ ảo tưởng. Cứ nghe nói đến cái tên đó là hình như tôi thấy hiện ra những khu phố mới, những ngôi nhà đồ sộ đang xây, những tờ báo in còn tươi mực, với những danh sách các cổ động, và uỷ viên quản trị. Biết bao lần tôi đã nghe nói về những dự định điên rồ: "Phải đem bán việc này với ông Giracđanh!..." cả cái anh chàng khốn khổ này cũng vậy; anh ta cũng có ý nghĩ đem chuyện này nói với Giracđanh. Hẳn là suốt cả đêm anh ta phải chuẩn bị đề cương, sắp xếp những con số... rồi anh ta đi ra và vừa bước đi vừa vung vẩy, anh thấy công việc hay ho đến nỗi lúc chúng tôi gặp nhau anh cho rằng khó mà ông Giracđanh có thể từ chối anh ta ba trăm nghìn frăng. Khi nói rằng người ta đã hứa giúp số tiền đó, con người tội nghiệp kia không nói dối đâu, anh ta chỉ tiếp tục mơ tưởng mà thôi.

Trong khi anh ta nói chuyện chúng tôi bị xô đẩy dồn sát vào tường. Đây là vỉa hè của một phố rất tấp nập đi từ Sở

Chúng Khoán đến nhà Ngân hàng chật ních những người vội vàng lơ đãng, dồn hết tâm trí vào công việc của họ. Nào là chủ hiệu lo lắng chạy đi rút khối phiếu, nào là bọn buôn chứng khoán nhò mặt cúi gằm vừa đi vừa ghé vào tai nhau mà truyền những con số. Phải nghe tất cả những toan tính đẹp đẽ đó ở giữa đám người này, trong khu phố của những kẻ đầu cơ, nơi mà người ta như cảm thấy cái hối hả sục sôi của những cuộc sát phạt đỏ đen, tôi rợn người như đang đi giữa biển khơi mà nghe kể chuyện đắm tàu. Tôi biết rõ tất cả những điều anh nói, những tai họa của anh mà những người khác đã chịu đựng và đã từng hí hửng và hi vọng hão như anh. Anh ta từ biệt tôi cũng đột ngột như lúc anh ta gặp tôi, lao mất tâm vào cơn lốc quay cuồng của những điên loạn mơ tưởng đối chọi cái mà những kẻ kia gọi bằng một giọng nghiêm chỉnh là những công việc làm ăn.

Năm phút sau tôi đã quên anh ta, nhưng buổi tối trở về nhà, khi tôi rũ bỏ đi cùng với bụi đường tất cả những nỗi u buồn của ngày hôm đó, tôi lại nhìn thấy bộ mặt đau khổ và tái xanh ấy, miếng bánh một xu và cái điệu bộ để nhấn mạnh những lời nói hên hoang này: "Với ba trăm nghìn frăng mà ông Giracđanh đã hứa giúp tôi!..."

MÓN SÚP PHÓ MÁT

Đó là một căn phòng nhỏ ở gác năm, một trong các loại phòng trên tầng thượng, mưa rơi thẳng đứng xuống những ô kính trên mái nhà và khi đêm đến như lúc này thì trông như mất hút cùng với những mái nhà và trong đêm đen và gió giạt. Tuy nhiên căn phòng này tốt, tiện nghi và khi bước vào người ta cảm thấy rất thoải mái, cảm giác càng tăng thêm giữa tiếng gió thổi và tiếng nước mưa đổ xuống như thác chào đầy vào ống máng. Ta tưởng đang ở trong một ổ chim rất ấm áp, chót vót trên một ngọn cây cao lớn. Lúc này cái tổ đang trống không. Người chủ căn phòng không có đây, nhưng ta thấy như ông sắp trở về và mọi thứ trong nhà có vẻ đang chờ đợi ông. Đặt trên bếp lửa đang cháy âm ỉ là một cái nồi nhỏ nặng lẽ sôi với tiếng rì rầm khoai trá. Đối với cái nồi, phải thức như thế là hơi muộn bởi vậy mặc dầu nó như làm ra để chuyên cái nghiệp đó cứ trông cái thành nồi bị cháy xém vì ngọn lửa thì biết chốc chốc nó cũng sốt ruột và bắn bật cái nắp vung lên vì nước sôi. Tức thì một lùm hơi nóng thơm ngon toả khắp gian phòng.

Chao ôi! Cái mùi súp pho mát mới thơm ngon!...

Đôi khi ngọn lửa âm ỉ cũng bùng lên một chút. Một đám tro ùn ra giữa những âm thanh củi và một ngọn lửa nhỏ cháy trên sàn, chiếu sáng phía dưới gian phòng, giường như muốn kiểm tra xem mọi thứ có ngăn nắp không. Vâng tôi xin cam đoan rằng mọi vật đều rất ngăn nắp và ông chủ có thể về bất chợt lúc nào cũng được. Những tấm rèm Algieri kéo ra trước những khung cửa sổ kín đáo che quanh chiếc giường. Kia, cái ghế bành to nằm bên cạnh lò sưởi, cái bàn bầy sẵn ở một góc với cây đèn sẵn sàng châm nến, bộ đồ ăn dọn cho một người và bên cạnh đó là cuốn sách, người bạn đồng hành của bữa ăn lẻ loi... và cũng giống cái nồi đã bị vết lửa xém, những hoa in trên bát đĩa đã nhợt nhạt do ngâm nước nhiều, cuốn sách thì sờn mép. Tất cả những thứ đó đượm nét rầu rầu, hơi mệt mỏi của một thói quen. Người ta cảm thấy vị chủ nhà đêm nào cũng về rất muộn và ông ta thích khi tới nhà đã thấy cái món ăn tối ấy đã được ninh nhừ và giữ cho gian buồng ấm cúng, thơm tho cho đến lúc ông về.

Chao ôi! Cái mùi súp pho mát mới thơm ngon!...

Nhìn vẻ tinh tươm của phòng trai chưa vợ ấy tôi hình dung ra một viên chức, một trong những con người tỉ mỉ ấy, họ đưa vào trong cuộc sống của họ sự chính xác của giờ giấc bàn giấy và sự ngăn nắp của những cặp hồ sơ sắp xếp cẩn thận. Về muộn như vậy hẳn là anh ta phải có việc ban đêm ở trạm bưu chính, hoặc điện báo. Tôi như nhìn thấy anh ở đó, đằng sau tấm song cửa, vận áo tay vải náng và quần chèn nhung, đang chọn thư, dán tem bóc băng xanh

của những công văn, chuẩn bị ở cái thành phố Pari đang ngủ hoặc đang chơi bời, mọi công việc của ngày mai. Không phải như vậy, không phải như vậy. Trong lúc xục xạo trong phòng ánh bếp lửa nhỏ vừa soi lên từ những bức ảnh lớn treo trên tường tức thì từ trong bóng tối hiện ra trong vàng son đường bệ, hoàng đế Ôguít, Mahômét, Phêlic, hiệp sĩ La Mã, toàn quyền xứ Acmeni với những vương miện, mũ chiến, khăn xếp, và dưới những mũ măng khác nhau ấy, vẫn một cái đầu trịnh trọng và ngay ngắn, cái đầu của chủ nhân ông đây, vị lãnh chúa sung sướng đã chính vì ông mà cái món súp thơm tho này đang ninh như như phở và sôi lăn tăn trên đồng tro nóng.

Chao ôi! Cái mùi súp pho mát mới thơm ngon!...

Chắc chắn không phải thế! Người chủ căn phòng này không phải là một viên chức bưu điện! Đó là một hoàng đế, một chúa tể thiên hạ, một trong những vị thần xứ trong các buổi diễn giảng đã làm rung chuyển những vòm toà lâu đài Ôđêông, và chỉ cần phán bâng: "Vệ sĩ, bắt lấy nó!" là các vệ sĩ sẽ làm theo răm rắp. lúc này đây ông ta đang ở đấy, trong lâu đài của mình, bên kia hồ nước. Với đôi ủng, chiếc áo choàng quân nhân khoác vai, ông ta đang lang thang dưới các cổng trụ ngăm vang, chau mày với một vẻ uy nghiêm chán ngán trong những tam khúc bi ai. Quả thật đáng buồn khi công diễn vào những buổi vắng khách! Mà cái rạp Ôđêông lại rộng lớn đến thế, lạnh lẽo đến thế trong những buổi diễn bị kịch! hoàng đế đã gấn tê cồng dưới lớp hồng bào bông cảm thấy rừng mình nóng ran khắp cơ thể, mắt sáng lên, cánh mũi mở phập phồng... Người mơ đến lúc

về nhà thấy gian phòng của mình hãy còn ấm, bàn ăn đã bày ra, cây đèn sẵn sàng và mọi thứ trong nhà được sắp đặt rất ngăn nắp, đúng với sự chăm sóc trưởng giả của các diễn viên muốn trả thù những phong cách bữa bãi trên sân khấu trong cuộc sống riêng của mình... Ạnh ta thấy mình đang mở vung nồi mức đầy chiếc đĩa hoa...

Chao ôi! Cái mùi súp pho mát mới thơm ngon!...

Từ lúc ấy không phải là con người ban nãy nữa, những nếp gấp ngay ngắn của những chiếc áo choàng, những bậc đá hoa cương, những trụ quan cũng đỡ không có cái gì gò bó Ạnh ta được nữa. Ạnh ta hoạt bát hẳn lên, biểu diễn khẩn trương, đẩy nhanh hành động. Thử nghĩ xem, những ngọn lửa ở nhà nó sắp tàn... buổi diễn càng đi tới, ảo ảnh của Ạnh chàng gần lại và khiến Ạnh chàng háng hái. Kỳ diệu thật! Toà Ođêông như tan cả băng giá. Những nghệ sĩ già quen thuộc của giàn nhạc như sự tỉnh con mê, thấy rằng ngài Marăngcua kia quả là tuyệt diệu, nhất là vào những màn cuối. Sự thật đã đến chỗ gỡ nút của vở kịch, vào giờ phút quyết định người ta đâm chết những tên phản bội, cướp các công nương, thì vẻ mặt của hoàng đế tỏ ra sung sướng, thanh thản lạ thường. Dạ dày bị cạo rỗng bởi bao nhiêu cảm xúc, bao chuỗi tấu dài lê thê, Ạnh ta thấy như đang ở trong nhà mình, ngồi vào chiếc bàn ăn nhỏ, và Ạnh đưa mắt lướt nhìn từ vai Xima đến vai Macxin với một nụ cười thật xúc động, Ạnh như đã nom thấy những sợi bột trắng rỏ dài ở đầu thìa khi món súp pho mát vừa chín tới nhìn rõ là như và Ạnh nóng sốt...

TÁC PHẨM CUỐI CÙNG

- Anh ấy mất rồi!... một người nào đó nói với tôi ở cầu thang.

Từ chiều hôm nay, tôi đã cảm thấy cái tin bi thảm đó sẽ đến. Tôi biết chẳng lúc này thì lúc khác tôi sẽ nhận được tin ấy ở cánh cửa đây; vậy mà nó vẫn cứ khiến tôi choáng váng như một cái gì bất ngờ. Lòng nặng trĩu, môi run run, tôi bước vào ngôi nhà tâm thường của nhà văn mà căn phòng làm việc choán nhiều chỗ nhất, cái bàn giấy chuyên chế chiếm hết cả tiện nghi và ánh sáng của nhà.

Anh nằm kia trên một cái giường sắt nhỏ rất thấp, và mặt bàn đầy những giấy má, những dòng chữ to của anh dừng ở giữa trang, cây bút vẫn cắm trong lọ mực, tỏ rằng cái chết đã đến với anh đột ngột nhường nào. Phía sau giường, một cái tủ gỗ sến cao đầy áp những bản thảo, những giấy tờ, mở hé gần sát trên đầu anh. Chung quanh toàn những sách là sách: khắp nơi, trong các ngăn, trên ghế, trên bàn, chồng chất dưới đất, trong các góc, đến tận chân giường. Khi anh còn ở đó, ngôi viết ở bên bàn, thì cái cảnh

bừa bộn, cái đồng lộn xộn không bụi bặm này có thể làm vui mắt: người ta cảm thấy sự sống, cái khoái hoạt trong công việc. Nhưng trong buồng người chết kia, thật là ảm đạm, tất cả những cuốn sách thắm hại đổ xuống từng chồng, có vẻ như sắp ra đi, mất hút trong cái tủ sách lớn của rủi may, tản mạn trong các chỗ mua bán, trên các bến, các chỗ bày hàng, giở tung trước gió và những kẻ nhàn du.

Tôi vừa ôm hôn anh trên giường và đang đứng nhìn anh hết sức xúc động vì sự tiếp xúc với cái trán lạnh lẽo và nặng nề như hai hòn đá. Bỗng nhiên cửa mở. Một nhân viên hiệu sách mang nặng, hồn hển, vui vẻ bước vào và đẩy lên bàn một bọc sách vừa mới in xong.

- Cửa nhà Basolanh gửi đến, người đó kêu lên: rồi nhìn thấy cái giường, anh ta lùi lại, ngã mũ và kín đáo rút lui.

Có một cái gì mỉa mai ghê gớm trong việc gửi kiện hàng này của ông chủ hiệu sách Basolanh, chậm đến một tháng trời người ốm thì suốt ruột chờ mong và người chết thì tiếp nhận...Tội nghiệp anh bạn! Đó là tác phẩm cuối cùng của anh, cuốn mà anh trông cậy hơn cả. Bàn tay anh đang run lên vì cơn sốt kia đã sửa chữa bản in thử cẩn thận tỉ mỉ biết nhường nào! Anh nóng lòng biết bao được cầm bản in đầu tiên của tác phẩm! Trong những ngày cuối cùng, khi không còn nói được nữa, đôi mắt anh đắm nhìn về phía cửa; và nếu những thợ in, đốc công, thợ đóng sách, tất cả đám người phục vụ cho tác phẩm của một người, nếu họ thấy được cái nhìn khắc khoải đợi chờ, thì chắc rằng bàn tay họ sẽ mau nắn hơn, những dòng chữ sẽ nhanh chóng xếp thành trang, những trang thành tập để gửi đến kịp thời,

nghĩa là sớm hơn một ngày, để cho người hấp hối có được niềm vui tìm thấy lại trong mùi thơm của cuốn sách mới và trong những nét chữ rõ ràng, dòng tư tưởng vẫn còn tươi nguyên và anh cảm thấy như đang thoát đi và mờ dần trong đầu óc anh.

Quả thế, ngay cả giữa khi còn đang sống, có một niềm hạnh phúc và nhà văn chẳng bao giờ thấy chán. Mở bản in đầu tiên của tác phẩm mình, nhìn thấy nó cố định như một bức chạm nổi chứ không phải bao giờ cũng hơi mờ ảo như trong cơn suy nghĩ sục sôi mạnh mẽ của đầu óc, cảm giác ấy thú vị biết bao! Khi còn trẻ điều ấy làm cho anh chói lóa: những hàng chữ lấp lánh, kéo dài thành những tia xanh, tia vàng, y như trong đầu đang tràn ngập ánh mặt trời. Về sau cái niềm vui ấy của người sáng tác xen lẫn một chút u buồn, hối tiếc vì đã không nói ra được hết những điều muốn nói. Tác phẩm người ta mang trong mình lúc nào cũng đẹp hơn cái đã làm ra. Biết bao nhiêu điều đã mất mát trong cuộc hành trình từ đầu óc ra đến bàn tay! Nhìn vào chiều sâu của ước mơ, ý niệm của tác phẩm giống như những con sứa đẹp đẽ kia ở Địa-trung-hải, bơi trên mặt biển như những đám ngũ sắc bông bênh, nhưng dạt trên bãi cát thì chỉ còn là một chút nước, và giọt nước phai màu khô ngay trước gió.

Hỡi ôi! Cả niềm vui lẫn thất vọng ấy, con người tội nghiệp kia đều chẳng được cảm thụ một chút nào trong tác phẩm cuối cùng của mình. Thật là đau lòng khi nhìn cái đầu bất động và nặng nề kia thêm thiếp trên gối, và bên cạnh là cuốn sách mới tinh khôi nó sẽ xuất hiện ở các tủ

kính, hòa lẫn vào những tiếng động ngoài phố, vào cuộc sống hàng ngày, mà khách qua đường sẽ lơ đãng đọc tên nó, mang nó theo trong trí nhớ, trong đáy mắt, cùng với tên tác giả, cũng cái tin ấy đang ghi trên bản tin buồn ở tòa thị chính, và lại đến là tươi cười, vui vẻ trên trang bìa sáng sủa. Đường như vấn đề linh hồn và thể xác đang đặt ra toàn vẹn ở đây giữa tấm thân cứng đờ mà người ta sắp khâm liệm, lãng quên, và tác phẩm đang tách rời khỏi nó, như một linh hồn hữu hình, sống động, và có thể là bất tử...

...- Ông ấy đã hứa cho tôi một cuốn... một giọng ghen ngào nói nhỏ bên tai tôi. Tôi quay lại và bắt gặp dưới gọng kính vàng một con mắt tí hí linh lợi và xoi mói của một người rất quen đối với tôi cũng như đối với anh, đối với tất cả những người bạn viết chúng ta. Đó là một tay chơi sách, cái kẻ mò đến ngay khi cuốn sách của bạn mới được quảng cáo; hấn gõ cửa nhà bạn vài cái dụt dề và dai dẳng giống như hấn vậy. Hấn vào, mỉm cười khom lưng, xum xoe quanh bạn, gọi bạn là "tiên sinh thân mến" và sẽ chẳng bao giờ về mà không mang theo tác phẩm cuối cùng của bạn. Chỉ tác phẩm cuối cùng thôi! Hấn có đủ những cuốn khác rồi, chỉ có thiếu mỗi cuốn này. Còn có cách nào để từ chối hấn được? Hấn ta đến thật đúng lúc, hấn biết chớp lấy bạn đúng giữa niềm vui mà chúng ta vừa nói đến, trong lúc ta đang mê mải vào việc gửi biếu, để tặng. Chà! Cái con người nhỏ bé mà ghê gớm, không còn gì có thể cự tuyệt, dù cánh cửa đóng chặt làm thỉnh hay sự đón tiếp lạnh lùng, dù gió mưa hay xa xôi cách trở. Buổi sáng người ta gặp hấn ở phố La Pômp, cào vào cánh cửa nhỏ nhà giáo trường Patxy; buổi tối hấn trở về tay cắp tập kịch mới của Xacđru. Và cứ

như vậy lúc nào cũng chạy tất tưởi, lúc nào cũng tìm kiếm, hẩn lấp kín cuộc đời hẩn mà chẳng làm lụng gì cả và lấp đầy tủ sách của hẩn chẳng tốn một đồng xu.

Chắc hẩn lòng ham mê sách trong con người đó phải mạnh mẽ thế nào mới dẫn dắt hẩn đến bên cái giường người chết này.

- Thôi! Cầm lấy cuốn của anh đi, tôi suốt ruột bảo hẩn. Không phải hẩn cầm, mà hẩn vô lấy. Khi cuốn sách đã nhét sâu vào túi rồi, hẩn đứng yên không động đậy, không nói năng, cái đầu nghiêng nghiêng trên vai, lau đôi mắt kính với vè xúc động...

Hẩn đợi gì? Cái gì giữ hẩn lại? Có lẽ một chút ngượng ngùng, e ngại nếu bỏ đi ngay thì ra điều hẩn đến chỉ vì việc đó.

Nhưng mà không phải thế!

Trên mặt bàn, trong cái bao gói đã bóc ra một nửa, hẩn vừa nhìn thấy mấy cuốn sách loại đặc biệt dành cho người thích chơi sách, bìa dày, không xén, lề rộng, trang trí hình họa, đế đen, và mặc dầu với vè mặt mặt niệm, con mắt hẩn, đầu óc hẩn vẫn đổ dồn cả vào đấy... Hẩn lăm lét nhìn mấy cuốn sách đó, tên khốn khiếp!

Thì ra cái tật hay quan sát là thế!... Tôi cũng vậy, khuấy quên nổi xúc động, tôi theo dõi qua làn nước mắt cái màn hài kịch nhỏ nhỏ lòng đang diễn ra ở bên giường người chết. Nhẹ nhàng, bằng những động tác nho nhỏ nhìn thấy, gã chơi sách nhích sát đến bên bàn. Tay hẩn như vô tình đặt lên một cuốn sách; hẩn bật lên, mở ra, mân mê tờ giấy. Mắt

hắn lần lần sáng rực lửa, máu bốc đỏ lên mặt. Cuốn sách như có ma thuật ộp vào hắn... cuối cùng không cưỡng được nữa, hắn cầm lấy một cuốn:

- Để tặng ông Xanh-tơ Bơ, hắn nói khẽ với tôi, và trong cơn cảm kích luống cuống, lo sợ bị đòi lại sách, và cũng có thể để làm cho tôi thật tin là dành cho ông Xanh-tơ Bơ - hắn nói thêm rất trịnh trọng bằng một giọng nghiêm trang khó diễn tả: “Ở Viện hàn lâm Pháp!...” và hắn biến mất.

NHÀ MUỐN BÁN

Một cánh cổng bằng gỗ lắp xộc xệch để mặc cho cát trong mảnh vườn nhỏ phủ lẫn với bụi ngoài đường phố trên một khoảng rộng. Cổng treo từ lâu một tấm biển “Nhà muốn bán” im lìm trong nắng hè, lúc lắc dong đưa trước gió thu, điều đó dường như cũng có nghĩa là nhà hoang vắng, xung quanh lạnh ngắt như tờ.

Tuy nhiên cũng có một người nào đó ở đấy. Từ chiếc ống khói bằng gạch cao hơn bức tường một chút, một ngọn lửa nhỏ xanh xanh bốc lên tiết lộ một cuộc sống ẩn dật, kín đáo và buồn tẻ như ngọn khói bếp nhà nghèo. Rồi qua những tấm ván cũng lung lay, thay cho cái hoang vắng, trống trải của cảnh phóng sinh phóng địa thường thấy trước, báo hiệu việc đem bán nhà, hay một sự ra đi, người ta nhìn thấy những lối đi thẳng hàng, những vòm cây tỏa tròn trĩnh, những thùng tưới gần bể nước và những dụng cụ làm vườn dựng bên căn nhà nhỏ. Đó chỉ là một căn nhà nông dân, cân bằng trên mảnh đất dốc thoải bằng một cầu thang nhỏ đặt cái mé có bóng ở tầng trên và cái mé phía nam ở tầng dưới. Nhìn từ phía này, ta tưởng như đó là một vườn kính ươm cây. Có những cái chuông thủy tinh xếp đồng trên các bậc, những chậu hoa rỗng lật úp, những chậu khác trồng các cây phong lữ, mã tiên, xếp hàng trên cát trắng và nóng. Ngoài vài ba cây ngô đồng lớn, còn cả khu vườn phơi ra

ánh nắng. Những cây ăn quả xếp thành hình rẻ quạt bám trên những dây thép hoặc dựa vào tường, trải ra ngoài ánh sáng, chỗ nào có quả mới hơi trụi lá, có cả dâu tây và cây đỗ có nhánh lớn, và giữa khung cảnh đó, trong cái trật tự và yên tĩnh ấy, một ông lão đội mũ rơm suốt ngày đi lại dọc các lối đi, tưới cây, cắt xén cánh lá và những bờ cỏ vào những lúc râm mát.

Ông già đó chẳng quen ai trong vùng. Trừ cỗ xe của người bán bánh dưng ở trước cửa mọi nhà trong cái phố duy nhất của làng này, cụ chẳng có ai đến thăm bao giờ. Đôi khi một vài người qua đường đang muốn tìm kiếm một mảnh đất lung đôi thường là đất mầu mỡ, dùng làm vườn cây ăn quả rất tốt, nhìn thấy tấm bảng liền giật chuông. Mới đầu trong nhà lặng thinh. Gọi lần thứ hai, có tiếng guốc chậm chạp đi từ cuối vườn ra, và ông lão hé cánh cổng gắt gỏng:

- Ông hỏi gì?

- Nhà này muốn bán hả cụ?

- Phải, ông già gắng gượng trả lời, phải... Nhà muốn bán, nhưng tôi xin nói trước là người ta sẽ đặt giá rất đắt đấy. Và tay lão chắn ngang cánh cổng, sẵn sàng đóng lại. Cặp mắt lão nhìn đến là cái kính làm cho khách không dám bước vào và lão đứng đấy như một tên lính long kỵ canh giữ những luống rau và cái sân nhỏ làm cát của lão. Thế là khách lại bỏ đi, tự hỏi có phải họ đã dây vào cái lão dở người nào thế, và thật là điên rồ vừa rao bán nhà vừa cố bám giữ lấy.

Cái điều bí ẩn ấy, tôi đã hiểu ra. Một hôm đi qua trước ngôi nhà nhỏ tôi nghe thấy có tiếng ồn ào cãi cọ nhau.

- Phải bán, phải bán đi thầy ạ... thầy đã hứa rồi.

Và tiếng ông lão run run:

- Các con ạ, ta chẳng muốn gì hơn là bán đi... các con xem đây ta đã treo biển rồi.

Tôi được biết đó là các con trai, con dâu của ông lão, họ có hàng nhỏ ở Pari, họ buộc ông lão phải bán tống đi cái chốn thân yêu này. Vì lý do gì? Tôi không rõ. Có điều chắc chắn là họ cảm thấy công việc kéo dài quá và bắt đầu từ hôm ấy, chủ nhật nào họ cũng đến đều đặn để thúc bách ông lão khốn khổ, buộc ông phải giữ lời hứa. Chuyện đó tôi được nghe rất rõ từ ngoài đường cái, trong cái im lặng mênh mông của ngày chủ nhật mà hòn đất cũng phải nghỉ ngơi sau khi cày bừa, gieo cấy suốt cả tuần. Những người chủ hiệu vừa chuyện trò, bàn cãi với nhau vừa chơi cái trò đáo thùng, và cả cái tiếng “tiền” vang lên cộc lốc trong những giọng chua chát của họ giống như tiếng những đồng tiền họ gieo trong thùng. Tối đến, mọi người về cả. Sau khi tiễn họ vài bước ra phố, ông lão vội trở về ngay, đóng cổng lại, rất mừng vì một tuần lễ yên thân. Tám ngày liền ngôi nhà trở lại yên tĩnh. Trong khu vườn nhỏ nắng chang chang người ta chỉ còn nghe tiếng cát lao xao dưới những bước chân nặng nề hay những chiếc răng cào kéo lê trên cát.

Tuy nhiên hết tuần này sang tuần khác, ông lão càng bị thôi thúc, quấy đảo hơn. Bọn chủ hiệu dùng mọi thủ đoạn. Họ dẫn các cháu nhỏ đến dụ dỗ ông: “Ông ơi, khi nhà này

H. Daudet

bán đi rồi, ông sẽ đến ở với chúng cháu. Ông xem cả nhà ta ở chung sung sướng biết bao...". Rồi ở hết góc này đến góc khác chỗ nào cũng có những cuộc nói chuyện thì thầm, họ đi bách bộ không ngừng trên các lối đi, họ tính toán oang oang. Có lần tôi nghe một người con gái kêu lên:

- Cái lều nát chẳng đáng một đồng... đem phá nó đi cho rồi.

Ông lão nghe chẳng nói chẳng rằng. Họ nói về cụ như thể cụ đã chết, bàn về ngôi nhà của cụ như nó đã bị giạt đổ. Nước mắt vòng quanh, cụ bước đi lom khom, theo thói quen vừa đi vừa tìm tòi một cành cây để xén, một trái cây để nâng niu, và người ta cảm thấy cuộc đời ông lão đã cắm rễ khá sâu trong mảnh đất cồn con này không thể nào dứt đi được. Thật thế, dù ai nói thế nào mặc lòng, lão vẫn trì hoãn ngày ra đi. Mùa hè khi các trái cây chua chua như anh đào, hắc phúc bồn và phúc bồn tử, chín dậy màu xanh tươi trong năm, lão tự bảo: "Thôi đợi hái xong vụ này đã rồi ta sẽ bán nhà ngay".

Nhưng thu hoạch xong, mùa anh đào qua, mùa đào tới, rồi mùa nho, sau nho đến những quả sơn trà đẹp màu nâu mà người ta phải hái hầu như dưới tuyết sa. Thế là mùa đông tới. Đông quē u ám, vườn tược trống trơn: chẳng còn người qua lại, chẳng còn ai mua nhà. Ngày chủ nhật các chủ hiệu cũ chẳng về nữa. Ba tháng nghỉ ngơi để chuẩn bị giống má, đón tia các cây ăn quả, trong khi tám biển vô dụng dung đưa bên đường, mưa gió lật đi lật lại.

Dần dà, sốt ruột và tin rằng ông lão gây ra đủ trò để xua đuổi người mua, bọn con cái liền làm quyết liệt. Một

người con dâu về ở ngay bên ông cụ, một người chủ hiệu người nhỏ nhắn bảnh mắt ra là đã tô điểm, và rõ là có cái vẻ đon đả, mềm mỏng giả tạo, cái bộ nhả nhận khúm núm của những kẻ quen nghề buôn bán. Đường cái cứ thuộc về họ. Họ mở toang cánh cổng, chuyện trò bô bô, mỉm cười với khách qua đường như muốn nói: “Xin mời vào xem... nhà muốn bán mà!”.

Ông lão không còn được yên nữa. Đôi khi muốn quên rằng có họ ở đó, lão lại xới mấy mảnh đất, lại gieo hạt giống như những người gần kề miệng lỗ còn ưa mưu tính này nọ để che giấu những nỗi lo âu của mình. Họ chủ hiệu luôn luôn theo dõi lão, làm tình làm tội lão:

- Chao ôi! Để làm gì cơ chứ?... ra vì những kẻ khác mà ông phải vất vả cái thân ông thế kia ư?

Lão không đáp và miệt mài làm một cách ương ngạnh lạ thường. Bỏ hoang vườn tược là để nó mất đi một phần rồi đó, là bắt đầu tự mình liả bỏ nó. Cho nên các lối đi không có một ngọn cỏ, các cây hồng không có một nhánh thừa.

Trong khi đó, chẳng có ai đến hỏi tậu nhà. Chiến tranh đã xảy ra, họ đàn bà uống công mở cổng đợi chờ và liếc mắt đưa tình ra ngoài đường phố. Chỉ có những đám dọn nhà diều qua, chỉ có bụi bặm bay vào. Càng ngày họ càng chua ngoa gay gắt. Việc kinh doanh ở Pari giục họ về. Tôi nghe thấy họ trút lời oán than lên bố chồng, giờ những chuyện lằng lộn với ông cụ, đập cửa âm ầm. Ông cụ lom khom chẳng nói chẳng rằng và tự an ủi bằng cách ngắm nhìn những cây đỗ mọc lên, và tám biển vẫn nguyên chỗ cũ

NHÀ MUỐN BÁN.

... Năm nay về quê, tôi thấy ngay lại ngôi nhà, nhưng than ôi! Tấm biển không còn đấy nữa: Những tờ quảng cáo rách mốc vẫn lủng lẳng dọc tường. Thế là xong; nhà đã bán rồi! Thay cho cái cổng lớn màu xám là một cái cổng màu xanh mới sơn với cái mái tròn, một cái lỗ hổng căng lưới mắt cáo, qua đó người ta nhìn thấy mảnh vườn. Không còn là mảnh vườn cây ăn quả xưa kia mà là một mớ hỗn độn trường giả: những lẵng hoa, thảm cỏ, thác nước, tất cả phản chiếu trong một quả cầu lớn bằng kim loại đứng đưa trước thêm. Nhìn vào quả cầu ấy, ta thấy những lối đi như những tràng hoa sặc sỡ, và hai hình thù lớn ngang phè ra quá mức: một người đàn ông to béo đỏ gay, mồ hôi nhễ nhại, ngồi thụt trong một chiếc ghế thô kệch, và một mẹ đàn bà đồ sộ, hồng hén vừa hua cái thùng tưới vừa kêu:

- Tôi đã tưới mười bốn thùng cho những cây phụng tiên.

Người ta đã xây một tầng gác, thay hàng rào mới, và trong ngôi nhà nhỏ mới sửa sang còn sặc mùi sơn, một cây đàn dương cầm chơi vang âm những khúc quadri⁽¹⁾ quen thuộc và những bài polka⁽²⁾ vũ hội công cộng. Những điệu nhạc nhảy ấy đổ xuống đường cái nghe chói cả tai, trộn lẫn với bụi lấm thảng bầy; những bông hoa đại đoá, những mẹ đàn bà to béo, om sòm, cái kiểu vui nhộn tràn trề phàm tục ấy làm cho lòng tôi se lại. Tôi nghĩ đến ông lão tội nghiệp trước kia dạo chơi ở đây, sung sướng biết bao, yên tĩnh biết bao; rồi tôi mừng tưởng thấy ông cụ bây giờ ở Pari, với

⁽¹⁾ Quadri: điệu nhạc nhảy bốn cặp

⁽²⁾ Polka: điệu nhạc nhảy hai thì.

chiếc mũ rom và cái lưng còng của người làm vườn già, đang tha thẩn trong gian nhà sau cửa hàng nào đó, chán ngán, rứt rứt, nước mắt ràn rụa, trong khi mẹ con dâu đắc chí hả hê sau cái quầy hàng mới trong đó vang lên xúng xoảng những đồng tiền vàng bán ngôi nhà nhỏ.

ĐỨC GIÁO HOÀNG CHẾT RỒI

Tôi đã trải qua thời thơ ấu ở một thị xã lớn. Con sông ngăn đôi thị xã rất đông tàu bè, rất nhộn nhịp làm cho tôi ưa thích những cuộc ngao du à ham mê cuộc đời sông nước. Nhất là cái góc bến gần cái cầu nhỏ Xanh Vànhxăng gì đó không bao giờ tôi nghĩ đến mà không xúc động, ngay đến bây giờ cũng vậy. Tôi thấy lại hiện ra tấm bảng đóng trên một cột buồm: *Cooc-nê cho thuê thuyền*, cái cầu thang nhỏ bắc xuống nước rất trơn và đen xì xì ẩm ướt, đoàn ca nô xinh xinh mới sơn các màu sắc sỡ xếp hàng dưới chân thang, sát mặt nhau, khe kẽ trông thành đường như cày nhẹ thêm nhờ những cái tên hay hay kẻ bằng chữ trắng ở phía đuôi thuyền: *Chim ruồi, Chim én*.

Rồi thì, giữa những mái chèo dài lấp lánh ngân nhũ đang phôi trên bờ dốc, bác Cooc-nê bước đi tay mang thùng sơn cùng những chổi sơn lớn, bộ mặt xạm nắng, nứt nẻ, răn reo hàng nghìn nếp nhỏ giống như mặt nước sông một chiều gió mát... Ôi! Cái bác Cooc-nê ấy! Đó là con quý xa tăng thời thơ ấu của tôi, cảm dỗ tôi, làm tôi say mê đau khổ, làm tôi phạm lỗi, làm tôi ân hận... Bác đã chẳng khiến tôi mắc bao nhiêu tội vì những chiếc thuyền của bác đó sao! Tôi trốn học, tôi bán sách. Còn cái gì tôi chẳng dám bán đi để có một buổi chiều đi bơi thuyền!

Tất cả vỏ học dút dưới đáy thuyền, áo ngoài quảng xuống, mũ lật đằng sau, và mái tóc phất phơ trước ngọn gió sóng mát rượi, tôi vừa kéo mạnh mái chèo, vừa chau mày cho ra vẻ một tay thủy thủ lão luyện. Tôi đặc chí được hòa mình vào cảnh náo động của thuyền, bè, mảng gỗ, tàu nhỏ chạy hơi nước chạy sát vào nhau, tránh nhau cách nhau chỉ một dải bọt nước mỏng tanh. Có những con tàu nặng quay mũi để ra khỏi bến làm chuyển dịch cả một loạt tàu bè khác.

Bỗng những cánh guồng của một chiếc tàu thủy khua nước sát gần tôi; hoặc một bóng đen lù lù ập lên đầu tôi, đó là mũi một con tàu chở tảo.

“Tránh ra nào, nhãi con!” một giọng khàn khàn quát lên và tôi toát mồ hôi, tôi vùng vẫy, mắc kẹt trong đám tàu bè qua lại, trong cái nhộn nhịp của cuộc sống sông nước, ở đây mọi sinh vật của phố phường không ngớt xuyên qua bằng tất cả những nhịp cầu to nhỏ bắc qua sông, ánh lên bóng xe cộ trên các mái chèo. Nào dòng nước chảy xiết ở chân cầu, nào những sóng quẩn, những lốc xoáy, nào cái vực trứ danh mang tên *Thần chết đánh lừa*! Nên nhớ chẳng phải là chuyện thường đâu khi bơi thuyền qua đây bằng đôi cánh tay mười hai tuổi mà chẳng có ai cầm lái.

Đôi khi tôi may gặp được đoàn tàu kéo. Tôi vội vàng móc vào đuôi đoàn tàu dài, mái chèo gác lên và dang ra như đôi cánh chim đang lượn, tôi phó mặc cho thuyền lảng lạng trôi nhanh rẽ dòng sông thành những dải bọt dài và làm cho cây cối, nhà cửa hai bên bờ chạy vùn vút. Xa tí phía đằng trước tôi nghe tiếng guồng đập nước; đều đều, tiếng chó sủa

trên một chiếc tàu, một làn khói nhỏ bốc lên từ một ống khói thấp tè; tất cả những cái đó tạo cho tôi ảo giác của một chuyến chu du lớn, của cuộc sống trên tàu thực sự.

Khốn nỗi những cuộc gặp gỡ đoàn tàu kéo rất hiếm. Thường thường thì phải chờ và chờ vào những lúc nắng. Chà! Những buổi trưa chính ngọ, mặt trời chiếu thẳng đỉnh đầu dội xuống sông, đến bây giờ như hầy còn thiêu đốt tôi. Mọi thứ cháy rừng rực, như còn lấp lánh. Trong cái bầu trời chói trang và vang động, rung lên bễnh bồng trên ngọn sóng nhấp nhô, những dải chèo khuấy nước ngăn ngán của tôi, những sợi dây thừng của những người kéo thuyền nhắc lên còn rờn rờn nước hắt ra những tia sáng bạc chói lòa. Tôi vừa nhắm mắt vừa chờ. Đôi lúc do ráng sức chờ và nghe làn nước siết mạnh dưới thuyền tôi tưởng chừng đi rất nhanh, nhưng khi ngẩng đầu lên, tôi thấy vẫn cái cây kia, vẫn bức tường kia ở trên bờ trước mặt tôi.

Cuối cùng, chờ mãi mệt nhoài, mình đầm mồ hôi và đỏ rực vì nóng, tôi mới ra khỏi thành phố. Tiếng ồn ào người tắm sông, thuyền thợ giặt, cần bốc hàng giảm bớt đi. Các cầu thưa dân và dòng sông cũng rộng ra. Xa xa mấy mảnh vườn ngoại ô, một ống khói nhà máy soi bóng trên mặt nước. Phía chân trời rung rinh những cù lao xanh xanh. Lúc ấy không thể nào cố được nữa, tôi bèn ghé vào bờ giữa những đám lau sậy vì vu. Choáng váng vì nắng mệt mỏi, vì hơi nóng oi ả bốc lên từ mặt nước lấp lánh những đóa hoa vàng lớn, người thủy thủ lão luyện bị đổ máu cam hàng giờ ở chỗ sông này. Những cuộc bơi thuyền của tôi bao giờ

cũng kết thúc như vậy cả. Nhưng biết làm thế nào! Tôi lấy thế làm thú vị.

Nhưng gay nhất là lúc quay trở lại và lúc về nhà. Mặc cho tôi chèo lầy chèo đẽ, bao giờ tôi cũng về đến nơi quá muộn, sau giờ tan học khá lâu. Cái cảnh ngày tàn, những ngọn đèn hơi dầu tiên trong sương mù, tiếng trống thu không, tất cả làm tăng thêm nỗi sợ hãi và hối hận của tôi. Trông những người đi đường trở về nhà rất thanh thản mà thèm. Dãi nắng dầm mưa, đầu nặng trĩu, tai ù ù tiếng ốc, tôi chạy về mặt đỏ bừng vì sắp phải nói trí trá.

Bởi vì tôi thường phải có một câu nói dối để chống chế với câu hỏi khủng khiếp “mày đi đâu về?” đợi sẵn tôi ở ngang cửa. Câu chất vấn khi tới nhà này làm tôi sợ hãi nhất. Tôi phải trả lời ngay tại đấy, lúc bước lên thềm, trong đầu bao giờ cũng có sẵn một câu chuyện, một cái gì để nói, thật lạnh lùng, thật kỳ quái làm cho ai nấy phải kinh ngạc và không hỏi han gì thêm được nữa. Như vậy là tôi có đủ thì giờ đi vào và lấy lại hơi sức. Làm như thế tôi chẳng phải tốn công gì hết. Tôi bịa ra những chuyện tai ương, những điều khủng khiếp, nào là cả một góc thành phố bốc cháy, nào là cầu xe lửa đổ sập xuống sông. Nhưng quá quái nhất là câu chuyện này:

Tối hôm ấy tôi về rất muộn. Mẹ tôi chờ quá lâu, đứng rình ở trên cầu thang. Mẹ tôi quát to:

- Mày đi đâu về?

Các bạn có biết có bao mưu ma chước quỷ trong một cái đầu con trẻ? Tôi chẳng tìm được chuyện gì. Tôi chạy về

vội quá. Bỗng nhiên một ý nghĩ điên rồ thoáng qua. Tôi biết mẹ tôi rất mộ đạo, là người theo đạo gia tô cuồng tín như một phụ nữ La mã. Tôi rất xúc động và hỗn hển trả lời:

- Mẹ ơi... Mẹ có biết không!...
- Cái gì?... lại còn chuyện gì nữa?

- Đức giáo hoàng chết rồi!

- Đức giáo hoàng chết rồi!... người mẹ khốn khổ kêu lên, và bà dựa vào tường, mặt tái nhợt. Tôi đi vội vào buồng, hơi kinh hoảng về thành công và sự táo tợn của điều nói dối. Song tôi có gan nói dối đến cùng. Tôi cũng nhớ buổi tối hôm ấy buồn thảm và êm ả, cha tôi rất trang nghiêm, mẹ tôi thì sững sốt rụng rời... Mọi người ngồi quanh bàn nói chuyện thì thầm. Còn tôi thì cúi gằm mặt xuống, nhưng cái việc chôn học của tôi cũng chìm biến đi trong nỗi đau buồn chung và chẳng ai nhớ đến nữa.

Ai nấy thi nhau kể vài nét về đức hạnh của giáo hoàng Pi IX tội nghiệp; rồi dần dà truyện trò lan man sang lịch sử của giáo hoàng. Dì Hồng kể về giáo hoàng Pi VII mà bà nhớ rành rành đã trông thấy đi qua miền Nam ngồi trong một chiếc xe trạm, hai bên có cảnh binh đi kèm. Dì kể lại cuộc xung đột nổi tiếng với hoàng đế: "*Comme diante!...tragédiante!*"...⁽¹⁾. Đúng là lần thứ một trăm tôi nghe kể lại cuộc xung đột ghê gớm này, lần nào cũng vẫn với âm điệu ấy, những cử chỉ ấy, và những khuôn sáo của những mẩu truyền thoại gia đình cho đến nay vẫn còn

⁽¹⁾ Hài kịch... Bi kịch...

nguyên tính chất ấu thơ và địa phương, như chuyện các tu viện.

Chẳng sao, tôi vẫn thấy chưa bao giờ câu chuyện đó hay đến thế.

Tôi lắng nghe, vờ thờ dài và hỏi han làm ra bộ quan tâm và luôn luôn tôi tự nhủ thầm:

“Sáng mai, khi biết tin đức giáo hoàng không chết, mọi người hẳn là rất vui sướng và chẳng còn ai nỗ lực mình đâu”

Trong khi nghĩ như vậy, mắt tôi cứ díp lại mặc dầu tôi không muốn, và tôi mơ màng thấy những con thuyền xinh xắn sơn xanh, các khúc sông Xôn hăm hấp nặng nề và những chú nhện nước chân to kênh chạy tứ tung, rạch lên mặt nước đục lờ như những mũi dao cắt kính.

NGƯỜI ĐẸP NIVÉCNE⁽¹⁾

(Chuyện chiếc thuyền cũ và đoàn thủy thủ)

I

MỘT LÚC BỐC ĐỒNG

Phố Thiệu nhi đỏ ở khu Đền Thánh.

Một phố hẹp như một cái cống với những lạch nước tù hãm, những vũng bùn đen nồng nặc hơi mốc và nước bẩn từ những con đường toang hoác chảy ra.

Ở mỗi dãy, mọc lên những ngôi nhà cao ngất với những cửa sổ như trại lính, kính mờ, không rèm che, nhà của dân làm công nhật, làm phu hồ và những nhà trọ.

Tầng dưới cùng là những cửa hàng. Ở đây có nhiều người bán thịt, bán rượu vang, bán hạt dẻ, những hiệu bán bánh mì rẻ tiền, một cửa hàng bán thứ thịt bò xanh lét và vàng.

Không có thủy thủ đi trên đường phố, không có những bộ áo diêm dúa, không có những kẻ dạo vỉa hè; chỉ thấy những người quanh năm tứ thời đi rao hàng vật và những

⁽¹⁾ Nivécne (*Nivernais*): Tên một tỉnh xưa kia của nước Pháp - thủ phủ là Nover (*Nevers*).

thợ thuyền chen vai thích cánh nhau ra khỏi cổng xưởng, chiếc áo choàng cuộn tròn cặp nách.

Đó là ngày mừng tám hàng tháng, ngày người nghèo trả tiền thuê nhà, ngày các ông chủ chờ đợi lâu không chịu nổi liền tống cổ họ ra khỏi cửa.

Đó là ngày mà người ta thấy điều qua những chiếc xe bò trở đồ đạc dọn đi, trong xe chồng đống đủ thứ chổi cùn đế rách; những giường sắt, những cái bàn khập khiễng xếp lòi cả chân ra ngoài, những chiếc đệm rách toạc và xoong nồi bát đĩa. Không có cả đến một bó rom để bao lấy những thứ đồ lễ thiếu nào khập khiễng đã mệt nhoài vì phải lao qua những cầu thang cầu bần, lăn long lóc từ tầng cao xuống tầng thấp.

Tối đến.

Những ngọn đèn bằng hơi đốt được thắp lên, từng chiếc một, phản chiếu xuống các rạch nước và trước những quầy hàng.

Sương xuống lạnh.

Người qua lại vội vã.

Tựa lưng vào quầy uống rượu trong một quán hàng ẩm áp, bác Luvô chạm cốc với bác phó mộc ở Vinét. Khuôn mặt chữ điền chất phác người đường sông của bác đỏ rực lên, rõ nhằng rõ nhịt, tiếng cười ha hả, làm rung rung đôi vòng tai của bác.

- Ngã giá nhớ, bác Đuybác, bác mua lô gỗ của tôi như giá tôi đã nói.

- Đập tay vào đây.
- Chúc sức khỏe bác!
- Chúc sức khỏe bác!

Họ chạm cốc. Bác Luvô uống, đầu ngả về đằng sau, mắt lim dim, chêm chếp lưỡi, nhấm nháp cốc rượu trắng.

Biết làm thế nào được, các bạn! Nhân vô thập toàn mà, cái chỗ yếu của bác Luvô chính lại là cái món rượu trắng ấy. Chẳng đến nỗi say bết nhè đâu. Lạy Chúa! đúng là không phải như vậy! Bà xã vốn là một người đàn bà cương nghị chẳng tha cho cái tội rượu chè thái quá đâu, nhưng đã làm cái nghề thủy thủ, chân ngâm nước, đầu đội trời thì thỉnh thoảng cũng lên làm một chén lăm chữ.

Và bác Luvô càng cao hứng, cười với cái quây hàng bằng kẽm mà bác vừa ngó thấy trong lúc ngà ngà say đã khiến bác liên tưởng tới cọc tiền vàng ngày mai sẽ đút vào hầu bao khi giao gỗ cho khách.

Sau cái bắt tay và một cốc rượu nhỏ cuối cùng, hai người tạm biệt nhau.

“Ngày mai đấy, như đinh đóng cột có phải thế không?”

- Hăng tin ở tôi”

Chắc chắn là bác Luvô không bỏ lỡ cuộc hiện hò. Món hàng rất chi là hời, và đã được thực hiện rất khẩn trương để khỏi phải kéo dài và người chủ thuyền vui tính ấy đi xuôi xuống phía sông Xen, đôi vai nhún cong lên, thích cánh với những cặp gái trai dọc đường, mặt mày tươi hơn hớn. Cứ

như là một cậu học trò đang đem về một điểm ưu ở trong cặp ấy.

“Bu nó, cái bà xã Luvô hắc xì dầu ấy phen này sẽ nói gì đây - khi biết chồng mình vừa cất tiếng chào hàng là đã bán ngay được và cái chuyến hàng bán mới thật hời chứ?”

Chỉ một hai chuyến áp phe như thế này nữa là có thể thải con thuyền “*Người đẹp Nivecne*” đã bắt đầu hư nát để sắm con thuyền mới rồi.

Kể ra cũng chẳng phải chê bai con thuyền cũ này vì hồi trẻ trung nó đã vang bóng một thời, nay thì tất cả đã mục nát, tất cả đã già yếu đi và bản thân bác Luvô cũng cảm thấy mình không còn sung sức như hồi làm chân sào đoạn hậu trên các bè mảng sông Mácơơ nữa.

Nhưng cái gì xảy ra ở đằng kia thế?

Các mụ đàn bà xúm đông xúm đỏ trước một cổng nhà, người đi đường dừng lại, bàn tán; viên cảnh sát đứng giữa đám đông hí hoáy viết vào cuốn sổ tay.

Bác Luvô tò mò muốn biết chuyện gì nên cũng đi sang đường như mọi người.

“Có gì xảy ra thế?”

Một con chó bị chẹt ư, một chiếc xe đụng vào ai, hay là một người say rượu ngã xuống rạch nước; chẳng có gì quan trọng.

Không! đó là một thằng bé ngồi trên chiếc ghế gỗ tóc tai bù xù, má dính đầy kẹo, đang lấy tay rụi mắt. Nó khóc,

nước mắt chảy ròng ròng, vẽ thành những hình ngoằn ngoèo kỳ quái trên khuôn mặt đáng thương của nó.

Viên cảnh sát hỏi thằng bé và ghi vào sổ tay, mặt tỉnh khô và nghiêng nghị như hỏi cung một nghi phạm.

- Mà tên là gì?

- Tôto.

- Victo à?

Thằng bé không trả lời, càng khóc dữ hơn và gào: “Mẹ ơi! Mẹ ơi!”

Bấy giờ có một bà đi qua. Đó là một người đàn bà thuộc tầng lớp dân thường rất xấu xí và ăn mặc rất lem luốc, kéo theo sau hai đứa con, tách khỏi đám đông và nói với viên cảnh sát.

- Để tôi hỏi cho.

Bà ngồi sụp xuống, vắt mũi, lau nước mắt cho thằng bé và hôn lên đôi má nhóp nhép của nó.

- Con thân yêu, mẹ con tên là gì nào?

Nó không biết.

Viên đội cảnh sát hỏi những người ở lân cận:

“Thế nào, ông chẳng hạn, ông gác cổng, hẳn ông phải biết chứ”.

Chẳng có ai biết tên bố mẹ nó bao giờ. Ngôi nhà đã qua tay bao nhiêu người đến ở thuê. Tất cả những điều mà người ta có thể cho biết được là bố mẹ nó đến đây đã một

tháng nay nhưng chưa bao giờ trả được một đồng xu tiền nhà nào nên chủ nhà vừa tố tụng họ đi và đó là một cách giải quyết nổi tiếng. Đây là tất cả những điều mà người ta có thể cho biết về họ.

“- Bố mẹ nó làm gì?

- Chẳng làm gì cả”

Bố mẹ nó suốt ngày chỉ tì tì uống rượu và tối đến thì đánh nhau.

Họ chỉ đồng tình với nhau để đánh đập lũ trẻ, hai thằng con trai đi ăn xin ngoài phố và lấy cắp ở các cửa hàng.

Một gia đình đẹp mặt gồm như ông thấy đấy.

- Liệu họ có lại tìm con họ không nhỉ?

- Chắc chắn là không.

Họ đã nhân lúc dọn nhà mà bỏ con lại rồi.

Đây không phải là lần đầu xảy ra chuyện như vậy vào những kỳ phải trả tiền nhà.

Viên cảnh sát liền hỏi:

- Thế chẳng ai trông thấy họ ra đi à?

Họ đi từ sáng, chồng đẩy xe bò, vợ xách một cái gói bọc trong chiếc tạp dề, còn hai thằng con trai thì thọc tay vào túi.

Và bây giờ thì hãy đuổi theo mà bắt họ lại.

Người qua đường bất bình kêu toáng lên rồi lại tiếp tục đi khỏi.

Khốn khổ thằng bé, nó ngồi đây từ trưa đến giờ!

Mẹ nó đã cho nó ngồi vào chiếc ghế và dỗ nó: “Hãy ngoan nào”.

Rồi từ lúc ấy, nó cứ ngồi chờ.

Thấy nó kêu đói, bà bán hoa quả trước mặt cho nó một lát bánh phết mứt.

Song, bánh đã ăn hết từ lâu và thằng bé lại kêu khóc.

Thằng nhỏ thơ dại tội nghiệp, nó sợ đến chết mất thôi! Sợ đàn chó lẩn quẩn xung quanh? Sợ đêm tối đổ xuống? Sợ người lạ hỏi và trái tim bé bỏng của nó cứ đập thình thịch trong lồng ngực chả khác nào tim con chim sắp chết.

Người súm lại quanh thằng bé ngày càng đông. Viên cảnh sát chán ngán nắm lấy tay nó để đưa về đồn.

- Nào, có ai yêu cầu gì không nào?

- Khoan đã!

Mọi người qua lại nhìn. Họ thấy một khuôn mặt to phúc hậu, đỏ gay, đang cười một cách dân dòn, toác miệng đến tận mang tai đeo vòng đồng hồ sẽ hằn xuống.

- Hãy khoan! Nếu không ai muốn nhận nó thì tôi nhận, tôi nhận.

Cả đám đông cùng thốt lên khen gọi.

- Thật đúng lúc quá!

- Bác làm việc này tốt phúc lắm đấy!

- Bác thật là tốt bụng.

Hàng họ bán được hơi, rồi rượu trắng đánh vào và lại được mọi người hoan hô, nên bác Luvô càng bốc tợn, khoanh tay trước ngực, đứng giữa đám đông.

- Có gì đâu, chuyện thường thôi mà.

Những người tò mò theo bác đến tận sở cấm; họ chẳng để cho nhiệt tình của bác nguôi đi. Tại đây, theo thủ tục thông thường, người ta mở cuộc thẩm vấn.

- Tên ông là gì?

- Thưa ông cấm, tôi là Prăngxoa Luvô, tôi đã lập gia đình và tôi dám chắc rằng tôi đã tốt số nên lấy được người vợ đảm đang. Đó là hồng phúc nhà tôi đấy ông cấm ạ. Bởi vì ông xem đấy, tôi có phải là một anh chàng giỏi giang gì, tôi chả giỏi giang gì sắt hê! hê! Tôi không là con chim ung⁽¹⁾ “Frăngxoa là một anh đụt” bu nó nhà tôi bảo tôi như vậy.

Chưa bao giờ bác Luvô hùng biện đến thế. Với niềm phấn chấn của một người đang tin chắc mình vừa vớ được một chuyến buôn bán phát tài và vì vừa uống hết một chai rượu trắng, bác cảm thấy lưỡi mình trơn tuôn tuột.

- Ông làm nghề gì?

- Thưa ông cấm, tôi làm nghề thuyền trưởng, chủ nhân con thuyền *Người đẹp Nivecne*, một con thuyền dày dặn sóng gió với một đoàn thủy thủ khá là cừ. Ha! Ha! Một đoàn thủy thủ khá là hay. Không tin ông cứ hỏi những

⁽¹⁾ Nguyên văn: không là con chim ung (*n'est pas un nigle*) có nghĩa là một người tầm thường, dốt nát, chẳng có gì xuất sắc giỏi dang. (N.D)

người gác cổng đập suốt từ cầu Mari đến Clamoxi mà xem... Thưa ông cấm, ông có biết Clamoxi không ạ?

Những người đứng xung quanh cười ồ cả lên.

Bác Luvô vẫn tiếp tục nói, liến thoắng, nuốt cả vắn:

- Ông tới Clamoxi mà xem, một nơi đẹp ra trò ông ạ. Cây mọc cứ là kín rừng, từ thấp lên cao. Toàn là cây gỗ tốt làm ăn dễ dàng để, dân phở trảng phở đục đều biết cả. Lô gỗ của tôi đã mua ở đấy. Hề! Hề! Tôi nổi tiếng vì những lô gỗ ấy. Tôi có con mắt nhà nghề đấy chứ! Chẳng phải là tôi giỏi giang gì đâu - đúng thế, nhà tôi vẫn bảo tôi là một anh dân cơ mà - nhưng cuối cùng tôi vẫn có con mắt nhà nghề... tôi làm như thế này này, ông cấm ạ tôi ôm lấy một thân cây to bằng người ông, nói vô phép ông - tôi quấn một chiếc thùng quanh thân cây như thế này...

Bác túm lấy cổ tay viên cảnh sát, rồi quấn lại bằng chiếc thùng bác vừa rút ở túi ra.

Viên cảnh sát giằng tay ra, nói:

- Để yên nào.

- Không, phải làm thế... phải làm thế... Để ông cấm hiểu rõ chứ... Tôi quấn nó như vậy rồi khi đo xong tôi mới nhân lên, nhân lên... Tôi không còn nhớ là tôi nhân lên như thế nào... Bà nó nhà tôi biết làm ra con tính. Một cái đầu thông minh thật, ấy là tôi nói cái bà nhà tôi.

Cả đám đông được một mẻ cười vỡ bụng, chính ông cấm cũng phải bật cười sau cái bần của ông ta.

Để tiếng cười nhộn nhạo lắng đi một chút, ông ta mới hỏi;

- Ông sẽ tính sao với đứa trẻ này?

- Chúng tôi chẳng có khoản lợi tức nào hết, đúng như vậy, chẳng bao giờ có món lợi tức hàng năm nào trong thu nhập của gia đình chúng tôi. Nhưng tôi là một thủy thủ, một thằng trai đường sông cam đảm như mọi người.

- Ông có con chưa?

- Có chứ ạ! Một đứa biết đi, một đứa ẵm ngửa và một đứa sắp ra đời. Với một người không phải là một con chim ưng như tôi cũng chưa đến nỗi quá, phải không ạ, thêm thằng bé này nữa vị chi là bốn, nhưng, chả sao! Khi có cả ba đứa ăn thì bốn đứa cũng được. Ở trần chật hơn một chút. Chịu khó thắt lưng buộc bụng và cố bán gỗ đắt hơn thì rồi cũng ổn.

Nói rồi, bác cười ha hả làm rung rung đôi vòng tai và đắc chí những người đứng xung quanh.

Người ta đẩy một cuốn sổ to tướng tới trước mặt bác.

Nhưng vì không biết chữ nên bác chỉ đánh một cái dấu chữ thập ở cuối trang giấy.

Sau đó viên chánh cảm trao thằng bé cho bác và nói:

- Ông Frăngxoa Luvô, ông hãy đem nó về và nuôi dạy nó cho tốt. Nếu được tin gì có liên quan đến nó, tôi sẽ báo ông biết ngay. Chẳng lẽ nào bố mẹ nó chẳng bao giờ tìm nó, còn về phần ông, ông có cái vẻ mặt một con người tốt bụng

và tôi tin ở ông. Ông luôn luôn nghe theo lời vợ ông. Thôi, tạm biệt! Uống rượu trắng in ít thôi đấy nhé.

Đêm tối mịt sương xuống lạnh đăm đông dửng dưng vội vã trở về nhà. Quang cảnh này làm cho người đàn ông tội nghiệp tỉnh rượu nhanh hơn.

Vừa bước ra đường, còn trơ lại một mình với tờ biên nhận được đóng dấu và thằng bé được bảo chớ dắt trong tay, ông chủ thuyền bỗng thấy rơi đâu cái nhiệt tình sôi nổi và trước mặt ông lại sừng sững hiện ra trước mặt ông cái hậu quả của việc mình làm.

Phải chăng bác vẫn chứng nào tật ấy?

Một thằng đàn ư? Một danh nhân ư?

Bác chẳng thể nào giữa đường thấy chuyện bất bình mà làm ngơ như người khác.

Bác thấy trước con tam bành của bà xã Luvô của việc này!

Cuộc đón tiếp sẽ ra sao đây, sao đây, hỡi con người tốt bụng.

Một người đàn bà hắc xì dầu thì thật đáng sợ cho đáng mày râu tội nghiệp có trái tim đặt trên tay.

Chưa bao giờ bác sợ về nhà như lúc này.

Mà quay lại chỗ ông cấm thì bác cũng trả dăm.

Biết làm sao bây giờ? Biết làm sao bây giờ?

Bác Luvô và thằng bé bước đi trong sương mù. Bác khua tay nói một mình, chuẩn bị một bài ứng đối.

Víchto kéo lê đôi giày vào đất bẩn để lòi đi sên sệch. Nó mệt nhoài không bước nổi nữa.

Bác Luvô đành dừng lại, cõng nó trên lưng và trùm cho nó chiếc áo varoi của mình.

Bàn tay đứa bé ghì chặt lấy bác làm bác can đảm lên một chút. Bác tiếp tục bước đi.

Được, cóc cần! Cứ liệu xem.

Nếu bà xã Luvô tống ra khỏi cửa thì đem nó trả lại đồn cũng kịp chán, nhưng biết đâu bà ấy lại không giữ nó lại một đêm và được như thế thì cũng gỡ được cho nó được một bữa rồi.

Cả hai đi đến cầu Ôxtéclích, nơi con thuyền *Người đẹp Nivecne* đậu.

Mùi gỗ tươi thảo thảo và dịu dịu thoang thoảng trong đêm.

Trên sông thuyền bè đậu san sát trong bóng tối.

Sóng nhấp nhô làm rập rình những ngọn đèn và những dây leo kêu ken két.

Bác Luvô, vượt qua hai chiếc xà lan nối liền với nhau bằng những chiếc cầu hẹp mới tới được thuyền nhà.

Bác bước đi rụt rè, chân lầy bầy, vương vịu vì thằng bé ôm sát lấy cổ.

Sao mà đêm tối đến thế!

Một ngọn đèn con duy nhất lấp ló sau tấm kính cabin và một rạch sáng lọt qua khe cửa đem lại sinh khí cho giấc ngủ của *Người đẹp Nvecne*.

Có tiếng bà mẹ Luvô đang làm bếp đang quát mắng con: "Có thôi đi không Clara?"

Đến nước này thì không thể lùi được nữa.

Ông chủ thuyền đẩy cửa vào.

Bác Luvô gái quay lại, đang mài cúi xuống chiếc chảo nhỏ trên bếp nhưng nghe tiếng chân bước đằng sau, bác thừa biết bác giai đã về và chẳng cần ngoái lại, bác cứ việc làm và nói: "Anh Frăngxoa đây phỏng? Đi đâu mà đến tận giờ mới về?"

Khoai tây dần nhảy sèo sèo trong chảo mỡ và hơi nổi canh sôi bốc lên, toả ra phía cửa mở, ám mờ những khung kính cabin.

Frăngxoa đặt đứa trẻ xuống và thằng bé tội nghiệp được hơi nóng trong phòng sưởi ấm, cảm thấy hai nắm tay nhỏ tím bầm vì rét của nó đã đỡ cứng. Nó nhoẻn miệng cười và nói nhỏ nhẹ "Ấm nhỉ"...

Bác Luvô gái quay lại. Chỉ cho chồng thằng bé rách rưới đang đứng giữa phòng, bà kêu lên giận dữ: "Thế này là thế nào?"

Ấu cũng chẳng phải là chuyện lạ! Đối với những gia đình nền nếp thường có những lúc như vậy.

"Một sự bất ngờ, hê hê! Một sự bất ngờ"

Ông chủ thuyền toác miệng cười đến mang tai để làm ra vẻ; nhưng kỳ thực trong bụng thì lại muốn giá hầy còn ở lại phố thì hơn.

Thấy vợ chờ lời giải thích, trùng trùng nhìn rất đáng sợ; bác đâm ra lúng túng ngược cặp mắt van lơn như con chó bị dọa đòn, ấp a ấp úng kể lại chẳng thật đúng câu chuyện đã xảy ra.

Rằng bố mẹ nó đã bỏ nó. Bác thấy nó khóc trên vỉa hè.

Người ta hỏi: "Ai muốn nhận thằng bé này nào?"

Bác đã trả lời: "Tôi!"

Và ông cảm bảo: "Thế thì ông mang nó đi.

- Có đúng thế không hả cháu?"

Mẹ Luvô tức thì nổi giận lôi đình:

"Mình điên à hay là uống đầy vào rồi, chưa đời thuở nào người ta nghe thấy một chuyện đần độn đến thế này?"

"Mình định cho mẹ con tôi đến chết đói hay sao?"

Mình cho rằng ta giàu có lắm hử? Ta thừa ăn rồi hử, thừa chỗ nằm rồi hử?"

Frangxoa nhìn xuống đôi giày, im thin thít.

"Nhưng, khốn khổ thân ông, ông hăng ngó ông, ngó mẹ con tôi xem! Cái thuyền của ông thì đã thủng lỗ chỗ như một cái vĩ trở rồi! Thế mà ông còn vui thích đi nhặt những đứa trẻ đầu đường xó chợ về".

Người đàn ông tội nghiệp cũng đã từng tự bảo mình như thế rồi. Ông chả cần phải cãi lại, ông cúi đầu xuống như một bị cáo đang nghe lời buộc tội.

"Thôi, xin ông làm ơn mang ngay thằng bé này đến trả ông cảm cho tôi nhờ. Nếu ông ta làm khó dễ thì ông cứ bảo ông ta rằng vợ tôi nó không chịu nhận. Ông hiểu rồi chứ?"

Vừa nói bác gái vừa tiến lại phía chồng, tay lăm lăm chiếc chảo con, dáng lồng lộn lên nạt nộ.

Ông chủ thuyền đành hứa tuân theo mọi ý muốn của bà: "Thôi mà, bu nó đừng giận."

"Tôi cứ tưởng làm như vậy là đúng kia đấy."

"Tôi đã lầm."

"Thế là đủ rồi"

"Tôi có phải đưa nó đi ngay không?"

Sự quy phục của người đàn ông hiền lành làm mẹ Luvô cũng nguôi nguôi.

Có lẽ bà tưởng chừng như nhìn thấy đứa bé đang thất thế một thân một mình trong đêm tối, chìa tay xin người qua đường lại chính là một trong những đứa con để đứt ruột của mình.

Bà quay người lại để đặt chiếc chảo con lên bếp lửa và sáng giọng nói:

"Đêm tối, văn phòng người ta đóng cửa rồi, còn đi gì được nữa."

"Ông đã chót rước nó về, thì ông không thể đem nó trở lại vỉa hè mà vứt đấy.

Đành cho nó ở lại tối nay vậy nhưng sáng sớm mai thì"...

Mẹ Luvô bực mình quá như phát điên lên không kìm lại được, bà sọc lung tung những thanh củi vào bếp...

"Phải, sáng sớm mai, dứt khoát ông sẽ không được để nó dính vào tôi nữa".

Im lặng.

Bà nội chợ vùng vằng xếp bàn ăn, quăng đĩa đựng bát loãng xoảng.

Con bé Clara sợ hãi, đứng im thín thít ở một góc nhà.

Thằng em nhỏ la hét trên giường, còn chú bé lạ thì ngó nhìn thích thú bếp than hồng đỏ rực. Bản thân nó có lẽ chưa bao giờ nhìn thấy lửa kể từ lúc nó mới lọt lòng!

Lại còn một niềm sung sướng nữa đến với nó khi nó được ngồi vào bàn ăn, cổ quàng một chiếc khăn tay và một đĩa khoai tây đầy có ngọn giành cho nó. Nó ngón lấy ngón để như con chim cổ đỏ được người ta vất cho những miếng bánh vụn trong những ngày đầy tuyết phủ.

Mẹ Luvô cho nó ăn mà mặt vẫn hầm hầm nhưng trong đáy lòng bà lại cảm thấy hơi xúc động vì cái thằng bé khẳng khiu này nó ăn ngon lành quá.

Cô bé Clara hơn hờ lấy thìa đựng khế vào nó.

Bác Luvô giai chưa hết lo chẳng giám nhìn lên.

Ăn xong cho lũ con đi ngủ rồi, bác gái xách thùng bé lại ngồi bên đống lửa để rửa ráy cho nó một chút. "Không thể để nó bẩn thế này mà cho đi ngủ, tôi dám chắc rằng nó chưa bao giờ biết đến cái bàn chải và cái lược".

Thằng bé quay tròn như một con quay trong tay bà.

Quả là rửa ráy, chải chuốt xong trông nó chẳng đến nỗi xấu xí lắm, cái mũi nó hồng hồng như mũi con chó con và nắm tay nó tròn trĩnh như những quả táo đỏ hây hây.

Bác gái ngấm ngấm, ra điều hài lòng về việc mình vừa làm.

"Nó độ bao nhiêu tuổi?"

Frängxoa buông tẩu thuốc xuống hí hửng được bắt chuyện.

Suốt từ chập tối đến giờ, đây là lần đầu bác được vợ hỏi han và mỗi câu hỏi của bác gái như một lời sá tội.

Frängxoa đứng lên rút cuốn dây từ trong túi ra.

"Nó mấy tuổi à, hê! hê! rồi tôi sẽ nói cho mình biết".

Bác ôm ngang lưng thằng bé.

Bác cuốn thùng quanh mình nó như cuốn vào cây gỗ ở Clamoxi.

Mẹ Luvô ngẩn người ra nhìn bác:

- Mình làm cái trò gì vậy?

- Kia tôi đo nó mà!

Mẹ Luvô giật phắt chiếc thùng trong tay bác giai, và vút nó ra tít cuối buồng.

- Khốn khổ thân ông, ông điên hay sao thế! Một đứa trẻ đâu có phải một cây gỗ.

Thế là tối nay bác Frăngxoạ tội nghiệp đừng có mà hòng cái gì nữa!

Bác rút lui, tiu nghỉu, còn mẹ Luvô thì đặt thằng bé vào giường ngủ với Clara.

Đứa con gái ngủ tay nắm chặt, choán hết cả giường. Nó mơ mơ màng màng thấy như có ai tuồn cái gì vào bên cạnh nó; nó liền ruỗi tay đẩy đứa nằm bên vào góc giường, chọc cả khuỷu tay vào mắt thằng bé, giở mình rồi ngủ tiếp.

Lúc này đèn thối tắt.

Dòng sông Xen lóc lách xô sóng quanh chiếc thuyền dung đưa ngôi nhà bằng ván.

Thằng bé lạc cảm thấy ấm lên một hơi ấm dễ chịu và nó ngủ với cảm giác là lạ, một cái gì như một bàn tay êm ái xoa lên đầu khi cặp mắt nó vừa nhắm lại.

II

NGƯỜI ĐẸP NIVÉCNE

Cô bé Clara ngày nào cũng dậy sớm.

Sáng hôm ấy nó rất ngạc nhiên không thấy mẹ ở trong buồng mà lại thấy một cái đầu khác, gối bên cạnh mình.

Nó đưa bàn tay xinh xinh lên rụi mắt, túm tóc thằng bé nằm cùng giường và lay dậy.

Thằng bé Tôto tội nghiệp thức dậy giữa những cực hình kỳ lạ, những ngón tay tinh nghịch cứ nhè cổ nó mà cù và mũi nó mà béo. Nó đưa cặp mắt kinh ngạc ngó quanh và lấy làm lạ thấy những điều trong mơ vẫn còn đó.

Trên đầu chúng rậm rịch tiếng chân người.

- Người ta bốc gỗ âm âm từ trên thuyền xuống bến.

Cô bé Clara cảm thấy rất hồi hộp, cô giơ ngón tay nhỏ nhắn chỉ lên trần như có ý muốn hỏi bạn: "Cái gì thế hả?"

Đó là việc giao gỗ đã bắt đầu. Bác phó mộc Duybác ở Vilet đã đánh xe ngựa đến từ lúc sáu giờ - và ông xã Luvô thì đã lao ra làm với niềm hăng say chưa từng thấy. Suốt đêm con người chung thực chần chọc có chợp mắt được tí nào đâu, chỉ vì nghĩ đến ngày mai sẽ đem trả lại ông Cẩm cái thằng bé bị bỏ đói bỏ rét quá quất đến thế này. Bác chờ đợi một cảnh mới diễn ra khi cả nhà trở dậy; nhưng bác Luvô gái còn nhiều việc khác phải lo toan nên bà chẳng dă động gì tới Víchto. Frăngxoạ cho rằng lùi chậm được cái giờ nói chuyện đó lại là rất có lợi. Bác mong sao bà xã quên khuấy mình đi và tránh để cho bà nhìn thấy. Bác đem hết tâm sức làm quần quật. Chỉ sợ nếu bà xã thấy rồi việc lại toáng lên: này mình, không có việc gì làm thì đem thằng bé về chỗ mình đã rước nó về đi".

Nghĩ vậy bác Frăngxoa làm chí chết. Hàng đồng gỗ voi đi trông thấy.

Bác Đuybác đã trở được ba chuyến và bác Luvô gái tay bông con đứng trên cầu nhỏ đã kịp thời đếm những lô gỗ vừa giao.

Với ý muốn tốt, Frăngxoa chọn những tấm gỗ dài như những cột buồm, dày như những bức tường.

Cặp tấm gỗ nặng quá, bác gọi thuỷ thủ đoàn đến vác một tay.

Thuỷ thủ đoàn gồm có một mình anh thuỷ thủ đi chân gỗ. Đó là toàn bộ nhân viên của con thuyền *Người đẹp Nivécne*. Người ta đã nhận anh ta vì muốn làm phúc và giữ anh ta lại theo lệ thường.

Người tàn phế gò lưng vào sống thuyền nâng cây gỗ rất khó nhọc, còn Luvô thì oải người ra gân cốt cuộn cuộn ngang thất lưng, chịu sức đè nặng của cây gỗ từ từ bước xuống chiếc cầu lưu động.

Còn cách nào quấy rầy một người đang bận bịu như thế được nữa?

Bác Luvô gái chẳng nghĩ như vậy. Bác đi đi lại lại trên cầu, bế Mimi trong lòng, nó cứ bám chặt lấy mà bú.

Cái thằng Mimi này, lúc nào nó cũng như là chết khát ấy!

Thật giống bố như đúc.

Khát, cái ông Luvô này khát à... Nhưng chắc chắn là khát vào lúc khát chứ không phải hôm nay.

Làm suốt từ sáng đến giờ mà vấn đề rượu trắng chưa hề đặt ra. Trá có thời giờ mà xả hơi, mà lau mồ hôi, mà chạm cốc ở một góc quầy hàng.

Ngay vừa rồi Duybác mới đi làm một chén, Frăngxoa cũng trả lời cương quyết:

- Để lát nữa cũng chưa muộn gì?

Khước từ một chén rượu ư!

Bà xã không hiểu nổi người ta đã làm thay tính đối nết ông xã Luvô của bà rồi.

Cả cái Clara nữa mười một giờ rồi mà nó vẫn im hơi lặng tiếng, không thấy ra khỏi buồng, mọi khi nó có như thế đâu.

Thế là bà xã Luvô vội ba chân bốn cẳng bước xuống boong thuyền để xem sự thể ra sao.

Frăngxoa đứng trên cầu, tay đã rời buồng sống xuống, mặt lử như thể một khúc gỗ tống vào dạ dày.

Lần này thì đúng là đi đứt! Bác nghĩ rằng vợ mình đã nhớ đến Víchto, bà ta sắp dẫn nó lên đây và mình sẽ phải lên đường, đưa nó tới thẳng sở thẩm.

Nhưng không kìa, bà xã Luvô đã trở ra có một mình, bà cười và ra hiệu gọi ông.

- Nay mình xuống mà xem kỳ cục lắm kìa!

Ông chồng chất phát chẳng hiểu gì sất về cái vui đột ngột của bà vợ, ông lùi lũi bước vào theo bà như một cái máy, chân thẳng đuồn ra vì cảm động. Hai đứa trẻ mặc áo lót chân đất ngồi ở thành giường; chúng sà vào bát súp mà bà mẹ khi ra ngoài đã để vào tay chúng nó.

Có độc một chiếc thìa cho hai cái muỗng, chúng lần lượt dứt cho nhau ăn như những con chim non trong tổ và Clara thì lúc nào cũng làm điệu vừa cười vừa đầu mỏ ra chiếc thìa.

Mặt mũi chúng trông có nhem nhuốc bánh chút ít thật nhưng chúng chẳng làm đổ vỡ gì sất và cả hai đứa đùa với nhau rất ăn ý khiến không ai có cơ gì mà nổi cáu được.

Bà xã Luvô vẫn cười ngất.

- Chúng đã hợp nhau như thế thì ta chẳng cần bận tâm về chúng.

Trước cảnh tượng bỗng nhiên xoay chuyển như vậy, bác Luvô lòng vui như mở cờ, vội vã quay lại nơi làm việc.

Mọi khi cứ đến những ngày giao hàng là bác nghỉ ngơi suốt nghĩ là la cà ở khắp các quán rượu của thủy thủ, từ mũi Poong-đuy Jua đến bến Bécxi. Bởi vậy việc bốc dỡ hàng thường kéo dài hàng tuần lễ liền và bà xã Luvô không thể nào không ca cẩm được.

Nhưng lần này thì khác hẳn: không rượu trắng, không lười biếng mà lại xông ra làm rất hăng hái nhiệt tình và bền bỉ.

Về phía thằng bé phải chăng nó hiểu phải tranh thủ được tình cảm có lợi nên nó đã cố gắng hết sức mình làm vui cười Clara. Đây là lần đầu trong đời, đứa bé gái suốt ngày không khóc một tiếng, không hờn dỗi, không chọc thủng tất.

Cậu bạn trai xì mũi cho nó và làm cho nó thích. Cậu ta còn luôn luôn sẵn sàng hi sinh mái tóc của mình để ngăn những giọt nước mắt của Clara trào ra.

Cô bé túm lấy bộ tóc bù xù của cậu bé lớn hơn mình trên cậu ta như con chó con nhằn nhằn bộ lông con chó bông ấy.

Luvô thấy rõ tất cả những trò chơi đó của lũ trẻ từ đằng xa. Bà nghĩ bụng cái con bé nhà mình thế mà cũng dễ quen.

Có thể giữ Víchto lại cho tới khi giao hàng xong. Dem nó chở người ta vào lúc nhỏ neo lên đường cũng được.

Do đó, đến chiều tối bà chẳng nói bóng gió đến chuyện đuổi thằng bé đi mà còn cho nó ăn chán chê khoai tây và lại cho nó đi ngủ như đêm qua.

Có thể nói rằng kẻ được Frăngxoa bảo trợ đã là một thành viên trong gia đình và cứ nhìn Clara bá lấy cổ thằng bé mà ngủ, người ta cũng đoán được rằng con bé đã đặt nó dưới sự bảo hộ của mình rồi.

Hết ba ngày thì hàng hoá trên con thuyền *Người đẹp Nivécne* bốc dỡ xong.

Ba ngày ấy là ba ngày làm việc khổ sai, không một chút sả hơi, không một kẻ hờ.

Vào buổi trưa, chuyến xe cuối cùng được chất hàng lên và con thuyền thành trống rỗng.

Phải chờ đến hôm sau mới có tàu dắt lên Frăngxoa phải lách mặt cả ngày trong sân giữa khoang thuyền, sửa sang lại cặp thuyền, lúc nào cũng nơm nớp vì một lời ám ảnh cứ văng vẳng bên tai suốt ba ngày nay: "Hãy đem thằng bé đi trả ông cảm"

Ôi cái ông cảm này!

Trong cabin con thuyền *Người đẹp Nivécne* ông ta cũng đáng sợ trả kém gì ở trong nhà Guinhôn⁽¹⁾ ông ta đã trở thành một thứ ngáo ộp mà bà mẹ Luvô vẫn thường lợi dụng để dọa Clara.

Mỗi lần bà nhắc đến cái tên đáng sợ ấy là thằng bé lại chầm chầm ngược lên nhìn bà với cặp mắt lo âu của đứa trẻ đã bị đau khổ quá lớn. Nó hiểu một cách mơ hồ tất cả những cái gì mất mát chứa đựng trong cái tên gọi đó có thể ập đến. Ông cảm! Có nghĩa là không còn được ở với Clara nữa, không còn bếp lửa, không còn khoai tây nữa. Mà phải trở lại với cuộc sống tối tăm với những ngày đói không bánh ăn, những đêm ngủ không giường chiếu, những lúc thức dậy chẳng được ai hôn.

Bởi vậy hôm sau nhỏ neo lên đường nó cứ bấu chặt lấy váy mẹ Luvô và khi Frăngxoa cất tiếng run run hỏi vợ: "Thế nào ta có đem nó trả lại ông cảm không?" thì bà Luvô nín thinh.

⁽¹⁾ *Guinhôn (Guignol)*: bùong diễn trò múa rối. Cũng có nghĩa là đồn cảnh sát.

Người ta nghĩ có lẽ bà đang kiểm cố giữ Víchto lại.

Còn con bé Clara thì lăn ra sàn thuyền khóc nức nở, nó quyết rầy lên đành đập nếu người ta chia lìa nó với bạn.

Bà chủ nhà nói trịnh trọng:

"Khốn khổ thân ông, ông chúng nào vẫn tật ấy. Bảy giờ phải trả giá cho việc làm đại đột của ông. Thằng bé này đã gắn bó với chúng ta rồi, cái Clara ưa thích nó và ai ai cũng sẽ buồn phiền nhìn nó ra đi. Tôi cố muốn giữ nó lại nhưng tôi muốn mỗi người phải góp phần của mình vào đấy. Lúc nào tôi thấy Clara cáu gắt hoặc giả ông quá chén thì tôi sẽ đem trả lại ông cầm.

Ông xã Luvô vô cùng hớn hởi.

Được rồi. Bác sẽ không rượu chè nữa.

Bác cười toác đến mang tai và vừa cuốn dây cáp vừa ngêu ngao hát trên cầu trong khi chiếc tàu giắt kéo theo sau nó người đẹp Nivécne và cả một hạm thuyền.

III

LÊN ĐƯỜNG

Víchto đã lên đường.

Thằng tiến về vùng nông thôn ngoại thành soi xuống mặt nước những ngôi nhà nhỏ và những vườn rau. Thằng tiến về xứ sở những đồi cát trắng.

Thằng tiến dọc những nẻo đường kéo ghe thuyền lát đá vang vang. Thằng tiến về vùng hòn núi nhỏ, về kênh sông Yon lững lờ trong lòng những cửa cống.

Thằng tiến về những vùng cỏ xanh mùa gió lạnh và những cánh rừng Moocvăng.

Frängxoa quyết phen này bỏ rượu tựa lưng vào cần bánh lái, bác táng như không nghe thấy lời mời chào của những người gác cửa cống và những người bán rượu vang, họ lấy làm ngạc nhiên thấy bác lảng ra xa. Bác ghì chặt vào bánh lái để không chịu cho *Người đẹp Nivécne* ghé vào quán rượu.

Con thuyền cũ đã quen từ lâu cuộc hành trình như thế này, nó thuộc tất cả những trạm nghỉ và thường tự động dừng lại trả khách nào con ngựa kéo xe khách.

Đằng mũi thuyền Thuỷ thủ đoàn đứng có một bên chân, sử dụng chiếc sào lớn có móc, gạt cỏ lác, mở rộng các lối ngoặt, móc vào các cửa cống.

Việc ấy chẳng có gì phải làm nhiều, thế mà suốt ngày đêm người ta vẫn nghe thấy tiếng chân gỗ anh lộc cộc trên ván thuyền.

Tính nhẩn nhục và ít nói, anh thuộc một lớp người mà cuộc đời thường gặp những bất hạnh. Một bạn học làm anh chột một mắt hồi ở nhà trường, một lưỡi rêu làm anh mất một chân trong xưởng cưa, một thùng nước sôi làm anh bỏng ở xương lợc.

Nhẽ ra anh đã trở thành một kẻ ăn xin, chết đói trên bờ một cái rãnh nếu như bác Luvô - con người vốn không bằng

quan trước những cảnh ngộ xung quanh - đã không đem anh về để giúp việc mình khi anh ra khỏi nhà thương.

Hồi ấy, chuyện này cũng đã gây ra một sự bất hòa chẳng có gì đáng hổ thẹn, y như chuyện xảy ra với Víchto.

Bà chủ giữ tay hòm chìa khóa nổi cáu. Ông xã Luvô thì cúi mặt xuống.

Nhưng cuối cùng thủy thủ đoàn vẫn được ở lại.

Bây giờ anh là một nhân khẩu trong nhà trên thuyền. *Người đẹp Nivécne* như con mèo, con quạ.

Bác Luvô chỉ huy con thuyền thẳng tiến một mạch và thủy thủ đoàn thao tác chính xác đến nỗi mới mười hai ngày, kể từ ngày rời Pari *Người đẹp Nivécne* đã ngược dòng sông, qua các kênh lạch và tới đậu tại chân cầu Coócbinhi để ngủ yên giấc mùa đông.

Từ tháng chạp đến tháng hai, người đường sông không ngược xuôi nữa. Họ sửa sang lại tàu thuyền và lên rừng mua tận gốc lô gỗ mùa xuân.

Củi rẻ nên tha hồ đốt trong cabin và nếu chuyển gỗ mùa thu bán được lời thì thời gian rỗi rãi này là một dịp nghỉ ngơi thú vị.

Người ta thu xếp cho *Người đẹp Nivécne* nghĩa là tháo bánh lái ra, cất chiếc cột buồm vào khoang giữa, làm cho sân thuyền thoáng rộng, chẳng còn vướng víu gì để tha hồ mà chơi bời chạy nhảy.

Đối với thằng bé bắt được này, cuộc sống mới thay đổi làm sao!

Nó run lên, bàng hoàng trong suốt cuộc hành trình.

Có thể vì nó như một con chim nhốt lâu trong lồng bỗng nhiên được tự do nên đâm ra ngỡ ngàng quên mất đôi cánh bay lượn.

Nó còn bé quá để mà say mê cảnh trời mây đang rải ra trước mắt, song đã bị chinh phục bởi cái vẻ uy nghiêm của cuộc đi ngược dòng sông giữa hai chân trời xa lắc.

Không, nó chả cảm thấy gì đâu, cái thằng nhãi Pari ở ngoại ô phố Đèn thờ này!

Khi nó nhận ra là không phải nó đang nằm mơ mà sự thật là nó sẽ không phải trở lại căn buồng chuồng chim của nó nữa và cho dù Luvô có dọa nạt thì cái ông cầm cũng chẳng có gì đáng sợ nữa - lúc ấy lưỡi của nó mới dần ra.

Đó là cái chóm nở của một bông hoa trong hầm kín được người ta đặt lên bậu cửa.

Nó thôi không nép mình vào một xó với cái vẻ hoang dại của một con chồn bị săn đuổi nữa.

Cặp mắt sâu dưới vầng trán giơ của nó đã mất cái ánh nhìn lo âu và, mặc dầu nó hãy còn xanh xao và tự lự, nó đã học cười với Clara.

Cô bé gái thương yêu bạn mê mết theo cách yêu thương của trẻ thơ, trêu chọc, hờn dỗi nhau đấy, rồi lại làm lành ngay với nhau được.

Mặc dù tính ương ngạnh như một con lừa cái nhóc, cô bé lại có một tấm lòng thật hiền dịu và chỉ cần nhắc đến tên

ông cảm có thể lôi bạn đi mất là cô vâng lời, ngoan ngoãn ngay.

Vừa chân ướt chân ráo tới Coócbinhi thì một đứa em gái nhỏ chào đời.

Lúc này, bé Mimi mới tròn mười tám tháng, nôi trẻ thêm nhiều trong cabin, công việc càng bận, vì với bao nhiêu khoản chi không dừng được bấy lâu nay, chả còn đâu mượn một bà giúp việc nữa.

Bà xã Luvô giày la làm cái chân gỗ của thủy thủ cũng run bật lên.

Chẳng ai trong vùng đoái hoài tới cảnh ngộ của bà, ngay cả những nông dân cũng chẳng ngần ngại nói toạc ra suy nghĩ của họ với vị mục sư khi ông này đề nghị lấy ông chủ thuyền ấy làm gương.

“Cha cứ dạy thế chứ, việc làm của họ chẳng hay ho gì, ai đời một nách ba đứa con nhỏ rồi mà còn đi rước con người về nuôi”.

“Nhưng nhà Luvô vẫn cứ thế”.

“Cái danh hão buộc chặt lấy họ làm cho mọi lời khuyên can đều không làm thay đổi được”.

Chẳng ai mong điều dữ cho họ nhưng cũng chẳng ai phật lòng nếu như nhà Luvô phải nhận một bài học.

Vị mục sư vốn là con người chính trực không thủ đoạn, dễ ngã theo ý kiến của người khác, và cuối cùng ông nhớ đến một đoạn thánh kinh hay một đoạn trong giáo phụ để chẳng phải bút dứt về sự thay đổi ý kiến của mình.

“Giáo dân của ta nói đúng đấy - Ông vừa đưa tay nâng cái cằm lõm chõm của ông vừa lăm bắm một mình - đem thiên mệnh ra mà thử là điều chẳng nên đâu”.

Song, suy cho cùng, vợ chồng nhà Luvô là những người tốt, ông liền rẽ vào thăm họ theo lệ thường đi kinh lý xưa nay.

Ông thấy người, mẹ đang cất chiếc áo varoi cũ thành chiếc quần cộc cho Víchto vì thằng bé đưa về đây nào có áo sổng gì, mà bà thì chẳng chịu nổi cảnh rách rưới tả tơi ở xung quanh mình.

Bà kéo ghế mời ông mục sư ngồi và vốn có tính nói thẳng với mọi người, sau khi nghe mục sư gợi ý nhờ đức giáo chủ che trở cho Víchto vào cô nhi viện Ôtoong bà liền trả lời dộp ngay: “Thưa cha, quả thằng bé là một gánh nặng cho chúng tôi thật đấy; tôi cho rằng khi đem nó về đây, Frăngxoa một lần nữa chúng tỏ mình là một con người dấn dộn.

“Chẳng phải tôi có lòng nào sắt đá hơn ông, ông nó nhà tôi; nếu tôi gặp Víchto trong cảnh ngộ như thế thì tôi cũng mũi lòng, nhưng tôi không làm như nhà tôi mà nó ở đâu thì cứ mặc nó ở đấy”.

“Nay đã chót nhận nó về thì không phải để tống nó ra vào một ngày nào đó, nếu chẳng may mà rơi vào tình trạng nan giải thì chúng tôi cũng chẳng đi ngửa tay xin bất kỳ ai”.

Vừa lúc Víchto công bé Mimi bước vào cabin.

Thằng em đang cáu gắt vì không được bú mẹ nữa, nó giẫy nảy lên, nhất định không chịu đặt chân xuống đất. Nó nhe răng và cắn mọi người.

Xúc động trước cảnh tượng đó, ông mục sư xoa đầu thằng bé lưu lạc và trình trọng:

“Cầu chúa ban phước lành cho những gia đình vĩ đại”.

Rồi ông ra về, lòng hoan hỉ vì vừa tìm được trong ký ức của mình một câu châm ngôn sao mà hợp cảnh đến thế.

Cái bà mẹ Luvô nói chẳng sai khi bà bảo rằng Víchto bây giờ đã là người trong gia đình.

Tuy luôn mồm ca cẩm và nói sẽ đem thằng bé trả ông cẩm bà chủ nhà đảm đang vẫn gắn bó với thằng nhỏ xanh xao, tội nghiệp; nó cứ bám chặt quần quýt bên người bà.

Khi Luvô nhận ra thật đã quá sức mình kham nổi, thì bà lại nhất mực trả lời rằng: “Đúng ra trước đây chẳng nên mang nó về”.

Thằng bé lên bảy thì bà cho nó đi học với Clara.

Bao giờ người xách rổ và mang sách vở cũng là Víchto. Nó đánh lại rất hăng lữ trẻ Moóc-văng để bảo vệ bữa quả chiều của chúng chống lại sự thèm khát trắng trợn của bọn này.

Trong lao động, nó cũng chẳng kém phần dũng cảm như lúc đánh nhau và tuy chỉ được cấp sách đến trường vào mùa đông là thời kỳ rỗi việc, kết quả học tập của nó cũng vượt những đứa trẻ nông dân khác, là những đứa bé cục

mịch và âm ĩ, y hết những đôi guốc của chúng, suốt mười hai tháng liền nhai nhải học đánh vần.

- Tan trường, Víchto và Clara đi đường rừng về nhà, hai đứa hớn hở xem các bác thiếu phu đốn gỗ.

Thấy Víchto nhanh nhẹn và khéo léo, người ta cho nó chèo nên tận ngọn cây tùng để buộc dây kéo đổ. Càng lên cao nó càng bé đi và khi nó leo tới ngọn thì Clara sợ phát khiếp.

Nhưng nó chẳng sợ gì cả lại còn cố ý đu đưa người để trêu con bé. Lần khác, chúng nó tới thăm Ô. Môgiăng tại xưởng của ông.

Bác phó mộc này người gầy đét như một con mấm⁽¹⁾, sống một thân một mình trong rừng sâu, xa làng mạc.

Không thấy bác có bạn bè gì.

Nỗi cô đơn và trầm lặng của người lạ mặt này từ vùng Nievr xa xôi đến đây lập công trường, tách hẳn với mọi người, làm gợi lên sự tò mò lo ngại trong vùng.

Đã sáu năm nay, bác ta làm việc liên miên, không kể đến thời gian như một kẻ khổ sai, mặc dù người ta có tiếng là lắm “của” buôn bán lớn và hay tới dọc viên công chúng ở Coócbinhi để gửi tiền tiết kiệm.

Một hôm, bác ta nói với ông mục sư là mình đã góa vợ.

Người ta chẳng biết gì hơn nữa.

⁽¹⁾ Nguyên văn: Như một mảnh ván

Khi Môngiang nhìn thấy hai đứa trẻ, bác liền buông tay cưa, xếp việc lại đây để nói chuyện với chúng bác thấy mến Víchto, dạy nó đeo gọt vỏ tàu bằng những mảnh gỗ vụn.

Một lần bác bảo nó:

“Cháu làm bác nhớ đến đứa con mà bác đã mất”.

Rồi, như sợ nói đã quá lời, bác bảo tiếp:

“Ồ! mà lâu lắm rồi, lâu lắm rồi”.

Một hôm khác bác nói với bác Luvô:

“Khi nào anh không muốn nuôi thằng Víchto nữa thì cho mình”.

Mình chẳng có đứa con nào thừa kế; mình sẽ chịu mọi phí tổn cho nó ra thành phố học. Nó sẽ qua những kỳ thi, nó sẽ vào trường lâm nghiệp”.

Nhưng lúc này bác Frăngxoá vẫn còn hăng say về nghĩa cử của mình, bác khước từ mà Môngiang thì kiên nhẫn chờ đợi sự tăng nhân khẩu trong gia đình Luvô cái khó khăn nào đó về đồng tiền sẽ làm người chủ thuyền phát chán việc nuôi con nuôi.

Một sự tình cờ xảy ra như muốn chấp thuận lời thỉnh cầu của Môngiang.

Quả là người ta có thể cho rằng cái vận đen đã bước vào con thuyền *Người đẹp Nivécne* cùng một thời gian với Víchto.

Kể từ hồi ấy mọi việc làm ăn chẳng ra gì.

Gỗ bán thua thiệt

Cứ đến ngày giao hàng là bao giờ thủy thủ đoàn cũng hụt một nhân viên.

Thế rồi, một ngày nọ, đúng vào lúc lên đường đi Pari thì bà xã Luvô bị ốm.

Giữa tiếng trẻ khóc như rì, Frăngxoá bối rối chẳng còn biết xoay xở ra sao nữa, bác lăm lăm cái nọ xọ cái kia, đưa bát thuốc thì đưa nhầm bát cháo.

Bác làm nản lòng người ốm bằng những việc làm vụng về của bác đến nỗi bác phải rút lui để Víchto vào phục vụ thay cho mình.

Lần đầu tiên trong đời, ông chủ thuyền đi mua gỗ lấy một mình.

Bác hoài công cuốn dây vào thân cây, có đến ba mươi sáu lần đo đi đo lại một kích thước mà vẫn tính nhầm cái bài tính nổi tiếng các bạn biết đấy.

Tôi nhân, tôi nhân...

Chỉ có bà xã Luvô làm được mà thôi!

Bác thực hiện đơn đặt hàng nhầm lẫn lung tung cả; bác lên đường đi Pari, lòng nặng trĩu ưu phiền, chẳng may rơi vào tay một con buôn lừa đảo đã lợi dụng thời cơ để xoay sở gạt bác.

Bác trở về thuyền, buồn thườn thượt, ngồi xuống cuối giường ngủi ngủi bảo vợ: "Mình ơi mình, mình cố mà khỏi đi không có mà hỏng hết".

Bà xã Luvô bình phục dần dần. Bà dấy dựa chống lại vận không may, làm hết sức mình để có được đồng ra, đồng vào.

Nếu có tiền sắm con thuyền mới thì họ có thể khôi phục việc buôn bán của họ nhưng khốn nỗi giành được bao nhiêu đã đổ vào thuốc men lúc ốm đau cả rồi, còn tiền lời kiếm được thì phải giành cho sửa chữa những chỗ thủng trong con thuyền đã nát đến mức không thể dùng được nữa.

Víchto trở thành một gánh nặng cho họ.

Nó không còn là thằng bé mới bốn tuổi có thể lấy chiếc áo varoi cũ cất quần áo cho mặc, hoặc nuôi nó thêm bát chắt thêm mâm.

Nay nó đã mười hai tuổi, nó ăn như người lớn, mặc dù người nó vẫn lẻo khoẻo lẻo khoẻo và chẳng ai đã có thể nghĩ đến việc giao cho nó điều khiển con sào thay cho thủy thủ đoàn lúc thiếu người.

Tình cảnh ngày càng trở nên tệ hại. Chuyến đi cuối cùng ngược sông Xen đến Clamoxi gặp rất nhiều khó khăn.

Người đẹp Nivécne bị dỉ nước tứ phía; các mối nối không còn đủ sức nữa, nhẽ ra phải đắp lại toàn bộ cái vỏ hoặc giả thải nó đi và thay bằng một thuyền khác.

Một buổi chiều tháng Ba, đứng vào hôm chuẩn bị lên đường đi Pari, Luvô mặt râu rĩ tới chào tạm biệt Môngiang; sau khi thanh toán các khoản buôn bán gỗ, bác phó mộc mời Luvô lại nhà mình làm chén rượu.

"Tôi muốn nói với anh một chuyện, Frăngxoạ ạ"

Họ cùng bước vào lều.

Môgiăng rót đầy hai chén rượu và cả hai cùng ngồi vào bàn, đối diện với nhau.

"Luvô ạ, không phải bao giờ mình cũng sống một thân một mình, hieu quanh như thế này đâu".

"Mình còn nhớ có một thời, mình đã có tất cả những cái gì cần thiết cho một cuộc sống hạnh phúc: một ít của cải và một người vợ yêu thương mình.

"Nhưng rồi mình mất hết.

"Lỗi tại mình".

Nói đến đây, bác phó mọc ngừng lại; việc bác vừa thổ lộ làm cổ bác nghẹn ngào.

"Frangxoa ạ, mình không bao giờ là một kẻ độc ác, nhưng mình có một tật xấu...

- Anh ấy à?

- Đến nay mình vẫn chứng nào tật ấy. Mình ham mê kiếm "lời" hơn tất cả mọi sự trên đời. Và chính đó là nguồn gốc những bất hạnh của mình.

- Tội nghiệp, sao lại thế hử Môgiăng?

- Mình sẽ kể đặng ấy nghe.

"Lấy vợ xong, sinh được một đứa con, mình nảy ra ý nghĩ cho vợ đi Pari tìm một chỗ làm vú em. Việc này đem lại món lời lớn đối với một người chồng có đầu óc tổ chức và biết tự mình điều khiển lấy việc nhà.

"Nhà mình không muốn rời xa đứa con. Cô ta bảo:
"Nhà này, chúng ta kiếm được khá tiền như thế này rồi mà!

Cái tiền làm dư ra ấy là cái tiền đáng nguyên rửa! Nó
chả đem lại lợi lộc gì cho ta.

Hãy nhường nguồn kiếm tiền ấy cho những gia đình
nghèo khó, đông con và tránh cho em nổi buồn phải rời bỏ
chồng con.

"Mình đã chẳng muốn nghe cô ta nói một điều gì sát
Luvô ạ, và mình đã bức cô ấy ra đi.

- Thế nào hử?

- Này nhé, sau khi kiếm được việc rồi, vợ mình trao
con cho một bà già nhờ đem nó về quê.

Cô ấy đã tiễn họ ra tàu.

Và từ đó bật vô âm tín.

- Tội nghiệp. Môngiang thế thì vợ đảng ấy thì sao?

- Cô ấy đã chết.

Cả hai cùng lặng đi, Luvô thì xúc động về những điều
vừa được nghe, còn Môngiang thì hút sâu vào những ký ức.

Bác phó mộc là người đầu tiên lên tiếng:

"Để chừng phạt mình, tôi đã tự đẩy đoạ thân tôi như thế
này.

"Tôi đã sống mười hai năm xa lánh mọi người.

"Bây giờ tôi không thể chịu nổi nữa. Tôi sợ sống cô
độc.

"Nếu đảng ấy thương mình thì đảng ấy cho mình thăng Víchto để thay cho đứa con mình mất tích.

Luvô rất bối rối.

Víchto đã làm cho gia đình bác phải chịu đựng những thiếu thốn.

Nhưng nếu bây giờ rời bỏ nó đúng vào lúc nó có thể bắt đầu được việc thì bao nhiêu công nuôi nó hoá thành ra công cốc.

Môgiăng đoán được ý Frăngxoa.

"Frăngxoa ạ, lẽ đương nhiên là đảng ấy cho mình thăng bé thì mình sẽ đền bù lại những tổn phí mà đảng ấy nuôi cho nó.

"Đó cũng là một việc làm tốt cho nó. Không bao giờ nhìn thấy những học sinh lâm nghiệp trong rừng mà mình không liên tưởng rằng mình rất có thể làm cho thằng con trai mình trở thành một ông lớn như những ông lớn này.

"Víchto chăm làm và mình yêu thích nó. Đảng ấy thừa hiểu rằng mình sẽ đối xử với nó như con mình đẻ ra.

"Thế nào, được không?"

Đến tối, trong cabin con thuyền *Người đẹp Nivécne*, cho lũ trẻ đi ngủ rồi, hai vợ chồng bác Luvô mới bàn với nhau.

Bà mẹ đảm đang cố giảng giải:

"Mình xem đấy, Frăngxoa, chúng ta đã làm hết khả năng có thể được cho thằng bé này.

"Trời thấu lòng ta muốn giữ nó lại như thế nào!

"Nhưng vì có một dịp chia tay với nó mà không làm cho nó khổ thì ta phải cố có được nghị lực".

Và, tự nhiên mắt họ cùng quay về giường có Víchto và Mimil đang say sưa giấc ngủ ngon lành của trẻ thơ.

"Khổ thân thằng bé!" Frăngxoa khẽ nói.

Họ nghe sóng vỗ vào mạn thuyền và tiếng còi xe lửa thỉnh thoảng réo lên, chọc thủng tấm màn đêm.

Mẹ Luvô khóc lên nức nở:

"Lạy chúa, hãy rủ lòng thương chúng con. Anh Frăngxoa, em giữ nó lại đây!"

IV

CUỘC SỐNG CỤC NHỎ.

Víchto sắp đến tuổi mười lăm.

Thằng bé xanh xao phớt lớn phồng lên thành một chàng trai cường tráng, thân dài vai rộng với những dáng điệu tự tin.

Kể từ ngày rong ruổi trên con thuyền *Người đẹp Nivécne* nó đã bắt đầu nắm được các luồng lách như một thủy thủ già dặn; nó chỉ ra chỗ nào nước nông, sâu, đoán được mực nước, chuyển tay sào sang tay lái.

Nó thắt chiếc thắt lưng đỏ và mặc áo varoi phồng quanh lưng.

Khi bố Luvô nhường cho nó cầm lái thì Clara làm ra vẻ một cô gái lớn, đến ngồi đan ở bên cạnh cậu ta, say mê vì khuôn mặt bình thản và những động tác khoẻ khoắn của cậu.

Lần này, đường xuôi từ Coócbinhi về Pari có nhiều khó khăn vất vả.

Nước sông Xen lên cao vì những trận mưa mùa thu và phá vỡ những đập ngăn nước, ào ào chảy ra biển như một con thú xổ lồng.

Dân buôn bè lo ngại vội giao hàng cho nhanh bởi vì nước sông đã lên mấp mé bến và từng giờ, từng giờ phát đi những bức điện của các trạm gác thông báo những tin chẳng lành.

Người ta nói rằng nước các sông nhánh đã phá vỡ đê điều gây ngập lụt ở nông thôn và cơn lũ vẫn dâng lên, dâng lên.

Nướm nược nào người nào ngựa, nào xe chen chúc nhau tất bật, tràn vào các bến; trên cao những chiếc cần cầu vươn ra những cánh tay dài nghêu.

Gian hàng rượu đã được dọn quang.

Xe tải chuyển đi những bao đường.

Thợ kéo dây giắt thuyền rời bỏ cabin của họ; bến vội đi; và đoàn xe bốn bánh chở hàng theo sườn dốc, chạy trốn cơn lũ như một cuộc hành quân.

Vì nước sông lên dữ dội và những đêm không trăng phải nghỉ, việc giao hàng của nhà Luvô chậm lại, khó mà đảm bảo được kịp thời.

Tất cả mọi người đều lao vào làm và làm rất khuya dưới ánh đèn hơi trên bến và những đèn lồng.

Đến mười một giờ đêm thì tất cả hàng hoá trên thuyền đã được bốc lên xếp đống dưới chân dốc.

Không thấy xe bác phó mộc Đuybắc trở lại nên mọi người đi ngủ.

Đó là một đêm hãi hùng, tràn ngập tiếng dây néo ken két, tiếng cạp thuyền kêu răng rắc và tiếng tàu bè va vào nhau.

Người đẹp Nivécne bị giằng xé vì những chấn động cất lên tiếng rên rỉ như một kẻ đang bị hành hình.

Không có cách nào chợp mắt được.

Vợ chồng Luvô, Víchto và thuỷ thủ đoàn dậy từ lúc rạng đông, để mặc lũ trẻ ngủ trên giường.

Nước sông Xen vẫn tiếp tục lên trong đêm.

Dòng sông cuộn cuộn sóng như biển cả, xanh xanh một giải dưới bầu trời xuống thấp.

Trên bến tàu không còn dấu hiệu của sự sống.

Dưới nước không còn một bóng thuyền.

Mà là những mảnh mái nhà và những mảnh hàng rào bị dòng nước cuốn đi.

Bên kia những chiếc cầu hiện lên bóng dáng nhà thờ đức bà mờ ảo trong sương mù.

Lúc này không thể để phí từng giây phút, bởi vì nước sóng đã tràn qua bao lơn bên dưới rồi, và những ngọn sóng liếm vào đầu những tấm ván đã làm nổ tung những chống gỗ.

Ngâm mình trong nước đến ngang bắp chân, vợ chồng Frăngxoa Luvô và Duybắc vịn gỗ lên xe.

Bỗng đánh âm một tiếng ngay bên cạnh làm họ kinh hãi.

Một chiếc xà lan chất đầy đá làm cối xay đứt dây neo, đâm xầm vào bến và chìm nghiêng, thân nó bị chẻ ra suốt từ khoang mũi đến đằng đuôi.

Tiếp theo tiếng xé khủng khiếp ấy là một vùng nước xoáy.

Họ còn đang đứng ngây ra như mất hồn vì sợ hãi trước tai nạn đắm thuyền ấy thì bỗng lại nghe thấy tiếng la hét sau lưng họ.

Con thuyền *Người đẹp Nivécne* bị chấn động mạnh đã đứt một dây neo và rời ra xa bờ.

Mẹ Luvô la lên: "Trời ơi các con tôi!"

Víchto đã nhảy bổ vào cabin.

Clara và Mimil chạy theo sau, và tất cùng giơ tay về phía bờ.

"Đưa chúng nó lên!"

"Ca nô đâu!

Dây chèo đâu!

Làm thế nào được cơ chứ!

Không thể bơi ra đưa được tất cả chúng nó vào bờ.

Anh thủy thủ đoàn cuống cuống bắt lực chạy từ mạn thuyền này sang mạn thuyền kia.

Bằng bất cứ giá nào cũng phải cập được vào bờ.

Đứng trước người đàn ông hoảng loạn đó và những đứa bé đang khóc thét lên, Víchto bỗng nhiên thành người chỉ huy, cậu ta cảm thấy phải có nghị lực cần thiết để cứu họ. Cậu ta ra lệnh:

"Này! Ném dây neo ra!

"Nhanh tay lên!

- Bắt lấy đi!"

Họ làm đi làm lại đến ba lần.

Nhưng *Người đẹp Nivécne* đã ra quá xa bờ, dây cáp ném ra lại rơi tòm xuống nước.

Víchto tức thì chạy lại phía bánh lái và người ta nghe thấy tiếng cậu ta kêu lên:

"Đừng sợ! Đã có tôi!"

Đúng thế bằng một động tác dứt khoát, Víchto bẻ ngoặt cần bánh lái, con thuyền đã bị nghiêng hẳn đi về một bên liền trở lại thăng bằng.

Trên bến, Luvô như quân trí. Bác định nhảy bổ xuống sông để đuổi theo các con mình nhưng Duy-bác đã túm lấy ngang người bác giữ lại. Trong khi đó mẹ Luvô lấy tay bưng kín mặt để khỏi trông thấy cảnh đau lòng.

Bây giờ *Người đẹp Nivécne* trôi theo dòng nước siết và phóng đi với tốc độ con tàu giắt ở phía cầu Ôxtéclích.

Tựa lưng vào cần lái, Víchto bình tĩnh điều khiển con thuyền, dỗ bọn trẻ và ra lệnh cho thuỷ thủ đoàn.

Cậu ta tin chắc mình đã ở một vị trí có lợi vì cậu đã lái con thuyền nhằm thẳng vào ngọn cờ đỏ treo giữa nhịp cầu để chỉ đường cho các thuỷ thủ.

Nhưng, lạy Chúa, liệu có đủ sức vượt qua không!

"Cậu ta nhìn chiếc cầu đang nhích lại rất nhanh.

"Thuỷ thủ đoàn đâu, nắm lấy tay sào! Còn Clara, không được rời những đứa trẻ đấy.

Cậu bám chặt lấy tay lái. Cậu đã cảm thấy gió từ nhịp cầu thốc vào đầu tóc mình.

Đã đến nơi.

Con thuyền *Người đẹp Nivécne* bị bốc đi, không cần phải sức đẩy lấy đà và biến mất dưới nhịp cầu với một tiếng động khủng khiếp. Tuy nhiên cũng không đến nỗi nhanh quá để đám đông đứng túm tụm trên cầu Ôxtéclích không kịp nhìn thấy người thuỷ thủ đi chân gỗ móc trượt con sào và ngã sấp xuống, trong khi thằng nhỏ gào lên từ phía bánh lái:

"Cái móc! Cái móc!"

Người đẹp Nivécne đã ở dưới gầm cầu.

Trong bóng tối vòm cầu, Víchto vẫn nhìn rõ những chiếc vòng to tướng gắn chặt vào mố trụ, những mối nối ngay trên đầu và xa xa là cả dãy cầu khác đóng khung những mảnh trời.

Rồi như chân trời bỗng mở rộng, bùng lên ánh sáng chói loà sau khi ra khỏi con đường hầm, tiếng hoan hô rầm rĩ vang lên trên đầu cậu bé và ngôi nhà thờ hiện ra trước mắt cậu như một con tàu lớn đang thả neo.

Con thuyền dừng sững lại.

Những thợ gác cầu đã ném trúng được cái móc vào cạp thuyền.

Víchto chạy lại chỗ cột thuyền quán chắc dây cáp vào đó.

Người ta thấy *Người đẹp Nivécne* trở cánh bướm, quay vòng quanh chiếc dây cột và cuối cùng chịu tác động của lực kéo mới, nó từ từ cập bến Tuốc-nel với đoàn thủy thủ trẻ con với viên thuyền trưởng mười lăm tuổi.

Ôi! Còn gì sung sướng hơn cái buổi chiều hôm ấy trong cabin con thuyền lần này được neo chằng rất kỹ, cả nhà đoàn tụ quanh món thịt bò ninh nhừ nghi ngút khói.

Người thiếu niên anh hùng được ngồi vào ghế danh dự giành cho vị thuyền trưởng.

Sau cơn xúc động căng thẳng sáng nay, chẳng ai ăn ngon miệng được nhưng cùng cảm thấy nhẹ nhõm hẳn đi,

một cảm giác chung thường thấy khi vừa thoát khỏi những cơn hải hùng.

Người ta thở phào thoải mái.

Người ta nháy mắt nhau qua bàn ăn như thăm bảo:

"Đấy nhớ! Giá mà trước đây đem nó trả ông cảm thì ra sao hử?"

Và ông bố Luvô toác miệng cười đến mang tai, đưa cặp mắt ướt lệ nhìn suốt lượt những người thân yêu của mình.

Có thể nghĩ rằng một hồng phúc lớn vừa đến với họ, cứ như là *Người đẹp Nivécne* chẳng hề có lỗ thủng, lỗ dò gỉ sắt và họ vừa trúng số độc đắc ấy.

Ông chủ thuyền đấm Víchto thùm thụp. Một cách biểu lộ sự âu yếm của ông!

"Cái thằng quỷ Víchto này!

"Cái cú ngoặt tay lái của nó mới cừ chứ!

"Tôi ấy ạ, hê! Hê! Tôi không thể làm cừ như thế được ông chủ ạ.

Có đến mười lăm ngày liền ông bố phúc hậu ấy luôn miệng trầm trồ khen ngợi và chạy khắp bến kể chuyện cái cú ngoặt tay lái của cậu bé:

"Ông biết không?

"Con thuyền chồm thẳng đứng lên.

"Ấy mà nó,

"Vô lăng!"

Vừa nói, Bác Luvô vừa khẽ khoát tay làm điệu bộ bắt chước lại thao tác.

Lúc này nước sông Xen đã xuống và ngày lại lên đường cũng tới gần.

Một buổi sáng Víchto và Luvô đang đứng trên sân thuyền bơm nước ra thì người nhân viên bưu chính đem đến một bức thư.

Mặt sau phong thư có đóng triện xanh.

Ông chủ thuyền tay run run bóc thư nhưng vì đọc cũng chẳng thạo gì hơn làm tính nên ông bảo Víchto:

"Đánh vân hộ bố cái này tí".

Và Víchto đọc:

Văn phòng Chánh cảnh sở cảnh sát.

Quận XII

"Mời ông chủ thuyền Luvô (Frängxoá) trong một thời hạn ngắn nhất có mặt tại buồng giấy ông cảnh"

"Có thể thôi à?"

"Hết ạ".

Luvô suốt ngày vắng nhà.

Chiều đến, khi trở về thì bao nhiêu nét hân hoan trên mặt bác đều biến mất...

Bác trở nên ủ ê, hay gắt gỏng và tự lự.

Mẹ Luvô chẳng hiểu đầu đuôi ra sao cả, nhân lúc lũ trẻ đang chơi trên sân thuyền, bà liền hỏi chồng:

"Có chuyện gì thế?"

- Đang chán đây.

- Lại chuyện giao hàng đúng không?

- Không, về chuyện thằng Víchto.

Và bác kể lại cuộc gặp ông cảm:

"Mình có biết con mụ đàn bà bỏ nó lại là ai không ạ? Không phải là mẹ nó đâu.

- Ôi! Lạ thật!

- Mụ đã bắt trộm thằng bé.

- Làm sao mà biết được.

- Chính mụ đã thú nhận với ông cảm trước khi chết.

- Thế người ta có cho mình biết tên bố mẹ nó không?

Luvô sợ lạnh toát cả người:

"Vì sao mình lại muốn người ta nói cho tôi biết?"

- Cha mẹ ời! Còn sao nữa, người ta đã cho gọi mình đến để hỏi cơ mà"

Frängxoa nổi cáu:

"Nếu tôi biết, dễ thường tôi phải nói cho bà biết chắc?"

Bác đỏ mặt tía tai vì giận dữ, bỏ ra ngoài, đóng sầm cửa lại.

Bác gái đứng ngẩn người:

"Ông ấy có chuyện gì thế?"

Phải, ông ta có chuyện gì đó?

Kể từ hôm ấy trở đi, cử chỉ, lời nói, tính tình bác Frăngxoa thay đổi hẳn.

Bác không buồn ăn, ngủ chẳng yên, nói lảm nhảm ban đêm.

Bác vặc lại vợ.

Bác quát tháo thuy thủ đoàn, gắt gỏng hơi nặng lời với tất cả mọi người, nhất là với Víchto.

Thấy vậy, mẹ Luvô ngạc nhiên gắng hỏi chồng làm sao thế thì ông trả lời cậm cẫn:

"Chẳng sao cả

"Tôi có cái gì khác thường nào?"

"Các người vào hòa với nhau để chống lại tôi".

Bà vợ tội nghiệp hoài công mà hỏi

"Ông ấy hoá điên thật rồi"

Một chiều nọ, ông gây cho cả nhà phát khiếp lên về chuyện Môgiăng, khiến bà càng đinh ninh ông hoàn toàn giở tính giở nết rồi.

Cuộc hành trình sắp kết thúc, đã gần đến Clamoxi.

Víchto và Clara nói với nhau chuyện trường, chuyện lớp, và thằng bé vừa bảo nó thích được đến thăm lại bác Môngiang thì ông bố Luvô nổi khùng lên :

"Hăng để tao yên, kệ xác cái gã Môngiang nhà mày.

"Tao không muốn liên quan gì với hắn nữa".

Mẹ Luvô nói xen vào:

"Bác ta làm gì mình?

- Hắn làm gì tôi. Mà... Hắn làm... à việc này chẳng can hệ gì tới mình. Có phải tôi đang làm chủ ở đây không nào!"

Chao ôi! bây giờ đúng là bác làm chủ thật. Chả thế mà đáng lẽ cặp vào bến Coócbinhi như mọi khi thì bác lại cho đi quá lên hai dặm và cho thuyền đậu ngay giữa rừng.

Bác tuyên bố Môngiang chỉ nghĩ cách xoay xở, đẩy bác đi các chợ và móc ngoặc làm cho món béo bở với con buôn khác.

Lúc này ở xa làng quá nên không nghĩ đến chuyện cho lũ trẻ đi học.

Víchto và Clara suốt ngày đi kiếm củi trong rừng.

Lúc vác nặng mệt quá, chúng đặt bó củi xuống bờ hào, ngồi sệp xuống đất, giữa rừng hoa.

Víchto lôi quyển sách từ trong túi ra và bảo Clara đọc.

Chúng ham thích nhìn mặt trời lọc nắng qua những lùm cây, tung lên trang sách và mái đầu hai đứa những vầng sáng lung linh, xung quanh chúng vo ve hàng ngàn những con vật tí hon và xa xa cảnh im ắng của rừng xanh.

Khi đã ngồi lại lâu thì lúc về phải ba chân bốn cẳng mà đi cho nhanh dọc con đường lớn có bóng những thân cây cao ngả xuống như để ngăn lại.

Thoạt nhiên, chúng nhìn thấy trên một chỗ quang đãng chiếc cột buồm con thuyền *Người đẹp Nivécne* và ánh lửa lấp ló trong màn sương mỏng bay lên từ mặt nước.

Đó là mẹ Luvô đang thổi nấu trên bờ sông ở giữa trời gió lộng bằng những thanh gỗ vụn.

Bên cạnh bà, Mimil tóc bù xù như tổ quạ, mặc chiếc sơ mi lòi cả ra ngoài quần cộc đang hau háu nhìn nổi canh.

Đứa em gái nhỏ bò dưới đất. Thuỷ thủ đoàn và Luvô ngồi hút píp.

Một buổi chiều, đúng vào giờ ăn cơm, họ trông thấy như có ai từ trong rừng đi ra và bước về phía nhà họ.

"Kìa, Môgiăng!".

Đúng là bác phó mộc.

Bác ta già đi hẳn đi, tóc bạc trắng cả. Tay chống gậy, bác nói hỏn hển:

"Thế nào Frăngxoa, đằng ấy bỏ mình mà đi hay sao đấy?

Ông chủ thuyền bối rối, trả lời lúng búng:

"Ồ, mình không muốn dính với đằng ấy".

Trông bác phó mộc phờ phạc đến nỗi mẹ Luvô phải mỉm lòng. Không còn giữ ý trước nét mặt khó khăn của chồng, bác kéo ghế mời khách ngồi.

"Bác không ốm đấy chứ, bác Môgiăng?"

- Tôi bị ớn lạnh"

Môgiăng nói chậm rãi, như nói thầm.

Đau khổ làm con người bác thuận đi. Bác kể rằng bác sắp rời bỏ nơi đây để đến sống ở vùng Nievr xa xôi.

"Chấm dứt rồi; tôi chả buồn bán nữa đâu.

"Nay tôi đã giàu: tôi có tiền, nhiều tiền.

"Nhưng để làm gì?"

"Tôi không thể mua lại hạnh phúc mà tôi đã mất".

Frängxoa ngồi nghe, nhú lông mày lại.

Môgiăng nói tiếp:

"Càng có tuổi, tôi càng đau sót về nỗi trợ trợ của mình.

"Trước đây tôi làm việc nên còn quên đi, nhưng nay tôi không còn bụng dạ nào mà làm ăn được nữa.

"Tôi không thiết gì nữa.

"Cho nên tôi sẽ rời bờ, bỏ quê hương xứ sở, có lẽ làm như vậy lòng tôi sẽ khuây khoả được chút nào chăng.

Nói tới đây, bất giác đôi mắt bác quay sang nhìn lũ trẻ.

Vừa đúng lúc Víchto và Clara thành linh vác củi từ đầu đường ló ra.

Nhìn thấy Môngiang, chúng vội vàng quăng củi xuống và ù té chạy lại.

Bác phó mọc đón tiếp chúng thân mật như mỗi lần gặp chúng và nói với bà Luvô đang ngồi lẩm lì từ nãy:

"Đằng ấy sướng thật ấy, có những bốn đứa con. Còn mình, chẳng có đứa nào nữa".

Và bác thở dài.

"Mình chẳng kêu ca gì được, lỗi tại mình"

Bác đứng lên.

Mọi người cũng đứng lên theo.

"Vĩnh biệt, Víchto. Con hãy chăm làm và yêu mến bố mẹ con, phải như thế con ạ!"

Bác đặt tay lên vai thằng bé và nhìn nó thật lâu

"Bảo rằng tôi đã có con thì có lẽ nó giống thằng bé này".

Luvô nổi nóng, miệng bác như muốn nói một lời đốp vào mặt.

"Hãy xéo ngay đi nào!"

Thế nhưng khi bác phó mọc ra về, Frăngxoạ lại thấy thương hại và gọi với:

"Môngiang à, không ở lại ăn với chúng mình ư?"

Lời nói vượt đuôi thốt lên trái với ý mình, khiến chẳng ai muốn nhận lời.

Ông già lắc đầu:

"Cảm ơn mình không đời.

"Đằng ấy thấy đấy, hạnh phúc của người làm ta chạnh lòng khi bản thân ta vô cùng đau khổ".

Và bác đi xa dần, lưng gập xuống chiếc gậy chống.

Cả buổi tối Luvô không nói một lời nào hết.

Suốt đêm bác đi lại lại trên sân thuyền rồi sáng đến, bác bỏ đi, chẳng dặn ai một lời nào sát.

Bác tới thẳng nhà vị mục sư, ở ngay sát nhà thờ. Đó là một toà nhà ngói lớn, vuông vắn, có sân đằng trước và một vườn rau đằng sau.

Đàn gà mái kiếm ăn trên bệ cửa.

Một con bà cái buộc dây thùng, kêu rống lên trên bãi cỏ.

Luvô cảm thấy lòng nhẹ hẳn đi sau khi nảy ra một ý định rút khoát.

Bác thở phào dễ chịu, mở chiếc gióng chắn ngang, nghĩ bụng ra đi sẽ giải thoát được nỗi ưu phiền.

Bác thấy ông mục sư đang ngồi hóng mát trong phòng ăn.

Mục sư đã ăn xong và thiu thiu ngủ, đầu cúi xuống quyển sách kinh.

Bác Luvô bước vào làm ông thức dậy, ông đánh dấu trang sách rồi gập sách lại, mời người chủ thuyền đang mân mê chiếc mũ lưỡi trai trên tay ngồi xuống.

"Nào Frăngxoa bác cần gì đấy?"

Frăngxoa ngỏ ý muốn được một lời khuyên và xin phép kể lại đầu đuôi câu chuyện.

"Bởi chẳng, thưa mục sư như người biết đấy, tôi vốn dĩ chả giỏi giang gì. Tôi không phải là con chim ưng, hì! hì! nhà tôi vẫn bảo tôi thế".

Hài lòng với câu mào đầu như vậy xong, bác mới kể hết sự tình, nói thở không ra hơi, mặt đỏ gay, mắt đăm đăm không rời cái lưỡi trai mũ cát kết.

Thưa mục sư, người có còn nhớ có lần Môgiăng nói với người rằng bác ta goá vợ không ạ?

"Muời lăm năm trước đây vợ bác ấy đã đến Pari để đi ở vú."

"Chị ta bỗng con đến trình với thầy thuốc đúng như tục lệ. Chị cho con bú giòng sữa mẹ lần cuối cùng rồi trao lại cho mụ dất mối."

Mục sư ngắt lời:

- Mụ dất mối là thế nào hả Frăngxoa?

- Dạ thưa mục sư, đó là người đàn bà mà người ta giao cho việc đưa con những người đi ở vú về quê. Mụ ta bỏ trẻ con vào giỏ, vào thùng để mang đi như những con mèo con.

- Cái nghề gì mà quái quỷ đến thế?

- Cũng có người tử tế làm nghề ấy đấy ạ.

Nhưng chẳng may cho mẹ Môngiang lại rơi vào tay một mục đàn bà không hề quen biết, một con mẹ mìn đi bắt trẻ con rồi cho bọn lười chảy thây thuê để bọn này kéo lê chúng trên đường phố mà van xin lòng bố thí.

Frängxoa bác kể chuyện gì mà kỳ thế.

- Dạ chuyện hoàn toàn có thật thưa mục sư.

Con mục lưu manh đã bắt con bác Môngiang cùng với những đứa trẻ khác, có đến hàng tá trẻ con.

Mụ giữ thằng bé đến năm nó lên bốn.

Mụ muốn dạy nó đi ăn mày nhưng vốn là con cái nhà tử tế, nó không chịu ngửa tay xin.

Thế là mụ bỏ nó ngoài phố, mặc nó ra sao thì ra.

Nhưng rồi cách đây sáu tháng, lúc hấp hối trong nhà thương, mụ bỗng hối hận.

Tôi hiểu rõ điều đó mục sư ạ, nó làm người ta đau đớn lắm kia.

Nói đến đây người đàn ông tội nghiệp ngược mắt nhìn lên trần nhà như thể rằng mình chẳng nói sai.

Mụ ta đã xin gặp ông cảm.

Mụ ta đã khai tên thằng bé.

Ông cảm đã nhắc lại cái tên ấy cho tôi nghe đó chính là Víchto.

Ông mục sư sùng sốt đánh rơi quyển kinh:

- Sao Víchto là con Môngiang à?

- Đúng thế.

Nhà truyền đạo vô cùng kinh ngạc. Ông lẩm bà lẩm bẩm một câu gì đó mà người ta chỉ có thể nghe lờm bờm là... thằng bé khốn khổ... phép thần thông... Ông đứng dậy đi bách bộ trong phòng đi đến gần cửa sổ, rót nước uống một cốc rồi dừng lại trước mặt Luvô, hai tay thực vào thắt lưng.

Ông moi một lời phán quyết ứng dụng vào hoàn cảnh lúc này nhưng vì không tìm ra lên ông đành nói mớ mớ:

- Này, này! Nên trả thằng bé cho bố nó.

Luvô giật bắn người.

- Thừa mục sư chính đó lại là điều tôi đau khổ.

Đã sáu tháng nay kể từ khi biết chuyện này, tôi không có can đảm hé răng cho bất cứ một ai biết, kể cả nhà tôi cũng vậy.

Biết bao gian nan vất vả chúng tôi đã cắn răng chịu đựng để nuôi thằng bé này, chúng tôi đã cùng nhau chịu trăm điều cơ cực, cho nên bây giờ tôi không biết làm thế nào để chia lìa nhau được.

Sự thật là như vậy, nếu Môngiang đáng cho người ta ái ngại thì bác Frăngxoạ tội nghiệp đáng thương tình lắm chứ.

Phân vân giữa những cảm xúc trái ngược này, ông mục sư toát mồ hôi hột, ngậm câu cầu đáng tối cao ban cho ánh sáng.

Và, quên khuấy mất rằng Luvô tới đây để xin mình ý kiến, ông lại cất giọng ngèn ngẹt nói giọng giành rẽ:

Này Frängxoa, nếu đặt ở địa vị tôi thì bác sẽ khuyên tôi như thế nào?

Bác chủ thuyền cúi đầu xuống:

- Tôi thấy thật rõ là đem trả lại thằng Víchto thừa mục sư.

- Tôi đã cảm thấy thế ngay từ hôm Môgiăng bắt chọt đến nhà tôi.

Thấy bác ấy đã già hẳn đi, buồn chán và suy sụp đến thế, lòng tôi đau như thắt.

Tôi cảm thấy sấu hổ như chính mình đã ăn cắp tiền của bác ấy đem bỏ vào túi mình.

Tôi không thể khư giữ điều bí mật một mình mình, vì vậy tôi đến thưa để người rõ hết.

Phải, làm thế là phải lắm Luvô ạ - ông mục sư nói, hoan hỉ bác chủ thuyền giúp cho mình một giải pháp.

Chưa đến nỗi quá muộn để sửa chữa một nỗi lầm.

Tôi sẽ đi cùng với bác tới nhà Môgiăng.

Bác sẽ nói hết với bác ta.

- Xin mục sư để đến mai.

- Không, ta đi ngay Frängxoa ạ.

Và nhận thấy nỗi đau khổ của con người tốt bụng đang run run vò nát chiếc mũ lưỡi trai trong tay, ông mục sư khẽ lựa lời an ủi:

Tôi van bác đấy, Luvô ạ, khi mà cả hai chúng quyết định.

V

NHỮNG THAM VỌNG CỦA MÔGIĂNG

Một cậu ấm!

Môgiăng có được một cậu ấm!

Bác ta âu yếm nhìn mặt con ngồi trước mặt nó, trên chiếc ghế dài trong toa tàu đang rầm rầm đưa họ về Nover.

Đó là một cuộc bắt cóc thật sự.

Ông già đang mang cậu con trai đi, hầu như chẳng nói một lời cảm ơn, hết như người dân nghèo xác chúng số độc đắc, vội vàng mang của chạy bật tằm.

Bác ta không muốn con mình mở rộng cửa cho những tình cảm đã qua.

Bác ta keo kiệt trong tình thương trù mển, cũng như trước kia bác ta keo kiệt trong tiền tài.

Không cho ai, không chia sẻ cho ai!

Nó là kho báu của riêng mình không cho ai xung quanh được để mắt dòm ngó vào.

Tai Môgiăng kêu ù ù như con tàu tốc hành đang chạy.

Đầu óc bác ta cũng hun nóng lên như chiếc đầu máy.

Và mơ ước của bác lướt nhanh hơn mọi đầu máy, hơn tất cả mọi con tàu tốc hành, nhảy vọt một bước băng qua những ngày, những tháng, những năm.

Điều bác đang mơ là một chàng Víchto hai mươi mặc bộ bò xanh sẫm cài khuy bạc.

Một học sinh lâm nghiệp.

Hơn thế nữa cậu học trò Môgiăng còn đeo thanh kiếm bên sườn và đầu đội song giác mảo⁽¹⁾ vênh vênh trên hai vành tai - giống anh học trò bách nghệ. Các kiểu đồng phục ở nhiều trường khác nhau hình như có đôi chút lẫn lộn trong tưởng tượng của Môgiăng.

Cũng chẳng sao!

Tơ lụa lượt là và vàng bạc trang sức có đáng là bao đối với một bác phó mộc.

Đã có "hàng" để trang trải các thứ đó và Víchto "sẽ là một ông lớn" diện oách từ chân lên đầu.

Phái đàn ông phải ngả mũ nói với nó.

Phái đẹp thì cứ là mê tít.

⁽¹⁾ Nguyên văn *bicoócơ* (*bicorne*) mũ có hai móc vênh lên.

Còn ở một góc nào đó, sẽ có một ông già tay sù xì những vệt chai vừa nói vừa uốn ngực ra hãnh diện:

Con trai lão ấy!

Thế nào, con trai của ba!

Cả nó nữa, cái thằng con trai của tôi" Nó cũng đang mơ màng, chiếc mũ nổi nho nhỏ nó đội sụp xuống tận mắt trong khi chờ chiếc xong giáp mào dát vàng.

Cậu bé không muốn cho cha mình biết mình đang khóc.

Sao lại chia ly đột ngột thế này!

Clara đã hôn nó một chiếc hôn cháy má.

Bố Luvô quay mặt đi.

Mẹ Luvô tái xanh tái xám.

Còn Mimil thì mang cho anh phần súp của mình để dỗ dành anh.

Tất cả mọi người, chẳng thiếu ai cho đến cả Mimil!

Chao ôi! Cả nhà sẽ sống ra sao nếu không có nó nữa?

Bản thân nó cũng sẽ sống ra sao khi không còn họ nữa?

Cậu học sinh lâm nghiệp tương lai đâm ra lúng túng, cậu bối rối đến nỗi mỗi lần ông bố hỏi, cậu trả lời lại cứ gọi bố là "Thưa ông Môgiăng".

Tuy nhiên vẫn chưa phải đến mức tột cùng của sự đau khổ mà cậu bé thủy thủ của con thuyền *Người đẹp Nivécne* phải chịu.

Để được lên "ông" không phải chỉ cần tiền và phải nhiều hy sinh và buồn tủi.

Víchto cảm thấy như vậy trong khi đoàn tàu tốc hành kéo còi vượt qua các cầu trên vùng ngoại ô Nover.

Cậu ta nhớ như mình đã được nhìn thấy ở đâu đấy trong cái quá khứ xa xôi và đau khổ những phố phường trật hẹp này, những cửa sổ đóng kín mít như cửa hầm nhà tù này, ở đây treo lủng lẳng những áo quần rách tả tơi.

Giờ thì hai cha con đi trên đường phố. Xung quanh họ là cảnh ồn ào, xuôi ngược trên các bến tàu, nào đám hiếu kỳ người chen người, nào đám thợ bốc vác hạng nặng ề cổ xô vào nhau, nào xe ngựa và đoàn tàu chở nặng nề lăn bánh, hành khách tay xách tay những bọc chằng dây chặt chẽ, nhảy xô lên âm âm.

Víchto đi xe cùng với bố ra khỏi đoàn tàu sân ga.

Bác phó mộc không từ bỏ ý đã quyết.

Bác muốn con mình thay hình đổi dạng ngay lập tức.

Và bác đã đưa "con trai mình" đến hiệu may quần áo cho học sinh chuyên nghiệp.

Đó là một cửa hiệu mới quây hàng bóng lộn, mấy ông áo quần bảnh bao y như người vẽ trong các bức tranh loè loẹt mà người ta thường thấy trên các tường lớn, mở cửa đón khách với điệu cười khách lễ, họ bày ra dưới tầm mắt Môngiang tập mình hoạ những kiểu thời trang biểu cho khách: hình một chàng thư sinh chuyên nghiệp đang đứng hút thuốc với một công nương cười ngượng, với một trang

công tử mặc bộ đồ đi săn và một vị hôn tê mặc sa tanh trắng.

Vừa đúng lúc bác phó may cầm trong tay chiếc áo dài mẫu nhồi bông cà vạt trước, vạt sau với những đuôi tôm vuông vức và hàng khuy vàng.

Bác ta rải chiếc áo ra trước mặt bác phó may. Bác này mặt rạng rỡ kêu to lên:

- Con sẽ ra vẻ quân nhân với một chiếc áo này đây.

Một ông phó may nọ chỉ mặc áo lót trong, cổ vấn chiếc thước đo bằng vải, bước lại gần cậu học trò Môgiăng.

Ông ta đo quanh đùi, đo lưng, đo thân mình cậu bé.

Việc làm này gợi cho cậu bé đường sống nhớ lại những kỷ niệm cũ khiến nước mắt cậu ta cứ trào ra ướt đầm! Cậu nhớ những cái tát của bố Luvô tội nghiệp. Nhớ những lúc nổi giận của người mẹ đảm đang, nhớ tất cả những cái gì cậu đã phải để lại.

Bây giờ thế là hết.

Chàng tuổi trẻ chững chạc mặc chiếc quần mà Víchto nhìn thấy trong chiếc gương lớn khi thử áo quần trông chẳng còn giống chút nào nữa với thằng nhỏ phụ chân sào trên con thuyền *Người đẹp Nivécne*.

Người phó may lấy chân hất một cách khinh miệt chiếc áo varoi bị xỉ nhục vào gầm bàn như một mớ rẻ rách.

Víchto cảm thấy đó là tất cả những quá khứ của mình mà người ta bắt cậu phải từ bỏ.

Từ bỏ, nói thế là thế nào? Người ta còn cấm cậu nhớ lại chuyện cũ nữa kia!

“Phải cắt đứt với những thói hư tật xấu với sự giáo dục ban đầu của anh đi”. Ông hiệu trưởng chẳng cần dấu điểm lòng nghi kỵ, đã nghiêm nghị bảo cậu như vậy.

Và để cho cuộc cải huấn này được thuận lợi, người ta quyết định cậu học trò Mônggiăng chỉ được ra khỏi trường cứ chủ nhật đầu tháng.

Chao ôi! Buổi tối đầu tiên cậu đã khóc biết bao nước mắt, ở cuối phòng ngủ lạnh lẽo và tẻ ngắt, trong khi các học sinh khác đã ngáy o o trên những chiếc giường sắt và viên giám thị đọc ngẫu nhiên, vụng trộm một cuốn tiểu thuyết dưới ánh đèn đêm.

Cậu bé khổ biết nhường nào trong giờ ra chơi đáng nguyên rủa, bạn hữu trêu chọc xô đẩy cậu.

Cậu chán nản biết bao trong giờ học, mũi dí xuống ngăn sách, run lên trước cơn thịnh nộ của ông giám thị đang dùng dùng gang thẳng cánh đập xuống bàn, trên bục giảng mồm nhai nhải đọc một câu nói mãi:

- Có im đi một chút không, các ông tướng.

Cái giọng nói gắt nói gay này khua đục ngầu những kỷ niệm cũ đau lòng và đầu độc cuộc đời cậu bé.

Giọng nói đó gợi lại trong trí nhớ những ngày đen tối từ buổi ban đầu thuở ấu thơ, cái túp lều ổ chuột ở ngoại ô khu đền thánh, những roi vọt, những cuộc xô sát và tất cả những cái gì mà cậu đã quên đi.

Và cậu bám lấy một cách tuyệt vọng vào Clara và *Người đẹp Nivécne* như một khoảng trời loé sáng giữa cảnh tối tăm của đời mình.

Không nghi ngờ nữa chắc hẳn mà viên giám thị đã vô cùng sửng sốt khi tìm thấy những hình vẽ các con thuyền trên khắp các trang sách của cậu Mônggiăng.

Bao giờ cũng vậy chiếc thuyền ấy được vẽ đi vẽ lại trên mọi trang một cách ngoan cố của kẻ tâm thần bị ám ảnh.

Khi thì thuyền ngược dòng chậm chạp, men theo bậc thềm chật hẹp của lề trang sách như bị kẹp vào giữa một con kênh.

Khi thì thuyền mắc cạn ở giữa một định lý làm tung toé lên những hình vẽ xen kẽ và những hệ luận toán học in chữ nhỏ.

Khi thì thuyền rong buồm căng gió lướt trên đại dương và trên những bình đồ.

Chính tại đây mà thuyền dừng đỉnh, thành thoi, trưng cánh buồm, cho cò bay phất phới.

Ông hiệu trưởng phát chán vì đọc mãi những bản báo cáo chi tiết mà người ta gửi lên ông về vấn đề đó, cuối cùng phải nói thẳng với ông bố Mônggiăng.

Bác phó mọc hết sức kinh ngạc:

- Cháu nó là một thằng bé ngoan lắm mà!
- Nó ương bướng như một con lừa.
- Cháu nó thông minh lắm cơ mà!

- Dạy nó chẳng điều gì vào được.

Không ai có thể hiểu rằng cậu học trò Mônggiăng đã biết đọc nhờ học lỏm qua Clara ở giữa rừng và việc học này chẳng hề giống việc học bài hình học dưới cái thước kẻ của viên giám thị cực cần.

Đó là điều giải thích vì sao cậu học trò Mônggiăng lại tụt từ lớp "choai choai" xuống lớp loại "nhóc".

Ấy là vì có một sự khác biệt kỳ cục giữa những bài học của thầy Hương sư ở Coócbinhi với những bài học của các ông giáo sư trường chuyên nghiệp Nove.

Đó là cả một khoảng cách biệt xa nhau giữa lối giáo dục đội mũ da thỏ với lối giáo dục đội mũ pháp quan bằng lông chồn trắng.

Ông bố Mônggiăng thất vọng.

Trước mắt bác hình như hình ảnh chàng kiếm lâm đội song giác mao đang lảng xa những bước dài.

Bác mắng mỏ, bác dỗ dành, bác hứa hẹn.

"Con có muốn học không?

"Con có muốn có thầy kèm cặp không?

"Ba sẽ tìm cho con những thầy thật tốt.

"Những người thật tử tế thân tình!"

Trong khi đang chờ mong như vậy thì cậu học trò Mônggiăng lại trở thành một đứa lười biếng và những "phiếu ba tháng một lần" ghi kết quả học tập lại xác nhận một cách không thương tiếc sự "xấu xa" của cậu.

Bản thân cậu ta cũng ý thức về sự ngu dại của mình.

Càng ngày cậu càng dần sâu hơn vào sự quạnh hiu và sự đau khổ.

Nếu Clara và mọi người biết được người ta đang làm gì Víchto của họ nhỉ!

Họ sẽ đến mở toang những cánh cửa nhà tù cho nó chứ!

Họ mới sẵn lòng làm sao chứ để chia sẻ cho nó miếng bánh cuối cùng và mảnh phần nằm cuối cùng của họ.

Bởi vì một lẽ họ đều khổ cả.

Việc làm ăn chuyển từ tình trạng xấu sang tình trạng tồi tệ.

Thuyền mỗi ngày một nát.

Víchto biết được tình hình ấy nhờ có thư của Clara gửi đến luôn. Thư nào cũng ghi mấy chữ bằng bút chì đỏ, viết hằn học, nghịch ngoạc "đã xem" của ông hiệu trưởng. Ông ta vốn rất ghét "những thư từ đáng khả nghi" như thế này.

"Chao ôi! Khi anh còn ở đấy! - Clara viết trong thư, lời lẽ bao giờ cũng dịu dàng nhưng càng ngày càng buồn... - Chao ôi nếu như anh hãy còn ở với chúng em".

Cứ như là mọi sự trước kia đều tốt lành hết và bây giờ chỉ cần Víchto trở về là sẽ cứu vớt được tất!

Đúng đấy, Víchto sẽ cứu vớt được tất.

Cậu ta sẽ sắm một con thuyền mới.

Cậu ta sẽ an ủi Clara.

Cậu ta sẽ khôi phục việc buôn bán.

Cậu ta sẽ cúng tỏ rằng người ta đã không đến nỗi yêu thương một thằng bội bạc và đã rước về một thằng vô dụng.

Nhưng muốn như vậy thì phải nên người.

Phải kiếm ra đồng tiền.

Phải có tài ba lỗi lạc.

Và thế là Víchto mở sách ra, lao vào học.

Bây giờ dù có tên bay trên đầu, dù viên giám thị đập thẳng cánh xuống mặt bàn, miệng la lên như con vẹt: "Các ông tướng im đi một chút nào!".

Víchto cũng không ngẩng đầu lên.

Cậu không vẽ thuyền nữa.

Cậu không thềm chấp những trò tinh nghịch ném cục phấn, viên bột bánh vào mặt mình.

Cậu ta học gạo... học gạo...

"Học trò Môngiang có thư".

Đó là một ân huệ đối với cậu khi hình ảnh Clara đột đến trong hồi tưởng của cậu, ngay giữa giờ học để khích lệ cậu và đem lại cho cậu hương thơm của tự do và tình âu yếm.

Víchto che mặt sau chiếc giá sách của mình để hôn hàng chữ ghi địa chỉ, viết ngoằn ngoèo, khó đọc, run rẩy, hình như vì con thuyền luôn luôn chòng chành làm rung rinh chiếc bàn Clara đang ngồi viết.

Chao ôi! Chẳng phải vì thuyền chòng chành đầu, mà vì quá xúc động nên tay của Clara đã run lên.

"Anh Víchto thân mến ơi, thế là chấm dứt rồi, *Người đẹp Nivécne* không còn bao giờ đi ngược về xuôi được nữa.

"Nó chết hẳn rồi; khi chết đi nó đã làm nhà em sa sút.

"Người ta đã treo một tấm bảng đen ở đuôi thuyền:

Thuyền tải-

Bán làm gỗ.

"Nhiều khách đã đến xem, họ đánh giá, ghi tất cả từ chiếc sào móc của thuyền thủ đoàn cho chí cái nôi của em bé. Hình như bán sạch sành sanh và nhà em sẽ không còn gì nữa.

Rồi đây chúng em sẽ ra sao?

Mẹ có thể chết vì buồn, còn bố thì khác đi nhiều lắm..."

Víchto không đọc được hết bức thư.

Chữ viết nhảy nháy trước mắt, tưởng như một phát đạn bắn trúng vào giữa mặt, tai ù lên.

Ôi! việc học hành xa xôi quá.

Rã rời vì công việc, vì sầu muộn và vì cơn sốt, cậu đắm ra mê man.

Cậu tưởng như mình đang trôi giạt giữa sông Xen tươi mát.

Cậu những muốn nhúng đầu mình vào dòng sông.

Rồi, cậu nghe văng vẳng một tiếng chuông.

Chắc là con tàu giắt trong sương mù, rồi như nước réo lên âm âm và cậu thét lên:

"Cơn lũ! Cơn lũ!"

Mới chỉ nghĩ tới bóng tối ùn ùn dưới vòm cầu, cậu đã rùng mình; và giữa những hình ảnh thấy trong mơ ấy, bỗng hiện lên chiếc chụp đèn khuôn mặt cục cằn và hoảng hốt của viên giám học đang đứng sát bên mình.

"Anh ốm à, Môgiăng?"

Cậu học trò Môgiăng ốm nặng rồi.

Ông bác sĩ cứ lắc lắc đầu khi người bố tội nghiệp tiến ông ra cổng, giọng nghẹn ngào lo sợ gặng hỏi ông:

"Cháu không chết được phải không ông?"

Rõ ràng là ông bác sĩ không đoán chắc lắm.

Cả bộ tóc hoa râm của ông ta cũng vậy, nó chẳng đoán chắc gì.

Họ cùng nói "không" một cách yếu ớt như là sợ làm lụy cho nhau.

Người ta không còn nói đến bộ quần áo màu xanh và chiếc "song giác mao" nữa.

Chỉ còn độc một việc là làm sao cho cậu học trò Môgiăng sống được.

Ông bác sĩ đã nói rõ rằng nếu nó qua khỏi được thì trả nó về nông thôn là hay hơn cả.

Nếu nó qua khỏi được!

Ý nghĩ mất đứa con vừa tìm thấy làm tiêu tan tất cả những ham muốn tham lam của một người bố đã trở nên giàu có.

Thế là hết, ông bố đã từ bỏ ước mơ của mình. Ông sẵn sàng tự tay mình chôn chặt hình ảnh cậu học trò trường kiếm lâm.

Ông sẽ đóng cả vào quan tài nó, nếu như người ta muốn thế.

Ông sẽ chẳng để tang nó.

Nhưng ít ra thì thằng bé kia phải bằng lòng sống chứ.

Nó hãy nói với bố nó đi, hãy ngồi dậy đi, hãy ôm lấy cổ bố nó mà bảo rằng:

"Bố của con ơi, đừng buồn nữa.

"Con khỏi rồi mà".

Nghĩ vậy, bác phó mộc cúi xuống giường Víchto.

Thôi rồi. Cái thân cây cổ thụ đã bị chẻ sát đến lõi. Trái tim Môgiăng trở nên dịu dàng hơn.

"Bố sẽ cho con đi, con trai của bố ạ.

"Con sẽ quay về với họ, con sẽ lại rong thuyền xuôi ngược.

"Được thấy lại con mỗi khi đi qua đây là điều quý hoá cho bố lắm rồi".

Thời gian này chuông trong trường không rung lên báo giờ ra chơi, giờ ăn, giờ học nữa.

Đang thời kỳ nghỉ hè và ngôi trường lớn vắng tanh.

Không còn tiếng động nào khác nữa ngoài tiếng nước phun trong sân chính và tiếng chim sẻ riu rít ngoài sân chơi.

Họa hoằn vang lại từ xa tiếng lộc cộc nhẹ của xe ngựa và người ta đã rải rom lên mặt đường làm dịu bớt tiếng xe lăn.

Cậu học trò Mônggiăng đã tỉnh lại giữa cảnh im ắng và cô quanh đó.

Cậu vô cùng kinh ngạc thấy mình đang nằm trên một chiếc giường trắng toát, có những bức rèm lớn bằng vải chức bầu che kín làm cho cảnh vật xung quanh mờ mờ ánh sáng và thanh bình cảnh thêm hiu quạnh.

Cậu rất muốn nhướm dậy, vén những tấm rèm lên một chút xem nhưng mặc dù cảm thấy đã dễ chịu, cậu vẫn không đủ sức và cậu đành chờ đợi.

Nhưng có tiếng người thì thảo ở xung quanh chỗ cậu nằm.

Nghe có tiếng chân đi rón rén trên mặt sàn và cả tiếng kèn kệt quen thuộc tựa tựa chiếc cán chổi lia trên mặt ván.

Víchto trước kia đã từng nghe thấy như vậy.

Vậy thì mình đang ở đâu đây?

Ở trên sân thuyền *Người đẹp Nivécne ư!*

Đúng thế rồi! Đúng thật thế rồi!

Và bệnh nhân lấy hết sức bình sinh thốt lên giọng thều thào mà cứ tưởng là to lắm:

"Ôi này! Thuỷ thủ đoàn! Ôi này!

Những tấm rèm liền kéo ra và, trong ánh sáng chói loà, cậu thấy tất cả những khuôn mặt thân yêu mà cậu đã gọi biết bao trong cơn mê sáng.

Tất cả. Phải, đủ mặt tất cả!

Chẳng thiếu ai: Clara, Môgiăng, bố Luvô, mẹ Luvô, Mimil, em bé cả anh thuỷ thủ như con hạc già nhúng nước sôi, gầy guộc chẳng khác nào sáo, có móc cả của anh, luôn miệng cười lạng lẽ.

Và tất cả mọi cánh tay giăng về phía Víchto, tất cả mọi cái đầu cùng cúi xuống và có nhiều chiếc hôn cho tất cả mọi người, nhiều nụ cười, nhiều cái bắt tay, nhiều câu hỏi dồn dập.

- Tôi đang ở đâu thế này?

- Sao mọi người lại ở cả đây?

Nhưng bác sĩ đã ra lệnh rất rõ ràng rút khoát - mái tóc hoa râm ấy mà ra lệnh thì chẳng phải đùa - rằng phải cho tay vào trong chăn, không được nói chuyện, không được xúc động.

Và để ngăn cậu bé nói chuyện Môgiăng phải nói luôn miệng.

"Con hãy hình dung mười ngày trước đây, hôm con bị ốm... Bố đến gặp ông hiệu trưởng để nói chuyện về con.

“Ông ta cho bố biết là con có nhiều tiến bộ, con cần cù chăm chỉ chả khác nào một anh thợ tập sự.

“Con thử nghĩ bố đã hài lòng đến thế nào!

“Bố xin được gặp con.

Đúng vào lúc người ta cho đi gọi con thì ông giám thị hốt hoảng nhảy bổ vào báo tin:

“Con vừa lên cơn sốt ác tính.

“Bố chạy sang bệnh xá, con chả còn nhận ra được bố nữa, mắt con rùng rục như hai hòn than hồng, con hôn mê rồi!

“Chao ôi! Đứa con trai bé bỏng tội nghiệp của bố, con ốm nặng quá!

“Bố không rời con một phút nào nữa.

“Con luôn mồm nói sảng... con nói về *Người đẹp Nivécne*, con gọi Clara, con nói đến con thuyền mới. Bố làm sao mà biết được?

“Bố sức nhớ đến bức thư Clara viết cho con mà người ta tìm thấy trong tay con và đưa cho bố. Thế mà bố quên khuấy mất con hiểu không?

“Bố rút thư trong túi ra, bố đọc, bố tự củng vào đầu và thâm bảo mình:

“Môgiăng này, không nên vì buồn riêng nỗi đau khổ của bầu bạn”

“Bố liền viết cho tất cả mọi người bây giờ đã có mặt ở đây đến với con.

“Nhưng không thấy trả lời gì hết.

Nhận thấy con đã đỡ, bố liền đi tìm họ và đưa họ về nhà.

Họ ở lại đây và sẽ còn ở lại đây cho đến khi mọi việc được thu xếp ổn thoả.

“Có phải thế không Luvô?”

Ai nấy đều rung rung nước mắt, và nói vô phép chứ, bất chấp cái đầu hoa râm của ông bác sĩ, hai tay Víchto vung ra khỏi chân. Và Môgiăng được hôn như chưa từng bao giờ được như thế, một chiếc hôn thật sự của một đứa trẻ thơ trù mền. Rồi, vì chưa thể được đưa Víchto về nhà, người ta bàn nhau:

Clara sẽ ở lại chăm sóc người bệnh: cho uống thuốc và nói chuyện cho khuây khoả.

Mẹ Luvô sẽ trông nom việc cửa, việc nhà, Frăngxoa sẽ phụ trách công trình xây dựng ngôi nhà gạch mà bác phó mợc đã trù tính cất lên ở Phố lớn.

Còn Môgiăng thì đi Clamoxi.

Bác đến gặp những ông bạn quen đang làm chủ một hãng buôn bè lớn. Họ sẽ rất hài lòng nhận một thủy thủ lành nghề như Luvô vào làm.

Không! Không! Nhất quyết không có phản đối hay cưỡng lại gì hết. Đó là một việc đã quyết định rồi, một việc rất đơn giản.

Đúng thế, Víchto chẳng phải là người phản đối.

Bây giờ người ta nâng cậu ta dậy, cho cậu ta ngồi vào chiếc ghế tựa to tướng và đẩy ra sát cửa sổ.

Chỉ có mình cậu và Clara trong trạm xá yên tĩnh.

Và Víchto lấy làm hoan hỉ.

Cậu cảm ơn bệnh tật của mình. Cậu cảm ơn việc bán đi *Người đẹp Nivécne*. Cậu cảm ơn mọi thứ đã bán đi và mọi thứ tật bệnh có trên đời.

"Clara em có nhớ không lúc anh cầm cần lái và em lại ngồi cạnh anh, chiếc áo đan trên tay".

Clara nhớ đến nỗi cô cúi mặt xuống vì thẹn và cả hai cùng cảm thấy bối rối.

Bởi chằng bây giờ cậu đâu còn là thằng bé con đội mũ nôi đỏ, lom khom chèo, cười lên cần bánh lái, chân thông xuống không chạm sàn thuyền.

Còn cô thì mỗi buổi sớm đến với người bệnh, cời chiếc khăn quàng vút xuống giường, cánh tay tròn lẳn, thân hình thon thon cân đối, trông đã ra vẻ một nữ thanh niên thật sự.

Đến thật sớm và về thật muộn Clara nhé.

Thú vị biết bao được ăn sáng và ăn trưa chỉ độc có hai đứa với nhau ở bên cửa sổ có những tấm rèm trắng che khuất.

Hai cô cậu ôn lại thời thơ ấu, những lúc bát súp ăn chung, cùng húp một chiếc thìa trên thành giường.

Ôi! Những kỷ niệm tuổi thơ!

Chúng bay lượn trong trạm xá trường học như những con chim trong lồng. Hẳn là chúng đang làm tổ ở khắp các góc cạnh tấm rèm bởi vì sáng nào cũng lại có những điều đáng nghĩ nhớ mới nảy nở đáng cất cánh bay lên.

Nghe họ kể cho nhau những chuyện quá khứ, người ta có cảm tưởng như đây là hai ông bà lão tám mươi, chẳng còn nhìn được cái gì xa hơn phía đằng sau họ nữa.

Nếu vậy thì hoá ra chẳng có một tương lai nào, ngay cả với cậu nữa, có thể làm thú vị hơn sao?

Có đấy, có một tương lai mà người ta luôn nghĩ đến nhưng lại chẳng bao giờ nói ra.

Hơn nữa cũng chẳng cần thiết phải nói với nhau bằng lời mới được. Với cách cầm tay nhau như thế nào đấy, mặt hay đỏ lên, vì thẹn còn nói nhiều hơn lời.

Víchto và Clara đã nói với nhau bằng thứ ngôn ngữ đó suốt cả ngày.

Có lẽ vì vậy mà họ lại ngồi im lặng.

Và vì vậy mà thời gian đi nhanh quá, ngày tháng lảng lảng trôi khiến không còn ai nhận thấy,

Cũng vì vậy mà ông bác sĩ phải dựng ngược bộ tóc hoa râm của ông lên và cho bệnh nhân ra khỏi trạm xá.

Vừa đúng lúc bố Môgiăng trở về.

Bác thấy ai nấy đều có mặt đông đủ trong nhà. Và khi bác Luvô tội nghiệp rầu rầu lên tiếng hỏi:

- Thế nào, ở đây người ta có cần đến tôi không?

Thì Môgiăng không nhin được cười nữa:

- Cần chứ, ông bạn của tôi ạ!...

Họ cần có một ông chủ cho một con tàu mới và họ đã cảm ơn tôi về món quà tôi đã tặng họ.

"Họ" là ai?

Bác Luvô mừng rỡ đến nỗi quên cả hỏi thăm nữa.

Thế là mọi người chẳng cần biết dài dòng gì hơn, cứ thế ào đi Clamosi.

Sung sướng biết nhường nào khi tới bờ kênh.

Ở đây, một con thuyền lộng lẫy mới tinh, đậu áp sát vào bờ gương cao chiếc cột buồm bóng nước sơn giữa cây cỏ xanh rờn.

Người ta đánh thêm nước bóng cuối cùng vào cây gỗ, chỗ để kẻ tên con thuyền được che bằng một tấm vải màu xanh.

Ai nấy đều thốt lên:

"Chà! Con thuyền mới đẹp chứ!

Luvô không tin ở mắt mình nữa.

Niềm xúc động mạnh quá làm mi mắt bác dần dật, miệng há rộng lên một gang và đôi vòng đeo tay run lên bần bật.

Đẹp vô cùng!

Tôi chẳng bao giờ dám chỉ huy một con thuyền như thế này. Nó không phải làm ra để xuôi ngược trên sông.

"Phải bảo vệ cho nó mọi sự nguy hiểm"

Môgiăng phải đẩy thật mạnh bác về phía cầu tàu. Tại đây thủy thủ đoàn đang vẫy tay ra hiệu.

Sao thế nhỉ!

Cả bản thân thủy thủ đoàn cũng được phục hồi ư?

Phục hồi, sửa sang, sắm lại như mới.

Anh ta được trang bị một cây sào móc và một chân gỗ mới toanh. Đó là biểu thị ân cần chu đáo của bác thầu khoán, một con người thông minh tháo vát, việc gì cũng làm được.

Hãy xem kìa:

Sàn thuyền gỗ bóng lộn nước sơn, hàng lan can bao quanh. Có một chiếc ghế dài để ngồi và một tấm vải là mái che.

Hầm thuyền thuộc tầm cỡ có khả năng chứa hai tầng hàng.

- Còn cabin!... Ôi, các cabin mới hay chứ!...

- Có ba buồng!

- Một gian bếp!

- Những tấm gương lớn.

Luvô kéo Môgiăng lên cầu.

Bác xúc động người rung rung lên như đôi khuyên đeo tai của bác.

Bác nói líu cả lưỡi:

- Người anh em Môgiăng thân mến ạ...
- Gì thế?
- Đảng ấy chỉ quên đọc một điều...
- Sao cơ?
- Đảng ấy chưa cho biết mình chở thuyền cho ai.
- Đảng ấy muốn biết à?
- Còn sao nữa!
- Vậy thì nói nhé!
- Cho chính đảng ấy đấy
- Sao... mà sao lại... con thuyền...
- Nó thuộc quyền sở hữu của đảng ấy đấy.

Chuyện đâu đột ngột đến thế các con ơi!

Như có cái gì thộp mạnh vào giữa ngực ấy. May mà ông thầu khoán vốn là con người thông minh đã có ý đặt một chiếc ghế dài trên cầu.

Luvô vô cùng bàng hoàng ngồi phịch xuống.

"Sao lại thế được... ai nào dám nhận..."

Nhưng Môgiăng đã giải đáp hết:

"Nào tính xem?

Đằng ấy quên mất những khoản mà đằng ấy đã chi phí để nuôi Víchto rồi sao.

Hằng yên tâm Frăngxoa, mình còn mắc nợ đằng ấy nhiều hơn nữa kia.

Và thế là hai người bạn ôm chầm lấy nhau như hai anh em ruột thịt.

Lần này thì như thế đấy, họ đã khóc.

Hắn là Mônggiăng đã thu xếp đầu vào đó cả rồi để làm cho sự bất ngờ càng trọn vẹn, bởi vì trong khi hai người ôm nhau trong cầu tàu thì ông mục sư từ trong rừng đi ra, cò phan phật bay trước gió và một phường nhạc dẫn đầu.

Lại còn gì nữa kia?

Lễ cầu phúc cho con thuyền ấy mà, thật chu tất quá đi thôi!

Cả Clamosi cùng kéo nhau ra dự hội.

Và cờ bay lồng lộng.

Và nhạc nổi lên.

Dinh - tùng - dinh!

Và mọi khuôn mặt đều hớn hờ.

Và trùm lên tất cả là ánh sáng mặt trời rạng rỡ làm lấp lánh cây thập tự bạc và những chiếc kèn đồng.

Một đám hội thật tung bừng!

Người ta kéo tấm vải che cây gỗ đuôi thuyền: - Một hàng chữ vàng lấp lánh mang tên một con thuyền hiện ra rõ mồn một trên nền trời xanh.

CÔ GÁI NIVÉCNE MỚI

Hoan hô! chúc mừng cho cô gái *Nivécne mới*! Hãy sống lâu như con thuyền cũ và hưởng tuổi già sau này sung sướng hơn!

Ông mục sư tiến lại gần con thuyền.

Sau lưng ông dàn hát xướng và các nhạc công xếp thành một hàng dọc.

Lá cờ hiệu làm nền.

"*Benedicat Deus...*"

Víchto được cử làm bố nuôi và Clara mẹ nuôi của con thuyền.

Ông mục sư cho hai trẻ đi sát bên ông. Chúng nắm tay nhau người run lên, bẽn lẽn.

Chúng lấp bắp câu được câu chẳng lời thằng bé hầu lễ nhắc chúng trong khi ông mục sư rung rung cây gù, vẩy nước thánh lên người chúng.

"*Benedicát - Deus...*"

Phải chăng đó là một cặp uyên ương trẻ trung đang chịu lễ trước bàn thờ!

Mọi người đều nghĩ như vậy.

Và chắc cả hai cô cậu cũng nghĩ thế vì chẳng dám nhìn nhau và buổi lễ càng kéo dài thì họ càng bối rối.

Lễ kết thúc. Đám đông rút lui và thế là *Cô gái Nivécne* mới đã được ban phúc.

Nhưng không thể để các nhạc công ra về mà không mời họ giải khát.

Và trong khi Luvô rót đầy cốc mời nhạc công thì nháy mắt ra hiệu cho mẹ Luvô, nắm tay người bố nuôi và mẹ nuôi của con thuyền mới rồi quay sang ông mục sư mà rằng:

"Thưa mục sư, buổi lễ đã xong nhưng còn đám cưới thì đến khi nào ạ?"

Víchto và Clara mặt đỏ như mào gà trống.

Mimil và em gái bé vỗ tay reo.

Và giữa quang cảnh chung tung bùng náo nhiệt ấy, ông bố Luvô bốc lên mạnh, cúi xuống sát vai con gái.

Người chủ thuyền chính trực, dửng cảm ấy cười toác miệng đến mang tai và thích thú về câu nói bông đùa của mình sắp nói ra, bác bảo con, giọng trêu chọc:

"Hãy nói đi nào, Clara, đã đến lúc rồi đấy... Nếu trước kia tao và bu mày đem Víchto trả lại ông cảm thì sao nhỉ?"

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	5
Thư gửi từ cối xay gió của tôi	13
Dọn đến nhà mới.....	13
Bí mật của bác cả Coócni bị khám phá.....	18
Con dê của ông Xơganh.....	27
Giờ phút cuối cùng của con tàu Xêmiăng.....	36
Cây đèn biển Xăngghine.....	46
Cô nàng tỉnh ác lơ.....	55
Những vì sao.....	62
Con la cái của giáo hoàng.....	72
Nhân viên nhà đoan	88
Cha xứ địa phận Cucunhăng	95
Hai ông bà già.....	105
Ca khúc bằng văn xuôi.....	117
Chuyện người có bộ óc vàng.....	128
Thi sĩ Mixtran	134

Ba tiểu lễ	145
Rượu bỏ của đức cha Gôse	158
Giácgiai lọt vào Nhà Trời	172
Nhớ doanh trại	180
Trên đảo Camác	184
Thư gửi những người vắng mặt	201
Đầu tháng	201
Các bà mẹ	208
Dân binh	217
Nông dân Pari	223
Đứa trẻ gián điệp	229
Cuộc vây hãm Béclin	246
Truyện kể ngày thứ hai	267
Ván bia - a	267
Giấc mơ của viên thẩm phán tỉnh Cölmar	274
Buổi học cuối cùng	280
Người cầm cờ	287
Chuyện người nhận huân chương 15 tháng tám	295
Chuyến phà ngang	305
Với ba trăm nghìn Frãng mà ông	312
Giracđanh đã hứa giúp tôi	312
Món súp phó mát	317

Tác phẩm cuối cùng.....	321
Nhà muốn bán.....	327
Đức Giáo hoàng chết rồi.....	334
Người đẹp Nivécne.....	340

A.DAUDET

NHỮNG VÌ SAO

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà nội

Tel. & Fax: 8222135

E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN PHAN HÁCH

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM SÔNG HỒNG

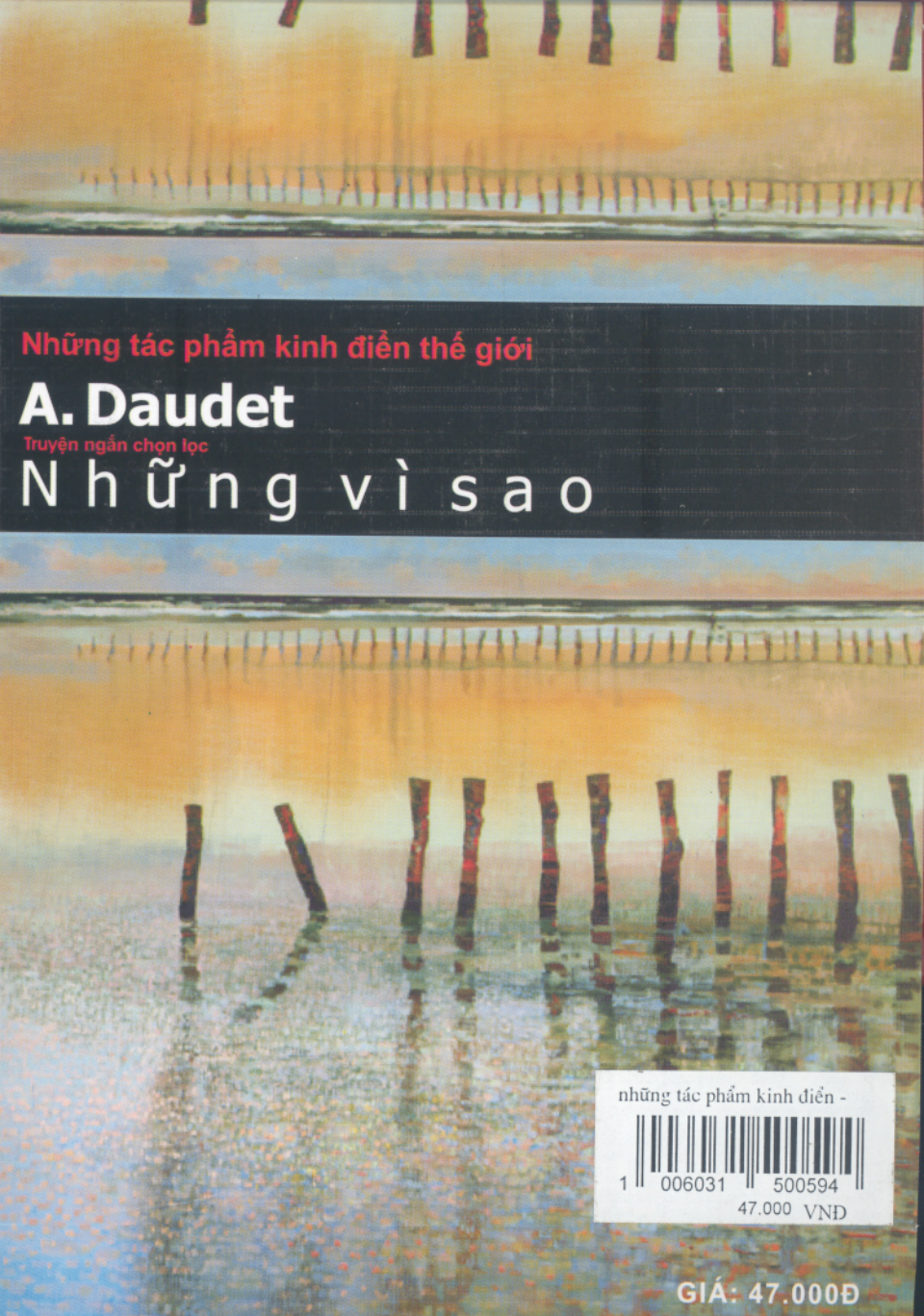
Biên tập: Phòng VHNN

Vẽ bìa: Thảo Mi

Sửa bản in: Hải Đăng

In 600 cuốn, khổ 13x 19 tại Công ty in Việt Hưng (Chi nhánh Hà nội)

Giấy đăng ký KHXB bản số: 144-2005/CXB/74-85/HNV.
In xong và nộp lưu chiểu Quý I/2006

An impressionistic painting of a pier with several wooden posts extending into a body of water. The sky is a mix of warm orange and cool blue tones, suggesting a sunset or sunrise. The water reflects the colors of the sky and the posts. The style is loose and textured, with visible brushstrokes.

Những tác phẩm kinh điển thế giới

A. Daudet

Truyện ngắn chọn lọc

Những vì sao

những tác phẩm kinh điển -



1 006031 500594

47.000 VND

GIÁ: 47.000Đ